

THÍCH NHƯ ĐIỂN

BÀN VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA
TÔN GIÁO,
GIÁO DỤC
VÀ
VĂN HÓA



**BÀN VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA
TÔN GIÁO, GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA**

THÍCH NHƯ ĐIỂN

BÀN VỀ
MỐI LIÊN HỆ GIỮA
TÔN GIÁO, GIÁO DỤC
VÀ VĂN HÓA



VIÊN GIÁC TÙNG THƯ

2023

BẢN VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA
TÔN GIÁO, GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA

Tác giả: Thích Như Điển

Biên tập: Nguyễn Đạo

Sửa bản in: Thanh Phi, Phù Vân

Bìa: Đình Khải

Layout: Nhuận Pháp

Viên Giác Tùng Thư

Ấn hành lần thứ nhất, 2023

ISBN: 978-1-0881-6992-6

MỤC LỤC

Lời vào sách.....	9
Chương I: Thế nào là tôn giáo?	19
Chương II: Thế nào là giáo dục?	41
Chương III: Thế nào là văn hóa?	79
Lời kết.....	105
Phụ lục 1: Tóm lược nội dung của 71 tác phẩm đã được xuất bản từ năm 1974 đến năm 2023	135
1. Truyện cổ Việt Nam tập 1 và 2	137
2. Giọt mưa đầu hạ.....	138
3. Ngõ Ngàng.....	140
4. Lịch sử Phật giáo Việt Nam Hải ngoại trước và sau năm 1975.....	141
5. Cuộc đời người Tăng sĩ.....	143
6. Lễ nhạc Phật giáo.....	146
7. Tình đời nghĩa đạo.....	149
8. Tìm hiểu giáo lý Phật giáo.....	151
9. Đời sống tinh thần của Phật tử Việt Nam tại ngoại quốc	154
10. Đường không biên giới.....	161

11. Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức.....	163
12. Lòng Từ Đức Phật.....	165
13. Nghiên cứu giáo đoàn Phật giáo thời nguyên thủy I, II, III.....	168
14. Tường thuật về Đại hội Tăng Già Phật giáo thế giới kỳ 5 khóa 1.....	172
15. Giữa chốn cung vàng.....	176
16 + 17. Chùa Viên Giác và Pagode Vien Giac	179
18. Vụ án một người tu.....	183
19. Chùa Quan Âm (Canada).....	186
20. Phật giáo và con người.....	189
21. Khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ thứ 9.....	193
22. Theo dấu chân xưa.....	198
23. Sống và Chết theo quan niệm của Phật giáo.....	202
24. Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14.....	206
25. Vọng Cố Nhân Lầu.....	210
26. Có và Không.....	214
27. Kinh Đại Bi.....	217
28. Phật thuyết hành phương tiện cảnh giới thần thông biến hóa.....	222
29. Bhutan có gì lạ?.....	225
30. Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì.....	229
31. Cảm tạ nước Đức.....	233
32. Thư Tòa Soạn báo Viên Giác trong 25 năm qua (1979-2004).....	237
33. Bốn Sự Kinh.....	242

34. Những đoản văn viết trong 25 năm qua.....	246
35. Phát Bồ Đề Tâm Kinh Luận.....	248
36. Đại Đường Tây Vực Ký.....	250
37. Làm thế nào để trở thành một người tốt.....	257
38. Dưới cội Bồ Đề.....	259
39 + 40 và 41.....	263
42. Giai nhân và Hòa Thượng.....	268
43. Thiên Lâm Tế Nhật Bản.....	270
44 và 45. Luận về con đường giải thoát	
Luận về bốn chân lý.....	272
46. Tịnh Độ Tông Nhật Bản.....	275
47. Tào Động Tông Nhật Bản.....	278
(48. Phật giáo và Khoa Học).....	281
48. Pháp ngữ.....	282
49. Những mẫu chuyện linh ứng	
của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.....	284
50. Nhật Liên Tông Nhật Bản.....	287
51. Chân Ngôn Tông Nhật Bản.....	290
52. Chết an lạc Tái sanh hoan hỷ.....	292
53. Chuyện tình Liên Hoa Hòa Thượng.....	295
54. Tư Tưởng Tịnh Độ Tông.....	299
55. Những bản văn căn bản	
của Tịnh Độ Tông Nhật Bản.....	304
56. Dưới bóng đa chùa Viên Giác.....	307
57. Hương lúa chùa quê.....	311
58. Pháp Hoa Văn Cú.....	315
59. Hiện tượng của Tử Sinh.....	320

60. Nhật Bản trong lòng tôi.....	323
61. Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát (dịch).....	327
62. Nước Úc trong tâm tôi.....	327
63. Nước Mỹ bao lần đi bao lần đến.....	331
64. Thiên quán về sống và chết.....	335
65. Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa.....	337
66. Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu.....	342
67. Vua là Phật, Phật là Vua.....	344
68. Tư tưởng Phật giáo trong thi ca Nguyễn Du.....	346
69. Tôi đọc Đại Tạng Kinh.....	348
70. Sống với “Thán Di Sao” của Ngài Thân Loan.....	352
71. Bàn về mối liên hệ giữa	
Văn Hóa, Giáo Dục và Tôn giáo.....	354
Phụ lục 2: Một số tư liệu và hình ảnh tiêu biểu.....	357
1. Lễ Trao Tặng Huân Chương	
Quốc Gia Danh Dự Hạng Nhất của CHLB Đức	359
Hình chụp Huân chương.....	359
Trích Lời Chào Mừng của Ông Onay,	
Thị trường Thành phố Hannover.....	361
Trích Đáp Từ của Hòa Thượng Thích Như Điển.....	364
2. Lễ Niệm Tứ Trọng Ân 12.12.2021.....	366
Thư mời và Chương trình.....	366
<i>Thuyết trình 1: Niệm Ân</i>	367
<i>Thuyết trình 2: Quê hương giữa Hôm qua và Ngày mai</i>	376
Lời Chúc mừng của Môn phái Lâm Tế Chúc Thánh.....	382

LỜI VÀO SÁCH

Hôm nay ngày 24 tháng 10 năm 2022, nhằm ngày 29 tháng 9 âm lịch năm Nhâm Dần, tôi bắt đầu đặt bút xuống viết quyển sách thứ 2 trong năm nầy và là quyển thứ 71 kể từ năm 1974 đến nay ($2022-1974=48$ năm). Sau khi dùng điểm tâm, tôi chống dù đi bách bộ lên Phật đài Thích Ca trên đồi của Thiền Lâm Pháp Bảo, nằm tại vùng Wallacia cách Chùa Pháp Bảo chừng 40 phút lái xe. Đây là cơ sở hóa thân của Đa Bảo tại Campbelltown và Litego thuộc vùng Blue Mountains, Úc Đại Lợi. Khi cúi đầu xá Phật tôi linh tính rằng hôm nay mình sẽ gặp được con Đại Thử (Kangaroo = Chuột túi), mà quả thật như vậy, khi ngược đầu lên tôi nhìn thấy 2 con Kangaroo đang nhìn tôi từ phía sau của tôn tượng huyền thoại nầy. Bởi lẽ tôn tượng cao 8m nặng gần 180 tấn, được tạc từ khối đá Mable trắng muốt bên Việt Nam, rồi chuyên chở qua đến cảng Sydney và được xây dựng

thành Phật đài trang nghiêm như thế này. Quả là một công trình có một không hai tại xứ Úc trong thời hiện tại.

Trong mùa hè năm nay, nhân mùa An Cư Kiết Hạ tại Tổ Đình Viên Giác, Hannover Đức Quốc, tôi đã hoàn thành dịch phẩm thứ 70 nhan đề là “Sống Với Thán Dị Sao”, dịch từ tiếng Nhật sang Việt ngữ, khoảng 370 trang đánh máy khổ A5. Tác phẩm này tôi tự đánh máy chứ không viết tay như mọi khi, nên quý Thầy lấy làm tiếc. Bởi vì như vậy sẽ mất đi một tác phẩm chỉ có một bản hiện hữu duy nhất, không có bản thứ 2, bởi giá trị của sự viết tay để lại cho đời. Tôi thấy ý kiến đó hay, nên tác phẩm thứ 71 này tôi bắt đầu chấp bút viết tay trở lại.

Năm nay cũng là một năm đặc biệt, vì lẽ sau hơn 2 năm đại dịch Corona 19 hoành hành đây đó, có cả 5 đến 7 triệu người chết và người nhiễm bệnh thì vô số kể, trong số người này có tôi. Tôi đã bị Omicron hoành hành trong 10 ngày của đầu tháng 2 năm 2022, mặc dầu đã chích ngừa đến mũi thứ 3 rồi. Thế mới biết cái già, cái bệnh và cái chết nó không chờ đợi ai cả, như có lần Đức Phật đã dạy cho chúng đệ tử của mình như thế về sanh, lão, bệnh, tử, về Tam pháp ấn như: vô thường, khổ và vô ngã. Ai đó có bị bệnh rồi, mới có thể hiểu cho nỗi khổ của người bệnh trong một kiếp nhân sinh ngắn ngủi này. Ai trong chúng ta, rồi vào một ngày nào đó cũng phải ra đi, từ già cỗi trần này để trở về với cảnh giới an nhiên tự tại. Nhưng đi như thế nào, thì cũng phải tùy theo nhân duyên, nghiệp lực của từng người đã gây tạo từ nhiều kiếp về trước.

Suốt 2 năm qua vì đại dịch Covid, Tu Viện Quảng Đức tại Melbourne, Úc Châu đã không thể tổ chức được ngày lễ Hiệp Kỳ Lịch đại chư vị Tổ Sư và Về Nguồn kỳ thứ 12, cũng như Mừng Chu

Niên Tu Viện Quảng Đức 30 năm vào năm 2020, như đã dự định. Cho đến năm nay (2022) khi dịch bệnh đã bớt đi nhiều rồi, các đường bay quốc tế đã hoạt động trở lại, nên Hòa Thượng Thích Tâm Phương và Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng đã quyết định tổ chức những ngày lễ trọng đại này từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 10 năm 2022, và đây chính là lý do tôi có mặt tại Melbourne, Úc Châu để tham dự những buổi lễ quan trọng này.

Sau lễ, tôi đã bay đi Adelaide, đến Tổ Đình Pháp Hoa do cố Hòa Thượng Thích Như Huệ khai sơn để thăm viếng và đánh lễ Bảo tháp của Ngài tại đó. Năm 2016 lúc Ngài viên tịch, tôi đã có mặt để tiễn đưa Ngài. Và năm nay sau 6 năm mới trở lại đây, cảnh cũ người xưa bây giờ đã thay đổi cũng khá nhiều, Thượng Tọa Thích Viên Trí, Trụ Trì chùa Pháp Hoa đã mời tôi giảng một thời pháp vào tối thứ Hai, ngày 17 tháng 10 năm 2022, có độ 50 Phật tử về chùa nghe pháp, mặc dầu hôm đó là ngày đi làm trong tuần. Đề tài hôm đó tôi nói về “Ôn cố tri tân” và Đạo Hữu Huệ Hương có tường trình lại buổi pháp thoại này trên trang nhà quangduc.com.

Ngày 19.10.2022 tôi bay về Sydney, và mấy ngày liên tục lo đón tiếp quý Thầy, Cô các nơi như: Nhật Bản, Pháp, Canada, Hoa Kỳ ghé thăm Chùa Pháp Bảo và Thiên Lâm Pháp Bảo cũng như đi thăm viếng vài chùa tại Sydney, nên hôm nay ngày 24.10 mới bắt đầu vào việc của tôi. Đây là lý do vậy. Khi còn ở Đức, tôi đã dự định khi qua đây còn hơn một tháng (cho đến cuối tháng 11.2022) sẽ viết một quyển tiểu thuyết về Phật giáo; nhưng khi đến đây rồi, do Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi thường giới thiệu với quý Thầy, Cô và Phật tử các khóa tu là năm 2021 vừa qua tôi đã nhận được giải thưởng “Công dân số 1” của Tổng Thống Cộng Hòa Liên Bang Đức trao tặng vào tháng 8 năm

2021 về các lãnh vực Văn hóa, Giáo dục và Tôn giáo. Nền từ ý niệm này tôi đã thay đổi tư duy và đề tài chính thức của quyển sách thứ 71 này sẽ là “Bàn về mối liên hệ giữa Văn hóa, Giáo dục và Tôn giáo”. Tôi thấy đề tài như vậy tạm ổn, nên hôm nay khởi sự cho một công việc như thường lệ của mình trong suốt bao nhiêu năm trước đây là phiên dịch, viết lách và giảng pháp. Hy vọng với tác phẩm này, quý độc giả xa gần sẽ hiểu thêm được công việc của chúng tôi đã làm lâu nay tại xứ người trong hơn 50 năm như thế (1972 – 2022). Đây là một công trình, một sự đóng góp cho việc giữ gìn cũng như phát triển về văn hóa, giáo dục và tôn giáo của người Việt Nam tại đất khách quê người.

Mùa hè năm 2011 cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Trụ Trì chùa Khánh Anh tại Pháp và tôi đã hân hạnh nhận được một giải thưởng danh dự của Hội Đồng Tăng Già Tích Lan, cùng với Chính phủ đã trao tặng Quạt Pháp Sư và giấy chứng nhận người đã có công mang ánh sáng Phật Pháp đến với Âu và Mỹ châu, do chính Đức Tăng Thống và Thủ Tướng cũng như Tổng Thống Tích Lan đương nhiệm lúc bấy giờ trao tặng. Đây là một vinh dự của những Tăng sĩ Việt Nam đang hành đạo tại ngoại quốc lúc bấy giờ và thành quả này sở dĩ có được là do Hòa Thượng Tiến Sĩ Seelawansa người Tích Lan, đang dạy tại Đại Học Áo Wien giới thiệu. Để có được một phần thưởng cao quý như vậy, người lãnh giải thưởng phải thể hiện khả năng hiện có của mình và hoạt động trong một thời gian khá lâu, qua những thành quả đã được kiểm chứng của người giới thiệu, sau đó ngày lãnh giải chỉ là những kết quả của những công trình điều tra cũng như nghiên cứu mà thôi.

“Bundesverdienstskreuz 1. Klasse” nếu dịch cho đúng từng chữ thì có nghĩa là: “Huân chương Công trạng Thập tự hạng nhất”.

Bên dưới ghi rõ phong tặng cho người tên Thích Như Điển, có công về các lãnh vực như văn hóa, giáo dục và tôn giáo. Đây là thành quả của hơn nửa thế kỷ tôi có mặt tại ngoại quốc (1972–2022) với việc đóng góp cho Đạo cũng như cho đời ở những lãnh vực trên.

Mỗi ngày trên vùng đồi núi này như thường lệ, tôi thức dậy trước 5 giờ sáng, sau đó làm vệ sinh cá nhân và ngồi thiền; đến 7 giờ xuống trai đường, cùng dùng sáng với Hòa Thượng Bảo Lạc, sau khi dùng xong có nhiều câu chuyện Phật sự trao đổi với nhau về chuyện năm châu bốn bể hay chuyện nội tự v.v... Anh tôi xuất gia từ năm 1957 và tôi năm 1964; kể ra người trên 65 năm, người gần 60 năm ở chùa nên ít có cơ hội ở gần nhau; nhất là ở tuổi già 81 và 74 như anh em chúng tôi. Nên được ở gần nhau quá là một phúc lạc vô biên của gia đình và dòng tộc cũng như môn phong pháp phái, do vậy chúng tôi trân quý những giây phút như thế này lắm. Sau khi dùng sáng, mỗi ngày tôi đều đi bách bộ lên Chánh điện và Thích Ca Phật đài. Đứng trên đồi này để thấy núi đồi hùng vĩ và giang sơn cẩm tú, để chiêm nghiệm sự thăng trầm của nhân thế bấy lâu nay. Từ trên Thích Ca Phật Đài nhìn xuống sẽ thấy 4 trụ đá A Dục được tạc bằng đá cẩm thạch và kề cận đó là một Chánh điện hai mái màu xanh, bên trong có thể dung chứa đến 400 hay 500 người. Một Chánh điện thông thoáng và hiện đại. Ở chính giữa tôn trí một tôn tượng độc nhất là Đức Giáo Chủ Bốn Sư Thích Ca, và như thế tất cả hội chúng đều chỉ hướng về một biểu tượng duy nhất này lúc lễ bái, hay tu tập khi có những khóa lễ tại đây.

Bước xuống mấy chục bậc thang cấp, chúng ta sẽ ngắm nhìn được toàn cảnh của Thiên Lâm Pháp Bảo qua những nóc nhà san

sát bên nhau mới được xây dựng từ năm 2021 đến nay gồm: các nhà khách, phòng Trụ trì, trai đường, thiền phòng, nhà trù, nhà vệ sinh công cộng v.v... Nơi đây bình thường có thể ở lại tu tập từ 50 đến 100 người thoải mái, có đầy đủ tiện nghi về chỗ ăn, chỗ nghỉ lại qua đêm trong nhiều ngày; nhưng nếu có khóa tu 400 hay 500 người thì phải dựng thêm lều bên ngoài cũng là điều khả dĩ có thể thực hiện được.

Sau khi đi dạo chung quanh khuôn viên Thiền Lâm Pháp Bảo, tôi về lại phòng bắt đầu viết sách như thường lệ. Viết độ 1 tiếng đồng hồ thì đứng dậy thư giãn, đi ra ngoài phòng hít thở không khí thiên nhiên độ 15 phút. Kế tiếp những trang giấy trắng cứ lần lượt được phủ kín bởi nét chữ không mấy đẹp của tôi, cho đến gần 12 giờ trưa. Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi lại dùng cơm trưa chung với nhau và cũng giống như buổi sáng; nghĩa là có việc gì cần nói thì nói tiếp trong khi uống trà, sau đó về phòng riêng nghỉ ngơi cho đến 14 giờ; và bắt đầu từ 14:30 đến 17:00 là giờ tập trung viết sách của tôi trong ngày. Vào lúc 17:30 là giờ dùng tối của riêng tôi tại phòng. Nghỉ ngơi bằng cách đi dạo ra sân trước để ngắm hoa Anh đào. Ở Úc hiện tại (tháng 10) đang là mùa xuân, mùa hoa Anh đào nở, trong khi đó thì ở Âu, Á và Mỹ châu thuộc về mùa đông lạnh giá. Hoa Anh đào ở Nam Bán Cầu nở không đẹp bằng hoa Anh đào tại Nhật Bản, nhưng dầu sao đi nữa, những cảnh hoa này đã gợi nhớ trong tôi đã có một thời ngắm hoa như thế tại xứ mặt trời mọc, trong những năm tháng còn là sinh viên Tăng du học tại xứ Phù Tang này. Sau một hồi trở lại phòng, làm vệ sinh cá nhân và bắt đầu vào thời tụng Kinh Kim Cang từ 20 đến 21:00 hằng đêm như vậy.

Tôi đã tụng kinh này trong 10 mùa tịnh tu nhập thất tại Campbelltown và Blue Mountains, từ năm 2003 đến 2012 và mỗi lần ít nhất là 60 đến 70 đêm. Nếu tính chung chắc cũng được 600 đến 700 lần trì tụng Kinh Kim Cang như thế. Năm nay cơ hội có khoảng gần 1 tháng ở tại Thiên Lâm Pháp Bảo, tôi lại tiếp tục việc hành trì này như xưa. Độ 21:30 là tôi đi vào giấc ngủ rất an bình, nhưng vì tuổi già nên giữa khuya cũng phải thức giấc vài lần để chiều theo cơ thể của người ở tuổi U80 như tôi.

Cụ Nguyễn Du một Đại Thần thời Vua Gia Long thống nhất sơn hà (từ năm 1802 – 1820) đã có 3 năm làm nhà Sư Chí Hiên sang Trung Quốc để lánh nạn Tây Sơn (1789 - 1792), Ông ở tại Chùa Hồ Pháo ở Hàn Châu, và chính trong thời gian này ông đã có trong tay bản “Thanh Tâm tài tử truyện” hay “Đoạn Trường Tân Thanh”. Và chính nhờ biết ông tụng Kinh Kim Cang 1.000 lần trong 3 năm ấy, nên tôi đoán chắc rằng Kim Vân Kiều Truyện mà chúng ta đang được thưởng ngoạn xưa nay qua 3254 câu, chắc hẳn đã có sự đóng góp tích cực về mặt tư duy về đạo lý cũng như tánh không của bản kinh này, và Nguyễn Du đã thâm nhập được bản thể chơn thật của Kinh Kim Cang, nên mới sáng tác được một tác phẩm bằng chữ Hán Nôm, để lại cho dân tộc Việt Nam một gia tài văn thơ bất hủ như vậy.

Ngã độc Kim Cang thiên biến linh

Kỳ trung áo chỉ đa bất minh

*Cập đảo phân kinh thạch đài hạ*¹

¹ Phân kinh thạch đài là nơi những tấm bia đá được khắc những bài kinh lên đó do Lương Chiêu Minh Thái Tử, con của Vua Lương Võ Đế chủ trương.

Chung tri vô tự thị chơn kinh.

Đây là 4 câu kết của một bài thơ chữ Hán thật dài, sau khi cụ Nguyễn Du đã đến nơi phân kinh thạch đài. Xin tạm dịch ra Việt ngữ như sau:

Ta đọc Kim Cang hơn ngàn biển

Đa phần nghĩa chính chẳng rõ biết

Nay đến đài đá viết kinh kia

Mới biết chơn kinh là không chữ.

Nhờ kinh không chữ ấy mà cụ Nguyễn Du sau khi về nước đã viết nên một tác phẩm văn chương vô tiền khoáng hậu của lịch sử thi ca Việt Nam. Còn tôi một nhà tu đã gần 60 năm tương chao đạm bạc nơi cửa thiền đã và sẽ làm được gì với gần 1.000 bài Kinh Kim Cang đã trì tụng được trong những tháng ngày trên núi đồi Đa Bảo và Thiên Lâm Pháp Bảo này? Câu trả lời sẽ để lại về sau khi “cái quan luận sự”; nghĩa là khi nắp quan tài đặt lại rồi, nói chuyện phải không cũng chưa phải là điều muộn lắm.

Ân Quốc gia xã hội, ân Cha mẹ, Thầy Tổ, ân Đàn na tín thí lớn lắm, tôi chưa đền ơn đáp nghĩa được ít nhiều, nay lại chỉ cầm được bút để viết vài dòng trong vài quyển sách để lưu lại dấu vết của ngày xưa, nhằm cống hiến cho người đi sau một vài sự hiểu biết ít nhiều về một con người, một thế giới, một thời gian đã trôi qua như vậy. Trong khi ở đây một tháng để hoàn thành tác phẩm này thì Đạo Hữu Diệu Huyền nay đã 84 tuổi và Đạo Hữu Tâm Huệ phát tâm lo cơm nước hằng ngày cho hai Thầy một cách chu đáo như vậy; chẳng biết nói lời nào để tạ ân hai Đạo hữu cho đủ. Khâu đánh máy sẽ do Chú Sanh gần 90 tuổi thực hiện và sau khi

đánh máy xong cô Thanh Phi giúp cho phần đọc lại, sửa những lỗi chính tả cần sửa và cuối cùng sẽ nhờ quý anh em đưa lên Amazon cho độc giả đặt sách về đọc. Chỉ ngân ấy công việc, ngân ấy công đoạn thôi, quý độc giả cũng sẽ thấy được sự hình thành một tác phẩm không phải chỉ một ngày mà có được, mà thành phẩm này là do tất cả nhiều bàn tay đóng góp vào, mới có thể tạo nên được như vậy. Phần tôi chỉ biết chấp hai tay lại để niệm ân tất cả mọi người và mọi điều kiện có được chung quanh để tác phẩm này sẽ góp được một phần nhỏ nào trong sự hiện hữu của nó vào một giai đoạn lịch sử của người Việt Nam đang ở cách xa quê Mẹ Việt Nam trong muôn trùng nỗi nhớ thương như thế.

*Viết xong lời tựa này vào ngày 24 tháng 10 năm 2022
nhằm ngày 29 tháng 9 âm lịch năm Nhâm Dần
tại Thiên Lâm Pháp Bảo, Úc Châu.*

CHƯƠNG I:

THẾ NÀO LÀ TÔN GIÁO?

Tôn giáo là gì?

Đây là một câu hỏi mà tất cả những người có tôn giáo cần nên hiểu rõ. Cách định nghĩa thứ nhất gọi tôn giáo (religion) là giáo lý của một tôn phái, lấy sự thờ kính một vị thần làm chủ đích (*Theo Tác giả Thanh Nghị - Việt Nam Tân tự điển do nhà sách Khai Trí Sài Gòn xuất bản*). Một định nghĩa khác, định nghĩa tôn giáo là: Đạo, đường lối tu hành, tin tưởng, lấy một hay nhiều vị Thần làm chủ, với một giáo lý vững chắc, với một tổ chức chặt chẽ, luôn luôn khuyến tín đồ làm lành lánh dữ để mau tới cõi siêu thoát (*Theo Tác giả Lê văn Đức cùng một nhóm văn hữu soạn - Lê Ngọc Trụ hiệu đính. Việt Nam Tự điển quyển hạ M - X nhà sách Khai Trí xuất bản*). Trên đây là 2 cách định nghĩa về tôn giáo theo những

tự điển ngày xưa. Bây giờ chúng ta có thể đi vào từng chi tiết một về những từ ngữ này và cuối cùng định nghĩa về tôn giáo dưới cái nhìn của người xuất gia như tôi.

Theo định nghĩa thứ nhất ở trên gọi tôn giáo là giáo lý của một tôn phái, lấy sự thờ kính một vị Thần làm chủ đích. Nửa phần đầu của câu này không sai, vì mỗi tôn giáo đều có một giáo lý riêng, nhưng về thứ hai bảo rằng: lấy sự thờ kính một vị Thần làm chủ đích thì không phải là của Phật giáo rồi. Vì Phật Giáo không có một vị Thần nào làm giáo chủ cả. Ngay như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không phải là một vị Thần, mà Đức Phật thường hay nói rằng: “Ta chỉ là một đạo sư”. Có nghĩa là một người dẫn đường chỉ lối cho mọi người đi theo. Nếu ai đi đúng đường sẽ tiến tới quả vị giải thoát nhanh chóng, nếu ai đi sai, cần phải đi vòng quanh hay sẽ vào những ngõ rẽ khác, thì đó không phải là lỗi của người dẫn đường. Như vậy Đạo Phật có chấp nhận sự hiện hữu của Thần linh không? Xin trả lời là có, nhưng Đạo Phật phải hiểu là một đạo vô thân ở đây không có nghĩa là không tin vào một vị Thần độc tôn duy nhất. Nếu nói chính xác thì Đạo Phật là đạo siêu thân, vượt lên trên hết tất cả những vị Thần có khả năng ban ơn giáng họa, như trong Kinh Pháp Hoa có đề cập đến.

Nếu nói về các cõi trong Phật giáo thì được chia ra như sau:

Cõi dục có 16 loài chúng sanh đang tồn tại. Đó là: Trời, Người, A Tu La, Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Nam Thiệm Bộ châu, Bắc Cu Lô châu, Đông Thắng Thần châu và Tây Ngưu hóa châu. Cõi Tứ Thiên Vương, Dạ Ma, Đạo Lợi, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự tại thiên.

Cõi sắc có 5 loài chúng sanh. Đó là: cõi sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên và cõi Ngũ Tịnh cư.

Cõi vô sắc có 4 loài chúng sanh đang ở đó là: không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy có tất cả là 25 loài chúng sanh trong 3 cõi. Chủ của những cõi này là vua Trời Đế Thích. Theo định nghĩa của Phật giáo thì ngay cả các vị Trời, khi hưởng hết phước báu tại đó, nếu tái sanh, nhiều khi có thể trở lại làm người, hoặc đôi khi còn thấp hơn loài người nữa. Chỉ có ai tu và siêu thoát ra khỏi 3 cõi này được, mới gọi người ấy là giải thoát sanh tử luân hồi.

Định nghĩa khác, gọi tôn giáo là Đạo. Đạo ở đây có nghĩa là con đường, là bốn phận, là lý tánh tuyệt đối. Con đường có thể dẫn tín đồ đến một nơi cao cả hơn cõi phàm tình này. Đạo là bốn phận như: Đạo làm con đối với ông bà cha mẹ, đạo là bốn phận đối với chồng, với vợ, với gia đình, với xã hội và đạo là lý tánh tuyệt đối; có nghĩa là đạo ấy lia sự nói năng suy nghĩ như Lão Tử hay đề cập đến là “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”. (*Đạo mà có thể nói được thì đạo ấy không phải là đạo phi thường. Tên mà còn gọi tên được thì đó không phải là tên phi thường*). Còn Đạo như Đạo Phật có nghĩa là đạo giải thoát, đạo giúp cho chúng ta thoát ly khỏi sanh tử luân hồi.

Đường lối tu hành, sự tin tưởng v.v... chính là phương pháp và tín lý của một tôn giáo. Nếu một tôn giáo mà không có chủ trương rõ ràng do vị Giáo chủ sáng lập thì tín đồ cũng không thể nương tựa vào đâu để tu học và nhất là niềm tin đối với tôn giáo đó. Nhiều tôn giáo lấy niềm tin vào một đấng Giáo chủ, một vị sáng chế để tin vào và thực hành lời dạy của các vị giáo chủ đó.

Nhưng riêng Phật giáo thì đến để hiểu, chứ không phải đến để tin. Do vậy Đức Phật thường dạy cho tất cả chúng ta rằng: “Tin ta mà không hiểu ta, tức hủy báng ta”. Nếu suy ra từ câu nói này thì có thể rõ biết. Đạo Phật là một tôn giáo như thế nào rồi. Ở một nơi khác Đức Phật cũng bảo rằng: “Ai hiểu được Pháp, người đó sẽ hiểu được Phật và ai hiểu được Phật, người ấy sẽ hiểu được Pháp”. Vậy đến với Đạo Phật là phải hiểu lời Phật dạy trước, sau đó mới tin. Chứ không phải tin trước và hiểu sau như nhiều tôn giáo khác.

Tác giả Johnhannes Lehmann là một vị Mục Sư. Ông ta có viết trong quyển: “Buddha und seine Lehre” (*Đức Phật và Phật Pháp*) rằng: “Thay vì người ta phải chịu khổ để bị đóng đinh trên Thập Tự giá như Chúa Jesus Chris. Thay vì người ta phải khổ hạnh và thiên định như Phật Thích Ca Mâu Ni thì người ta hãy tin vào những sự mầu nhiệm của Đức Chúa và sự giác ngộ của Đức Phật”. Nhận xét của vị Mục Sư này không sai mấy với tình hình tin Phật bây giờ của đa số Phật tử. Ai cũng biết rằng Đức Phật không phải là một vị Thần, nhưng cũng có rất nhiều người đến với Ngài để cầu xin, giống như là một vị Thần Linh không khác.

Nhiều tôn giáo khác như Ấn Độ giáo ngoài vị Thần Visnus là chính của tôn giáo này. Tín đồ của Ấn Độ giáo còn tin vào những vị Thần linh khác nữa, mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni họ cũng thờ chung với những vị Thần của Ấn Độ giáo. Có lẽ vì họ tin rằng Đức Phật là người Ấn Độ, nên họ vẫn thờ Đức Phật như một vị thần linh chẳng?

Với một tổ chức chặt chẽ, với một giáo lý vững chắc, luôn luôn khuyến tín đồ làm lành lánh dữ để mau tới cõi siêu thoát. Đây chính là mục đích của các tôn giáo vậy.

Thế nào là một giáo lý vững chắc? Dĩ nhiên là giáo lý ấy phải hợp với tri thức và đức tin của mọi người. Giáo lý ấy phải được nói ra bởi đấng Giáo chủ ấy và tôn giáo đó phải có đủ 2 thành phần là người hướng dẫn và tín đồ. Đây là hai bộ phận quan trọng của một tổ chức. Vì nếu tôn giáo ấy chỉ có tín đồ, mà không có người hướng dẫn, là một thiếu sót lớn, hoặc giả tôn giáo ấy có người hướng dẫn giỏi, mà tín đồ ít ai theo cầu tu, cầu học, cầu giải thoát, thì tôn giáo ấy cũng khó tồn tại lâu dài với thời gian năm tháng được. Đặc biệt ở đây là hầu như tất cả các tôn giáo ra đời trên thế gian này không có tôn giáo nào khuyến khích cho tín đồ của mình làm ác cả, mà luôn luôn khuyến bảo tín đồ làm lành lánh dữ để mau đến được cõi giải thoát.

Riêng cá nhân tôi, xin được định nghĩa về tôn giáo như thế này. Đó là Giáo chủ, Giáo lý và Giáo hội. Trong phạm vi này tôi chú ý chính là viết về Phật giáo cho nên tôi sẽ đi sâu về đạo Phật nhiều hơn các Tôn giáo khác. Ai trong chúng ta cũng biết được rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi thành đạo, Ngài là một Đông cung Thái Tử của xứ Ca Tỳ La Vệ. Ngài sinh ra và lớn lên bình thường như bao người khác. Thịnh thoảng có nhiều điềm lành ứng hiện vì lẽ Tứ Thiên Vương đã có những lời nguyện với Ngài từ nhiều đời nhiều kiếp là luôn luôn trợ duyên cho Thái Tử dẫu ở bất cứ nơi đâu và ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Ví dụ như sự trợ duyên ấy trong các Kinh A Hàm đã tường thuật lại như sau: Sau khi vua Tịnh Phạn biết rằng Thái Tử trước sau cũng sẽ đi xuất gia, theo như lời tiên đoán của Đạo sĩ A Tư Đà lúc Ngài mới sanh ra, nên vua Tịnh Phạn cho đóng chặt 4 cửa thành và luôn cho người canh giữ cẩn thận, cốt không cho Thái Tử vượt thành để đi xuất gia tìm đạo. Vua ra lệnh cho những

người giữ cửa thành biết rằng: Khi những cánh cửa của các Thành Đông, Tây, Nam, Bắc lúc mở cũng như lúc đóng, âm thanh của các cánh cửa phải vang ra rất xa và mọi người sẽ nghe được. Do đó Thái Tử sẽ không tài nào ra khỏi thành. Tuy là vậy, nhưng Tứ Thiên Vương đã biết được ý định của Vua Tịnh Phạn rồi và vào ngày mồng 8 tháng 2 đạo nào, Thái Tử vượt thành tìm đạo, mà cả Vua cha cùng Di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề và cùng hàng trăm cung phi mỹ nữ đã chẳng nghe tiếng ngựa hí, tiếng cổng thành được mở ra, là vì chư thiên đã bịt hết tai của các cung nữ cùng Vua Cha và Di mẫu rồi. Ngay cả các cửa thành Đông Tây Nam Bắc của cung thành Ca Tỳ La Vệ cũng đã được Chư Thiên cản lại âm thanh, nên chẳng ai nghe hay biết gì và khi vượt thành bằng con ngựa Kiến Trắc thì chư Thiên cũng đã chuẩn bị trước là 4 tay của 4 vị Thiên Vương đã nâng gót của ngựa lên, khiến chân ngựa kia không chạm xuống đất và bay như ngựa có cánh, làm cho không có tiếng động, để trong đêm thanh cảnh vắng mà chẳng có một người nào nghe được tiếng chân vọng lại của vó ngựa đường xa. Thế là Thái Tử đã thành công. Tất cả đều do ý chí của Thái Tử cũng như sự trợ giúp của Chư Thiên không phải là ít trong những trường hợp này. Từ đó về sau, suốt cuộc đời của Đức Phật luôn luôn có Chư Thiên hộ trì và các vị Thần lúc nào cũng bảo hộ Ngài.

Đến khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ Đề, sau đó Ngài quán nhân duyên thấy rằng chưa có ai có thể hiểu rõ được giáo lý của Ngài sắp tuyên dương, nên Ngài đã muốn nhập vào cõi Niết Bàn, nhưng nhờ chư Thiên cầu thỉnh Ngài khai mở phương tiện để độ cho hàng đệ tử tại gia cũng như xuất gia. Do đó sau khi thuyết giảng Kinh Hoa Nghiêm, Ngài bắt đầu thành lập Tăng đoàn, và Pháp Tứ Diệu Đế là giáo lý căn bản đã được thuyết giảng đầu tiên

tại Varanasi cho 5 anh em Kiều Trần Như, tiếp đó là những giáo lý của 37 phẩm trợ đạo, mà ngày nay bất kể Phật giáo theo Tông phái nào cũng phải học hỏi như: Nguyên Thủy, Đại Thừa và Kim Cang Thừa cũng đều hành trì. Như vậy nếu không có chư Thiên thừa thỉnh thì Ngài đã nhập vào Vô Dư Y Niết Bàn rồi, làm sao ngày nay chúng ta còn nghe được những lời dạy cao siêu giải thoát đó.

Trong 45 năm thuyết pháp độ sanh của Đức Phật là thời gian dài nhất so với những vị giáo chủ của những tôn giáo khác và sau này những lời dạy ấy được các đệ tử kết tập lại, gọi là Tam Tạng Thánh Điển gồm có Kinh, Luật và Luận.

Nền móng của giáo lý này được Đức Phật dạy bảo và có thể được tóm lược trong câu này: “Nước trong bốn biển chỉ có một hương vị, đó là vị mặn của muối; và toàn bộ giáo lý của ta cũng chỉ có một hương vị là hương vị của sự giải thoát”. Hay nói đúng hơn như Ngài nói rằng: “Tin ta thì phải hiểu ta. Nếu tin ta mà không hiểu ta tức là hủy báng ta”.

Sau khi thành lập Tăng đoàn với 5 anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển và không lâu sau đó Đức Phật đã độ cho Da Xá và kết hợp thêm 59 người bạn của Da Xá nữa, trở thành một Tăng đoàn lớn và nhiều người hơn. Tiếp theo đó Đức Phật khuyên rằng: “Mỗi một Tỳ kheo nên đi về một hướng khác nhau để mang giáo lý Phật Đà đi truyền khắp muôn nơi”. Đây chính là thông điệp và sự giáo huấn của Đức Phật. Khi đi đến đâu Tăng Đoàn ấy cũng được Phật tử tại gia xin quy y và có người muốn gia nhập vào Tăng Đoàn để xuất gia học Đạo. Từ đó Giáo Đoàn của Đức Phật đã có đủ 2 thành phần căn bản là Cư sĩ và Tăng sĩ. Thành phần Cư sĩ có hai. Đó là Cư sĩ nam (Ưu Bà Tắc) và Cư sĩ nữ (Ưu Bà Di).

Người xuất gia được phân biệt làm 7 đơn vị. Đó là: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Sa Di và Sa Di Ni. Có nơi được gọi chung là 2 chúng đệ tử xuất gia và tại gia. Nhiều khi cũng có nơi gọi là 4 chúng. Đó là 2 chúng cư sĩ và 2 chúng xuất gia gồm Tăng và Ni. Ngày xưa gọi đây là Tăng Đoàn và ngày nay được gọi là Giáo Hội. Như vậy một tôn giáo phải đầy đủ 3 yếu tố này. Đó là giáo chủ, giáo lý và giáo hội.

Từ Bồ Đề Đạo Tràng, ánh sáng chân lý ấy đã được lan tỏa đến khắp nơi trên xứ Ấn Độ, rồi lần đầu tiên được truyền qua xứ Tích Lan do Hoàng Tử Mahinda và Công Chúa Sanghamita con của Vua A Dục từ thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, và ánh sáng ấy cứ được truyền đi mãi về hướng Bắc như: Afganistan, Pakistan, Kashmir, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam, Tây Tạng, Bhutan, Mông Cổ v.v... Những thế kỷ về sau này Phật giáo đã lan tỏa khắp Âu Châu, Úc Châu, Mỹ Châu, Canada và ngay cả Phi Châu ngày nay, ánh sáng chân lý này cũng đã được soi rọi đến.

Phật giáo đi đến đâu cũng đều do dân chúng ở đó tự phát, sau khi thâm hiểu giáo lý thì xin quy y Tam Bảo, thọ trì 5 giới cấm của người Phật tử tại gia chứ không bắt buộc, không khống chế, không dụ dỗ để có thêm tín đồ cho tôn giáo của mình. Đây là điểm đặc biệt của Phật giáo mà các tôn giáo khác khó tìm được. Phật giáo hầu như không kê khai chính thức về số tín đồ của mình. Mặc dầu theo định nghĩa một người Phật tử là một người phải quy y Tam Bảo và thọ trì 5 giới cấm của Phật chế. Nhưng để hiểu rõ hơn và chấp nhận một cách rộng rãi hơn đối với những người chưa quy y Tam Bảo và thọ trì 5 giới cấm, nhưng họ đọc kinh Phật, đi chùa, làm việc thiện, đọc sách Phật, ăn chay, làm lành lánh dữ

v.v... những người như vậy có rất nhiều trên thế giới này và ta nên gọi họ là những người có cảm tình với Phật giáo.

Ngay cả việc cưới hỏi, ma chay đạo Phật cũng không bắt buộc vợ hay chồng phải thay đổi đạo để gia nhập vào hàng ngũ Phật tử, mới được cưới nhau, mà tất cả đều được bình đẳng. Nếu cả hai bên đều ưng thuận xây dựng thành vợ chồng thì chư Tăng Ni có thể chứng minh hôn lễ ấy và lễ này được gọi là lễ Hằng Thuận.

Chư Tăng Ni là những người mang giáo pháp của Đức Phật đi từ Đông sang Tây, từ Nam sang Bắc và tại những nơi đó cộng đồng Phật tử đã được hình thành. Họ tự động xây dựng đạo tràng để tu tập, thành lập chùa viện để có nơi lễ bái nguyện cầu và nhất là trong lễ nghi của quan, hôn, tang, tế (*quan là lễ đội mũ hay lễ tốt nghiệp; hôn là lễ cưới hỏi; Tang là ma chay và tế là cúng lễ. Tất cả những lễ nghi này ngày xưa và nay đều được tổ chức tại chùa*) phải được tổ chức nơi cửa Phật.

Người xuất gia bên Phật giáo theo nhiều tông phái khác nhau, nhưng tựu chung chữ Bhikkhu có nghĩa là: khát sĩ, bố ma và phá ác. Khất sĩ là người xin ăn: trên xin pháp môn giải thoát của Tam Bảo để tu học; dưới xin cơm, gạo, đồ ăn, thức uống, đồ mặc, thuốc men, chỗ ở để chi dụng cho cuộc sống hằng ngày. Những Tăng sĩ tại các nước theo Nam Tông Phật giáo như: Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cam Bốt v.v... hằng ngày đi khất thực vào mỗi sáng sớm. Đi đến bất cứ nhà nào trong làng để xin sự bố thí cúng dường của Phật tử không phân biệt giàu nghèo, sang hèn; sau đó về Chùa hay Tịnh Thất dâng cúng một phần khất thực được lên Phật rồi dùng ngọc trai, hành thiền, nghỉ trưa và buổi chiều tu tập tiếp. Bên các nước theo Đại Thừa Phật giáo như: Trung Hoa, Đại

Hàn, Việt Nam, Đài Loan, Tân Gia Ba v.v... hầu như không đi khát thực và chư Tăng Ni tự làm ruộng hay nấu nướng để sinh sống. Phật tử cũng mang đồ tứ sự (thuốc men, y áo đồ ăn và chỗ ở) đến chùa để cúng dường và đa phần chư Tăng Ni của các nước trên đều dùng chay tịnh và không lập gia đình, ngoại trừ Chư Tăng Nhật Bản (*bắt đầu từ thế kỷ thứ 13 trở đi*).

Chư Tăng Ni ở các nước theo Kim Cang Thừa như: Bhutan, Tây Tạng, Mông Cổ v.v... tuy thuộc về Bắc Truyền, nhưng vì ở trên núi cao ít trồng được rau cải, nên họ dùng tam tịnh nhục (*thịt đó mình không nghe tiếng kêu khi con vật bị giết, người nhận không có ý mong cầu để được dùng thịt ấy và việc dâng cúng với ý tự nguyện*) như Chư Tăng ở các xứ Nam Tông Phật giáo. Hầu hết Chư Tăng Ni Nam Truyền hay Bắc Truyền hoặc theo Kim Cang Thừa cũng chỉ nhận phân cúng dường tự nguyện của Phật tử và tuyệt đối không có trả lương hằng tháng.

Trong khi đó, không biết từ bao giờ các vị Hồng Y, các vị Linh Mục bên Thiên Chúa Giáo hay những Mục Sư bên Tin Lành Giáo ở tại nước Đức đều được Giáo Hội trả lương hằng tháng. Về già vào Viện Dưỡng Lão ở có người chăm sóc và quý Linh Mục cũng như quý Mục Sư cũng có nhiệm vụ đóng thuế vào nhà thờ nữa. Không hiểu những nước khác tại Á Châu thì sao? Chứ những vị này ở Âu Châu, đặc biệt ở Đức là như vậy.

Nếu gọi là tiền cúng dường thì bên nhà thờ có lệ như sau: Sau buổi giảng người tín hữu mang một cái rổ đi đến trước mọi người đang tham dự lễ, hoặc họ chuyền tay nhau đến từng chỗ ngồi, để tín đồ bỏ tiền vào đó và số tiền này hình như được chia làm ba phần: một phần cho vị Linh mục hay Mục sư chủ giảng hôm đó;

một phần để lại cho nhà thờ và phần thứ 3 để cho vị phụ trách trông coi nhà thờ thì phải?

Ngoài ra những vị có chức quyền cao như tại Tòa Thánh Vatican thì họ sẽ ăn lương tương đương như các vị Bộ Trưởng ở ngoài thế tục. Cách tổ chức về xã hội và đặc biệt là giáo dục, hai tôn giáo này tổ chức rất bề thế và có thể nói là hơn hẳn Phật giáo rất nhiều. Ví dụ về giáo dục họ có hệ thống học đường từ Vườn trẻ, cho đến Tiểu học, Trung học và Đại học, hậu Đại học.

Về y tế họ tổ chức song song với chính quyền như các trại dưỡng lão, nhà thương, nghĩa địa, bệnh viện v.v... Ở đâu họ cũng có người lãnh đạo tinh thần đứng ra chăm sóc. Từ trường học đến nhà thương, đến nhà tù để tiễn người quá cố về nơi an nghỉ cuối cùng, đều có sự hiện diện của các vị Linh Mục hay Mục Sư sở tại chăm lo một cách chu đáo.

Về xã hội thì ở Đức họ có những cơ sở từ thiện như Diakonische Werk hay Malteserhilfediensnt. Cách tổ chức gần giống như chính quyền và họ có cả ngân hàng tạo ra lãi từ vốn gởi vào và đem tiền lãi này giúp cho những người nghèo khó ở Phi Châu hay những nước Á Châu bị thiên tai như lụt lội, hạn hán v.v...

Phật giáo là một tôn giáo lớn, chúng ta nên điều nghiên việc này và nó chỉ có thể thành tựu trong một đất nước tự do dân chủ như trước năm 1975.

Đạo Phật đã được truyền vào Việt Nam từ những năm ở đầu thế kỷ thứ nhất và mãi đến những năm ở đầu thế kỷ thứ 20 mới có cơ ngơi phát triển về lãnh vực giáo dục, đào tạo. Ví dụ như quý Sư Cô, Ni Sư, Sư Bà thì chăm lo các Ký Nhi Viện (*gửi con em tại*

nhà trẻ của chùa và tối đến cha mẹ đón con về nhà) hay Cô Nhi Viện (*những em không còn cha mẹ thì chùa sẽ nuôi dưỡng*). Lớn nhất thuở bấy giờ từ năm 1964 đến năm 1975 có Cô Nhi Viện Quách Thị Trang ở Sài Gòn do Hòa Thượng Thích Nhật Thiện đảm trách.

Về giáo dục thì có các trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học Bồ Đề, trường Đại học Vạn Hạnh v.v... Cách đào tạo và chương trình được dạy giống như Bộ Quốc Gia Giáo Dục đương thời ấn định.

Về xã hội có trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội do Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh chủ trương. Cách tổ chức này có được đều do chư Tăng Ni và Phật tử học theo cách của các nước Tây Phương và mang về Việt Nam xây dựng nên như vậy, nhưng tiếc thay việc giáo dục như thế tổ chức không được lâu dài mấy.

Bên Thiên Chúa Giáo thì có Đại học Huế, Đại học Đà Lạt và Đại học Minh Đức. Bên Hòa Hảo cũng có Đại học ở miền Tây Việt Nam. Trong một đất nước tự do có nhiều trường lớp được mở ra như vậy thì học sinh, sinh viên được nhờ. Bởi lẽ người học có quyền chọn lựa trường mình muốn học. Điều này cũng giống như việc bán hàng hóa, có nhiều người bán nhiều món thì dĩ nhiên sẽ có sự cạnh tranh nhau và giá cả từ đó sẽ được bình quân và người mua dễ chọn lựa, cái lợi là ở chỗ này. Đồng thời học sinh, sinh viên không phải đi xa để học tập, chỉ cần thi vào các trường Trung học hay Đại học ở các địa phương cũng đỡ phải di chuyển đi xa tốn kém việc cơm nước, gạo tiền và chỗ ở buộc cha mẹ phải đài thọ.

Ở các nước như Nhật Bản và Đại Hàn, Phật giáo được mở nhiều Đại học và hình như Trung học thì do nhà nước quản lý,

nên ít thấy hệ thống trường Trung học ở Nhật giống như hệ thống trường Trung học Bồ Đề của Việt Nam chúng ta vào thời điểm trước năm 1975. Ở Nhật Bản cứ mỗi tông phái như vậy có một đến hai Đại học. Ví dụ như Nhật Liên Tông có Đại học Risso tại Gotanda, Tokyo và Đại học Risso tại Saitamaken. Chơn Ngôn Tông có Đại học ở Kozasan. Thiên Lâm Tế có Đại học Hanazono ở Kyoto. Thiên Tào Động có Đại học Komazawa ở Tokyo. Tịnh Độ Chơn Tông có Đại Học Nishihonganji ở Kyoto v.v... dĩ nhiên sau này Phật giáo Nhật Bản có mở thêm nhiều Đại học nữa và trong khi đó Thiên Chúa giáo ở Nhật Bản thuở tôi còn du học tại đó chỉ có một Đại học Sophia (Thượng Trí) tại Yotsuya mà thôi.

Ở Thái Lan có Đại học Maha Chololongong, ở Bangkok và Chiangmai rất nổi tiếng. Ngoài ra phái Anam Kyaya (Việt Tông) ở Hat Yai cũng có một Đại học nữa.

Tại Ấn Độ có Đại học Nalanda cũ và các Đại học tại Delhi cũng như một vài địa phương lớn ở Ấn Độ đều có phân khoa Phật học.

Tăng sĩ tại Tích Lan, Miến Điện có bằng cấp Cao học, Tiến sĩ Phật giáo không ít. Họ đã tốt nghiệp tại các Đại học Phật giáo tại Columbo và Kandy.

Chư Tăng Tây Tạng học rất nhiều và rất lâu trong các Tu Viện ở Sera, ở Dharamsara hay ở Potala thuở nào. Những học vị như Geshela có nghĩa là tương đương với Tiến sĩ, nhưng riêng phần Trung Quán Luận, Tánh Không và Bát Nhã những vị này phải được đào luyện trong vòng 22 năm như vậy ở bậc Đại học. Ngày xưa chỉ cho chư Tăng học và bây giờ ngay cả chư Ni cũng được tham gia vào những học trình học để được tốt nghiệp ở tước vị Geshe này.

Một điều cũng cần quan tâm ở đây là Tây Tạng mãi cho đến ngày nay, mặc dầu Phật giáo Kim Cang Thừa này phát triển rất mạnh mẽ tại Bhutan, Tây Tạng, Mông Cổ, Kasmir v.v... nhưng chư Ni không được hay nói đúng hơn là chưa được thọ giới Tỳ Kheo Ni. Do vậy những vị Ni Cô người Tây Phương sau khi xuất gia và thọ Sa Di Ni bên hệ thống Phật giáo Tây Tạng, sau 10 năm, 20 năm thường qua bên Phật giáo Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn hay Đài Loan để xin thọ giới này. Ngay cả Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 còn hiện hữu, Ngài cũng không có quyền quyết định cho Ni thọ giới Tỳ Kheo Ni, ở những cuộc hội nghị như thế tại Hamburg Đức quốc, Delhi Ấn Độ v.v... Ngài luôn luôn gãi đầu suy nghĩ và trả lời rằng: “Riêng Ngài thì không phản đối việc cho chư Ni thọ giới Tỳ Kheo Ni, nhưng Phật giáo Tây Tạng còn có tất cả 4 phái lớn (*Phái Nijma (cổ mật), phái Keyum, phái Gelupa và phái Sakya*). Khi nào tất cả các phái này đồng ý thì mới có thể thực hiện được. Và lại truyền thống cho thọ Tỳ Kheo Ni ở Tây Tạng đã mất đi từ lâu rồi, nên bây giờ khó tiếp nối lại được”.

Trong khi đó chư Ni bên các nước Nam Tông như: Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, nhất là những người có địa vị trong xã hội như là Dân biểu, Nghị sĩ, Giáo sư Đại Học v.v... họ tự cạo đầu rồi đi đến xin những vị Cao Tăng bên Nam Tông hay bên Bắc Tông tổ chức giới đàn để họ thọ giới Tỳ Kheo Ni. Việc này cũng tương tự như 500 cung tần thể nữ của Vua Tịnh Phạn dưới sự hướng dẫn của Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đến tại Thành Tỳ Xá Ly, nơi Đức Phật và Tăng chúng đang An Cư Kiết Hạ lần thứ 5 và Ngài A Nan thấy xót xa quá, vì các mệnh phụ phu nhân này đã băng rừng, vượt suối cốt gặp cho được Phật để xin xuất gia; nhưng cả ba lần như thế đều bị Đức Phật chối từ bằng cách im lặng, Ngài A Nan thấy thân

hình họ lem luốt và máu chảy đầy chân, nên cảm thấy thương tâm, nên mới vào bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người nữ có khả năng thành Phật không?

- Đức Phật bảo rằng: Người nữ cũng có khả năng thành Phật, nhưng nếu người nữ xin xuất gia, thọ giới Tỳ Kheo Ni rồi, còn phải tôn trọng Bát Kinh Pháp nữa.

Nhân đây là một cơ hội rất lớn, nhờ Ngài A Nan thưa thỉnh mà cộng đồng 500 người nữ do bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề được phép xuất gia thọ giới Tỳ Kheo Ni và đây cũng chính là một trong những lý do mà Đại Hội kết tập kinh điển lần thứ nhất sau 100 ngày Đức Phật nhập diệt tại động Thất Diệp, Ngài Ca Diếp đã vấn nạn Ngài A Nan như sau:

1. Không hỏi Phật những giới luật nào là nhỏ nhặt để có thể thay đổi.

- Ngài A Nan thưa: Sợ làm phiền Phật, vì Ngài sắp nhập Niết Bàn.

2. Khi vá y Tăng Già Lê đã dùng chân đạp lên y.

- Ngài A Nan thưa lý do rằng: Không có ai cầm dùm y trong khi trời có gió, nên phải dùng chân để giữ lại.

3. Xin Phật cho người nữ xuất gia.

- Ngài A Nan thưa lý do là: Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề Kiều Đàm Di từng nuôi dưỡng Thế Tôn đến trưởng thành, rồi Ngài đi xuất gia mà được thành chánh giác, do vậy không thể quên công ơn của bà.

4. Không cung thỉnh Phật tại thế lâu dài hơn, mặc dầu biết rằng Phật có khả năng kéo dài đời sống ở thế gian.

- Ngài A Nan cho biết lý do: Không phải vì không muốn thỉnh Phật tại thế lâu dài, mà vì ác ma Ba Tuần che mờ tâm trí.

5. Không lấy nước cho Phật dù rằng Phật đã 3 lần yêu cầu.

- Ngài A Nan trả lời rằng: Vì có 500 chiếc xe qua sông làm cho nước rất bẩn, không thể uống được.

Như vậy qua năm lần trách móc Ngài A Nan thì Ngài Ca Diếp đã được trả lời; trong đó có câu hỏi thứ ba là làm sao lại xin cho người nữ xuất gia? Đến lần thứ 3 Đức Phật mới đồng ý, dĩ nhiên là có lý do của nó liên hệ về vấn đề phát triển của Phật giáo sau này.

Từ những điểm trên nếu ta đem ra cân nhắc thì chúng ta có thể đem ví dụ về Phật tánh để so sánh giữa người nữ và người nam như sau: Nếu bảo Phật tánh của người nam nặng tương đương với một kg sắt và Phật tánh của người nữ nặng tương đương với một kg bông gòn. Cả 2 trọng lượng đều giống nhau, nhưng thể tích giữa một kg bông gòn và thể tích của một kg sắt hoàn toàn khác nhau.

Dĩ nhiên tôi biết rằng trả lời như vậy những người nữ bây giờ cũng chưa chịu; nên tôi lại phải đem ra những sự thật của lịch sử đương đại để giải thích thêm như sau:

Quý vị thấy đó, nước Hoa Kỳ gần 250 năm lập quốc (*Từ ngày 4 tháng 7 năm 1776 (2022 - 1776 = 246 năm)*) và kể từ đó đến đây nước Hoa Kỳ không có một vị vua nào cai trị, mà chỉ toàn là Tổng Thống theo Đảng Dân Chủ hay Cộng Hòa (*Đã có 45 người*

tuyên thệ nhận chức Tổng Thống và 46 đời Tổng Thống, vì Grover Cleveland phục vụ hai nhiệm kỳ không liên tiếp và được tính theo thứ tự là Tổng Thống thứ 22 và 24 của Hoa Kỳ), nhưng chưa có một vị Tổng Thống nào là người nữ cả, hy vọng từ nay về sau sẽ có, nhưng đặc biệt tại Quốc Hội Thượng và Hạ Viện Hoa Kỳ, cho đến ngày nay sự tự do dân chủ được thực hiện rất rõ ràng minh bạch, Hoa Kỳ đại diện cho nhân quyền được tôn trọng, nữ quyền luôn luôn được hỗ trợ; nhưng cho đến nay cũng chưa được 1/3 người nữ nắm giữ những địa vị then chốt trong guồng máy chính quyền này, mặc dù người nữ cũng rất giỏi.

Bây giờ chúng ta nên đề cập về vấn đề nữ quyền trong các tôn giáo trên thế giới ngày nay như sau:

Nếu tìm nơi Wikipedia tiếng Việt thì được trả lời là có độ 10.000 tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, nhưng khoảng 80% dân số thế giới theo một trong năm nhóm tôn giáo lớn nhất. Đó là: Ki Tô Giáo (gồm Thiên chúa giáo, Chính thống giáo và Tin lành) Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo, Phật giáo, và các dạng Tôn giáo dân gian khác.

Nếu kể theo thời gian phát triển lâu đời theo thứ tự thì Ấn Độ Giáo ra đời lâu nhất, ít nhất cũng 5.000 năm; kế tiếp là Khổng giáo (tượng trưng cho tôn giáo dân gian); Phật giáo; Ki Tô giáo và Hồi Giáo. Thế nhưng ngày hôm nay hai tôn giáo có số tín đồ đông nhất là Thiên Chúa giáo (Ki Tô giáo) (*Theo Wikipedia cho biết là hơn 2 tỷ tín hữu*) và Hồi Giáo (*Theo Wikipedia cho biết là 1,5 tỷ người*) kế đến thứ ba là Ấn Độ giáo (*có trên 1 tỷ*); đứng hàng thứ tư là Phật giáo (*với 495 triệu người, chiếm tỷ lệ 7% đến 8% trên*

thế giới); Khổng Giáo và Đạo giáo (có khoảng 400 triệu tín đồ) đa phần tập trung ở Trung Quốc và Đài Loan.

Bây giờ chúng ta lần lượt đi qua vị trí của người nữ trong những tôn giáo này lần lượt theo thứ tự như sau:

1) Người nữ tu bên Thiên Chúa giáo, đầu cho có đi tu mấy chục năm đi nữa, cho đến nay gần 2.000 năm lịch sử, chưa có vị nữ tu nào làm Hồng Y hay Linh Mục, mà nhiều lắm chỉ là Mẹ bề trên hay các Soeur trông coi những dòng chính của Giáo Hội Kito này mà thôi. Ngoại trừ phái Tin Lành có Giám Mục hay Tổng Giám Mục là người nữ.

2) Hồi Giáo tuy có số tín đồ đông đứng hàng thứ nhì theo thứ tự của các tôn giáo đang hiện hữu trên thế giới ngày nay, nhưng những người nam và nữ khi hành lễ không được vào chung trong một giáo đường. Người nữ khi đi ra đường phải trùm khăn che đầu như các nước Hồi Giáo tại Pakistan, Afganistan, Ả Rập, Indonesia; và hầu như không có ai là nữ tu ở cấp bậc cao hiện diện trong tôn giáo này.

3) Ấn Độ Giáo tuy theo chế độ đa thần và người nữ tuy được tuyên dương, nhưng không thấy một vị Guru người nữ nào của Ấn Độ giáo nổi tiếng có thể thay thế những vị Bà La Môn đi giảng đạo.

4) Phật giáo tuy có số tín đồ ít hơn 3 tôn giáo kia, nhưng để thể hiện sự bình đẳng giữa nam quyền và nữ quyền, chúng ta có thể nói rằng Phật giáo là một tôn giáo tiêu biểu vậy. Ví dụ người nữ bên Phật giáo Đại thừa được quyền xuất gia như nam giới. Họ có được tất cả những quyền như thọ giới: Sa Di Ni, Thức Xoa

Ma Na Ni, Tỳ Kheo Ni, Bồ Tát xuất gia và tu học nhiều năm họ cũng được tấn phong lên những phẩm vị tương đương với chư Tăng như sau:

Chú Tiểu = Tiểu Ni

Sư Chú = Cô

Đại Đức (Thầy) = Sư Cô

Thượng Tọa (20 tuổi hạ) = Ni Sư

Hòa Thượng (40 tuổi hạ) = Ni Trưởng, Sư Bà

Đại Lão Hòa Thượng (60 tuổi hạ) trở lên = Đại Lão Hòa Thượng Ni.

Điều đặc biệt ở đây là chư Ni có quyền cho đệ tử Ni xuất gia thọ các giới Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Tỳ Kheo Ni, nhưng sau khi truyền giới cho chư Ni rồi, hội đồng Thập Sư bên Ni qua chùa Tăng để cầu xin chứng thực cho giới đã thọ và theo tinh thần giới luật, chư Tăng y cứ theo phép Yết Ma để giáo giới cho chư Ni mới thọ giới và tuyên nói về Bát Kinh Pháp như Đức Phật đã chế khi 500 thể nữ cùng với bà Ma Ba Xà Ba Đề đến xin Đức Phật xuất gia tại thành Tỳ Xá Ly trong mùa An Cư Kiết Hạ lần thứ 5 của Đức Phật.

5) Khổng giáo hay Đạo giáo họ đa phần là người Trung Quốc, có số tín đồ đông đứng hàng thứ 5 trên thế giới; nhưng đa phần họ theo những nghi lễ tế tự, cúng bái không có người xuất gia, hầu hết chỉ là người tại gia và theo tôn giáo nhân gian như thờ cúng ông bà, cử hành các nghi thức khác như quan, hôn, tang, tế v.v... và họ hầu như không đề cao việc xuất thế, đa phần chỉ nhập thế,

sống chung cùng với thế gian này và làm tròn bốn phận cha, con, chồng, vợ là nguyên tắc sống của Đạo này.

Ngoài ra còn cả gần 10.000 Tôn giáo như thế nữa hiện có mặt trên thế gian này, nhưng chắc chắn một điều là vị trí của người nữ vẫn chưa được tôn trọng như nam giới và nếu nhìn vào cho kỹ vị trí của người nữ trong 5 tôn giáo lớn của thế giới bên trên thì Phật giáo là một trong nhiều tôn giáo khác, có sự tự do và bình đẳng nổi bật qua việc thuyết pháp cũng như truyền giới cho những thế hệ người nữ đi sau. Điều này thật đúng với câu mà Đức Phật vẫn thường hay dạy rằng: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Bất kể là ai, nam hoặc nữ, người đồ tể hay ông Vua, bà Hoàng hậu, kẻ học cao hiểu rộng hay người giá áo túi cơm v.v... tất cả đều có Phật tánh và với tánh Phật này, nếu mọi người tu hành chơn chánh, tất cả đều có được khả năng thành Phật.

Để kết thúc chỉ riêng viết về tôn giáo, tôi xin mượn một câu chuyện giữa những ký giả Tây phương đã phỏng vấn Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 như sau:

Nếu Ngài giảng thuyết như thế và bảo rằng tôn giáo nào cũng tốt hết. Tại sao những người theo Đạo Hồi họ cực đoan đến vậy? Họ tự sát, ôm bom cảm tử, giết chết lẫn nhau cũng chỉ vì đạo của họ?

Đức Đạt Lai Lạt Ma từ tốn trả lời rằng: “Theo tôi nghĩ những tín đồ đứng đắn của Đạo Hồi không bao giờ làm những chuyện ấy cả”.

Theo Ngài tôn giáo nào là tôn giáo tốt nhất? (Đó là câu hỏi mà những ký giả có ý gài Ngài vào thế bí).

Ngài trả lời rằng: “Tôn giáo nào mà bạn ưa thích. Đó là Tôn giáo tốt nhất”.

Rõ ràng là chẳng mất lòng ai cả, mà sự thật là như vậy. Người theo Chúa vì kính Chúa mới theo; kẻ theo Đạo Hồi vì họ tôn sùng lời dạy của Giáo Chủ họ và Allah. Người thích theo Đạo Phật, vì cho rằng những lời dạy của Đức Phật hợp với căn cơ của mình, nhất là về vấn đề tử bi và trí tuệ.

CHƯƠNG II:

THẾ NÀO LÀ GIÁO DỤC?

Bây giờ chúng ta có thể đi vào phần định nghĩa để rõ biết thế nào là giáo dục?

Giáo dục (éduquer, éducation) Dạy dỗ để phát triển khả năng thể chất, trí thức và đạo lý. Ví dụ như giáo dục nghề nghiệp (éducation professionnelle) (*theo Việt Nam Tân Tự Điển của Thanh Nghị do nhà xuất bản Khai Trí ấn hành*). Một định nghĩa khác về giáo dục như sau: Dạy dỗ, rèn luyện về chữ nghĩa, đức hạnh và thể chất: Giáo dục con người. Thuộc việc dạy dỗ đủ mọi ngành, mọi nghề: Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Bình dân giáo dục, sự ăn học, sự hiểu biết đạo lý, lễ phép; người có giáo dục (*Việt Nam Tự Điển quyển thượng từ vần A - L của Lê Văn Đức một nhóm văn hữu soạn. Lê Ngọc Trụ hiệu đính*).

Trên đây là định nghĩa về giáo dục theo thời xưa khi còn học chương trình Pháp và thời Việt Nam Cộng Hòa. Nhật Bản định nghĩa giáo dục chia ra làm 2 lãnh vực rõ rệt. Đó là dạy cho sự hiểu biết và mong muốn để được trở thành. Đó chính là giáo dục và khi tôi đến Đức tiếp tục học ngành giáo dục thì ở Đức phân chia việc giáo dục ở 3 lãnh vực khác nhau. Đó là giáo dục trẻ thơ, giáo dục người lớn và giáo dục cho những người bị nạn bẩm sinh như: đui mù, ngọng, câm, điếc v.v...

Trên đây là những phạm trù của sự giáo dục mà ngày nay có nhiều nước hiểu giữa giáo dục và sư phạm gần nhau; nên họ hay dùng chữ Sư Phạm (Pädagogik) để chỉ cho phần giáo dục; nhưng Sư Phạm chỉ có nghĩa là làm Thầy dạy học; còn giáo dục không hẳn chỉ để hiểu theo sự học tập chỉ để trở thành Thầy, Cô giáo.

Và dưới đây ta sẽ đi vào từng lãnh vực một vậy.

Giáo dục là sự dạy dỗ để phát triển khả năng thể chất, trí thức và đạo lý. Ví dụ như giáo dục về nghề nghiệp chẳng hạn. Ở đây khi đứa bé còn ở với cha mẹ, do cha mẹ chỉ bày từ cách bò, cách đứng, cách đi, cách chạy nhảy reo hò cùng bạn bè, cách nói lặp theo ba, mẹ, ông, bà v.v... Đây là những sự giáo dục của gia đình. Vì gia đình chính là nền tảng của xã hội. Do vậy gia đình đóng góp một vai trò không nhỏ trong vấn đề giáo dục con cái ngay từ thuở ban đầu, cho nên ca dao tục ngữ Việt Nam chúng ta có câu rằng:

“Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”.

Con trẻ như cây măng mới nhú lên từ gốc tre, rất dễ uốn nắn nếu để cây măng trở thành cây tre cứng cáp rồi thì khó uốn. Lúc

con còn nhỏ, đứa bé luôn gần gũi người mẹ, nên vị trí của người mẹ đối với con thơ rất quan trọng đứng về mọi lãnh vực của gia đình. Khi lớn khôn được dựng vợ gả chồng. Nếu là con gái thì phải theo chồng, đó là đạo nghĩa làm vợ, làm dâu lâu nay trên thế giới này, hầu như ở đâu cũng vậy, chỉ trừ những dân tộc còn theo chế độ mẫu hệ lại khác. Khi người con gái mới về nhà chồng thì người chồng có bốn phận phải chỉ bày trước sau để người vợ quen dần với việc giao tiếp này. Nếu không như vậy thì người vợ mới cưới ấy cũng sẽ trở nên lạc lõng trong gia đình của nhà chồng.

Ngoài ra tục ngữ Việt Nam của chúng ta cũng thường nói rằng: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”. Bởi lẽ người mẹ nuông chiều con trẻ quá và không biết dạy dỗ uốn nắn con trẻ ngay từ lúc mới bước vào đời bằng những bước đi chập chững, thì đứa bé sẽ nên hay hư đều do người mẹ. Ở đây chúng ta thấy vai trò của Bà nội cũng đóng góp phần quan trọng là có ảnh hưởng đến đứa cháu cũng không ít. Do vì khi có con, cha mẹ khá vất vả mưu sinh để kiếm tiền nuôi con và mong cho con ăn học đỗ đạt thành tài để nở mày, nở mặt với thiên hạ. Do đó ít có thời gian lo cho con trẻ. Đến khi có cháu nội, cháu ngoại lại rảnh rang; nên có thời gian đến với cháu nhiều hơn và đôi khi thương cháu còn hơn thương con của mình nữa. Nếu cha mẹ chúng có dạy dỗ khắt khe thì ông bà bênh vực liền. Nhiều khi quá đáng; cho nên người xưa nói: “cháu hư tại bà” là vậy.

Cách giáo dục ngày nay đã khác xưa nhiều rồi. Có nghĩa là phần giáo dục cho trẻ con là do cha mẹ chúng trực tiếp lo dạy dỗ. Phần ông bà nội, ngoại không nên can thiệp vào việc này. Vì lẽ mỗi thế hệ khác nhau, không giống nhau từ hoàn cảnh cho đến phương tiện. Do vậy ông bà nội, ngoại chỉ nên gần gũi cháu chất

như là một mối liên hệ ông cháu bình thường và không nên xen vào phần giáo dục các cháu nhiều quá để khỏi mang tiếng là “cháu hư tại bà”.

Riêng bản thân của tôi cũng vậy, từ khi bắt đầu độ đệ tử xuất gia từ năm 1983, 1984 đến nay cũng đã gần 40 năm như vậy, đã thân nhận tất cả là 30 Tăng và 15 Ni. Nhưng trải qua ngần ấy thời gian có 6 Sư Cô đã viên tịch và 7 Thầy, Chú đã hoàn tục. Ngày nay tôi còn lại 23 Tăng và 9 Ni đang hoạt động Phật sự khắp nơi tại Âu Châu. Quý Thầy, Cô đệ tử bây giờ đã có đệ tử xuất gia như Thầy Hạnh Nguyên, Thầy Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Bảo, Thầy Hạnh Định, Thầy Hạnh Giới, Thầy Hạnh Luận cũng như Ni Sư Như Quang, Ni Sư Hạnh Khánh v.v... và phần đồ tôn của tôi đến nay cũng đã có trên dưới 40 người nữa. Dĩ nhiên con số này cứ tăng dần mãi về sau, khi những Thầy, Cô này nhận thêm đệ tử xuất gia.

Tôi cũng đang đóng vai là Sư Ông. Do vậy tôi hay nói rằng: “Sư Ông đã có bốn phận lo cho quý Thầy, quý Cô là Sư Phụ của các con rồi. Đến phần các cháu đôi khi Sư Ông chỉ cho vài cây kẹo và hỏi thăm, động viên vài lời qua sự thăm hỏi, chứ Sư Ông sẽ không có bốn phận dạy dỗ trực tiếp các con nữa”. Các Sư cháu chỉ mỉm miệng cười thôi và biết rằng Sư Ông nói vậy, chứ Sư Ông cũng thương các cháu nhiều lắm. Có nhiều Sư cháu thọ giới Tỳ Kheo từ năm 2008 kia. Như vậy còn chẳng mấy năm nữa là thế hệ này sẽ được tấn phong lên hàng Thượng Tọa và cũng sẽ bắt đầu nhận đệ tử xuất gia. Như vậy tôi sẽ có cháu gọi tôi bằng Sư Cố; nếu tôi sống được cho đến ngày đó.

Phần bên trên chỉ là tổng thể, bây giờ đi vào phần chi tiết là dạy cho con trẻ biết về đạo lý và trí thức. Thật sự ra không ai

trong chúng ta không đi học mà biết đọc chữ, hoặc giả không đến trường mà mình thành người tài giỏi được. Dĩ nhiên cũng có một số người ngoại lệ, nhưng trên thế giới này có 7, 8 tỷ người; chắc có được chừng vài người như vậy. Tục ngữ Việt Nam của chúng ta cũng có câu: “Không Thầy đổ mậy làm nên” là để chỉ cho trường hợp này. Ai nên người mà không có người rèn luyện cho mình. Nếu mình tự làm thì chắc rằng sẽ không đúng tiêu chuẩn và biết đâu mà thi cử. Cho nên câu: “Trường học là lò đúc nhân tài” là vậy.

Kể từ khi đứa bé được đi học, độ 5 tuổi trở lên, đứa bé sẽ được Thầy, Cô hướng dẫn cho học chơi, học vẽ những mẫu tự a, b, c, v.v... rồi tập đánh vần ghép các mẫu tự với nhau để thành một chữ có ý nghĩa và rồi từ các chữ đó kết nối thành một câu ngắn. Giai đoạn tập đọc, tập viết chữ này bắt đầu từ Mẫu giáo cho đến lớp Năm (*Ngày xưa trước năm 1975 tại Việt Nam kể từ dưới lên bậc Tiểu Học là: Mẫu giáo, lớp Năm, lớp Tư, lớp Ba, lớp Nhì và lớp Nhất. Trung Học gồm có: Trung học Đệ nhất cấp từ Đệ thất, Đệ lục, Đệ ngũ đến Đệ tứ và Trung học Đệ nhị cấp gồm: Đệ tam, Đệ nhị và Đệ nhất. Tất cả 12 năm, không kể Mẫu giáo*) là thời gian quan trọng nhất đối với đứa trẻ. Chúng sẽ chơi đùa với bạn bè và thời gian này Thầy, Cô giáo rất quan trọng đối với chúng. Tôi nhớ lại ngày xưa về những năm học mẫu giáo ở trường làng hay lớp năm, lớp tư, lớp ba, lớp nhì, và lớp nhất từ những năm 1956, 1957 đến 1961 là những năm còn đầy ắp những kỷ niệm, mà bây giờ nhớ lại vẫn còn vui, mặc dầu thuở ấy tôi học rất dở, dở hơn bất cứ người bạn nào ở trong lớp. Tôi nhớ không lầm cứ mỗi sáng thứ Hai, sau khi chào cờ ở sân trường, tất cả học sinh vào lớp phải đứng thẳng chờ cho Thầy hay Cô vào rồi học sinh mới được ngồi xuống. Đầu tiên Thầy giáo lấy phấn viết lên bảng đen câu tục ngữ hay câu ca dao cho đầu

tuần và câu nầy bắt học trò phải học thuộc lòng và tuần sau mới được xóa đi để Thầy, Cô sẽ viết câu khác. Ví dụ như câu: “Tiên học lễ, hậu học văn”, nghĩa là đầu tiên phải học về lễ nghĩa như đi thưa, về trình, khi nói chuyện với người lớn phải vòng hai tay lại; sau đó Thầy giáo mới dạy cho học trò học chữ nghĩa. Nếu biết chữ mà không rõ đạo lý làm người thì không được, cho nên ngày xưa xem trọng về vấn đề học đạo làm người, mà hình như ngày nay con trẻ được giáo dục theo lối khác, khác hẳn ngày xưa rất nhiều.

Những câu viết trên bảng đen vào mỗi đầu tuần như:

“Ấu bất học, lão hà vi”.

“Nhân bất học, bất tri lý”.

“Ngọc bất trác, bất thành khí” v.v...

Đều là những dấu hỏi lớn hoặc dấu chấm than, vì trẻ con làm sao hiểu hết được ý nghĩa sâu xa về cách phát âm bằng những chữ Hán Việt như vậy. Và Thầy giáo phải giảng:

“Ấu bất học” có nghĩa là còn nhỏ mà không học, “lão hà vi” có nghĩa là lớn lên, già đến sẽ làm gì? Lũ nhỏ cũng không vừa, nhiều đứa chế nhạo sau lưng Thầy lúc giờ ra chơi với câu đã và sửa lời là: “Nhỏ không học, lớn làm Đại úy”. Có lẽ chúng cũng chẳng biết Đại úy là cấp bậc nào trong quân đội, nhưng nói ra cho chúng bạn cười là chúng thích chí rồi.

Còn “Nhân bất học, bất tri lý” có nghĩa là: “Người mà không có học, sẽ chẳng biết nghĩa lý gì cả” và “Ngọc bất trác, bất thành khí” nghĩa là: “Ngọc báu mà không mài giũa thì sẽ chẳng thành đồ tốt” v.v... những câu châm ngôn như vậy đã thấm vào lòng những đứa trẻ 8, 9 tuổi như chúng tôi thuở bấy giờ. Lớn hơn chút nữa

chúng tôi được đọc những câu ca dao tục ngữ có nhiều chữ hơn, được Thầy, Cô hay lớp trưởng hoặc bạn nào viết chữ đẹp, được Thầy, Cô chọn lên bảng nắn nót viết từng chữ như sau:

“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Núi Thái ở đâu và núi cao bao nhiêu bọn học trò chúng tôi chẳng biết; chỉ biết là công ơn của người cha to lớn lắm; còn nghĩa mẹ thì nhiều như nước trong nguồn chảy ra. Điều này dễ hiểu rồi. Vậy bốn phận làm con phải thờ cha, thờ mẹ mới trả được cái hiếu kia. Hoặc đám học trò cũng học thêm về tinh thần yêu nước của những bậc tiền bối hữu công như Nguyễn Thái Học chẳng hạn. Đó là:

“Không thành công thì cũng thành nhân”.

Hoặc giả để tạo ý chí mạnh mẽ, kiên cường cho người thanh niên trong tương lai, câu thành ngữ của Việt Nam cũng đã được Thầy giáo cài vào đầu óc non dại ấy và giảng giải cho chúng nghe rằng:

“Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi
Mà chỉ khó vì lòng người ngại núi e sông”.

Đó là ý chí để vươn lên, là sự giáo dục cho tuổi trẻ ở học đường, mà chúng tôi đã học được.

Đến những lớp lớn hơn như lớp Nhì và lớp Nhứt mỗi tuần lễ chúng tôi học được một bài học thuộc lòng như sau:

Đi ngày đàng học sàng khôn
Đi cho biết đó biết đây
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn
Kìa thế giới năm châu quanh quất
Người bao nhiêu thì đất bấy nhiêu
Sông to núi lớn cũng nhiều
Đường đi lối lại trăm chiều ngổn ngang
Người bốn giống đen, vàng, đỏ, trắng
Trời bốn phương Nam, Bắc, Đông, Tây
Mênh mông nước nước mây mây
Chẳng đi sao biết thông nầy thảo kia.

Quả là tuyệt diệu với bọn học trò nhỏ của chúng tôi, vì Thầy, Cô giáo đã mang đến cho mình có những ý bao la rộng lớn của thế giới đến với đầu óc của lũ học trò và từ đó sau nầy họ đã vươn vai ra khắp năm châu bốn biển. Có kẻ làm ông nầy bà nọ và ngày nay họ vẫn chưa quên những bài học thuộc lòng từ thuở ấu thơ như thế.

Để noi gương Quốc Tổ Hùng Vương, người ta đã đặt ra bài học thuộc lòng như sau:

Ngày giỗ Tổ

Tháng Ba âm lịch Mừng Mười
Là ngày giỗ Tổ mọi người đừng quên
Nhớ thời đất nước bình yên
Đáp xe lửa tới Tiên Kiên thì ngừng

Rời đi quanh núi ven rừng
Đến làng Cổ Tích cách chùng không xa
Thì ngôi mộ Tổ hiện ra
Hợp chung Nam Bắc một nhà Lạc Long.

Đọc và học thuộc lòng bài thơ như thế, học trò chúng tôi đã rõ biết cội nguồn rồi. Biết ngày Mùng 10 tháng 3 mỗi năm là ngày giỗ Tổ Hùng Vương. Ông là người sáng lập ra nước Âu Lạc, là giống nòi của Lạc Long Quân và ngôi mộ ấy ở làng Cổ Tích cách nhà ga Tiên Kiên không mấy xa. Nếu 20 triệu dân miền Nam Việt Nam thủa ấy và 15 triệu dân miền Bắc dưới chế độ quân chủ thời xưa mà ai ai cũng học thuộc lòng được bài học này thì mọi người đều hãnh diện được rằng mình là “Con Rồng Cháu Tiên” thực sự.

Muốn un đúc tinh thần yêu nước, không khuất phục trước giặc thù phương Bắc như gương của Lão Tướng Trần Bình Trọng thời Nhà Trần (1222-1400) thì Thầy, Cô giáo đã đọc cho học trò viết như sau:

Trần Bình Trọng anh hùng ngàn thu trước
Đem tấm thân bảy thước (*thước ta ngày xưa*) chống sơn hà
Mãn lo đền nợ nước bỏ tình nhà
Trong tâm khảm nặng tình yêu Tổ Quốc
Nhưng than ôi, tài trai dầu thao lược
Hùm thiêng kia không địch được bầy Hồ
Vì sa cơ nên bị bắt cầm tù
Tan mộng đẹp anh hùng đành thất thế

Lũ giặc thấy người tài nên rất nể
Dem quan sang, tước trọng dụ Ngài hàng
“Quân bầy lăm dẫu dâng cả Ngai vàng,
Khó lay chuyển vì lòng ta thờ cố quốc
Đừng tưởng bả vinh hoa mà mua được
Lòng trung quân ái quốc của ta đâu
Bắt được ta thôi chớ nói gì lâu
Cứ đem chém ta không hề than tiếc
Hễ còn sống, ta là dân nước Việt
Chết, ta đành làm quỷ nước Nam ta”..
Ôi, anh hùng tử, khí hùng nào tử
Nêu gương trong sách sử để muôn đời.

Những bài học thuộc lòng như vậy trao cho lớp trẻ học sinh như chúng tôi thuở bấy giờ giống như một liều thuốc ngọt được bơm thêm vào lòng yêu nước, yêu quê hương giống nòi và dân tộc Việt, quyết bảo vệ Tổ Quốc cho đến cùng, dẫu cho có đem ngai vàng mà đổi, thì người con của đất Việt cũng không cúi đầu nhận lãnh bả vinh hoa phú quý ấy, cốt quên đi nòi giống Tiên Rồng của mình.

Dạy dỗ, rèn luyện về chữ nghĩa, đức hạnh và thể chất v.v... là mục đích của sự giáo dục lúc bấy giờ. Ngày trước học trò đi học ngoài sách vở ra, còn đeo bên mình một bình mực xanh hay mực tím. Trong túi đựng sách vở có thêm mấy cây bút chì, cục tẩy và cây viết “rông” chữ “rông” ở đây phiên âm từ tiếng Pháp; có nghĩa

là “hình tròn”. Mực xanh hay tím nếu pha loãng sẽ viết chữ không đẹp. Nếu pha đậm quá thì không có tiền mua mực để bỏ vào nước là hòa tan ra. Lấy cây viết “rông” chấm vào đó và cặm cụi viết bài. Trò nào nắn nét viết chữ đẹp sẽ được Thầy, Cô giáo khen và nếu trên tập vở mà không có vết mực lem nhem đổ lên đó sẽ được khen thưởng vào cuối tháng. Trò nào hai tay kém vệ sinh thì bị quở phạt bằng nhiều cách khác nhau như bị khè tay hoặc bị quỳ. Bây giờ thì những hình phạt ấy hầu như không còn nữa và ngày xưa Thầy, Cô giáo bắt học trò trả bài trước khi học bài mới, mà học trò không thuộc thì sẽ bị khiển trách bằng nhiều cách khác nhau như bắt chép phạt bài ấy làm nhiều lần để nhớ. Ai mà học cửu chương từ 2 cho đến 9 mà không thuộc lòng, cứ bị Thầy Cô giáo nhắc nhở hoài. Bởi lẽ ngày xưa ấy cách đây 60 năm về trước những trường học ở vùng quê làm gì có đèn điện, làm gì có máy tính như bây giờ, nên tất cả học trò phải học thuộc lòng cửu chương để làm toán cộng, trừ, nhân, chia. Đây là 4 phép toán căn bản của học trò học tiểu học. Có nhiều bạn không thích toán cứ trốn tránh giờ này không đến trường. Riêng tôi lại khác, môn nào mình dở, phải cố gắng học càng nhiều càng tốt, học cho đến bao giờ hiểu cách giải đáp bài toán ấy được mới thôi. Kinh nghiệm cho thấy rằng: Nếu mình dở môn nào mà không chịu học hỏi, thì khi lớn lên môn ấy mình càng kém thua xa các bạn khác.

Ngoài việc học bài vở ra, người học trò còn phải tham gia thể thao như: bơi lội, đánh bóng chuyên, đá banh, đánh bóng bàn v.v... cốt làm cho thể xác trẻ con năng động hơn, để khi lớn lên, lúc vào đời cũng có thể tham gia những sinh hoạt cộng đồng với các trường lớp khác cũng là những điều mà Thầy, Cô giáo thường khuyến khích.

Khi hoa phượng trong sân trường bắt đầu rộ nở và ve sầu kêu inh ỏi đó đây thì bọn học trò chúng tôi ai ai cũng vui mừng. Bởi lẽ chúng tôi sẽ có 3 tháng để rong chơi đây đó. Đứa về quê thăm ông bà và những người thân quen, đứa giúp cha mẹ việc đồng áng như nhổ mạ, cấy lúa, chăn trâu, chăn bò, chăn vịt giúp cha mẹ trong những ngày mùa màng sắp gặt hái. Ở Việt Nam thuở xưa bất luận học trò ở vào độ tuổi nào, nếu gia đình không khá giả lắm, con cái phải phụ giúp bếp núc, nông trang cho gia đình vốn là chuyện bình thường. Chỉ sau này khi quê hương phát triển và giàu có hơn, thì mới hạn định lứa tuổi cho thiếu niên là mấy tuổi mới được đi lao động; còn ngày xưa hầu như không đề cập đến việc này trong vấn đề giáo dục học đường.

Những trẻ con sống nơi thành phố suốt 9 tháng bị tù túng thì 3 tháng nghỉ hè là cơ hội để chúng về quê tham gia thả diều hay đua thuyền trên sông, đánh vật, nhảy cò cò, hay đi cờ gánh, xem hát bài chòi, đi chợ miền quê v.v... là những thú vui lành mạnh. Có nơi còn diễn tuồng Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn, Lục Vân Tiên, Kim Kiều tái hợp v.v... là những món ăn tinh thần không những cho những người lớn tuổi, mà lũ học trò chúng tôi chỉ muốn xem những chú hề được vẽ mặt ra sao chứ tuồng tích thì làm sao hiểu nổi. Chỉ có những ông già bà cả ngồi xem mê mẩn tâm thần, nhiều khi còn nói vọng lên từ dưới sân khấu là Đào kia Kép nọ diễn chưa đạt tuồng v.v... chúng tôi nghe vậy để chỉ mà nghe chứ chẳng dám lạm bàn. Vì chúng tôi dưới mắt họ chỉ là đám con nít học trò và như họ thường nghĩ đến đám này là: Nhứt quỷ, nhì ma, thứ ba học trò, nên cái thiện cảm giữa người lớn và trẻ con, không phải là lúc nào cũng tốt đẹp.

Tôi nhớ rất rõ ràng là vào năm 1959 cha tôi mới dẫn tôi xuống Tòa Hòa Giải Hội An làm giấy “Thế Vì Khai Sanh”, vì lý do chiến tranh. Trong khi tôi sinh năm 1949 mà 10 năm sau mới được có tờ khai sinh chính thức với tên họ và khai sinh ngày tháng đẻ của mình; chẳng bằng như bây giờ khi sinh ra ở nhà thương là đứa bé đã có giấy khai sinh với tên tuổi rõ ràng rồi. Chúng tôi lên chiếc thuyền nan từ thượng nguồn sông Thu Bồn đổ xuống bến Mỹ Đình, tôi được cho ngồi vào lòng ghe để đỡ sợ hãi khi con thuyền lướt qua nhiều chỗ hiểm nguy. Khi thuyền cập bến, cha tôi mua cho tôi một tô mì Quảng của người Hoa bán trên bờ sông Hội An, ăn tô mì Quảng đã hơn 60 năm rồi mà cho đến nay tôi vẫn còn nhớ ra được khung cảnh và cảm giác của tuổi thơ từ nhà quê lên phố Hội là gì? Sau khi làm giấy tờ xong, chúng tôi đi về lại quê nhà. Những kỷ niệm đi với cha trong mùa hè năm ấy, bây giờ vẫn còn in đậm nét trong tôi.

Giáo dục cho con người đủ mọi ngành, mọi nghề cũng là một công việc của những Thầy, Cô mô phạm. Ngày xưa người ta đi học chữ để làm ông Thư ký, ông Thông phán; học cao hơn nữa thì làm Bác Sĩ, Kỹ Sư. Những người không có điều kiện tài chánh thì đi học nghề, sau khi đã xong tiểu học hay trung học Đệ nhất cấp. Ví dụ như nghề thợ mộc, nghề thợ hồ, nghề chằm nón, nghề đan rổ, đan nơm. Nghề buôn, nghề bán, nghề chài lưới, nghề tiểu thương. Ngày xưa đa phần ít có trường dạy cho những nghề này. Bây giờ thì có trường lớp rõ ràng và sau khi tốt nghiệp mới được đi làm. Ví dụ, ngày xưa khi nhờ cậy hương dẫn học nghề, cơm nước phải tự mang theo khi đến học. Nhiều khi đi học nghề ở xa, chủ trại cây hay chủ trại thợ nề cho phép ở lại và cuối tuần hay cuối tháng mới được về thăm nhà. Những công việc làm được trong lúc học

nghề như đóng được một chiếc tủ, chiếc giường nằm hay một cái bàn v.v... thì đó chỉ là chỗ dẫn công cho chủ, chứ người thợ đang đi học chưa được bỏ túi một đồng lương nào cả. Bởi lẽ người chủ quan niệm rằng: Sau một hai năm người thợ học nghề, bây giờ làm được những sản phẩm như thế cũng đã phá hư của họ không biết bao nhiêu cây gỗ hay xi măng rồi. Do vậy làm để dẫn công là nằm trong ý nghĩa này. Mãi cho đến bao giờ mà người thợ mộc, thợ hồ, thợ hớt tóc ấy thấy rằng mình sẽ tự lập được, ra mở trại cửa, trại mộc, nhà thầu v.v... thì lúc ấy chính là lúc có thể tự lo cho mình được. Dầu cho là ông chủ lớn đi chăng nữa; những ông này cũng không cấp cho người thợ một giấy chứng nhận nào cả, mà phải qua cách bào, cách đục đẽo, cách khoan tay, lưỡi rìu, lưỡi búa, lưỡi bào v.v... đi nhẹ một vài đường trên một tấm ván, ông chủ ấy sẽ quyết định cho tiền lương của người học trò; hoặc muốn nhận vào làm luôn ở hãng của ông ta hay từ chối khéo v.v...

Học lên Trung học Đệ nhất cấp người học trò phải học văn của Tự Lực Văn Đoàn và thơ của các nhà thơ nổi tiếng như: Nguyễn Khuyến, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương, Chu Mạnh Trinh, Bà Huyện Thanh Quan, Bà Đoàn Thị Điểm v.v... ở đây xin trích vài bài thơ viết về Kê Sĩ của Uy Viễn tướng công, tức nhà thơ Nguyễn Công Trứ để chúng ta có thể hiểu rõ cách sống một thời của những người thời mà Hán học vẫn còn thịnh hành để chúng ta có được một cái nhìn tổng quát hơn.

Kẻ Sĩ

Thơ Việt Nam - Nguyễn Công Trứ - Ca Trù

Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt,
Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên.
Có giang sơn thì sĩ đã có tên,
Từ Chu Hán vốn sĩ nầy là quý.
Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.
Khí hạo nhiên chí đại chí cương,
So chính khí đã đầy trong trời đất.
Lúc vị ngô, hối tàng nơi bồng tất,
Hiêu Hiêu nhiên điệu vị, canh sẵn.
Xe bồ luân dù chưa gặp Thang, Văn,
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị.
Cầm chính đạo để tịch tà cự bí,
Hồi cuồng loan nhi chướng bách xuyên.
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
Mang quách cả sở tồn làm sở dụng.
Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên thù rạch mũi Can Tương.
Làm sao cho bách thế lưu phương,
Trước là sĩ, sau là khanh tướng.
Kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung trung,
Vũ trụ chi gian giai phận sự, nam nhi đáo thử thị hào hùng.

Nước nhà yên mà sĩ được thung dung,
Bây giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch.
Năm ba chú tiểu đồng lệch théch,
Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn.
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đờn.
Đồ thích chí chất đầy trong một túi.
Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,
Gẫm việc đời mà ngắm kẻ trọc thanh.
Này này sĩ mới hoàn danh!

Trích từ; - Việt Nam thi văn hợp tuyển, Dương Quảng Hàm, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Hà Nội năm 1951 – Nam Phong tạp chí, số 132, tháng 8 năm 1928.

Khi còn học Trung học Đệ nhất cấp, chúng tôi cũng được Thầy, Cô giáo dạy cho tinh thần yêu nước của cụ Nguyễn Khuyến qua bài thơ “Khóc Dương Khuê” như sau:

“Bác Dương (Dương Khuê (1839-1902) người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, tỉnh Hà Đông nay là huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đỗ Tiến Sĩ năm 1868, là bạn thân của Nguyễn Khuyến).

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối reo róc rách lưng đèo
Có khi tảng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang,
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ấm áp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần trước sau,
Buổi dương cầm cùng nhau hoạn nạn,
Phận đấu thắng chẳng dám tham trời,
Bác già, tôi cũng già rồi
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần,
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày,
Làm sao bác vội về ngay
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mãi lên tiên,

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,
Giường kia treo những hững hờ,
Đàn kia gãy cũng ngán ngờ tiếng đàn,
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan”.

Thời Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống tại miền Nam Việt Nam từ năm 1954-1963 cũng đã làm được nhiều công việc hữu ích cho dân chúng, trong đó có vấn đề giúp xóa nạn mù chữ. Nạn này thì hầu như quốc gia nào trên thế giới, ngay trong thời gian của đầu thế kỷ thứ 21 này cũng đang gặp phải. Ở phố thị thì ít hơn, nhưng ở những vùng nông thôn hẻo lánh, không thể không bị vấn nạn này. Bởi lẽ đời sống nông thôn khó khăn, việc đến trường để trau dồi con chữ không phải là chuyện đơn thuần. Vì còn phải lo cho cái ăn, cái mặc cho cả bấy con thơ dại nữa, nên cha mẹ thất học đã đành, mà con cái lại cũng phải chịu chung số phận ấy nữa. Rồi thế hệ này kéo sang thế hệ khác cũng sẽ tiếp tục nạn mù chữ như vậy; nếu chính phủ hay đúng hơn là Bộ Quốc Gia Giáo Dục không quan tâm chia sẻ sự khó khăn của người dân thì đây quả thật là một vấn nạn.

Tôi nhớ không lầm, độ những năm 1957, 1958 ở miền Nam có chính sách “Bình dân học vụ” hay “giăng dây hỏi chữ” cũng rất đặc biệt. Bình dân học vụ có nghĩa là những người muốn học thêm về ban đêm, sẽ có những chiến sĩ nông thôn, đa phần mặc quần áo đen về thôn quê dạy cho dân biết đọc, biết viết. Nhiều người cũng nhân cơ hội này mà tiến thân một cách dễ dàng và có người từ đó có thể tiếp tục con đường học vấn. Từ đây muốn kiểm soát thử ai đi học và ai không chịu đi học, nên mới có vấn đề “giăng dây hỏi chữ”. Cách thức như thế này. Ngay một con đường lớn ở đầu và cuối làng có một cầu tre bắc ngang qua. Ở cuối gốc tre cột vào đó một hòn đá tương đối nặng, để giữ gốc tre và ở đầu kia của cây tre cột một dây dừa dài độ chừng 5 đến 10 mét. Nghĩa là dây này tương ứng với chiều cao của cây tre cất lên và cây tre này cũng phải đủ dài để bắt ngang qua gần hết mặt đường đi, mới có thể ngăn người qua lại được (Những cổng làng như thế ngày nay những miền quê ở Ấn Độ vẫn còn sử dụng, không phải để hỏi chữ, mà là để thu thuế mả lộ của xe đò). Lúc có một người đàn bà hay đàn ông đi qua, mà người hỏi chữ muốn hỏi thì họ kéo sợi dây buộc trên đầu ngọn tre xuống. Thế là cả thân cây tre đều nằm chắn ngang cả mặt đường đi, cả người cũng như xe cộ phải dừng lại. Người hỏi chữ sẽ chỉ vào những chữ đã được viết sẵn lên đó, nếu người qua đường đọc và giải thích được thì cổng sẽ được mở ra để qua bên kia giới tuyến. Nếu trả lời không được thì người bị hỏi chữ buộc phải quay về lại nhà. Nếu là bà mẹ, bà nội trợ hôm đó đi chợ mà phải bị trở về lại nhà thì cả nhà bị đói.

Do vậy người bị hỏi chữ phải có nhiều cách khác nhau để làm sao có thể vượt qua được cánh cổng oan khiên đó. Ở đây chỉ có 2 cách. Một là người bị hỏi chữ ấy phải cố gắng đi học để biết chữ

để đọc. Hai là nhờ con cái đi chợ thế để mua đồ về nấu ăn. Bởi lẽ cha mẹ đã lớn tuổi rồi, cũng khó theo học những lớp bình dân học vụ ban đêm như thế lắm. Vì ban ngày quần quật với ruộng nương, ban đêm về lại nhà còn bao nhiêu công việc phải lo chuẩn bị cho ngày mai và ruộng đồng nữa. Tuy nhiên chính sách “bình dân giáo dục” và “giăng dây hỏi chữ” của thời ông Ngô Đình Diệm trị vì nơi miền Nam Việt Nam, cũng đã giúp được người dân sức yếu thế cô, do Bộ Quốc Gia Giáo Dục thuở ấy đề ra, là sự kiện của một giai đoạn lịch sử, đáng hoan nghênh, tán thán vậy.

Người có giáo dục là người có ăn học, có lễ nghĩa, có phép tắc quy củ. Từ đó mới có thể hướng dẫn tầng lớp bên dưới được. Do vậy những kẻ sĩ như thế bao giờ và ở thời đại nào cũng là những người tiên phong trong xã hội, phải cần, kiệm, liêm, chính (siêng năng, tiết kiệm, thanh liêm, chơn chính). Đây chính là tư cách của người lãnh đạo, người có giáo dục trong mọi thời đại vậy. Xưa nay kể từ chế độ ăn lông ở lỗ, chế độ du mục, chế độ quân chủ, chế độ dân chủ hay về sau này còn nhiều chế độ khác lên cầm quyền ở các quốc gia trên thế giới, tất cả đều phải tuyển chọn những người tài giỏi có đức hạnh, có trải qua sự giáo dục, mới có thể lãnh đạo được.

Thời vua Minh Trị Duy Tân, kể từ năm 1868 trở đi ông vua này đã sửa đổi Hiến Pháp cũng như cách điều khiển một quốc gia Nhật Bản rập khuôn theo các chế độ quân chủ và dân chủ của Tây Phương; nên kể từ đó đến nay họ đã phát triển một cách vượt bậc, khiến cho cả thế giới phải ngưỡng mộ. Về giáo dục, Nhật Bản cho người sang Đức học. Về ngoại giao họ cho người sang Anh học. Về ngôn ngữ văn chương họ cho người sang Pháp học. Về khoa học kỹ thuật họ cho người sang Mỹ và các nước tân tiến

khác tại Âu Châu để học hỏi; sau khi thành tài họ trở về lại quê hương của mình để góp phần xây dựng và chấn chỉnh lại những phạm trù như đã nêu trên. Nhờ thế mà nước Nhật mới được như ngày hôm nay.

Vua Minh Trị khi duy tân đất nước đã đề ra một chính sách gọi là: “Gimu Kyoiku” (Nghĩa vụ giáo dục), có nghĩa là bắt buộc tất cả mọi người phải đi học cho biết chữ. Chính nhờ chính sách này mà nước Nhật đã vươn vai đứng dậy để xây dựng cùng thế giới, như kết quả ngày nay chúng ta đã thấy.

Trong khi đó Việt Nam chúng ta, thời xưa cũng như thời nay cũng đã cho rất nhiều người trong nước ra ngoại quốc đi du học, nhưng khi học thành tài rồi, ít nhất là 80% ở lại ngoại quốc, số trở về lại quê hương để góp phần xây dựng đất nước như người Nhật Bản, Việt Nam chúng ta chỉ chiếm độ 20% là cùng. Tại sao như vậy? Lý do gì? Ai là người có thể trả lời chính xác cho việc này? Câu trả lời tôi xin để trống vậy.

Người Việt Nam cũng rất cầu tiến như những dân tộc khác. Ví dụ như thời người Pháp cai trị Việt Nam thì cũng đã có rất nhiều người Việt Nam sang Pháp du học. Đến thời Đông Du vào đầu thế kỷ thứ 20, Cụ Phan Bội Châu và một số nhà trí thức Việt Nam cũng cho những người yêu nước sang Nhật học, nhưng đa phần không thành công, vì nguồn tài chánh hầu hết chỉ dựa vào tư nhân, mà tư nhân thì việc cung ứng cho sinh viên lúc có, lúc không. Do vậy người sinh viên Việt Nam bị lệ thuộc vào những nguồn tài chánh khác, nên khi ra trường, họ ít chọn trở lại Việt Nam để phục vụ. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân chính chẳng? Trong khi chính phủ Nhật Bản và các Chính phủ

khác trên thế giới cho Sinh viên đến một nước Âu Mỹ du học, thì hầu như phần học bổng về tài chánh cho một du học sinh, Chính phủ sở tại cung cấp đầy đủ; nhờ thế Sinh viên an tâm học tập và khi ra trường họ luôn luôn nhớ nghĩ đến ân đức này mà trở lại chốn xưa để phục vụ. Đó cũng là chuyện đương nhiên thôi.

Ở mỗi quốc gia trên thế giới, chỉ riêng về vấn đề giáo dục cũng có rất nhiều phương pháp giáo dục khác nhau cho quần chúng của xứ mình và cũng tùy theo hoàn cảnh của nước đó có khả năng nhiều hay ít, để cung ứng cho nền giáo dục đó. Cho nên những hệ thống trường tư và trường công lập thì đua nhau mọc lên cũng khá nhiều. Ví dụ như ở Nhật Bản các trường Đại Học có 3 loại. Đó là trường công lập do Chính phủ tài trợ, nên Sinh viên không phải đóng học phí; trường bán công thì sinh viên phải đóng một phần nửa; và Đại Học tư thục thì phải đóng hoàn toàn tiền học phí cho hai học kỳ trong một năm. Ví dụ như trường hợp của tôi, vào năm 1973 thi đỗ vào Đại Học Teikyo ở Hachioji Nhật Bản; niên khóa đầu phải đóng \$25.000 Yen, nếu tính theo trị giá trong năm 2022 này thì số tiền đó tăng lên gấp 10 lần, tức \$250.000 Yen, tương đương với \$25.000 USD. Nếu sinh viên nghèo, thì phải đi làm thêm mới có đủ tiền để trang trải học phí cho nhà trường. Lên nghiên cứu sinh ở Cao học và Tiến sĩ cũng phải đóng lệ phí như vậy. Nếu những nghiên cứu sinh nhận được thêm giờ trợ giảng ở Đại Học, hay nhận học bổng để làm luận án Tiến Sĩ là điều may mắn vô cùng; nếu không, phải đi làm thêm kiếm tiền thì ngày tốt nghiệp MA hay Ph.D phải kéo dài thời gian thêm nữa.

Có lẽ Bộ Giáo Dục Nhật đã bắt chước cách tổ chức của Đại học Hoa Kỳ, nên bắt sinh viên đóng học phí quá nhiều, so với khả năng của họ. Nhưng đóng học phí ở Đại Học cũng có thể là một

lý do tốt cho những sinh viên lười học để ra trường. Vì nếu không chịu ra trường, thì năm nào cũng phải đóng học phí, sức đâu chịu nổi; cho nên sinh viên khi thi đỗ vào Đại học rồi, bắt buộc phải học và thi cử đàng hoàng để đến năm tháng ngày giờ nhất định nào đó là phải ra trường, chứ không thể ngồi yên mãi nơi ghế nhà trường, như một số các Đại học tại các quốc gia khác tại Âu Châu, đối xử với những sinh viên quá dễ dãi, cho nên thời gian ra trường của họ hầu như không bị hạn định. Do vậy đây cũng là một sự khổ tâm của nhà trường không ít.

Năm 1977 tôi đang học Cao học tại Đại học Riso (Lập Chánh) ngành Phật học thì đi sang Đức và trước đó cũng đã đóng phí nhập học rồi nhưng chính năm này, tôi quyết định ở luôn lại Đức để xin tỵ nạn vì lý do tôn giáo và những lý do khác mà tôi thường đã đề cập đến nhiều lần và nhiều nơi rồi. Hôm nay tôi chỉ xin nhắc lại phần giáo dục tại Đức mà thôi. Đa phần các Đại học tại Đức là Đại học công lập, do chính phủ bảo trợ, chỉ có một số Đại học của Thiên Chúa giáo và Tin Lành cùng một vài Đại học có tổ chức như bán công, nghĩa là tiền học phí có thu, nhưng rất nhẹ cho các sinh viên so với những Đại học tại Nhật Bản và Hoa Kỳ. Đây cũng là một trong những lý do tôi đã chọn ở lại Đức từ đó đến nay, để làm công việc Phật sự cho người Việt cũng như người Đức vậy.

Ở Đức học từ Tiểu học đến Trung học, Đại học và hậu Đại học hầu như học sinh, sinh viên không phải đóng tiền. Nếu có chỉ là tiền xe cộ di chuyển trong năm và tiền bút chỉ văn phòng mà thôi. Ví dụ niên học 2022 - 2023 của một sinh viên Đức hoặc ngay cả sinh viên ngoại quốc du học tại đây chỉ đóng 1.000 Euro cho hai Semester (học kỳ). Ngoài ra những sinh viên nếu có cha

mẹ làm việc có thu nhập thấp thì sinh viên có thể xin thêm trợ cấp học bổng. Nếu người ngoại quốc xin tỵ nạn tại Đức thì cũng có quyền lợi không khác gì những sinh viên người Đức là bao nhiêu.

Ví dụ mỗi tháng sinh viên phải chi tiêu cho đời sống hằng ngày là 800 Euro. Số tiền ấy nhân lên cho 12 tháng trong năm và nhân thêm 4 năm Đại học như vậy thành: $800 \text{ Euro} \times 12 = 9.600 \text{ Euro}$ $\times 4 = 38.400 \text{ Euro}$. Sau khi ra trường người sinh viên có bốn phần phải trả lại phân nửa số tiền đã nhận trong 4 năm; phân nửa còn lại xem như chính phủ và Bộ Giáo Dục tài trợ miễn phí cho sinh viên trong 4 năm học đã thành tài và ra trường. Sinh viên có thể chọn lựa 1 trong 2 cách để trả lại tiền: cách thứ nhất, trả 1 lần tất cả số tiền phải trả; cách thứ 2, trả mỗi tháng 100, 200 hay 500 Euro cho quỹ học bổng, và từ quỹ này các Sinh viên khác nhận để tiếp tục được đi học. Đây có thể là một mô hình giáo dục tốt chăng? Vì như vậy ai cũng có điều kiện để đi học, nếu người ấy muốn. Dĩ nhiên là việc này có nhiều cách khác nhau, nhưng tôi chỉ nêu ra một số vấn đề cơ bản như vậy. Quý vị nào muốn du học tại Đức có thể xem thêm những thông tin mới nhất của Chính phủ và Bộ Giáo Dục Đức cung cấp và cập nhật từng năm như vậy.

Chỉ riêng Phân khoa Giáo dục mà ngày trước gọi là Erziehungswissenschaft và bây giờ gọi là Pädagogik cũng chia ra 3 phạm trù cho sinh viên để chọn lựa là: Giáo dục tuổi trẻ, Giáo dục người lớn và Giáo dục cho những người thân thể bị khiếm khuyết. Theo tôi nghĩ thì chữ Erziehungswissenschaft thích nghi với chữ giáo dục hơn. Trong này có hai chữ được ghép lại là Erziehen (dạy dỗ, giáo dục) và Wissenschaft (khoa học); còn Pädagogik chỉ có nghĩa là đào tạo để ra làm Thầy giáo dạy học.

Ở Âu Châu hầu như các nước tại đây đều rất có nhân bản về chế độ y tế và giáo dục. Riêng Thụy Sĩ thì chú trọng giúp đỡ người tàn tật nhiều hơn người bình thường. Vì chính phủ tại đây quan niệm rằng: Một con người bình thường được sinh ra thì đã là một cơ hội tốt để người đó có thể tiến thân một cách dễ dàng trên con đường học vấn hay học nghề; trong khi đó những người sinh ra kém may mắn như bị đui mù, câm, ngọng, điếc hay kém phát triển về trí óc v.v... những người như thế vốn bị chịu nhiều sự thiệt thòi rồi, nên cần phải trợ giúp cho họ nhiều hơn những người bình thường. Do vậy quỹ phúc lợi, để hỗ trợ cho những người này đã gọi nhân viên phục vụ cho họ, và số tiền chính phủ đã chi trả không phải là ít. Có như vậy những người tàn tật họ không bị tổn thương về tinh thần.

Họ sẽ được nhân viên giáo dục và đào tạo đưa đón bằng xe hơi, hay những loại xe đặc biệt đến trường học chữ hay học nghề. Lo cho những người này ăn, uống, ngủ, nghỉ tại trường. Đến chiều lại mang trả họ về nhà với cha mẹ của họ; và ngày hôm sau lại tiếp tục sự đưa đón như thế. Trong khi đó tại quê hương Việt Nam chúng ta hiện thời, đối với những người bị thương tật vì lý do chiến tranh hay bẩm sinh, làm sao họ có thể cảm nhận được việc này ở các xã hội Tây Phương là một sự thật, chứ không phải là một hiện tượng mà họ đã từng mơ ước trong bao nhiêu năm tháng, nhưng không bao giờ có được?

Ở những nước Âu, Mỹ, Á, Úc tiến bộ thì có xe đưa đón học sinh lúc đến trường cũng như lúc từ trường trở về nhà. Vì cha mẹ hằng ngày phải đi làm, cho nên nhà trường cung cấp xe Bus và tài xế để lo việc di chuyển này cũng là điều khá tiện nghi, để cha mẹ học sinh có thể an tâm làm việc hằng ngày tại các hãng xưởng,

không phải bận tâm việc đưa, đón con mình. Đó cũng là cách tổ chức hay ở những xã hội Tây Phương.

Từ tiểu học lên trung học, học sinh có thể mang theo những hộp cơm trưa do cha mẹ ở nhà lo trước và đến giờ nghỉ trưa là chúng mang ra để dùng, khỏi phải về nhà dùng cơm đỡ tốn thì giờ. Ngoài ra một vài nhà trẻ hay trường Tiểu học và Trung học đều có cửa hàng phục vụ miễn phí cho những người học trò nào không có khả năng chi trả vì lý do gia cảnh khó khăn. Khi lên Đại Học thì giờ giấc học ở trường tương đối tự do và thoải mái hơn, người sinh viên có thể chọn giờ giấc và môn học thích nghi để đến trường và việc đến những nhà hàng hay Mensa, Kantine v.v... là những nơi mà sinh viên có thể dùng cơm trưa, chiều thoải mái. Ở đó giá cả rất rẻ vì có chính phủ trợ giá cho sinh viên.

Tại các nước chưa phát triển, sự giáo dục từ cấp Tiểu học lên đến Đại học, chỉ có một đường hướng nhất định, nhưng ở các nước văn minh thì người ta đã sàng lọc học sinh và sinh viên ngay từ những ngày tháng ban đầu, nên đứa trẻ biết rằng mình sẽ phải học ở trường nào và kết quả của ngày mai sẽ ra sao? v.v... Ví dụ như việc giáo dục ở cấp bậc Trung học ở Đức các học sinh được chia ra những cấp bậc khác nhau như:

Hauptschule, có nghĩa là những học sinh nào mà không có khả năng ở nhiều môn sau khi học Tiểu học thì Thầy, Cô giáo sẽ sắp học trò vào những lớp này. Nếu cuối năm sau đó học khá có thể tiến triển tốt thì Thầy, Cô giáo sẽ sắp những học sinh này học lên chung với những học sinh đang học Realschule; còn những trò khác vẫn còn kém thì ra học nghề.

Realschule là những học sinh trung bình không giỏi lắm mà cũng không dở lắm. Những học sinh này khi học xong Trung học cũng có thể học nghề cao hơn hay cũng có thể học chung với những học sinh giỏi bên những trường *Gymnasiums*chule.

Gymnasium tức là trường dành cho những học sinh Trung học có khả năng và trình độ về mọi môn ở Trung học, những học sinh này đủ điểm sẽ được tuyển thẳng vào Đại học và tùy theo kết quả cuối năm. Ví dụ như muốn chọn ngành Y, ít nhất phải từ điểm 1 đến điểm 2. Những ngành khác từ điểm 2 đến điểm 3. Nếu chẳng may người học sinh đó cũng đã học *Gymnasium* xong, nhưng kết quả cuối năm Trung học có số điểm từ điểm 3 đến điểm 4 thì phải chờ chỗ trống mới vào học Đại học được và dĩ nhiên là phải học những ngành yếu hơn, chứ không thể học Y hay Dược được.

Đó là sinh viên, học sinh người Đức chính hiệu. Nếu là người ngoại quốc thì còn phải trải qua những bước ngoặt như sau, mới được tuyển vào Đại Học của Đức: Đầu tiên, sau khi học xong Trung học tại nước sở tại phải học ít nhất là 2 năm tiếng Đức từ A1, A2 đến B1 & B2. Sau khi tốt nghiệp phải đủ điểm cần thiết của các trường tại Đức nêu ra thì mới có thể xin Visa, làm thủ tục vào Đức du học được. Khi đã có Visa vào Đức du học rồi, nhưng sinh viên này không thể thi trực tiếp vào Đại học mà phải thi vào học một năm dự bị Đại học cho những Sinh viên ngoại quốc, trường này gọi là *Studentenkollege*. Sau một năm học tiếng Đức ở đây, lúc ấy mới có đủ điều kiện để thi vào Đại học của Đức được và khả năng cũng như trình độ của một sinh viên ngoại quốc học ở Đức lúc bấy giờ tương đương như người Đức bản xứ và khi ra trường tấm bằng của hai sinh viên này giống nhau, chứ không có

sự khác biệt nào cả. Như chúng ta biết tiếng Đức là một ngôn ngữ rất khó, người Đức học còn khó khăn, hà tất là người ngoại quốc. Do vậy ở Đại Học bắt buộc sinh viên ngoại quốc phải học và siêng năng gấp đôi thì mới có thể đuổi theo kịp người Đức. Chẳng hạn ví dụ một sinh viên Việt Nam như bên trên thì chúng ta thấy rằng nếu học sinh đó học ở tại Việt Nam sau khi xong Trung học thì thi tiếp vào Đại học để học 4 năm sau ra Cử nhân, học tiếp 2 năm Cao học và 3 – 5 năm Tiến sĩ, nhưng muốn học ở Đức, xem như phải mất thêm 3 năm nữa để trau dồi tiếng Đức trước khi vào Đại học. Nghĩa là cùng đồng thời gian, nếu tiếp tục học ở Việt Nam thì đã tốt nghiệp sau 4 năm Đại học, nhưng nếu muốn học ở Đức thì chỉ mới xong năm thứ nhất. Do vậy chúng ta phải thấy rằng tiếng Đức khó là dường nào.

Thời của chúng tôi học ở Việt Nam, tất cả các học sinh đều cho học chung vào một lớp kể từ Trung học Đệ nhất cấp cho đến hết Trung học Đệ nhị cấp. Có nhiều người học không nổi phải bỏ học giữa chừng và trở về quê làm ruộng, chứ không có con đường thứ 2 hay thứ 3 như cách tổ chức ở các nước phương Tây để người học trò dễ quyết định là nên chọn đường đi tiếp như thế nào.

Ở Việt Nam có trường Trung học Kỹ Thuật (THKT) Cao Thắng ở Sài Gòn hay trường THKT Đà Nẵng, THKT Huế... là những trường trung học dạy chuyên môn gồm có 2 ban: Ban Chuyên nghiệp dạy học sinh học song song văn hóa và học nghề, sau 3 năm thì thi vào các trường Cao đẳng Chuyên môn; Ban Toán học đến tú tài như các trường trung học khác nhưng thêm phần kỹ nghệ họa, các ngành nghề chuyên môn, toán chuyên sâu để chuẩn bị cho học sinh sau khi có tú tài kỹ thuật xong thì có thể học tiếp tục dễ dàng ở các trường đại học ngành kỹ sư. Những

trường trung học kỹ thuật này có tài trợ đặc biệt của chính phủ nên học sinh có điều kiện thuận lợi cho việc học tập, mỗi lớp học chỉ có nhiều nhất là 40 học sinh thôi, trong khi ở các trường phổ thông lớp học 70, 80 học sinh là chuyện thường. Nhưng cả nước Việt Nam chỉ có một vài trường như thế, thật là quá ít. Đó là chưa nói đến học sinh khuyết tật, phần đông không có cơ hội để đến trường như các nước Tây Phương và cuộc đời của họ sau này chỉ bán vé số hay đi hát dạo, làm thuê, làm mướn để kiếm sống qua ngày.

Cũng là con người, nhưng nhờ phước duyên ở nhiều đời, nhiều kiếp khác nhau nên người thì sinh ra được đẹp đẽ, lành lặn đầy đủ cả tứ chi; kẻ sinh ra bị khiếm khuyết thân thể xấu xí; người thì sống trong cảnh giàu sang, sung sướng; kẻ lại lâm vào cảnh nghèo nàn, cực khổ. Tất cả không ai có thể tự chọn lựa cho mình, mà tất cả đều do nhân duyên và nghiệp lực nơi tiền kiếp mà thôi. Do vậy chúng ta nên tu nhân tích đức ngay từ bây giờ vốn là điều rất cần thiết vậy.

Còn giáo dục người lớn thì sao? Người đã trưởng thành rồi có cần nên giáo dục? Nếu bảo rằng sự tu và sự học mãi cho đến khi nắp quan tài đập lại (cái quan luận định) rồi mới có luận chuyện được mất của người đã nằm trong quan tài kia, thì bất cứ ai và bất cứ cái nào cũng cần học hỏi tu tập hết. Người lớn học về tâm lý giáo dục, hoàn cảnh giáo dục, tâm sinh lý giáo dục v.v... nghĩa là có nhiều phương diện mà người lớn cũng cần phải traу giồi; chứ không phải chỉ có trẻ con hay người khuyết tật.

Nhớ có lần, dịp đó là đầu năm 1973, khi chúng tôi chọn ngành giáo dục để học, hôm đó học giờ giáo dục xã hội học của một vị

Thầy lớn tuổi người Nhật tên là Yoshida. Nhìn đầu tóc bạc phơ của ông, ai cũng phải nể, vì ông đã trải qua ngần ấy thời gian đi dạy chắc chắn sẽ là những người có kinh nghiệm nhiều. Ông đã hỏi chúng tôi bằng tiếng Nhật rằng: Các anh chị chọn ngành giáo dục để học. Vậy giáo dục là gì thế?

Dĩ nhiên những sinh viên mới vào đời như chúng tôi, mỗi người đều có cách suy nghĩ và cách trả lời riêng cho sự hiểu biết của mình, nhưng cô cậu nào cũng đảo mắt nhìn nhau, chẳng ai phát biểu gì cả. Có lẽ đây cũng là quan niệm về cách sống của người Nhật. Họ đa phần muốn nghe hơn là muốn nói. Cho nên tục ngữ Nhật Bản cũng thường hay nhắc đến là: “Ông Trời sinh ta ra có đến 2 cái lỗ tai và chỉ có một cái miệng”. Nói vậy ai mà chẳng biết, nhưng hàm ý: hai lỗ tai có nghĩa là phải lắng nghe gấp đôi và một cái miệng có nghĩa là phải nói ít hơn nghe. Nếu ứng dụng câu tục ngữ này vào người Việt Nam mình thì chắc rằng không đúng, vì người Việt Nam mình nhiều người thích nói khoa trương về mình hơn là thích nghe người khác.

Thầy Yoshida chậm rãi cắt nghĩa từng tiếng một như sau: Giáo có nghĩa là dạy, chỉ bày; còn dục có nghĩa là mong muốn cho được trưởng thành qua sự dạy dỗ ấy. Đó gọi là giáo dục. Nếu người làm Thầy, làm Cô giáo đi dạy học trò, mà không muốn người học trò trở thành người hữu dụng cho xã hội thì sự dạy dỗ ấy mang theo được ý nghĩa gì? Ông ta giải thích một hơi, bọn sinh viên mới vào học năm thứ nhất của chúng tôi ai cũng gật đầu và ông thao thao bất tuyệt giảng tiếp.

Năm học thứ nhất và năm học thứ hai ở Đại Học Teikyo, thuộc thành phố Hachioji gần Tokyo, chúng tôi học tổng quát các môn

học về đạo đức, tâm lý, xã hội v.v... Từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 4 thì chúng tôi học chuyên khoa, người thì lấy tiếng Nhật làm chính, nên theo ngành giáo dục quốc ngữ cho người lớn. Riêng tôi thì chọn ngành giáo dục về Anh ngữ và đến năm thứ tư thì tôi đi thực tập hướng dẫn tiếng Anh cho học sinh Trung học Đệ nhị cấp cũng tại trường này. Tôi có lợi điểm là người ngoại quốc, nên dùng tiếng Anh để giảng bài chen thêm Nhật ngữ và cuối khóa thực tập năm 1976, Thầy, Cô giáo Anh văn phê duyệt trong sổ thực tập là: “Quá tốt cho một giáo trình Anh văn khi dạy cho học sinh” và cũng trong năm đó tôi viết xong luận văn tốt nghiệp về “Giáo dục Anh ngữ dưới thời kỳ Minh Trị Duy Tân”. Đây cũng là cơ hội để tôi đi tìm hiểu về lịch sử của Nhật Bản trong thời kỳ thay đổi đặc biệt này, và luận văn của tôi được xếp vào loại Ưu hạng của Phân khoa Giáo dục thưở ấy. Chẳng bù với những năm thứ nhất và thứ hai khi nghe Thầy, Cô giảng, chúng tôi nghe tiếng Nhật không hiểu được 50%. Trước khi tốt nghiệp một năm mỗi Sinh viên phải chọn Giáo sư hướng dẫn làm luận văn ra trường và tôi đã chọn đúng Thầy, nên kết quả luận văn của tôi mới được như vậy.

Đầu tiên là tôi tạo nên một mục lục nhiều chương và mỗi chương như vậy có nhiều phần nhỏ đi kèm. Tôi tập suy nghĩ bằng tiếng Nhật, viết ra bằng Nhật ngữ; chứ không suy nghĩ bằng tiếng Việt, mặc dầu tôi ở Nhật cho đến năm 1976 mới chỉ 4 năm thôi (1972-1976). Bản nháp của luận văn này bây giờ tôi vẫn còn giữ lại đó và được đóng bìa cứng mạ vàng, đang để trong tủ kính sách của tôi tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover. Tôi tự hãnh diện về mình, vì cả một quyển luận văn ra trường trên dưới 100 trang viết bằng Nhật ngữ như thế mà bút phê màu đỏ của Thầy hướng dẫn không nhiều. Điều này chứng tỏ rằng sự suy nghĩ và câu văn

tiếng Nhật của tôi đã vững vàng rồi. Thình thoảng lại thấy được ba khuyên tròn (ooo; có nghĩa là tốt hay hay nhất); nhiều chỗ thì ông không khuyên mà là điểm (``; có nghĩa là trên trung bình). Đây là cách chấm bài của người xưa và chỗ nào viết sai chữ Hán hay tiếng Nhật thì ông ta sửa lại dùm. Sau đó tôi chép lại một quyển thật đẹp, thật sạch và nộp cho trường Đại Học. Luận văn này rất đặc biệt, vì đây là luận văn của người ngoại quốc như tôi viết bằng tiếng Nhật của Phân khoa Giáo dục đầu tiên được mở ra tại Đại Học Teikyo niên khóa 1973-1977.

Một vị Thầy của một Đại Học khác ở Tokyo tên là Kikuike đã xem luận văn này của tôi có vẻ đặc ý, nên đã cho đăng lại trong tờ Luận Tập của Đại Học ngắn hạn Iwaki vào ngày 20.4.1978. Tài liệu này dùng để cho Sinh viên tham khảo.

Đến một ngày vào cuối tháng 3 năm 2017 qua sự giới thiệu của ông Akiyama, tôi về Nhật và nói chuyện với các Sinh viên Nhật Bản nhan đề là: “Tại sao người Việt Nam bỏ nước ra đi”. Tôi thuyết trình bằng tiếng Nhật và hai bên tấm bảng đen có cho phụ đề Anh ngữ và Đức ngữ. Đứng từ trên bậc cao nhìn xuống và nói rào rào bằng tiếng Nhật cho Thầy giáo và sinh viên người Nhật nghe, tôi cảm thấy vui vui. Vì ngày xưa cách đây 45 năm về trước (1972-2017) tôi đến Nhật để học những tinh hoa văn hóa, giáo dục cũng như tôn giáo của họ và bây giờ đây chính là cơ hội để mình giới thiệu lại văn hóa của quê hương mình, của nước Đức và của những nơi mà tôi đã trưởng thành cũng như ghé ngang qua, cho những sinh viên Nhật Bản ngày nay rõ biết.

Cuối cùng tôi cho họ đặt câu hỏi bằng cả 3 ngôn ngữ là: tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Đức; nhưng rồi chỉ có nghe hỏi bằng

tiếng Nhật mà thôi. Người Nhật Bản tuy rất giỏi về ngôn ngữ, nhưng họ rất e dè, bởi lẽ cách phát âm của họ không hay mấy. Lý do chính vì tiếng Nhật từ âm nhiều và mẫu âm ít, nên mới ra có sự ấy. Riêng người Việt Nam chúng ta có nhiều lợi thế, hơn cả tiếng Trung Quốc, vì tiếng Việt có đến 5 âm rưỡi, trong khi tiếng Trung Quốc chỉ có 4 âm rưỡi và tiếng Nhật hầu như không có dấu nhấn nào cả. Ví dụ viết chữ Yokohama thì viết sao đọc vậy, không cần thêm dấu giọng vào. Nếu ai đó nói tiếng Nhật mà uốn éo lên xuống như tiếng Việt thì sẽ bị sai hoàn toàn.

Ở Đức nếu muốn tiếp tục học ở bậc hậu Đại Học thì phải biết tiếng Đức và đây là lý do để tôi phải tiếp tục đi đến trường trong khi quyết định ở lại Kiel, sau 3 tháng đã hết hạn Visa du lịch vào Đức từ 24 tháng 4 năm 1977. Đây là thời điểm quyết định có liên quan về tương lai của tôi sau này tại Đức. Bác sĩ Thị Minh Văn Công Trâm lúc ấy còn là sinh viên Y khoa của Đại Học Kiel dẫn tôi lên trường Volkhochschule (Trường Cao đẳng cộng đồng) để ghi danh học tiếng Đức. Thế là tôi đã chính thức bắt đầu phiêu lưu với ngôn ngữ khó nhất nhì trên thế giới này. Cái khó về phát âm đã đành, mà cái khó về văn phạm, chữ nghĩa nữa. Tiếng Pháp với tôi là sinh ngữ một, nên nhiều lúc so sánh với tiếng Đức thấy có cái gì nó không ổn về giống đực, giống cái v.v...

Ví dụ như mặt trời tiếng Việt không phải thuộc giống nào cả, mà tiếng Pháp là “le Soleil” thuộc về giống đực; trong khi đó tiếng Đức là giống cái “die Sonne”. Mặt trăng theo tiếng Việt thì chẳng thuộc giống nào cả; nhưng tiếng Pháp lại là giống cái “la Lune” và trong khi đó tiếng Đức lại là giống đực “der Mond”. Đó là chưa kể việc những mạo từ như der, die, das. Tại sao cái nhà lại là das Haus? Giữ trung tính trong khi đó tiếng Pháp hay tiếng Anh lại

không? Ngoài ra những cách dùng của Akkusativ, Dativ, Genitiv v.v... thôi thì đủ loại, đủ thứ chẳng biết đâu mà dò. Điều quan trọng của việc học ngoại ngữ là phải học thuộc lòng thôi. Đây là cách hay nhất vậy.

Ví dụ như trong khi tiếng Nhật, động từ nằm ở cuối câu thì tiếng Đức cũng như vậy, nhưng chỉ khi nào có trợ động từ đi trước.

Ví dụ như câu: Ngày mai tôi muốn đi đến trường. Morgen möchte ich in die Schule gehen. Câu này nếu phân tích từng câu từng chữ sẽ tuân tự theo vị trí được sắp đặt như sau: Morgen là trạng từ chỉ về thời gian; möchte là trợ động từ. Ich là chủ từ. In die Schule là trạng từ chỉ nơi chốn và gehen là động từ chính của câu nói này. Nhưng khi dùng cho thì hiện tại, không cần trợ động từ thì câu văn tiếng Đức cũng giống như cách cấu tạo câu văn tiếng Pháp vậy.

Ví dụ: Aujourd'hui je vais à l'école. "Hôm nay tôi đi học", tiếng Đức sẽ nói là: Heute gehe ich in die Schule. Còn tiếng Anh khi muốn dùng trợ động từ trong một câu như: Tôi muốn nói chuyện với anh. "I would like to speak with You". I là chủ từ, would like to là trợ động từ và speak là động từ chính. Như vậy mỗi ngôn ngữ có một cách cấu tạo và biến đổi khác nhau, người học ngôn ngữ sẽ không được lơ đãng về việc này. Thật ra khi một người ngoại quốc nói sai văn phạm hay phát âm không đúng, người địa phương cũng tỏ ra thông cảm, nhưng nếu chúng ta nói thật chuẩn về phát âm cũng như văn phạm, thì người địa phương của nước đó cảm phục vô cùng.

Người ngoại quốc mà còn biết sâu sắc về phong tục, tập quán, ngôn ngữ của người địa phương và đôi khi còn dùng đến thành

ngữ hay tục ngữ, ca dao, phong dao v.v... để chen vào khi nói chuyện thì sẽ được tôn trọng và nể nang. Ngược lại nếu một người trí thức khi học một ngoại ngữ mà nói không vững về văn phạm, phát âm sai v.v... quả là một thất bại đáng trách vậy.

Mấy tháng đầu của năm 1977 tại Kiel tôi ở chung tại Ký Túc Xá của sinh viên với Bác sĩ Trâm và hằng ngày lên trường Cao đẳng cộng đồng, tối về nhờ Trâm chỉ thêm văn phạm cũng như cách phát âm tiếng Đức. Nhờ vậy mà tiếng Đức đối với tôi có sự tiến bộ rất rõ rệt; mặc dầu lúc ấy tôi cũng đã gần 30 tuổi rồi. Tuổi này không phải là tuổi để có thể dễ dàng học ngoại ngữ khó như tiếng Đức, nhưng lòng đã quyết ở lại quê hương này nên tôi đã tìm cách vào Phân khoa Đức ngữ của Đại Học Kiel để tiếp tục học cho đến đầu năm 1978 thì dời về Hannover vì tôi chính thức đã có giấy chấp nhận vào học (Zulassung) của Đại Học Hannover gửi, qua sự giúp đỡ của anh Lâm Đăng Châu lúc bấy giờ. Những ngày tháng bồng bềnh nơi đất khách, quê người, có người giúp đỡ được như vậy là quý lắm. Chẳng bù với những ai đó không có những người thân quen, mà còn không được sự giúp đỡ của người đồng hương nữa. Quả là một mất mát không nhỏ của một người sống xa nơi đất mẹ nghìn trùng.

Đầu tư cho sự giáo dục là đầu tư lâu dài, còn đầu tư cho kinh tế có thể có lợi nhuận trước mắt, nhưng giàu đó rồi nghèo đó; còn đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho giá trị căn bản lâu dài cho con người về văn hóa, đạo đức, lý trí cho nhiều thế hệ tiếp theo sau nữa. Đây là lý do chính để tôi hỗ trợ cho quý Thầy, quý Cô du học tại Ấn Độ trong 19 năm (1994-2012) và nhiều nơi khác trên thế giới nữa. Bây giờ tôi đã lớn tuổi rồi và dành cơ hội này cho những thế hệ về sau cứ tiếp tục giúp đỡ và nhân lên mãi như thế nữa, thì

quê hương đất nước được nhờ. Có nhiều Thầy Cô sợ tôi đưa ra điều kiện là sau khi thành tài rồi phải làm gì để đền đáp lại công ơn ấy. Tôi bình thản trả lời rằng: “Tôi không cần bất cứ một sự đền ơn nào hết từ quý Thầy quý Cô cả, mà chỉ mong một điều duy nhất là quý Thầy, quý Cô phải học cho xong những học vị MA, Ph. D. sau đó tỏa ra đi làm việc khắp nơi và nếu có điều kiện về sau này thì cứ tiếp tục giúp đỡ cho những thế hệ đi sau có thể tiến thân như quý Thầy Cô là đủ rồi”. Đây có thể là quan niệm về giáo dục và cách truyền trao kinh nghiệm của tôi đến với những vị đã nhận học bổng của Viên Giác vậy.

Sau này cũng có một số quý Thầy, quý Cô ra trường rồi, đều nhớ ơn ấy và đang âm thầm lập những quỹ học bổng mang tên tôi, gửi đến những sinh viên Tăng Ni du học ở ngoại quốc có hoàn cảnh khó khăn để họ nương tựa vào đó, có thể học xong học trình còn lại của mỗi người.

Nguyễn Thông là người bạn tri kỷ của tôi học cùng lớp từ thời còn học Tiểu Học trường làng Xuyên Mỹ. Đến Trung Học thì tôi đã đi xuất gia, học tại Bồ Đề Hội An, trong khi đó Thông học ở Duy Xuyên và Đà Nẵng. Cuối cùng năm 1974 tôi có về thăm quê thì đã cùng Thông đi các nơi như: Bến Tre, Cần Thơ v.v... để thăm viếng trước khi về lại Nhật Bản để học tiếp thì Thông có tâm sự rằng:

“Làm Bác sĩ nếu lỡ tay có thể chỉ làm hại một mạng người; còn người theo con đường giáo dục, nếu lỡ tay có thể làm hại cho nhiều thế hệ”.

Tôi biết câu nói này là của một bậc danh nhân nào đó, bây giờ Thông chỉ nhắc lại thôi. Bây giờ đây cả Thông và Lợi là hai người

bạn thân quen từ thuở còn là học trò, không còn hiện hữu trên thế gian này nữa, nhưng những gì mà bạn đã nói thuở nào với tôi tại bến Ninh Kiều ở Cần Thơ cách đây gần 50 năm về trước là điều chẳng sai chút nào cả.

CHƯƠNG III:

THẾ NÀO LÀ VĂN HÓA?

Văn hóa (culture). Văn trong nghĩa văn minh; hóa trong nghĩa giáo hóa. Nên giáo hóa theo cái văn minh mỗi thời đại. Văn hóa phú hào: Culture bourgeois. Văn hóa Mác-xít: Culture Maxiste. Điều hiểu biết, kiến thức: văn hóa cao. Trình độ văn hóa: niveau de culture (*Việt Nam Đại Tự Điển của Thanh Nghị*).

Theo định nghĩa khác thì văn hóa có nghĩa là văn học và giáo hóa; tức sự học hỏi, dạy dỗ bằng chữ nghĩa, văn chương. Nền văn hóa, trình độ văn hóa, kém văn hóa, thối nhuần văn hóa. Mọi căn đùng về đời sống có tổ chức của một dân tộc như: kinh tế, pháp luật, mỹ thuật, văn chương v.v...; Văn hóa đông phương (*Việt Nam tự điển quyển hạ của Tác giả Lê Văn Đức cùng một nhóm văn hữu soạn và Lê Ngọc Trụ hiệu đính*).

Căn cứ theo hai tác giả bên trên đã định nghĩa về văn hóa theo tiếng Pháp và Việt ngữ, chúng ta ở đây có thể đi vào từng lãnh vực một để hiểu sâu về các từ nầy cũng như nguồn gốc của một dân tộc, một quốc gia, một thể chế v.v...

Văn có nghĩa là văn minh và hóa có nghĩa là giáo hóa. Văn minh là sự sáng tạo, sự phát triển về khoa học kỹ thuật, về những sáng chế mới mà lâu nay chưa có người phát hiện ra. Có thể ví dụ mỗi năm chính quyền Na Uy và Thụy Điển đều có phát những giải Nobel về các lãnh vực văn chương, kinh tế, chính trị, nhân quyền, y khoa, hóa học, quyền làm người v.v... Những giải thưởng này vinh danh cho những người suốt cả một cuộc đời đã có công tìm tòi cái mới, cái hay, cái đẹp mà lâu nay chưa có người sáng tạo ra. Họ là những người làm cho thế giới giàu có hơn về vấn đề tri thức và đời sống thực dụng trong một đất nước văn minh, muốn tìm cầu hạnh phúc cho nhân loại.

Hóa ở đây cũng có nghĩa là giáo hóa, có nghĩa là con người cần phải được dạy dỗ, phải tôi luyện, phải trau giồi qua thời gian và năm tháng ở nhiều lãnh vực khác nhau trong đời sống hằng ngày và những việc nầy đã trở nên thuần thục về mọi khía cạnh, nên gọi là hóa. Hóa ở đây cũng có thể hiểu là thay đổi, đổi mới cái gì đã quá cũ theo thời gian, không còn thích hợp nữa.

Tôi đã nhiều lần đi Trung Hoa lục địa để viếng thăm Tứ Đại Danh Sơn (gồm Phổ Đà Sơn, nơi Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện; Nga Mi Sơn, nơi Đức Phổ Hiền Bồ Tát hiện thân; Cửu Hoa Sơn, nơi Đức Địa Tạng Bồ Tát hóa thân và Ngũ Đài Sơn nơi Ngài Văn Thù Bồ Tát hiển bày), và sau khi về lại Đức đã viết hai quyển sách “Theo Dấu Chân Xưa” (1998) và “Vọng Cổ Nhân Lâu” (1999). Đã đi

qua nhiều thành phố lớn nhỏ của Trung Quốc, nên có nhận xét rằng: Tại Trung Quốc có văn hóa, mà không có văn minh. Bởi lẽ nhiều nơi ở Trung Quốc còn sống đời sống lạc hậu lắm, so với Nhật Bản hay Nam Hàn bên cạnh. Những nước này vốn dĩ được ảnh hưởng bởi nền văn hóa Trung Hoa lâu đời, nhưng ở vào đầu thế kỷ thứ 20, 21 họ đã bỏ xa Trung Quốc về những phát minh ở những lãnh vực khoa học, kỹ thuật; trong khi đó Trung Quốc thuở ấy hầu như giậm chân tại chỗ với văn hóa Maxiste của mình. Nhận định này chỉ là quan điểm của tôi thuở ấy, nhưng ở thời điểm bây giờ của năm 2022 thì đã thay đổi khá nhiều rồi. Giống như Đức Phật đã nói trong quyển 2 kinh Đại Bát Niết Bàn rằng: “Tất cả các pháp đều bất định, nên nhất xiển đề cũng bất định”. Nhất xiển đề là một danh từ để gọi cho những ai không tin bất cứ một thứ gì cả như: nhân quả, tội báo, kiếp trước, kiếp sau v.v... nhưng ở nơi tận cùng tâm thức của họ có một ngày sẽ thay đổi tốt hơn, để tiến vào đời sống cao hơn những gì mà quá khứ họ đã suy nghĩ.

Trong rất nhiều kinh điển khác nhau của nhà Phật định nghĩa rất rõ, là những người phạm tội ngũ nghịch (*giết cha giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu và nhứt xiển đề*) không có khả năng thành Phật. Nhưng cũng có nhiều kinh điển như: Đại Bát Niết Bàn, kinh Quán Vô Lượng Thọ phần quán thứ 16 về cứu phẩm liên hoa (*phân hạ phẩm hạ sanh*). Ở đây phải cần hai điều kiện quan trọng là chính cá nhân người đã gây ra tội lỗi phải biết xấu hổ, hổ thẹn và nhân tố thứ 2 quan trọng hơn cả là phải có thiện hữu tri thức đi kèm. Thiện hữu sẽ khuyên ta làm lành lánh dữ, bỏ ác làm thiện và người đó có thể là chồng, là vợ, là bạn đạo hay người thân quen v.v... giúp ta chánh niệm khi lâm chung.

Do vậy những gì của ngày hôm nay đúng, ngày mai có thể sai; cho nên Đức Phật nói rằng: Tất cả các pháp đều bất định là như vậy.

Ở đây đề cập đến việc nên giáo hóa theo văn minh của mỗi thời đại. Nền văn minh của nhân loại có thể hiểu theo quy luật thành, trụ, hoại, diệt của Phật giáo thì dễ dàng chấp nhận hơn. Bởi lẽ cái gì có hình tướng đều phải trải qua những biến thiên của thời gian như sinh ra, lớn lên, suy tàn rồi diệt vong và cứ thế sự xoay vần theo lẽ tự nhiên ấy được lặp lại như từ lúc ban đầu. Ngày nay người ta khám phá qua khảo cổ học đã tìm được rất nhiều chứng cứ là con người đã văn minh từ nhiều ngàn năm rồi, nhưng những nền văn minh ấy đã bị vùi lấp xuống biển sâu, hay những trận động đất đã chôn vùi tất cả lầu đài dinh thự và con người; nên chúng ta phải công nhận là sự giáo hóa ấy phải theo sự văn minh của từng thời đại. Chẳng hạn như chúng ta hiện tại ở thế kỷ thứ 21 này sống với khoa học, kỹ thuật quá đầy đủ tiện nghi; nhưng nếu một mai đây quả đất này không còn nhiên liệu như gas, điện nữa thì con người phải trở về thuở sơ khai của đất trời cũng là lẽ tự nhiên thôi. Điều này cũng ứng hợp với thuyết Tiểu Tam Tai và Đại Tam Tai như Đức Phật đã nói trong luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới này vậy.

Văn hóa phú hào (culture bourgeois): nghĩa là nền văn hóa giàu có. Một nền văn hóa giàu có là nền văn hóa có nhiều sắc thái khác nhau của văn học, nghệ thuật, hội họa, tư tưởng v.v... Chũ giàu có người xưa gọi là phú hào hay phú nông, địa chủ v.v... Còn ngày nay ở Việt Nam người ta định nghĩa về người giàu có là đại gia. Không biết danh từ này phát xuất từ đâu và do ai bắt đầu gọi như vậy; thật ra hai chữ này theo nghĩa của chữ Trung Quốc trong hiện tại có nghĩa là: mọi người. Ví dụ mỗi buổi sáng khi gặp nhiều

người, người đối diện hay chào mọi người là: “Chintien tacha hạo ma?” (*hôm nay mọi người (bà con) có mạnh giỏi không?*). Cứ như thế một người nói và hiểu sai và cả nước đều hiểu sai như vậy. Nếu hiểu theo nghĩa đen 2 chữ đại gia nó có nghĩa là “nhà lớn”. Vì nhà lớn nên người ta hiểu là nhà giàu chăng? điều này theo văn minh trong hiện tại thì người Việt Nam trong nước phải nên cân nhắc lại khi dùng 2 từ này.

Văn hóa Maxiste (culture Maxiste) là nền văn hóa theo chủ nghĩa Cộng sản. Chủ nghĩa này phát sinh ra vào đầu thế kỷ thứ 20 (1917) và cho đến năm 1989 chính thức đã bị hủy diệt bởi những người dân Đông Đức đã ý thức về sự tự do và văn minh của nhân loại. Nên vào ngày 9 tháng 11 năm đó có hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn, rồi cả nước Đông Đức đã đứng lên hò hào làm sụp đổ bức tường ô nhục Bá Linh, được xây dựng để chia hai lãnh thổ của Đức từ năm 1949 thành hai cực khác nhau. Miền Đông Đức theo chủ nghĩa Maxiste; thủ đô đóng tại Đông Bá Linh và miền Tây Đức theo chủ nghĩa Tự Do, thủ đô mới dời về địa phương Bonn gần biên giới của nước Pháp. Đến năm 1990, 1991 toàn thể Đông Âu kể cả Nga Sô, tất cả các nước cộng sản đồng loạt đứng lên loại bỏ chế độ Maxiste này ra khỏi guồng máy cai trị của họ, như vậy nền văn hóa Maxiste chỉ tồn tại ở Nga chừng 70 năm, còn ở Đông Đức cũng như ở các nước Đông Âu khác, trên dưới chừng 40 năm. Là một nền văn hóa có tên gọi hẵn hoi, nhưng chỉ tồn tại chưa đến một thế kỷ thì chúng ta đủ biết rằng nền văn hóa ấy không đáp ứng đúng với nhu cầu sinh sống của con người thời đại lúc bấy giờ. Rồi 100 năm sau, 1.000 năm sau nữa nền văn hóa Maxiste ấy sẽ dễ đi vào quên lãng, để con người sống theo một nền văn

minh, văn hóa khác không giống như những gì mà tổ tiên của họ đã dựng ra trước đó.

Văn hóa cũng là sự hiểu biết về một dân tộc, một con người có kiến thức văn hóa cao, không thể nhầm lẫn với một con người hay một dân tộc kém văn hóa ở nhiều phương diện khác nhau như: cách ăn, cách nói, cách bày tỏ cảm xúc hay sự thể hiện tình cảm đối với con người, sự vật hoặc động vật. Ví dụ như văn hóa của người Tây phương là thương thú vật như chó mèo giống như con cái của chính mình, nhiều khi còn hơn thế nữa. Trong khi đó ở Đông phương như Đại Hàn, Trung Quốc, Việt Nam v.v... ở nhiều địa phương vẫn còn mổ xẻ chó mèo để làm bữa ăn hằng ngày trong gia đình. Nếu ở phương diện này với người Tây phương được gọi là họ có một nền văn hóa cao; trong khi đó những người Đông phương không có hành động thân thương với động vật, lại còn mổ thịt chúng để ăn uống thì dưới cái nhìn của người Tây phương, có thể gọi đây là nền văn hóa thấp. Đứng từ Đông nhìn qua Tây có thể hiểu khác và ngược lại người bên Tây nhìn người bên Đông sinh sống có thể đánh giá ngược lại với giá trị mà họ đang thực hiện. Điều này có thể nói rằng: Ngay cả cách sống hay phong tục, tập quán của từng dân tộc trên quả địa cầu này, tất cả chỉ có tính cách tương đối và chưa có nơi nào tuyệt đối cả; mặc dầu nơi ấy có thể gọi họ là những người có trình độ văn hóa cao (niveau de culture). Kiến thức của mỗi người và mỗi dân tộc luôn khác nhau, không có nơi nào trên quả địa cầu này hoàn toàn giống nhau được. Ví dụ như người Nhật Bản, văn hóa bản địa của họ là vào nhà phải bỏ giày dép bên ngoài cửa và khi ngồi phải quỳ gập hai đầu gối lại; trong khi đó văn hóa của người Âu Mỹ lại khác hẳn điều này, có nghĩa là khi vào nhà không cần cởi giày dép và lúc

ngồi ăn uống hay tiếp khách, ngồi trên ghế thoải mái hơn là ngồi ở dưới đất như người Nhật hay người Đại Hàn.

Người Nhật nếu ăn không thành tiếng thì đó là chưa biểu hiện được tính cách mạnh dạng của một người; trong khi ở Âu Châu, khi ăn mà húp cháo hay suppe thành tiếng thì họ cho là người ấy kém văn hóa. Ngoài ra người Á Châu rất trọng lễ nghĩa, khi ngồi chung bàn phải có thứ tự trên dưới, già trẻ thứ lớp khác nhau; còn người Âu Mỹ thì bình đẳng hầu như ở mọi phương diện. Người Đức có thể ho, hỉ mũi một cách tự nhiên nơi bàn ăn, nhưng người Á Châu thì tránh tuyệt đối về vấn đề này. Người Âu Châu khi dùng bữa hai tay đều phải để lên bàn, trong khi đó người Á Châu đa phần không quan trọng về việc này, nghĩa là hai bàn tay để ở đâu cũng được, miễn sao tiện lợi cho việc ăn uống là được rồi.

Nếu kể ra chỉ riêng về văn hóa ẩm thực thôi, giữa Đông phương và Tây phương có quá nhiều điều khác nhau và cuối cùng chúng ta nên theo câu “Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc” là thích hợp nhất. Tương tự với việc này Đức Phật cũng đã từng dạy rằng: “Giới và luật ta đã chế ra, nhưng nầy các Tỳ Kheo! Sau khi ta diệt độ hãy ứng dụng việc giữ giới ấy tùy theo phong tục, tập quán của từng địa phương, mà các người đang sinh hoạt tại đó”.

Theo một định nghĩa khác về văn hóa có nghĩa là văn học và giáo hóa. Nói về văn học thì chiều sâu và chiều rộng ngút ngàn làm sao có thể định nghĩa đây. Chúng ta chỉ có thể nêu lên những tác phẩm văn chương, các nhà văn, nhà báo, nhà viết kịch v.v... là những nhà văn hóa. Những vị có tác phẩm nhiều như Đức Đạt Lai Lạt Ma bằng tiếng Tây Tạng hay được dịch sang tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Việt như tác phẩm: Freedom in Exil (Tự Do trong lưu

đầy) hay My Land and my People (Nước tôi và Dân tôi) v.v... là những tác phẩm hay văn hóa phẩm lừng danh trên thế giới. Người thứ hai có tầm ảnh hưởng lớn đến với cộng đồng Phật tử thế giới; đó là Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, Ngài đã viết ít nhất là 150 tác phẩm và có những tác phẩm của Ngài được dịch ra cả 50 đến 70 ngôn ngữ trên thế giới như: Bông hồng cài áo, Đường xưa mây trắng, Tri kỷ của Bụt v.v... Đây là những thành công tuyệt vời ở lãnh vực văn hóa và văn hóa phẩm của Phật giáo, giúp cho người ngoại quốc hiểu như thế nào là Phật học và con đường đi đến với Đạo Phật.

Những tác giả khác đã có nhiều công trình văn hóa đóng góp cho gia tài văn chương, văn học của Phật giáo như Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Hòa Thượng Thích Minh Châu, Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh v.v... Với những công trình đồ sộ như nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đã giúp cho nền văn hóa Phật giáo nước nhà có nhiều sự phát minh mới mẻ, có tính cách sáng tạo qua các tác phẩm như: Phật giáo Việt Nam Sử Luận 1, 2, 3 (*Tác giả: Nguyễn Lang tức Thiền sư Thích Nhất Hạnh*) hay Lịch Sử Phật giáo Việt Nam tập 1, 2, 3 (*Tác giả: Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát*) đã giúp cho người đọc có một cái nhìn sâu sắc về Phật giáo Việt Nam trải qua các giai đoạn khác nhau kể từ khi du nhập cho đến ngày nay.

Kể từ năm 1994 đến năm 2014, cố Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh du học tại Đài Loan và đỗ Tiến Sĩ tại đó, đã phát động phong trào dịch Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (*Taisho Shinshu Daizokyo*) bằng chữ Hán sang Việt ngữ. Cho đến năm 2014, 187

tập từ Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Bản Sanh và các kinh luật, luận khác đã được dịch sang Việt ngữ và đã cho in ấn tại Đài Loan, trung bình mỗi tập dày độ 500 đến 1.000 trang khổ A4, đóng bìa cứng mạ vàng rất trang nhã và đẹp mắt; khi chúng ta có cơ hội đọc đến bộ Đại Tạng Kinh này sẽ cảm nhận được điều đó. Tuy mới dịch đến giữa quyển 54 bằng chữ Hán của Đại Chánh Tạng, nhưng tiếng Việt đã có 202 tập rồi. Trung bình 1 tập chữ Hán, dịch sang được 4 tập tiếng Việt như vậy. Kể từ tập 188 đến tập 202 cũng như tập 203 thuộc về mục lục cũng sẽ được tử đệ của Hòa Thượng Tịnh Hạnh cho ấn hành tiếp cho đủ bộ 202 tập. Từ giữa quyển thứ 54 của Đại Chánh Tạng đến tập thứ 85 gồm những kinh, luận thuộc về Phật giáo Nhật Bản và Trung Hoa; nên cố Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh đã không cho dịch. Từ tập 86 đến tập thứ 100 gồm những họa đồ và hình vẽ tượng Phật, Bồ Tát cũng như các pháp khí v.v... nên không được dịch ra Việt ngữ. Quý vị nào cần tham cứu, có thể vào Đại Chánh Tạng bằng chữ Hán để tra cứu.

Tuy vậy bản dịch ra Việt ngữ của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh từ Đại Chánh Tạng chưa hoàn hảo lắm, bởi lẽ việc dịch thuật chưa có tính cách hàn lâm, vì thiếu những chú thích cần thiết ở cuối mỗi trang, cũng như không cho tên dịch giả vào ở mỗi bài kinh, luật, luận được dịch sang Việt ngữ; cho nên người tra cứu trích dẫn khó biết được ai là người đã dịch ra bản kinh này. Ngoài ra còn nhiều lỗi chính tả cũng như vài đoạn văn trong nhiều bài dịch chưa lột tả hết được ý chính của kinh văn. Có thể do trình độ của người dịch chưa đạt đến tiêu chuẩn dịch chuẩn mực, do ngôn ngữ và trình độ Phật pháp còn giới hạn. Đôi khi dịch sai ý tác giả, vì lẽ bản dịch từ Sanskrit sang Hán văn đã khác, rồi từ bản tiếng

Hán dịch sang Việt ngữ lại chệch ý thêm một lần nữa; khiến cho người đọc khó mà lý giải được điểm chính yếu của kinh văn muốn nói gì. Tuy nhiên đây là một bước ngoặt rất quan trọng đối với Phật giáo Việt Nam của chúng ta.

Để hoàn thành một tác phẩm văn hóa, một đại công trình dịch thuật tiêu biểu có tính cách Hàn Lâm, nên vào năm 2021 và năm 2022 dưới sự chủ trương và điều hành của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ và Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Hội Đồng Hoàng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời đã được thành lập, nhằm kiện toàn công tác phiên dịch có chuẩn mực hơn, và Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh từ Đại Chánh Tạng là bộ Đại Tạng Kinh thứ 2 được bắt đầu hình thành từ năm 2021. Đến năm 2022 thì Thanh Văn Tạng đã đầy đủ 29 tập, do nhà xuất bản Amarin ở Thái Lan in ấn.

Bởi lẽ trong Trường A Hàm, Tạp A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Bản Sanh v.v... các học giả Trung Hoa và Nhật Bản đã sắp xếp chung về kinh, luật, luận của Nam Truyền lẫn Bắc Truyền và Kim Cang Thừa vào những bộ kinh này. Nay thì Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cho sắp theo thứ tự kinh, luật, luận của Bồ Tát Tạng riêng và kinh, luật, luận của Mật Tạng riêng. Có như vậy những người nghiên cứu tu tập về sau này sẽ dễ dàng hơn. Ví dụ như Câu Xá Luận thuộc về Thanh Văn Tạng, chứ không thuộc về tinh thần Đại Thừa; trong khi đó Đại Chánh Tạng xếp Câu Xá Luận nằm chung với các tập luận trong A Hàm. Đây là một công trình biên khảo văn hóa, học thuật có tính cách hàn lâm, nhằm góp phần vào nền văn hóa Phật giáo cũng như nền văn hóa dân tộc Việt Nam có nhiều hình thức siêu việt hơn.

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ còn đi xa hơn nữa là muốn cho những bản kinh, luật, luận khi dịch ra Việt ngữ chuẩn mực hơn, nên Thầy đã chủ trương dịch thẳng từ tiếng Pali, Sanskrit, Tây Tạng sang Việt ngữ và không cần dịch trung gian qua Hán ngữ. Có như vậy độ chính xác sẽ có nhiều sự tin tưởng hơn là “Tam sao thất bản” (*Ba lần sao chép, mất đi ý của bản chính*).

Những bộ kinh sẽ được đưa vào Bồ Tát Tạng như Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn, Đại Bảo Tích, Đại Bát Nhã do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh và Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm dịch. Theo Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cho biết cũng cần phải hiệu đính kỹ lại và so sánh với tiếng Phạn để độ chính xác nhiều hơn, mặc dầu trong mấy mươi năm nay chư Tăng Ni và những Cư Sĩ Phật tử đã trì tụng hay lễ bái những bộ kinh này rất là nhuần nhuyễn. Nếu không có những bậc Thầy vĩ đại như Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm đã miệt mài trong mấy mươi năm trường mới dịch xong được những bộ Kinh Trường A Hàm này. Ví dụ như bộ Kinh Đại Bát Nhã, Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm phải dịch suốt trong 8 năm trường (1972 – 1980). Trong khi đó Ngài Huyền Trang chủ trì dịch kinh này tại Trung Quốc chỉ 3 năm mà thôi (*từ ngày Mồng Một tháng Giêng năm 661 đến tháng 10 năm 663 thì xong*). Bởi lẽ Hội dịch kinh của Ngài Huyền Trang có đến cả trăm học giả tu sĩ và cư sĩ, do vua nhà Đường bảo trợ; trong khi đó quý Ngài ở Việt Nam dịch kinh Phật chỉ đơn thân độc mã một mình, cho nên tinh thần này đáng quý biết bao. Vua chúa các nước Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản đã bỏ tiền của và nhân lực ra để hỗ trợ cho văn hóa của Phật giáo được phát triển; trong khi đó các vua chúa tại Việt Nam chúng ta nếu xem qua chiều dài lịch sử mấy ngàn năm thì chưa có vị vua hay chính quyền nào giúp đỡ

cho phương tiện để in Đại Tạng Kinh như ba nước theo Đại Thừa Phật giáo đã nêu trên.

Ngay cả bộ Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh gồm 203 tập, nhưng tất cả tiền ấn phí đều do Phật tử Đài Loan và Phật tử Việt Nam khắp nơi trên thế giới phát tâm cúng dường, chứ không có một cơ quan nhà nước nào tài trợ cả. Bây giờ đến lượt Thanh Văn Tạng, Bồ Tát Tạng và Mật Tạng của Hội Đồng Hoằng Pháp xuất bản cũng do Phật tử khắp năm châu hỗ trợ cúng dường, chứ chưa có một chính phủ nào tài trợ. Đây là công việc không nhỏ, phải có nhiều người đóng góp mới thành tựu được. “Đồng tay vỗ nên kêu” là vậy hay “phép vua thua lệ làng” cũng là điều nên hiểu cho tình trạng của Phật giáo Việt Nam xưa nay vốn là như vậy.

Để thể hiện thực nghiệm tính cách siêu việt văn hóa qua lời kinh, Thầy trò chúng tôi kể từ năm 1984 đến nay vào ngày Mồng Ba Tết đều trì tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, và bộ kinh này Thầy trò chúng tôi cũng đã phát tâm lạy mỗi chữ mỗi lạy như thế trong nhiều năm, vào 3 tháng An Cư Kiết Hạ của chúng lý chùa Viên Giác tại Hannover, Đức quốc. Đến bộ Kinh Đại Bát Niết Bàn gồm 2 tập, dày trên 1.500 trang chúng tôi cũng đã phát tâm lạy mỗi chữ mỗi lạy và kinh này hoàn nguyện vào năm 2019, khi chúng tôi tròn 70 tuổi đời và 55 năm tu học nơi cửa Thiền tại Việt Nam, Nhật Bản cũng như tại Đức. Quý Thầy Hạnh Tuệ và Sư Cô Hạnh Thông đã phát tâm lạy Kinh Đại Bảo Tích gồm 9 quyển, mỗi quyển dày 500 đến 700 trang cũng đã xong trong nhiều năm trước; ít nhất cũng trên 1.000.000 chữ có nghĩa là 1.000.000 lạy. Nếu kể trung bình mỗi ngày lạy được 1.000 lạy thì lấy con số 1 triệu lạy để chia cho 1.000 lần thì phải tốn ít nhất là 1.000 ngày đêm như thế; 1.000 ngày đêm, có nghĩa là mỗi ngày trong hơn 3 năm trường lạy liên

tục như vậy không gián đoạn ngày nào cả, mới được như vậy. Nếu đau ốm liên tục thì khó mà thực hiện được mục tiêu này. Công đức thật là vô lượng vô biên.

Từ ngày 16 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019, Thầy Hạnh Tấn, một trong những đệ tử lớn của tôi đã phát tâm cùng 100 vị Tăng Ni và Cư sĩ trì tụng bộ Kinh Đại Bát Nhã của Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm dịch ra Việt ngữ gồm 24 cuốn, nhằm báo đáp thâm ân Thầy Tổ, nhân lúc tôi 70 tuổi. Như vậy đây cũng là một hình ảnh văn hóa tập thể rất đáng trân quý và đề cao cho những ai muốn dùng tấm lòng thành của mình để hiến dâng lên Tam Bảo.

Riêng phần tôi kể từ năm 1974 đến năm 2022 đã xuất bản được 70 tác phẩm và đây là tác phẩm thứ 71, nhằm đóng góp một phần nhỏ của mình vào nền văn hóa dân tộc và văn hóa của Phật giáo bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau như: Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

Danh sách 71 Tác phẩm Cùng Một Tác Giả

1. *Truyện cổ Việt Nam 1 & 2*, Nhật ngữ, 1974-1975
2. *Giọt mưa đầu hạ*, Việt ngữ, 1979
3. *Ngõ ngàng*, Việt ngữ, 1980
4. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975*, Việt & Đức ngữ 1982
5. *Cuộc đời người Tăng Sĩ*, Việt & Đức ngữ, 1983

6. *Lễ nhạc Phật giáo*, Việt & Đức ngữ, 1984
7. *Tình đời nghĩa đạo*, Việt ngữ, 1985
8. *Tìm hiểu giáo lý Phật giáo*, Việt & Đức ngữ, 1985
9. *Đời sống tinh thần của Phật tử Việt Nam tại ngoại quốc*, Việt & Đức Ngữ, 1986
10. *Đường không biên giới*, Việt & Đức ngữ, 1987
11. *Hình ảnh sinh hoạt Phật giáo VN tại Tây Đức*, Việt & Đức ngữ, 1988
12. *Lòng từ Đức Phật*, Việt ngữ, 1989
13. *Nghiên cứu giáo đoàn Phật giáo thời nguyên thủy I, II, III*, dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ, 1990, 1991, 1992
14. *Tường thuật về Đại Hội Tăng Già Phật giáo Thế Giới kỳ 5 khóa I*. Việt, Anh & Đức ngữ, 1993
15. *Giữa chốn cung vàng*, Việt ngữ, 1994
16. *Chùa Viên Giác*, Việt ngữ, 1994
17. *Pagode Viên Giác*, Đức ngữ, 1995
18. *Vụ Án một người tu*, Việt ngữ, 1995
19. *Chùa Quán Âm (Canada)*, Việt ngữ, 1996
20. *Phật Giáo và Con Người*, Việt & Đức ngữ, 1996
21. *Khóa Giáo lý Âu Châu kỳ 9*, Việt & Đức ngữ, 1997
22. *Theo dấu chân xưa*, Việt ngữ, 1998 (Hành hương Trung Quốc I)

23. *Sống và chết theo quan niệm của Phật giáo*, Việt & Đức ngữ, 1998
24. *Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma*, Việt & Đức ngữ, 1999
25. *Vọng cổ nhân lâu*, Việt ngữ, 199 (Hành hương Trung Quốc II)
26. *Có và Không*, Việt & Đức ngữ, 2000
27. *Kinh Đại Bi*, dịch từ Hán văn sang Việt & Đức ngữ, 2001
28. *Phật thuyết Bồ Tát hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2001
29. *Bhutan có gì lạ?* Việt ngữ, 2001
30. *Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2002
31. *Cảm tạ nước Đức*, Việt & Đức ngữ, 2002
32. *Thư Tòa Soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979-2004)*
33. *Bốn Sự Kinh*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2003
34. *Những đoản văn viết trong 25 năm qua*, Việt & Đức ngữ, 2003
35. *Phát Bồ Đề Tâm Kinh Luận*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2004
36. *Đại Đường Tây Vực Ký*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2004
37. *Làm thế nào để trở thành một người tốt*, Việt ngữ, 2004
38. *Dưới cội Bồ Đề*, Việt ngữ, 2005

39. *Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2005
40. *Bồ Đề Tư Lương Luận*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2005
41. *Phật nói Luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2006
42. *Giai nhân & Hòa Thượng*, Việt ngữ, 2006
43. *Thiền Lâm Tế Nhật Bản*, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, 2006
44. *Luận về con đường giải thoát*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2006
45. *Luận về bốn chân lý*, dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, 2007
46. *Tịnh Độ Tông Nhật Bản*, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, 2007
47. *Tào Động Tông Nhật Bản*, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, 2008
48. *Pháp ngữ*, Việt ngữ, 2008
49. *Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát*, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, 2009
50. *Nhật Liên Tông Nhật Bản*, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, 2009
51. *Chân Ngôn Tông Nhật Bản*, dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, 2010
52. *Chết an lạc tái sinh hoan hỷ*, dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ, cùng với TT Thích Nguyên Tạng, 2011

53. *Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng*, Việt ngữ, 2011
54. *Tư Tưởng Tịnh Độ Tông*, Việt ngữ 2012
55. *Những bản văn căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản*, dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ, 2012
56. *Dưới bóng đa Chùa Viên Giác*, Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo, 2012
57. *Hương lúa chùa quê*, Việt ngữ, viết chung với HT Bảo Lạc, 2013
58. *Pháp Hoa Văn Cú*, dịch từ Hán ngữ sang Việt ngữ, 2013
59. *Hiện tượng của tử sinh*, Việt ngữ, 2014
60. *Nhật Bản trong lòng tôi*, Việt ngữ, 2015
61. *Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát* (dịch). Chủ trì dịch và chứng nghĩa Việt văn từ bản Hán văn.
62. *Nước Úc trong tâm tôi*, Việt ngữ, 2016
63. *Nước Mỹ bao lần đi và bao lần đến*, Việt ngữ, 2017
64. *Thiền Quán về Sống và Chết - Cẩm nang hướng dẫn thực hành*, dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ, chung với TT Thích Nguyên Tạng, 2017
65. *Mối Tơ Vương của Huyền Trân Công Chúa*, Việt ngữ, xuất bản năm 2018.
66. *Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu*.
67. *Vua là Phật & Phật là Vua*.

68. *Tư tưởng Phật giáo trong Thi Ca Nguyễn Du* - Việt ngữ, xuất bản năm 2021 trên hệ thống Amazon.
69. *Tôi đọc Đại Tạng Kinh* – Việt ngữ xuất bản năm 2022 trên hệ thống Amazon.
70. *Sống với “Thán Dị sao” của Ngài Thân Loan* - Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ xuất bản năm 2023 trên hệ thống Amazon và tại Việt Nam.
71. *Bàn về Mối liên hệ giữa Văn hóa, Giáo dục và Tôn giáo* – Sách viết bằng tiếng Việt, xuất bản năm 2023 trên hệ thống Amazon.

Những tác phẩm này đã giúp cho các Giáo sư Đại học Đức như Phật tử Thiện Trí Olaf Beuchling, Kỹ sư Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn và vài Bác sĩ, Kỹ sư người Việt cũng như người Đức căn cứ vào đó để giới thiệu (*Nominate* (tiếng Anh); *Nominieren* (tiếng Đức); *Suisen* (tiếng Nhật)) lên Phủ Thủ Hiến của Tiểu Bang Niedersachsen. Sau gần 2 năm như thế, Bộ Văn Hóa Tiểu Bang Niedersachsen đã nghiên cứu tìm hiểu về lý do để đề bạt tôi lên chính quyền trung ương của Cộng Hòa Liên Bang Đức, và rồi vào ngày 20 tháng 8 năm 2021, Tổng Thống Steinmeier của Cộng Hòa Liên Bang Đức đã ký quyết định trao tặng huân chương hạng nhất của Cộng Hòa Liên Bang Đức cho chúng tôi về các lãnh vực Văn hóa, Giáo dục và Tôn giáo.

Ngày 8 tháng 12 năm 2021 Thị Trưởng Thành phố Hannover, ông Belit Onay đại diện cho Tổng Thống Steinmeier trao tặng bằng ghi công đức và huân chương cao quý tại Đại sảnh của Tòa Thị Chính Hannover. Đây là một hãnh diện chung của người Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức cũng như trên thế giới

và sau đó vào ngày 12.12.2021, trong bữa tiệc mừng đón nhận huân chương này tại Chùa Viên Giác tôi đã phát biểu rằng: *“Tất cả những sự cao quý này tôi xin dâng tặng đến quý vị người Việt Nam ở Đức nói riêng và trên thế giới nói chung. Vì nếu không có quý vị trợ duyên bằng nhiều hình thức khác nhau thì tôi cũng đã chẳng tạo nên được thành quả này. Đây chính là sự tương tác vậy. Vì cái này có, nên cái kia mới có và nếu cái này không thì cái kia cũng không”*.

Văn hóa cũng có nghĩa là sự học hỏi, dạy dỗ bằng chữ nghĩa, văn chương. Theo định nghĩa này chúng ta có thể suy diễn ra vô cùng tận của văn minh nhân loại. Bởi vì khi con người còn ăn lông ở lỗ, ánh sáng văn minh chưa hiện ra và tư tưởng học thuật chưa hiện hữu, gọi thời kỳ đó là kém văn hóa. Con người có thể ăn, nói, đi, đứng, nằm, ngồi, chết, sống v.v... nhưng chưa có văn tự vẽ nên đời sống tinh thần. Sự giao tiếp với nhau chỉ bằng dấu hiệu trao đổi trực tiếp, vì chưa có chữ nghĩa thì không thể diễn tả ở xa cũng như tạo ra nét chữ tượng hình, như chữ Hán thì cũng phải đến 5.000 năm trước đây mới có và trước thời kỳ này thì không có văn hóa của chữ viết tượng hình. Kế tiếp là chữ viết Ấn Độ, Ai Cập, Hy Lạp v.v... là những nền văn minh cũ. Từ đó con người mới bắt đầu tiếp xúc với học thuật, văn chương chữ nghĩa qua lối học, lối đọc, lối viết thành lời, thành câu, thành thơ phú v.v...

Người bắt đầu học chữ phải có Thầy dạy và người Thầy đầu tiên ấy phải tự học lấy cũng như tự sáng tạo ra con chữ để cho người sau nối tiếp nhau trau giồi mới thành câu văn, câu kệ được. Ngay cả tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Đại Hàn, Việt ngữ cũng thế thôi. Nghĩa là phải luôn luôn cải tiến qua từng giai đoạn của lịch sử không ngừng nghỉ, ngôn ngữ ấy mới đáp ứng được nhu cầu tâm

linh của con người. Những người Thầy ấy trở thành những nhà ngôn ngữ học.

Ngay cả những kinh điển được dịch ra chữ Hán từ tiếng Pali hay Sanskrit trước thời kỳ Ngài Huyền Trang (*trước năm 645*) gọi là cựu dịch, vì văn phong và chữ viết theo trào lưu cũ. Sau thời kỳ này gọi là tân dịch. Chỉ riêng bộ Đại Tạng Kinh đời nhà Đường đã giúp cho văn hóa Trung Quốc thăng tiến biết là bao!!! Do vậy người Trung Quốc hay gọi các nước chư hầu là man di rợ rợ. Bởi lẽ những nước này chưa có nền văn hóa có chiều dày lịch sử như Trung Hoa. Ngày nay tuy Trung Quốc có trên một tỷ người dùng văn tự tượng hình này để diễn đạt tư tưởng của mình và để cho người khác hiểu, nhưng cũng chưa trở thành ngôn ngữ của quốc tế, dấu cho có nhiều người Trung Quốc đang dùng đến. Trong khi đó tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý v.v... tuy xuất hiện sau tiếng Trung Hoa rất nhiều năm tháng, nhưng tiếng Anh ngày nay là tiếng của quốc tế, tuy có ít người dùng hơn tiếng Trung Quốc. Bởi lẽ tiếng Anh là một loại ngôn ngữ dùng để ngoại giao rất tiện lợi. Do ngôn ngữ này đơn giản, dễ hiểu, dễ viết hơn tiếng Trung Hoa. Trong khi tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý tuy không hiểu nghĩa, nhưng chúng ta vẫn có thể đọc được; còn tiếng Trung Quốc nếu không thuộc mặt chữ thì không có cách nào để viết, để chuyển tải tư tưởng của mình được. Do vậy học chữ Trung Quốc có nghĩa là học từ chương, chữ đầu nghĩa đó. Nếu không thuộc mặt chữ và không học viết chữ Trung Quốc, xem như mù chữ. Ai thâm nhập được ngôn ngữ nhiều thì người đó được gọi là người có văn hóa hay người thấm nhuần được nền văn hóa. Ai không tiếp thu được ngôn ngữ của chữ viết, có thể hiểu là người đó hay dân tộc đó kém văn hóa, kém văn minh.

Do vậy từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ thứ 19 các nước phương Tây như: Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan v.v... đi chiếm lãnh đất đai của các nước Á Châu, Phi Châu mà họ gọi là đi khai phóng văn hóa. Khai phóng có nghĩa là giải phóng tập quán cũ, cho học văn hóa mới. Văn hóa ấy biểu hiện qua ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Pháp, tiếng Hòa Lan, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha v.v... Nhưng rồi chủ nghĩa xâm thực văn hóa ấy cũng đã cáo chung vào cuối thế kỷ thứ 20, nhân loại đã bước vào một giai đoạn mới của việc tranh bá đồ vương ở mặt trăng, sao hỏa và những nơi xa hơn nữa kể từ cuối thế kỷ thứ 20 đến đầu thế kỷ thứ 21 này. Rồi đây quả đất này sẽ ra sao và con người sống trên quả đất này sẽ như thế nào nữa thì ai trong chúng ta cũng chẳng biết về tương lai khó dự đoán này. Con người ngày nay làm chủ địa cầu, làm chủ mặt trăng và các vì tinh tú khác, nhưng ít ai biết làm chủ tự chính mình, nên con người vẫn còn khổ đau tục lụy; chỉ khi nào con người biết tu tâm dưỡng tánh theo con đường của Đạo Phật và thực tập lục hòa thì thế giới này mới an bình thịnh trị.

Nếu con người không dùng lòng từ bi và trí tuệ để đối xử với nhau thì thế giới này sẽ bị phanh thây, xẻ thịt bằng nhiều chiêu bài khác nhau của những người lãnh đạo nhân danh này kia; nhưng cuối cùng cũng chỉ vì túi tham không đáy, và những việc làm như thế kém văn hóa vô cùng.

Một số bộ lạc ở Châu Phi ngày nay hay ngay cả ở Indonesia, là một quốc gia có nhiều hòn đảo và nhiều bộ lạc vẫn còn sống tách rời với thiên nhiên. Họ không biết đèn điện là gì và cũng chẳng có khái niệm về sự tiến bộ của việc mặc quần áo để che cơ thể. Họ sống bằng lối săn bắn, có tính cách hợp quần, tư hữu ít, đời sống tự do thoải mái nơi núi rừng và xem ra họ chẳng tính

đến ngày mai. Vì ngày mai đối với họ xa vời lắm. Làm được gì ở ruộng nương, săn bắn được gì ở rừng núi, lấy cây củi được ít nhiều v.v... đó chính là tài sản của từng ngày, từng bộ tộc. Họ không xem trọng cách thức ăn mặc như người có văn minh, văn hóa nên chúng ta gọi họ là những dân tộc, những bộ lạc kém văn minh. Bởi đa phần họ không được đi đến trường, không có chữ viết, không có văn minh cập nhật như chúng ta mỗi ngày mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây.

So ra những dân tộc và những bộ lạc gọi là kém văn hóa như thế, nhưng có lẽ họ hạnh phúc hơn các dân tộc có văn hóa rất nhiều. Bởi lẽ lúc nào trên môi họ cũng luôn nở những nụ cười hiền hòa, từ ái; còn chúng ta thì sao? Có đầy đủ hết tất cả những phương tiện trong đời sống hằng ngày, nhưng chúng ta vẫn cảm thấy thiếu thốn như thường. Bởi chúng ta chưa thật sự làm chủ được lòng tham của chính mình và chưa thể hiện tình thương đến người đồng loại cũng như những dân tộc, bộ lạc khác sống chung quanh mình. Mọi nhu cầu về đời sống có tổ chức của một dân tộc bao gồm: kinh tế, pháp luật, mỹ thuật, văn chương v.v... Như vậy nói và viết về văn hóa, thì có quá nhiều lãnh vực bao gồm cả những đề tài trên.

Làm kinh tế cũng phải có trình độ văn hóa mới làm được. Đó là việc cung và cầu trong một xã hội. Nếu phía cung nhiều mà nhu cầu ít thì hàng hóa sẽ thặng dư, kinh tế không phát triển được. Nếu cầu nhiều mà cung ít sẽ sinh ra việc khan hiếm hàng hóa và con buôn sẽ tìm cách đầu cơ tích trữ để sinh lợi cho cá nhân mình. Như thế đứng về phương diện văn hóa của kinh tế, nó không tiêu biểu được đời sống văn minh của nhân loại ngày nay.

Pháp luật, tòa án khi xử người cũng phải có văn hóa nữa. Nếu người làm luật hay xử phạt người khác, hay theo luật lệ đã được đề ra mà chỉ thiên vị giàu nghèo hay người có chức quyền thì cán công công lý sẽ không còn công bằng nữa. Tất cả các nước theo chế độ dân chủ ngày nay trên thế giới đều phải thực thi theo chế độ phân quyền. Đó là Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp. Nếu thiếu một hay hai trong ba cơ quan này sẽ dễ rơi vào tình trạng độc tài, độc đảng, không có văn hóa pháp luật thì người dân sẽ là thành phần bị thiệt thòi nhất.

Mỹ thuật, hội họa, văn chương v.v... cũng phải có tư cách văn hóa mới vẽ nên một bức tranh, tạo nên một tác phẩm tiêu biểu để lại cho đời. Các tác giả nghệ thuật này phải có trách nhiệm với tác phẩm của mình, không phải chỉ tạo ra một sản phẩm chỉ biết làm hài lòng thị hiếu của mình; trong khi đó quần chúng chung quanh mình lại bị bỏ rơi. Văn chương cũng vậy. Người tạo nên một tác phẩm cốt giúp cho đời sống tinh thần của con người vượt qua những ngờ vực, mâu thuẫn nội tâm. Nếu tác giả của một tác phẩm mà viết ra với tính cách câu khách, nhằm giải quyết nhu cầu tạm thời của độc giả, thì văn chương được bày tỏ qua giấy bút ấy có thể gọi là thiếu trách nhiệm về văn hóa chăng?

Ở đây chúng ta có thể nói thêm về văn hóa ẩm thực nữa. Ví dụ như nghề kinh doanh nào, mục đích cũng phải có sinh ra lợi nhuận. Nếu không có lời thì người ta không đi buôn làm gì. Tuy vậy cũng có những nghề làm ăn buôn bán làm tổn hại lòng từ bi vì sát sanh hại vật, dù trực tiếp hay gián tiếp. Trong khi đó cũng kinh doanh buôn bán nhà hàng, nhưng người chủ chọn bán toàn đồ chay thì khác hẳn với người bán hàng bằng thịt của động vật. Bán chay cũng sinh lợi nhuận, có thể ít hơn bán đồ mặn, nhưng thế

hiện được lòng từ bi đến với muôn loài, lại còn gián tiếp khuyên người tiêu thụ cố gắng làm lành lánh dữ qua việc chay tịnh của mình. Cũng là nghề nghiệp tạo nên công ăn việc làm và sinh ra lợi nhuận, nhưng như trên đã thấy, là người Phật tử, chúng ta nên cố gắng thực hành hạnh từ bi lợi tha thì nghiệp lực chiêu cảm ở đời sau, chắc chắn sẽ nhẹ nhõm hơn là làm những công việc tổn phước, tổn đức, dẫn tới việc giảm tuổi thọ ở đời này và đời sau. Đó là văn hóa ẩm thực.

Để kết thúc chương thứ III này ở đây tôi xin thưa thêm.

Từ ngày 10 tháng 10 năm 2022 tôi đã bắt đầu lên máy bay đi từ Hannover bay đi Frankfurt và từ Frankfurt tôi đã đổi máy bay Singapore Air Lines bay về Singapore. Đến Singapore độ 6 giờ sáng ngày 11.10 và tiếp tục chuyến bay Singapore đi Melbourne cùng ngày để tới ngày 11 tháng 10 năm 2022 tôi đã đến Melbourne. Tổng cộng từ Hannover bay đi Úc là 26 tiếng đồng hồ, kể cả nghỉ chờ máy bay ở hai phi trường Frankfurt và Singapore. Ngày 12, 13 nghỉ ngơi và từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 chúng tôi tham dự ngày Về Nguồn và Hiệp Kỳ Lịch Đại Chư Vị Tổ Sư lần thứ 12 cũng như dự lễ kỷ niệm 32 năm thành lập Tu Viện Quảng Đức. Đến chiều ngày 16 tháng 10 tôi bay đi Adelaide để thăm và giảng pháp tại Chùa Pháp Hoa, nơi cố Hòa Thượng Thích Như Huệ đã sáng lập cách đây hơn 40 năm về trước và bây giờ Thượng Tọa Thích Viên Trí đang Trụ trì.

Sáng ngày 19 tháng 10 năm 2022 tôi bay về Sydney đến Chùa Pháp Bảo và ngày 20 thì lên Thiên Lâm Pháp Bảo ở Wallacia; nơi Hòa Thượng Bảo Lạc tịnh tu. Sáng ngày 22 tháng 10 Thượng Tọa Quảng Đạo, Thượng Tọa Nhuận Ân, Sư Cô Giới Bảo và tôi được

Phật tử Chúc Vũ chờ đi thăm Chùa Nam Thiên tại Wollongong và sáng ngày 23 tháng 10 tôi có giờ pháp thoại với quý Phật tử tại Chùa Pháp Bảo sau buổi lễ cúng cầu siêu hằng tuần. Chiều ngày 23 tháng 10 năm 2022 tôi trở lại nơi Thiền Lâm Pháp Bảo và bắt đầu chuẩn bị cho những ngày viết nên tác phẩm này. Đó là ngày 23 tháng 10 và tôi viết miệt mài cho đến hôm nay ngày 10 tháng 11 năm 2022, sau 3 tuần lễ, mỗi ngày độ 5 tiếng đồng hồ, từ 16 đến 20 trang viết tay mỗi ngày và bây giờ chính thức đã viết gần xong những điều tôi muốn nói trong tác phẩm này.

Đây chỉ là phần riêng của tôi, không phải để khoa trương với quý độc giả, mà để cho chính tôi có thể tự ôn lại phần văn hóa mà mình đã đóng góp về việc viết lách cũng như dịch thuật từ ngôn ngữ này đến ngôn ngữ khác để hoàn thành 71 tác phẩm kể từ năm 1974 đến nay và đây chính là một trong những điều kiện căn bản mà những người đã đề bạt tôi lên chính quyền để được công nhận với giải thưởng như trên.

Tôi vẫn tụng Kinh Kim Cang và ngồi thiền mỗi ngày vào 2 thời công phu sáng tối và mỗi lần như vậy, hay chiêm nghiệm về cuộc sống của mình đã trải qua không biết bao nhiêu giai đoạn, kể từ khi vào chùa cho đến nay đã gần 60 năm như vậy (1964-2022). Nếu không phải là “phép Phật nhiệm mầu” thì là gì đây? Tôi xin quý vị đóng góp ý thêm về việc này vậy.

Tuy nhiên ở đây cũng có thể nêu ra quan điểm của riêng mình như sau:

“Làm Kinh tế có thể trở nên giàu có hay nghèo nàn, nếu bị phá sản và tiền bạc chúng ta kiếm được đó tiêu pha cũng sẽ hết trong một thời gian dài ngắn tùy theo mỗi người. Làm Chính trị

cũng không phải là điều xấu, nhưng nếu không đấu đá với nhau ở chính trường thì phần thắng sẽ không về mình. Sau khi không còn ở địa vị cao như xưa nữa, cuộc đời của những người làm chính trị cũng đưa đến nhiều việc khá phũ phàng. Còn làm Văn Hóa, nhất là Văn Hóa của tôn giáo, tuy không giàu có như người làm kinh tế hay có địa vị cao trong xã hội như người làm chính trị, nhưng giá trị của văn hóa, nếu đi đúng đường, muôn đời sách sử vẫn được lưu lại cho hậu thế soi chung, nên Văn Hóa đối với tôi quan trọng là như vậy”.

Trên đây là những ý kiến thô thiển của tôi được viết tại Thiên Lâm Pháp Bảo, vùng Wallacia, nơi Hòa Thượng Thích Bảo Lạc tịnh tu. Tôi bắt đầu viết từ ngày 24 tháng 10 năm 2022 và hôm nay là ngày 12 tháng 11 năm 2023, vị chi là 18 ngày, nhưng 2 ngày cuối tuần tôi không viết, như vậy trong vòng 16 ngày tôi đã viết tổng cộng là 320 trang viết tay; trung bình mỗi ngày tôi viết được 20 trang, mỗi tiếng đồng hồ tôi viết được 4 đến 5 trang A4, tính ra mỗi ngày tôi chỉ viết được 5 tiếng đồng hồ từ sáng đến tối, xen kẽ giữa những giờ ăn sáng, ăn trưa, ăn chiều và nghỉ ngơi v.v...

LỜI KẾT

Tất cả ai trong chúng ta cũng đều chỉ có một ngày 24 tiếng đồng hồ. Từ đứa bé sơ sinh cho đến người lớn, hàng thức giả hay người nông dân, kẻ nội trợ v.v... tất cả mọi người đều bình đẳng về thời gian. Tuy nhiên mỗi người trong chúng ta đều có cách riêng của mình để xử dụng thời gian ấy. Trong cuộc sống này chúng ta có rất nhiều sự lợi dụng với nhau như: lợi dụng tiền bạc, lợi dụng lòng tốt của kẻ khác, lợi dụng địa vị để chiếm hữu v.v..., nhưng ít ai để ý về việc lợi dụng thời gian. Bởi vì thời gian rất quý hiếm. Cho nên người Âu Mỹ mới nói rằng: “Thời gian là tiền bạc” là vậy.

Đạo Phật chúng ta thường hay nói: vô thường, thời gian vô cùng, không gian vô tận, nhưng trong sự vô cùng tận ấy lại đi kèm với vô thường. Lý do là chúng ta không biết được ngày mai mình sẽ ra sao, mình còn sống hay mình sẽ chết; ai có thể giúp mình nổi

kết lại với thời gian và ta có thể làm chủ được thời gian ấy chăng? Đây là những câu hỏi rất quan trọng mà ai trong chúng ta cũng có cách trả lời riêng cho mình. Có người thì chẳng quan tâm đến thời gian, vì nghĩ rằng thời cứ để cho thời gian tự nó trôi đi, không cần suy nghĩ làm gì cho mệt trí. Có người thì dùng thời gian vào chung trà, chén rượu, thuốc lá để giải khuây, tiêu sầu, nhưng liệu những thứ ấy có làm cho con người bị chìm đắm kia có thể giải quyết được bao nỗi lo toan trong cuộc sống? Hay những khó khăn rồi đâu cũng vào đó, không ai có thể tự làm chủ mình được. Lúc này thì phải làm sao đây? Sẽ nương tựa vào ai và vào đâu để gỡ được những sự vướng mắc này?

Những nhà Bác học họ vui đầu vào những nghiên cứu tìm tòi, nhằm phát minh ra những điều mới mẻ để cống hiến cho nhân loại ở những lãnh vực như: Y khoa, kinh tế, toán học, chính trị, văn chương, hòa bình, nhân quyền v.v... chắc hẳn họ đã quên cả thời gian ở trên bàn giấy hay ở những phòng thí nghiệm? Nếu không làm như vậy thì những phát minh của họ làm sao có thể được hiện thành?

Nhà Bác học Albert Einstein là người Đức gốc Do Thái; ông sinh vào ngày 14. 03.1879 tại Ulm, Đức quốc và mất ngày 18 tháng 4 năm 1955 tại Princeton, New Jersey Hoa Kỳ. Hưởng thọ 76 tuổi. Ông là nhà vật lý vĩ đại nhất của mọi thời đại; người đã phát minh ra Thuyết Tương Đối tổng quát, một trong hai trụ cột của vật lý hiện đại (*dựa theo Wikipedia tiếng Việt*), ông đã nhận được nhiều giải thưởng như: Huy chương vàng của Hội Thiên Văn Học Hoàng gia, giải Nobel vật lý, Huy chương Frankin, Barnard Medal for Meritorious, Huy chương Matteucci, Huy chương Max Planck.

Những giải thưởng cao quý giá trị như vậy để trao tặng cho ông là kết quả của những năm tháng miệt mài nghiên cứu để tìm ra phương trình $E = mc^2$. Phương trình này đã biểu thị sự tương đương của khối lượng (m) và năng lượng (E) - vốn là 2 thông số vật lý trước đây được cho là hoàn toàn tách biệt.

Ông cũng đã nghiên cứu về tôn giáo trong đó có Phật giáo và những gì ông đã tuyên bố, có ảnh hưởng rất lớn về một tầm nhìn cho bây giờ và tương lai đối với Phật giáo. Đó là: “Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lãnh vực trên, trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó. (The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a person God and avoid dogmas and Theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religions sense, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description).

Đồng thời một lần khác ông cũng đã khẳng định rằng: “Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học. (If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with recent scientific finding. Buddhism need no surrender its view to science, because it embraces science as well

as goes beyond science (cả hai câu trên được trích từ Collected famous quotes from Albert Einstein. <http://rescomp.stanford.edu/CheshireEinsteinquotes.html>)”.

Nếu thử phân tích từng chữ, từng câu của nhà Bác học Albert Einstein chúng ta sẽ có được những giải đáp căn bản như sau: Chúng ta biết rằng ngày nay nhân loại có mặt trên quả địa cầu này là gần 8 tỷ người đang chung sống trên 5 châu lục và trong gần 8 tỷ người đó, ông được nhân loại tôn vinh là người đứng đầu của khoa học hiện đại, mà chính ông đã nhận xét về Phật giáo như vậy thì chúng ta đâu cần phải thẩm định lại Phật giáo là gì nữa? Ông khẳng định rằng tôn giáo tương lai ấy sẽ là một tôn giáo toàn cầu. Điều này có nghĩa là những lời dạy của tôn giáo ấy ai cũng có thể chấp nhận được. Đạo Phật là Đạo phi thần linh hay siêu thần linh thì đúng hơn. Vì Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rằng: “Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh và với Phật tánh này, chúng sanh sẽ thành Phật”. Một tôn giáo vượt lên cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, có nghĩa là tôn giáo này không công nhận một đấng tạo hóa sáng tạo ra vũ trụ vạn hữu này, mà tất cả đều do nghiệp lực của mỗi người tự tạo ra và chính những hành vi tạo tác ấy sẽ dẫn ta đi lang thang trong 6 nẻo luân hồi, chứ tuyệt đối không có một vị Thần linh nào sắp đặt đời sống cho ta, ngoại trừ chính bản thân của ta tự chịu trách nhiệm lấy mình. Điều này đặt trên nền tảng căn bản đạo lý và phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lãnh vực trên. Phật giáo là một tôn giáo không cần đến số liệu tín đồ là có bao nhiêu người tin theo, mà Phật giáo cần những người sống với sự thể nghiệm đối với chính bản thân mình, chứ không phải chỉ là hình thức bề ngoài. Vậy cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa là

cái phải vượt lên khỏi tất cả những sự đối đãi đó và chỉ có Phật giáo mới đáp ứng được nhu cầu này mà thôi.

Phần tuyên bố thứ 2 của ông Albert Einstein về Phật giáo và khoa học, mới là điều đáng quan tâm hơn đối với những người học Phật như chúng ta: “Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo”. Nhu cầu của khoa học hiện đại là gì? Đó là thời gian vô cùng và không gian vô tận, ngoài thế giới này ra còn vô số thế giới khác tồn tại, mà với con mắt thường của chúng ta không thể trông thấy hết được. Chỉ có những bậc có trí tuệ siêu nhiên mới có thể vượt ra khỏi sự tầm thường của tri thức, dùng trí tuệ siêu việt, mới có thể chứng ngộ được điều này; mà điều này Đức Phật chính là một nhân chứng của sự siêu nhiên đó. Trong khi khoa học vẫn dò dẫm từng bước chân trong từng vũ trụ đang hiện hữu gần quạ địa cầu này nhất thì giáo lý của Đạo Phật đã đập vỡ tung thế giới này ra từng mảnh nhỏ của việc gọi chúng là 3.000 Đại Thiên thế giới, mà thuở xa xưa khoa học đã chưa nghĩ đến được.

“Phật giáo cũng không cần phải xét lại quan điểm của mình, để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học”. Khoa học lâu nay đã khám phá ra mặt trăng, mặt trời, hỏa tinh, kim tinh v.v... nhưng mãi cho đến ngày hôm nay khoa học cũng chưa tìm ra được núi Tu Di nằm ở đâu? Trong khi đó Phật giáo đã nói về hình tướng của núi Tu Di từ trong vô lượng kiếp rồi. Ở đây xin kể một câu chuyện ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế để minh chứng cho việc này.

Một hôm có một ông lão ăn mày đến Tịnh xá Kỳ Viên ở nước Xá Vệ và mục đích duy nhất của ông là muốn gặp Phật và xin Phật

xuất gia làm Tỳ Kheo chỉ một ngày một đêm thôi, nhưng chẳng may ông ta không gặp được Phật, mà chỉ gặp Ngài Mục Kiền Liên và Ngài Xá Lợi Phất. Hai vị này là những vị Đại Đệ Tử của Đức Phật. Cả hai vị này đều tiếp xúc với ông lão ăn mày này một cách bình tâm và hỏi thăm ý nguyện của lão ông và ông lão trình bày ý kiến của mình như trên. Cả Ngài Mục Kiền Liên và Ngài Xá Lợi Phất đều quán nhân duyên đến 80 kiếp (*mỗi một kalpa như vậy tương đương với 7 triệu năm*) về trước, nhưng hai Ngài đều thấy rằng ông lão này đã chẳng có duyên gì với Phật đạo, nên đã từ chối khéo để cho ông lão ra đi khỏi Tịnh xá. Ông lão không chùn bước, ngày hôm sau một lần nữa lại đến Tịnh xá Kỳ Viên và lần này thật may mắn là ông ta đã gặp được Đức Phật. Sau khi Phật hỏi thăm lý do và được biết ông lão ăn mày này chỉ xin xuất gia làm Tỳ Kheo một ngày, nên Đức Phật đã cho ông ta xuống tóc xuất gia với đầu tròn cạo nhẵn và thân quần áo cà sa.

Ngày hôm sau hai Ngài lên Hương Thất hầu Phật, điều đầu tiên hai Ngài lấy lạ là tại sao hôm nay ông lão này đã được xuất gia, nên mới bạch Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Hôm kia chúng con quán xét nhân duyên của ông lão này, thấy ông ta không có duyên gì với Đạo Phật cả. Vậy tại sao ông ta lại được xuất gia?

- Đúng vậy? Thế Tôn đáp rằng: Nếu tính đến 80 kiếp về trước thì lão ăn mày này chẳng có duyên gì với Phật đạo, nhưng trước nữa và trước nữa, ở vào một thời điểm xa xôi nọ, ông ta là một lão tiểu phu vào rừng đốn củi, bỗng đâu có một con hổ chạy đến vỗ ông ta để ăn thịt. Lúc ấy túng quá không biết làm sao, ông ta vừa

leo lên cây, vừa niệm “Nam Mô Phật” và đây chính là nhân duyên mà Như Lai đã cho lão ăn mày nảy xuất gia vậy.

Ngài Mục Kiên Liên thần thông đệ nhất, Ngài Xá Lợi Phất trí tuệ đệ nhất, nhưng cũng chỉ thấy xa trông rộng đến 80 kiếp về trước là nhiều, còn Đức Phật, Ngài đã dùng tuệ giác siêu việt, nên Ngài đã thấu rõ hết vạn nẻo của tử sinh, thấy thông suốt qua không gian và thời gian như thế, thì biết đến bao giờ khoa học mới có thể rõ biết được tất cả những vì tinh tú xa xôi ấy, nơi đó còn có điểm dừng nào chẳng? hay càng ngày khoa học càng tìm kiếm thì cái không tận cùng vẫn còn ở một độ xa thăm thẳm không có lời kết luận? Do vậy mà nhà Bác học Albert Einstein đã khẳng định rằng: “Vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học”.

Khoa học về mọi phương diện ngày nay nhân loại đang tôn thờ ở nhiều khía cạnh khác nhau, thế mà ông Albert Einstein đã bảo rằng Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khỏi khoa học là điều hiển nhiên vậy.

Các Phật tử tại gia khi tu học, có nhiều trường phái khác nhau, nhưng tựu chung là hướng đến sự giải thoát sanh tử luân hồi. Chư Tăng Ni cũng vậy. Ví dụ như người tu Thiên thì Thiên Chỉ và Thiên Quán (Nam Tông); Thiên Lâm Tế, Thiên Tào Động (Bắc Tông); hoặc giả tu tập theo pháp môn Tịnh Độ hay Mật Tông v.v... Tất cả đều dẫn về một lối. Đó là lối cởi bỏ mọi sự ràng buộc của thế gian này và ngay trong đời này người tu theo Nam Tông Phật giáo có thể chứng từ quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm và quả A La Hán. Người Cư sĩ bên Nam Tông cũng có thể chứng đến địa vị này,

nhưng phải có hai cách để hiển bày Thánh quả. Đó là phải phát tâm xuất gia hay là nhập Niết Bàn ngay sau khi chứng quả Thánh.

Người tu Thiền chứng đến quả vị Diệt Tận Định hay cao hơn nữa và nhìn thấy đầu cũng là Tịnh Độ. Người tu theo pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương thì về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Cực Lạc thì chỉ có một, đó là cõi do Đức Phật A Di Đà phát nguyện độ sanh; còn Tịnh Độ thì có vô lượng cõi. Ví dụ như Đông Phương Tịnh Độ của Đức Phật Dược Sư; Đức Phật A Súc Bệ v.v... Riêng những vị nào theo Mật Tông thì quán thân, khẩu, ý cho tương ứng nhau. Đây gọi là tam mật tương ứng và thể nhập vào Như Lai tạng của Đức Đại Nhật Như Lai là nơi đến mà những hành giả tu theo pháp môn này đều muốn đạt đến cảnh giới thanh tịnh của chư Phật và chư vị Bồ Tát.

Nhưng có rất nhiều người tu học lâu năm, mà chẳng đạt đến một quả vị nào là lý do tại sao? Đây là câu hỏi, mà việc trả lời thì tùy theo từng trường hợp ai có tu chứng mới biết. Chứ người chưa tu chứng làm sao trả lời được. Điều này cũng giống như hỏi rằng: Tại sao người đi thi đậu, mà kẻ khác cũng đi thi lại bị rớt? Nếu người thi đậu, họ sẽ biết nhờ đâu họ đậu; trong khi đó người bị rớt, nếu họ biết được họ sẽ rớt thì chắc chắn họ đã đậu rồi. Sở dĩ người kia thi không đậu, vì họ không biết cách làm bài, hoặc giả trả lời không đúng câu hỏi của đề thi đã được đặt ra. Điều này có nghĩa là người nào tự làm chủ được mình và chiến thắng được chính mình; kẻ ấy là kẻ đã tự biết mình là ai và từ đó con đường hướng tới trí tuệ và đập nát vô minh, tát cạn sông phiền não, không phải là điều không thể. Vấn đề ở đây là đối với pháp hành, chúng ta có dụng công miên mật hay không mà thôi.

Trong quyển sách này, ở Phụ Lục I tôi đã cố gắng tóm gọn lại nội dung của 71 tác phẩm và dịch phẩm mà tôi đã viết và dịch từ năm 1974 đến nay (2022). Trong 48 năm đó có không biết bao nhiêu vật đổi sao dời và đây cũng là cơ hội để tôi ngồi nghĩ lại những chuyện gì đã qua trong một khoảng thời gian dài như vậy. Những việc gì đã làm được và những chuyện gì không kham nổi. Những điều gì gọi là khó và những gì gọi là dễ. Những gì mình có thể trải qua và những gì mình không vượt qua nổi. Rồi từ đó tâm tư, tình cảm, sự hiểu biết, sự nhận thức, việc nhận định v.v... được tỏ bày dưới ngòi bút để trang trải tâm mình cho mọi người vào vườn hoa tâm linh này khám phá. Khi đọc, khi xem, khi nghe có kẻ khen, người chê; kẻ thích người chẳng thích. Ý kiến này như thế này, ý kiến kia như thế khác, muôn màu, muôn vẻ, thật ra cũng khó mà lường cho hết được. Điều này tôi vẫn thường hay lấy ví dụ về quả sầu riêng cho dễ hiểu. Nếu người thích thì bảo rằng: sầu riêng thơm, ngon, béo; còn người không thích thì bảo rằng sầu riêng hôi, thối, nực nồng v.v... nhưng tự thể của quả sầu riêng thì nó không dở mà cũng chẳng ngon; không thơm cũng chẳng thối. Nếu có thì đó chỉ là quan niệm của mỗi người mà thôi.

Đồng với quan điểm này, ta thấy nhiều loài hoa khoe hương sắc để đón một mùa xuân mới, tỏa hương thơm để cống hiến cho đời, dầu cho đó là loài hoa dại đang mọc hai bên lề đường. Kẻ hữu tâm đi ngang qua đó khen đẹp; người vô tâm đạp nát cả những bông hoa đang nở thắm bên lề đường. Như thế đó, điều tốt đẹp đâu có đẹp cho đến đâu đi chẳng nữa, nó cũng chỉ có giá trị tạm thời, chứ không mong tính cách miên viễn. Bởi vì tất cả đều bị biến đổi theo tính vô thường mà Đức Phật đã không biết bao

hiều lần dạy cho chúng ta, nhưng chúng sanh không biết đã có được bao nhiêu sự quan tâm và thực hành đến?

Khởi đi từ những ý niệm như vậy cho nên khi viết phần cuối về văn hóa tôi đã đưa ra nhận định rằng: “Làm kinh tế có lúc lời, lúc lỗ. Mục đích của kinh tế cũng chỉ giải quyết vấn đề cơm áo, gạo, tiền. Làm chính trị lâu nay chưa thấy có kẻ nào bền vững với thời gian, năm tháng, mặc dầu mới lên ngôi, vua nào cũng muốn thần dân tung hô vạn tuế”; nhưng mấy ai đạt được điều mong ước này. Còn những người làm văn hóa tuy nghèo hơn người làm kinh tế; nhưng trí óc lại giàu có hơn, ngay cả đối với người làm chính trị. Làm văn hóa sẽ giúp cho văn chương chữ nghĩa lưu lại đời đời, nhờ đó người đi sau có thể biết được thế hệ đi trước đã làm gì và cái nào còn, cái nào mất v.v... Thông thường ở những bài giảng hay cuối những bài viết của tôi, tôi thường hay ghi ngày tháng năm, bắt đầu viết khi nào và khi nào đã được viết xong, cốt để chính mình lưu lại một sự kiện như thế đã trải qua nơi tâm mình mà ngày sau nếu có ai đó nhìn vào sẽ biết rằng đã có một thời như vậy; có một Thầy xuất gia đã bắt đầu viết quyển sách này, đã đến nơi đây để dự sự kiện văn hóa này v.v... tất cả đều là những dấu ấn về thời gian mà người làm văn hóa nên ghi lại.

Cuối chương nói về Giáo Dục, tôi cũng đã mượn lời của người xưa tóm tắt cho chương này là: “Một người Thầy thuốc mà sai lầm, thì có thể giết chết một bệnh nhân; một nhà chính trị mà sai lầm, có thể giết hại một dân tộc; một nhà làm văn hóa tư tưởng, làm giáo dục mà sai lầm thì có thể giết hại cả một thế hệ”. Qua đoạn văn này chúng ta có thể rút ra được kết luận gì? Nhiều người quan niệm rằng: Làm Bác sĩ là một danh giá, sẽ kiếm được nhiều tiền; nhưng y đức, lương tâm là điều quan trọng hơn là tiền

bạc. Riêng chữ Bác sĩ mà Việt Nam chúng ta hay dùng cũng chỉ có một ý chính là đề cập đến ngành Y khoa mà thôi; nhưng trên thực tế ngành nào cũng có thể gọi là Bác sĩ cả. Chữ bác có nghĩa là rộng lớn, sĩ là người, là kẻ. Ý nói người có kiến thức rộng lớn về các ngành học như: nghề y, triết học, ngoại ngữ... Ví dụ như người ta nói về: Bác sĩ y khoa, Bác sĩ dược khoa, Bác sĩ nha khoa, Bác sĩ nhân khoa, Bác sĩ triết học, Bác sĩ ngôn ngữ học, Bác sĩ giáo dục học v.v... Trong khi người Việt Nam chúng ta gọi những người trí thức đạt học vị cao nhất của các môn học là Tiến sĩ, ngoại trừ Y khoa; thì các nước khác như Nhật Bản, Trung Quốc, Đại Hàn đều gọi là Bác sĩ. Bác sĩ là một danh từ chung để chỉ cho những ai gặt hái được những thành quả cao nhất trong phạm vi nghiên cứu của mình.

Ở đây cũng nên phân định một ranh giới cho dễ hiểu là mỗi ngành nghề đều có Bác sĩ, Tiến sĩ riêng biệt, chứ không phải đã là Tiến sĩ hay Bác sĩ thì đều giỏi hết ở tất cả mọi phương diện, họ chỉ giỏi ở phương diện họ nghiên cứu mà thôi. Do vậy chúng ta thấy đôi khi có những vị có đến hai hay ba bằng Tiến sĩ in trên danh thiếp là vậy. Còn bệnh nhân thì ai mà chẳng mong lành bệnh. Do vậy người bệnh phải cần đến Bác sĩ, nhưng nếu Bác sĩ y khoa chỉ vì tiền, mà không phải vì lương tâm nghề nghiệp, cứu người là việc chính, thì nhiều khi sự trễ nải trong việc cứu chữa, hay chẩn đoán sai lầm cũng dễ làm mất một mạng người. Tiền bạc mất đi ta có thể tìm lại được một cách dễ dàng, bằng cách này hay cách khác, nhưng mạng người lỡ mà bị mất đi thì không biết làm sao tái tạo lại được? Do vậy có rất nhiều người bảo rằng: “Tiền bạc mất đi, thay cho mạng sống” là vậy.

“Một người làm chính trị mà sai lầm, có thể giết cả một dân tộc”. Quá khứ đã lặp đi lặp lại nhiều lần trong hiện tại và ngay cả tương lai nữa; nhưng tham vọng của người làm chính trị, họ không làm chủ được cái ta vị kỷ, cái ta hung hãn, cái ta không trí tuệ, khiến cho nhiều triệu người đã bị chết vô tội vạ như Hitler, Mao Trạch Đông, Lenin, Hồ Chí Minh và những người theo chế độ quân chủ thời xưa, đã làm cho thế giới đảo điên và điều này đã không ngừng như trong hiện tại chiến tranh Nga Ukraine do Putin gây ra. Tham vọng của những người làm chính trị như thế, khiến cho dân tộc mình và thế giới phải đảo điên bởi chỉ vì một mục đích là củng cố sự tham vọng bá quyền, mà chủ nghĩa này vốn đã không còn tồn tại trên những đất nước theo chế độ tự do dân chủ nữa.

“Một người làm văn hóa, tư tưởng, giáo dục mà sai lầm, có thể giết hại cả một thế hệ”. Một thế hệ là bao nhiêu năm? Theo Google định nghĩa: Một thế hệ cách nhau từ 20 đến 30 năm là thời gian trung bình để trẻ em lớn lên và thành người lớn thực thụ (*Từ điển Oxford định nghĩa về generation gap là sự khác biệt về “thái độ” (Attitude) giữa những người ở thế hệ khác nhau*). Như vậy một thế hệ cũng có thể hiểu là thời gian để trưởng thành và có sự nhận định chính xác, thời gian cần ít nhất là 20 đến 30 năm. Văn hóa, tư tưởng và giáo dục quan trọng như vậy, nên chúng ta không nên xem thường về những phạm trù này, mà lúc nào cũng phải nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi và thẩm định trước khi một sự kiện được bàn thảo hay truyền đạt đến cho thế hệ sau.

Phần quan trọng là Tôn giáo. Chúng ta nếu không khéo dụng chạm đến niềm tin của một người đi theo một tôn giáo cực đoan thì dễ bị hiểu lầm hoặc dễ bị chụp mũ. Do vậy ở đây tôi đã lấy tư

tướng của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 để kết luận trong chương này ở phía trên. Ngoài ra Ngài cũng đã dạy cho chúng ta nhiều câu, nhiều bài học qua sách vở v.v... đã giúp cho chúng ta tiêu hóa được những gì đang học và đang hành trì. Ví dụ như Ngài thường hay dạy rằng: “Khi trong tâm anh lòng từ bi ngự trị thì hận thù không có cơ hội để tồn tại”. Đúng thật như vậy. Điều này cũng giống như ánh sáng và bóng tối vậy thôi. Khi ánh sáng đến thì bóng tối tất nhiên phải nhường chỗ. Ánh sáng đó tượng trưng cho lòng từ bi và bóng tối ấy tượng trưng cho hận thù. Nếu cái này có mặt, thì cái kia sẽ không tồn tại, hoặc ngược lại.

Thánh Gandhi, vị anh hùng của dân tộc Ấn Độ, là người dẫn đầu tranh đấu với thực dân Anh bằng phương pháp bất bạo động (*Quý vị có thể tham cứu “quyển Gandhi tự truyện” của Ni Trường Tri Hải dịch từ tiếng Anh ra Việt ngữ*) và ông đã chiến thắng với nhiều hoạt động khác nhau vì hòa bình, nhưng trong này có một đề nghị đơn giản về sự tạo dựng hòa bình như sau: “Chỉ cần mỗi người trên quả đất này mỗi ngày ngồi Thiền 15 phút thì chiến tranh sẽ không xảy ra”. Nếu có chiến tranh, tức không có hòa bình và hòa bình của thế giới này chỉ có thể thực hiện được, là do tất cả mỗi cá thể đang hiện hữu trên năm châu lục này.

Nhà Bác Học Albert Einstein đã tuyên bố nhiều câu nói lịch sử mà thế giới phải ghi nhận. Dĩ nhiên ông cũng chỉ là một con người, mà con người đó vượt lên trên tất cả 8 tỷ người khác trên quả địa cầu này. Gần giống như Đức Phật trong trường hợp này rằng: Sau khi Ma vương hại Phật không được, chúng hỏi Ngài rằng: “Này ông Cổ Đàm! Ông là người hay không phải là người?”. Đức Phật yên lặng rồi từ tốn trả lời rằng: “Vâng! Ta là người, nhưng không phải là người bình thường, mà là một con người

vượt lên khỏi sự hiểu biết và tranh chấp của thế gian. Thế gian này lúc nào cũng tranh chấp với ta và ta không bao giờ tranh chấp với thế gian”.

Thế gian này còn nhiều khổ lụy, nên chư Phật và chư vị Bồ Tát mới hiện thân vào cõi phàm trần này để cứu khổ độ mê; nhưng chúng sanh thì muôn đời vẫn mãi mê nơi sanh tử, nên đã quên lối về. Do đó mà đường đến Bảo sở vẫn còn xa vời, chẳng biết đến bao giờ mới đạt được, như các Ngài đã mãi đợi trông. Do vậy khi nào thế gian này còn đau khổ, thì sự hiện diện của chư vị Bồ Tát vào đời để cứu khổ độ sanh là một việc làm rất cần thiết; cho nên có nhiều vị Bồ Tát chưa muốn thành Phật, mà các Ngài nguyện ở vậy để cứu độ chúng sanh. Như Ngài Địa Tạng đã phát nguyện chờ đến khi nào chúng sanh không còn ở trong địa ngục nữa thì mới viên Thành Phật đạo. Hoặc giả lòng từ của Đức Quan Thế Âm khi độ sanh đã không phân biệt nhân, ngã, bi, thử và Ngài giống như người Mẹ hiền đang dang tay cứu giúp chúng ta, nhưng chúng ta vẫn còn chưa ý thức được trọn vẹn lời thệ nguyện của Ngài nên sự khổ vẫn còn tồn tại đầy dẫy nơi cõi Ta Bà vậy.

Vậy câu hỏi được đặt ra như tiêu đề là: “Giữa Văn hóa, Giáo dục và Tôn giáo có sự liên hệ với nhau như thế nào?” thì đây là câu hỏi không dễ trả lời hết tất cả mọi khía cạnh. Chúng ta thử điểm lại một vài câu chuyện lịch sử như sau:

Ở đây tôi muốn chứng minh cho tất cả chúng ta, những ai quan tâm đến Phật giáo rõ biết một điều mà lâu nay chúng ta ít để ý đến. Đó chính là việc Liên Hiệp Quốc đã công nhận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà văn hóa lớn của thế giới. Cho nên vào ngày 15 tháng 12 năm 1999 theo đề nghị của 34 quốc gia để

tôn vinh giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hòa bình, đoàn kết hữu nghị của Đức Phật. Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc tại phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã chính thức công nhận Đại Lễ Vesak là một Lễ hội Văn hóa, Tôn giáo quốc tế của Liên Hiệp Quốc (*theo Google*).

Nhân loại ngày nay trên thế giới này có tất cả gồm 8 tỷ người đang sinh sống và theo 10.000 loại tôn giáo khác nhau và Phật giáo tuy số tín đồ mới đạt đến mức 500.000.000 người; nhưng là một Tôn giáo lớn thứ tư sau Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo và Ấn Độ Giáo. Tuy nhiên nếu xếp theo thứ tự thời gian hiện hữu trên thế gian này, thì Phật giáo được xếp vào hạng thứ 2 (*Phật giáo đã có mặt trên thế gian này gần 26 thế kỷ*) sau Ấn Độ Giáo. Một tôn giáo có tuổi thọ lâu dài như vậy ắt hẳn tôn giáo ấy phải phù hợp với nhiều khía cạnh mà trong đời sống của con người tuân thủ theo. Ở đây chỉ riêng về khía cạnh văn hóa, chúng ta tự đặt ra vài câu hỏi và thẩm định lại nội dung cũng như tư tưởng của vấn đề này có phải đúng như thế không?

Đầu tiên nên đề cập đến sự kiện Đức Phật vì sao Ngài đã giảng bài pháp đầu tiên tại Varanasi với đề tài “Tứ Diệu Đế”? Đây là do lòng từ bi đối với tất cả Trời, người và muôn loài đang sinh sống trên thế gian này. Sau khi Ngài giác ngộ dưới cội Bồ đề, việc đầu tiên là quán chiếu tất cả vạn pháp và Ngài đã thán lên rằng: “Kỳ lạ thay ta thấy tất cả chúng sanh đều có thể tánh giác ngộ”. Đây là một sự phát hiện mà trước đó Ngài chưa nhìn thấy được. Với tầm nhìn ấy, Đức Phật đã đi vào thế giới hoa tạng của trùng trùng duyên khởi và trùng trùng biến hiện. Thế rồi Ngài đột nhiên dừng lại, vì thấy rằng nhân duyên chưa hội đủ, nên Ngài đã toan

tính nhập vào Niết Bàn. Nếu không nhờ chư Thiên hiện ra thưa thỉnh rằng:

“Kính bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã vì lời thệ nguyện mà xuất hiện ra nơi đời này. Trong khi chúng sanh chưa được độ và hạnh nguyện của Ngài chưa hoàn thành, thì kính xin Ngài chưa nên vội vào Niết Bàn”.

Qua lời thưa thỉnh đó, Ngài đã từ tốn bảo rằng: “Khi nào thất chúng (Đó là: *Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Thích xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di*) Đệ Tử của ta đã được độ thì ta sẽ vào Niết Bàn”.

Ma Vương không vui lắm, lúc nào cũng canh cánh bên lòng, chờ cho Đức Phật độ xong 7 thành phần này thì chúng mới có cơ hội hoành hành tàn phá thế gian này và điều đó đã xảy ra khi Ngài tròn 80 tuổi, sau 45 năm thuyết pháp độ sanh.

Vì lòng từ bi và với nhân cách của một con người thể hiện văn hóa cao tột của đời sống tâm linh nên Ngài đã nghĩ đến hai vị Thầy cũ của mình trước, nhưng đáng tiếc thay cả hai vị ấy đều đã vừa mới tịch diệt và sanh lên cõi trời Phi Tướng Phi Tướng Thiên. Ngài vội suy nghĩ đến những người bạn đồng tu trước. Đó là 5 anh em Kiều Trần Như và họ đang hiện hữu bên cạnh sông Hằng.

Khi Ngài đến mọi người tỏ vẻ lạnh lùng, đứng dưng vì nghĩ rằng ông Cồ Đàm này sau khi tách rời họ không kham chịu nổi đời sống khổ hạnh được, bây giờ đã thất bại rồi nên mới trở lại đây. Thế nhưng kỳ lạ thay, qua dáng đi thanh cao của Đức Phật và ánh sáng trí tuệ hiện khắp châu thân Ngài, nên mọi người phải

tự động đứng lên nghênh tiếp. Người đầu tiên có thiện cảm với Đức Phật chính là A Nhã Kiều Trần Như, người đứng đầu trong nhóm 5 người này. Và sau khi nghe bài pháp Tứ Diệu Đế do Đức Phật Đức Phật thuyết giảng, thì cũng chính vị này đã chứng được Thánh quả A La Hán; còn 4 vị kia chỉ mới thâm nhập vào quả Dự Lưu (*Quả Tu Đà Hoàn*) mà thôi. Dần dần về sau tất cả 5 vị này đều chứng Thánh Quả A La Hán (*Quả Vô Sanh, không còn tái sinh trong luân hồi nữa*).

Nhưng tại sao lại là “Tứ Diệu Đế” mà không là một bài pháp khác? Có lẽ Đức Phật đã quán tất cả nhân duyên của sự thuận nghịch rồi, nên mới lấy đề tài này và cũng vì thế sau mấy ngàn năm lịch sử Phật giáo đã có mặt trên thế gian này, nhiều Tông phái đã được chia ra cho hợp với trình độ văn hóa, sự tu chứng của từng dân tộc, từng thời đại của lịch sử; nhưng dầu là Theravada, Hinayana, Mahayana, Vaijrayana đi chăng nữa thì Tông Phái nào cũng đặt nền móng trên Tứ Diệu Đế này và lấy 37 phẩm trợ đạo (*Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần và Bát chánh đạo phần*) làm giáo lý căn bản để hoằng pháp lợi sanh. Như thế đứng về phương diện văn hóa thì đây là thước đo tổng hợp cho tất cả mọi sự thành tựu đạo quả về sau này.

Nhiều người không và chưa hiểu về bốn hoài của Đức Phật, nhất là những người theo những tôn giáo khác cho rằng: Tại sao Đức Phật không nói chuyện vui trước, mà nhìn đời chỉ bằng con mắt khổ đau yếm thế như vậy? Thực tế nếu nhìn và hiểu như vậy rõ ràng là chưa hiểu hết được thâm ý của Đức Phật, Ngài được ví như là một vị lương y, biết bắt mạch chữa bệnh rồi sau đó mới kê toa cho thuốc; chứ chưa có một vị lương y nào chưa biết bệnh nhân

thuộc loại bệnh nào mà đã cho thuốc cả. Đây là nguyên tắc và đây cũng là hành động có tính cách văn hóa của một bậc Đạo Sư vậy.

Chúng ta thấy rằng: Khổ như một kết quả đã trải qua. Đây chính là căn bệnh. Tập như là nguyên nhân của sự khổ. Từ đâu mà bệnh nảy có? Diệt là những điều phiền não nảy sinh, duyên theo đó để diệt, và Đạo chính là con đường để chấm dứt bệnh khổ đó. Đây là một toa thuốc của một vị lương y đã cho chúng ta là những bệnh nhân cần uống. Nếu bệnh nhân nào nghe theo lời của Thầy thuốc, uống thuốc giải độc ấy thì bệnh ắt lành. Nếu bệnh nhân nào lười uống thuốc, bệnh không lành, thì lỗi đó là của bệnh nhân, chứ không phải của vị Thầy thuốc.

Tôi đi sâu vào Đại Tạng Kinh và rải rác đâu đó ở phần đầu của các Kinh A Hàm (gồm Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Tạp A Hàm và Bản Sanh) có đề cập đến những vị chỉ thực hành Bát chánh đạo (gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) miên mật cũng đã chứng được Thánh quả A La Hán. Cho hay dù cho một pháp môn nào do Phật hay chư Tổ chỉ bày, nếu chúng ta thực hành chu đáo, miên viễn chuyên tâm vào đó thì cũng sẽ dễ dàng đi đến một kết quả là có thể giải thoát việc sanh tử. Có rất nhiều người trong chúng ta, kể cả người xuất gia lẫn tại gia cứ lo tìm kiếm những phương pháp cao thật cao để tu học, mới mong thỏa mãn tánh tò mò và cuối cùng thì cũng khó đạt được việc giải thoát sanh tử. Vì lẽ những điều căn bản của Phật dạy đều hợp hết với tất cả căn cơ của chúng sanh. Chúng ta phải tùy theo sức mà kết hợp thuốc để uống, không nên uống quá liều thì sẽ mang họa vào thân. Ví dụ có trường hợp một người Phật tử Việt

Nam thấy Phật giáo Tây Tạng rất đặc biệt, nên đến một vị Đại Sư Tây Tạng và thưa rằng:

- Cho con xin một câu thần chú để trì tụng hằng ngày, nhằm mau chứng ngộ đạo lý.

- Ngài từ tốn trả lời rằng: Tôi nghe nói Phật giáo Việt Nam cũng có một câu thần chú hay lắm.

- Thưa Ngài: Đó là câu gì vậy?

- Câu: “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Qua đó chúng ta có thể rõ biết được rằng: Pháp môn nào của Đức Phật và chư vị Bồ Tát nói ra đều hợp với cho từng trường hợp của mỗi chúng sanh, nhưng nếu chúng sanh đó không hợp được với khế lý và khế cơ thì chắc chắn rằng dẫu cho có đi tìm kiếm những pháp môn khác cao hơn nữa, thì cũng không thể nào đáp ứng thâm sâu vào giáo nghĩa ấy thì mong gì chứng thực được điều của mình tu học.

Theo Hòa Thượng Thích Chơn Thiện thì: “Giáo dục làm nên văn hóa và văn minh, là đầu nguồn của văn hóa”. Đức Phật như Liên Hiệp Quốc đã tôn vinh, Ngài là một nhà Văn Hóa của Nhân Loại. Phật giáo trở thành tinh thần, tâm linh của nhân loại. Đức Phật hẳn là một nhà giáo dục, tư tưởng lớn của nhân loại và hệ thống giáo lý của Phật giáo như là một hệ thống tư tưởng giáo dục toàn diện và tiên tiến.

Giáo dục, theo nghĩa rộng là con đường hai chiều của dạy và học kéo dài từ khi sinh ra cho đến khi chết và có mặt ở ba môi trường sinh hoạt: gia đình, xã hội và học đường.

Lời dạy của Đức Phật về “nghiệp cũ” và “nghiệp mới” hình thành qua các hành động có chủ ý của thân, miệng và ý và về thai giáo, là con đường giáo dục con người đủ hai mặt nhận thức và hành động ở khắp môi trường hiện hữu từ thai nhi cho đến chết. Đây là điểm gặp gỡ tổng quát mà cho đến thế kỷ thứ 20 Tây lịch, khi giáo dục phát triển cao điểm, giáo dục mới bắt gặp Phật giáo.

Hẳn là cần có một công trình biên khảo công phu mới nêu dẫn đầy đủ các mặt nội dung giáo dục, tinh thần giáo dục, phương pháp kỹ thuật giáo dục, tâm lý giáo dục, triết lý giáo dục, triết lý giáo dục của Phật giáo và nền giáo dục cấp tiến hiện đại. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến tên gọi của các tinh thần giáo dục nhân văn đó và cấp tiến mà nền giáo dục của xã hội ở thế kỷ thứ 21 có thể tham khảo. Đây là các tinh thần và nội dung của một đường hướng giáo dục toàn diện và tiên tiến như:

1) Niềm tin giáo dục: Niềm tin vào một khả năng vô hạn bên trong mỗi cá nhân có thể phát huy.

2) Mục tiêu giáo dục: Đầy đủ hai mặt cá nhân, xã hội và thế giới tự nhiên: hạnh phúc là tiêu điểm hướng đến.

3) Tinh thần trách nhiệm cá nhân.

4) Tinh thần khách quan thực tiễn và thực tại.

5) Tinh thần tự chủ, tự trị, tự tin

6) Tinh thần phê phán, phân tích.

7) Tinh thần hướng dẫn, chỉ đường.

8) Tinh thần khích lệ, kỷ luật.

9) Tinh thần độc lập, giải trừ nô lệ.

10) Tinh thần trùng trùng tương quan của vạn hữu.

11) Con người toàn diện, dẫn đầu là trí tuệ thấy rõ sự thật như thật.

12) Giáo dục đánh thức.

13) Giáo dục thiên định: Tự chủ, ổn định và an lạc.

14) Tinh thần trung đạo: Vô ngã, vị tha.

15) Tinh thần không dính mắc: Tùy duyên như bất biến.

16) Tinh thần xã hội: Lục hòa và tứ nhiếp pháp.

17) Tinh thần hiện thực: Giáo dục, giảng dạy, sử dụng những ví dụ cụ thể, kiểm chứng, kiểm nghiệm.

18) Trí tuệ là linh hồn của văn hóa, giáo dục chính con đường giảng dạy đó của Đức Phật, làm nên một nền văn hóa của Phật giáo bao hàm đủ các cấp độ phát triển văn hóa từ xưa đến nay của nhân loại: công bằng (đạo đức xã hội) như các hệ thống pháp luật, quản trị; nhân ái, vị tha, khoan dung (đạo đức cao hơn mức văn hóa công bằng) khách quan theo các quy luật của cuộc sống (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học vật lý, thuần túy), vượt lên cao và xa hơn nữa là cấp độ văn hóa rất nhân văn, rất có tính cách tinh thần, gọi là văn hóa tinh thần, tâm linh mà Liên Hiệp Quốc đã tôn vinh Đạo Phật vào năm 1999. Phật giáo, qua lời dạy của Đức Phật, giới thiệu đến đỉnh cao của nền văn hóa giải thoát toàn triệt các khổ đau vật lý, tâm lý gọi là văn hóa giải thoát (tâm giải thoát và tuệ giải thoát: nếp sống bằng bạc hạnh phúc nội

tâm, phát triển sung mãn các năng lượng tâm lý và với trí tuệ thấy rõ tường tận sự thật của mọi hiện hữu. (<http://old.Thuvienhoasen.org>. Trích một phần trong “Tuyển tập Kính mừng Phật Đản” trong bài: Đức Phật nhà văn hóa lớn của nhân loại. Hòa Thượng Thích Chơn Thiện được đăng tải trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen ngày 17 tháng 5 năm 2016).

Trên đây là một số trích dẫn từ bài viết của Hòa Thượng Thích Chơn Thiện, Tiến Sĩ Phật học và Giáo dục học. Nếu chúng ta có thời gian và điều kiện sẽ triển khai 18 tính cách đặc thù theo nền giáo dục căn bản của Phật giáo, thì lúc ấy chúng ta sẽ có được một tổng thể về giáo dục có tính cách hoàn hảo hơn và bây giờ chúng ta có thể đi đến phần cuối của lời kết này là sự liên hệ mật thiết giữa hai phạm trù Văn hóa, Giáo dục cùng Tôn giáo như thế nào để chúng ta có thể cùng hoạt động và chung sống hòa bình trên hành tinh này là điều cũng nên đề cập đến.

Trong nhiều tác phẩm và bài giảng của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, Ngài hay đề cập về tôn giáo và trong hai tác phẩm: My land and my people (Nước tôi và dân tôi) và Freedom in Exile (Tự do trong lưu đày) Ngài đã tỏ bày hầu như đầy đủ về con người, tư tưởng cũng như hành hoạt của Ngài trong suốt cuộc đời làm Pháp Vương và Tăng Vương của xứ Tây Tạng cùng với hơn 50 năm sống tại ngoại quốc, nên đây là một trong những vị có tư tưởng rất đặc thù về lãnh vực tôn giáo cũng như những lãnh vực khác.

Bây giờ chúng ta nên đi tìm ảnh hưởng của một vị Thầy người Việt Nam có tầm ảnh hưởng khá nhiều đối với người ngoại quốc, đó là Thiền Sư Thích Nhất Hạnh:

Thiền sư Thích Nhất Hạnh tên khai sinh là Nguyễn Đình Lang, sau đổi thành Nguyễn Xuân Bảo, sinh ngày 10.01.1926 tại Thừa Thiên. Là con cháu đời thứ 15 của dòng họ Nguyễn Đình, có tổ tiên là nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, tác giả truyện Lục Vân Tiên. Thiền sư mất ngày 22.01.2022 (95 tuổi) tại Thừa Thiên, Huế Việt Nam. Ngài thuộc phái Lâm Tế Liễu Quán, Tiếp Hiện thuộc Làng Mai, Pháp Quốc. Thiền Sư Thích Nhất Hạnh còn là một nhà văn, nhà thơ, giảng viên, nhà khảo cứu, nhà hoạt động xã hội và nhà hoạt động hòa bình; là người Việt Nam có quốc tịch Pháp. Ngài đồng thời cũng là người sáng lập tông phái Truyền Thống Làng Mai, được lịch sử thế giới công nhận là nguồn cảm hứng chính và là người đưa ra khái niệm Phật giáo dẫn thân (*Theo Wikipedia tiếng Việt và Google*).

Vào thập niên 1960 Ngài lập Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở Sài Gòn cũng như Đại Học Vạn Hạnh vào năm 1964 và nhà xuất bản Lá Bối. Ngài đã nhiều lần đến Hoa Kỳ diễn thuyết về Phật giáo tại Đại Học Princeton và Đại Học Cornell. Ngài lấy bằng Cao học về chuyên ngành Tôn giáo học tại Đại học Columbia tại Hoa Kỳ vào năm 1963 và sau này giảng dạy tại đây.

Năm 1966 Ngài lập ra dòng Tu Tiếp Hiện và thiết lập nhiều trung tâm thực hành tại các thiền viện khắp nơi trên thế giới... (*Theo Wikipedia tiếng Việt và Google*).

Hòa Thượng Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đã xuất bản ít nhất là 100 đầu sách; trong đó có hơn 70 cuốn viết và được dịch ra bằng tiếng Anh. Ngài cũng cho xuất bản những bài giảng trong các tạp chí Mindfulness Bell của dòng Tu Tiếp Hiện. Sau đây là một số tác phẩm tiêu biểu được liệt kê gồm:

Thơ:

- Tiếng địch chiều thu, Long Giang, Sài Gòn 1949
- Ánh xuân vàng (bút danh: Hoàng Hoa) Long Giang, Sài Gòn 1950
- Thơ ngụ ngôn (bút danh: Hoàng Hoa) Đuốc Tuệ, Hà Nội 1950
- Chắp tay nguyện cầu cho Bồ câu trắng hiện, Lá Bối, Sài Gòn 1965
- Tiếng đập cánh loài chim lớn, Lá Bối, Sài Gòn 1967
- Bông Hồng cài áo, Sài Gòn 1962
- Vietnam Poems, Unicorn Press, Santa Barbara (Hoa Kỳ) 1968
- De Schreeuw van Vietnam, Uitgeverij Ten Have Baarn, Holland, 1970
- Zen Poem, Unicorn Press, Greenboro (Hoa Kỳ) 1976

Truyện:

- Tình người (tập truyện, bút danh: Tâm Quán) 1951, Lá Bối 1973
- Nẻo về của Ý (bút ký), Lá Bối 1967, An Tiêm 1972
- Am mây ngủ (truyện ngoại sử), Lá Bối
- Bưởi (tập truyện ngắn), Lá Bối
- Tổ (tập truyện), Lá Bối
- Văn Lang dị sử (truyện cổ tích), bút danh Nguyễn Lang, Lá Bối, An Tiêm 1975

- Đường xưa mây trắng, Lá Bối, Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn, 2007
- Truyện Kiều dịch ra văn xuôi, Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn
- Truyện tranh Coconut-Monk, xuất bản ngày 25.01.2006 bởi Nhà xuất bản Plum Blossom Books.
- Con gà đẻ trứng vàng, 2018

Khảo luận:

- Đông phương luận lý học, Hương Quê 1950
- Vấn đề nhận thức trong Duy Thức Học, Lá Bối 1969
- Tương lai Văn hóa Việt Nam, Lá Bối
- Tương lai Thiền học Việt Nam, Lá Bối
- Việt Nam Phật giáo sử luận (bút danh Nguyễn Lang), 3 tập: tập 1 Lá Bối 1974, tập 2 & tập 3 xuất bản ở nước ngoài sau 1975
- Thả một bè lau, Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn 2008
- Những con đường đưa về núi Thứu
- Làng Mai nhìn về núi Thứu
- Đập vỡ vỏ hồ đào
- Sen búp từng cánh hé

Khác:

- Gia đình tin Phật, Đuốc Tuệ 1952

- Bông hồng cài áo, viết vào mùa Vu Lan 1962, Lá Bối xuất bản lần 2, 1995
- Đạo Phật đi vào cuộc đời, Lá Bối 1964
- Đạo Phật ngày nay, Lá Bối 1965
- Nói với tuổi hai mươi, Lá Bối 1966, 1972
- Phật giáo Việt Nam và hướng đi nhân bản đích thực (bút danh Trần Thục Đức),
Lá Bối 1967
- Đạo Phật hiện đại hóa, Lá Bối 1965, 1968
- Đạo Phật ngày mai, Lá Bối 1970
- Nẻo vào Thiên học, Lá Bối 1971
- Đạo Phật áp dụng vào đời sống hằng ngày, Viện Hóa Đạo xuất bản 1973
- Tuổi trẻ tình yêu lý tưởng, Lá Bối
- Kiều và Văn nghệ đứt ruột, Lá Bối, USA 1994
- The Miracle of Mindfulness: A Manual on Meditation, Beacon Press 1999, ISBN0-8070-1239-1239-4 (Vietnamese: Phép lạ của sự tỉnh thức).
- Phép lạ của sự tỉnh thức, Nhà xuất bản Tôn giáo
- Đi như một dòng sông
- An lạc từng bước chân
- Trái tim của Bụt, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh 2006

- Hạnh phúc: mộng và thực, Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn 2009
- Kim Cương gươm báu cắt đứt phiền não, Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn 2009
- Giận, Nhà xuất bản Thanh Niên 2009
- Tĩnh Lặng, Nhà xuất bản Thế Giới 2018
- Từng bước nở hoa sen, Nhà xuất bản Văn Hóa Văn Nghệ, TP HCM 2018
- Không diệt không sanh đừng sợ hãi, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2019

Nhìn vào một khối văn chương đồ sộ của Thiền Sư đã viết về: Thơ, truyện, khảo luận, khác v.v... tôi thấy rằng mình đã đọc khá nhiều sách của Ngài từ khi tôi còn ở trong nước trước năm 1972 và sau khi ra nước ngoài những tập sách khảo luận như: Việt Nam Phật giáo sử luận 1, 2, 3 đã giúp cho tôi có một cái nhìn đúng đắn hơn về Phật giáo nước nhà và phát hiện ra những điều hiếm quý mà lâu nay chưa khám ra được; nhất là giai đoạn đầu của việc truyền thừa Phật giáo vào Việt Nam ở thời buổi bình minh của lịch sử.

Thật ra thì việc ghi chép bên trên vẫn còn thiếu một số quyển như: Hoa sen trong biển lửa, Cửa tùng đôi cánh gài, Phật trong tôi, Chúa trong tôi, Tri kỷ của Bụt v.v... và tôi nghĩ rằng chắc còn nhiều tác phẩm lưu lạc đâu đó mà chính Thiền Sư hay người thân cận của Ngài chưa tìm ra được. Hy vọng rồi chúng ta sẽ có thêm những tài liệu quý giá này để độc giả tham khảo.

Tôi lớn lên trong chiến tranh nên có rất ít sách viết về Phật giáo để đọc. Do vậy chúng tôi chọn sách của Thầy Nhất Hạnh để đọc và tự nhiên thâm nhập vào cách hành văn của Ngài lúc nào chẳng hay biết. Gần đây nhất tôi đã đọc tác phẩm “Thả một bè lau” và “Tri kỷ của Bụt” rất là tâm đắc! Tuy nhiên theo nhận xét riêng của cá nhân mình thì tôi nghĩ như sau: Thiền Sư Thích Nhất Hạnh là người muốn Phật giáo dẫn thân vào xã hội nhiều hơn, nên đã lập ra Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội và muốn Phật giáo phải cải cách nhiều hơn, nên đã lập ra “Dòng Tu Tiếp Hiện” thọ lãnh 14 giới để hành trì.

Nếu theo dõi những hoạt động của Ngài từ trước đến sau năm 1975 và nhất là đến ngày viên tịch gần 100 năm nơi cõi trần thế, chúng ta có thể thấy những điểm quan trọng như sau:

- Từ khi sinh ra đến khi rời nước Việt Nam đi sang Hoa Kỳ du học, Ngài thao thức cho một Việt Nam Hòa Bình Độc Lập Tự Do Dân Chủ, không hận thù, chém giết lẫn nhau, vì cùng chung một mẹ Việt Nam.

- Từ năm 1963 đến năm 1973 Ngài vận động cho hòa bình của đất Việt và dẫn thân vào xã hội nhiều hơn với sự trợ giúp của ý thức mới ở ngoại quốc, mà khi Ngài còn du học tại Hoa Kỳ đã được ảnh hưởng.

- Từ năm 1975 đến năm 1987 là thời gian hoạt động xã hội ở ngoại quốc, thành lập Làng Hồng (tiền thân của Làng Mai bây giờ) gần Bordeaux, Pháp Quốc.

- Từ năm 1987 đến 2005 Ngài thiết lập nhiều Đạo Tràng tại nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là bắt đầu độ người xuất gia. Thật

ra theo tinh thần của dòng Tiếp Hiện thì những vị Giáo thọ này
 kiêm luôn cả việc đạo và việc đời, nhưng cho đến thời điểm năm
 1987 Ngài thấy rằng việc này bất cập, không thể thực hiện được,
 nên đã bắt đầu cho một số vị Cư sĩ xuất gia; trong đó có Sư Cô
 Chân Không Cao Ngọc Phượng, Chân Nguyên Hải v.v...

- Từ năm 2005 đến khi viên tịch năm 2022 Ngài có ý hướng
 trở về lại Việt Nam, nơi chùa Từ Hiếu tại Huế để xiển dương tinh
 thần “Thiền Tĩnh Thức” cho người trong nước, cho cả giới xuất
 gia và tại gia, nhưng qua sự cố của “Bát Nhã Lâm Đồng” chúng ta
 thấy rằng Thiền sư đã không đạt được ý nguyện này. Và nhờ vậy
 mà những trung tâm Thiền ở Chiangmai, Thái Lan, Hồng Kông,
 Indonesia đã được thành lập; đồng thời sau sự cố “Bát Nhã Lâm
 Đồng”, Tu Viện Lộc Uyển, Bích Nham tại Hoa Kỳ, Làng Mai ở
 Pháp và Viện Phật Học ứng dụng Âu Châu ở Đức đã bảo lãnh
 được nhiều Tăng Ni sinh hơn, nhờ vậy số đệ tử xuất gia của Ngài
 trong hiện tại chắc cũng đã trên 1.000 vị; và số Cư sĩ tại gia người
 Việt cũng như người ngoại quốc đã quy y với Ngài, cũng như nghe
 Ngài giảng hoặc đọc sách của Ngài chắc không dưới vài triệu
 người. Đây là một thành công của Ngài có tính cách lịch sử mà
 Phật giáo Việt Nam phải thừa nhận điều đó.

Hầu như tất cả những sách vở của Ngài viết, nếu được những
 nhà xuất bản như của Đức, Pháp, Hòa Lan, Ý, Đại Hàn, Nhật Bản
 v.v... cho in ấn khi nhìn về bìa sách phía sau, chúng ta đều thấy có
 mấy dòng tiêu biểu như thế này: “Người được thế giới ngưỡng mộ
 nhất trên lãnh vực tinh thần là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14. Người
 thứ 2 có ảnh hưởng tâm linh đối với người ngoại quốc không nhỏ
 về Phật giáo, đó là Thiền Sư Thích Nhất Hạnh”.

Việc đúng, sai, tốt, xấu... xin để lại cho đời phán xét. Giờ này chúng ta chỉ nên nhìn vào những điểm nổi bật của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, để thấy rằng lãnh vực Văn Hóa, Giáo Dục và Tôn giáo qua sự thể hiện của Ngài trong các tác phẩm cũng như của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, thì đây chính là những món ăn tinh thần, mà tất cả chúng ta bất cứ ai đã có lần gặp gỡ Ngài, nghe Ngài giảng hoặc đọc sách của Ngài viết, thì đây là sự thể hiện của Thiền Chánh Niệm mà ngày xưa Đức Phật đã nói và đã dạy qua thiền đếm hơi thở (Anapana Satta). Và ngày nay Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh chính là người đã thành công qua sự thâm thấu của Thiền Định, mà Đức Phật đã dạy cách đây hơn 25 thế kỷ về trước.

Hôm nay ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại Thiền Lâm Pháp Bảo thuộc vùng Wallacia gần Sydney, Úc Châu, tôi viết xong lời kết này để tạ ân Tam Bảo và tất cả mọi người, mọi loài đã trợ duyên cho tôi viết xong tác phẩm thứ 71 này; và cũng xin cảm ơn tất cả những người đã cộng tác cho tác phẩm này thành tựu như khâu đánh máy, xem lại lỗi chính tả, Layout, trang trí bìa, đưa lên mạng Amazon v.v... Tất cả là những việc làm đáng trân quý và xin tạ ân. Đồng thời nếu có gì sai sót, kính xin quý vị cao minh chỉ giáo cho. Đây chính là điều cần thiết, mà tác giả luôn mong đợi.

Úc Châu, Wallacia, Sydney ngày 16.11.2022

Tác giả **Thích Như Điển**

PHỤ LỤC 1

**Tóm lược nội dung
của 71 tác phẩm được xuất bản
từ năm 1974 đến năm 2023**

1. Truyện cổ Việt Nam tập 1 và 2

xuất bản tại Tokyo, Nhật Bản vào năm 1974 và 1975.

Đây là dịch phẩm đầu tay của tác giả từ tiếng Việt sang Nhật ngữ. Nguyên tác là ông Nguyễn Đồng Chi. Thuở ấy từ Nhật Bản tôi có viết thư gửi về nhà xuất bản ở Hà Nội để xin tác giả cho phép tôi dịch ra Nhật ngữ và ông Nguyễn Đồng Chi đã có thư trả lời đồng ý.

Tôi không dịch hết tất cả các truyện cổ Việt Nam ra Nhật ngữ, mà chỉ dịch những truyện nào có liên quan đến Phật giáo như chuyện: Cây nêu ngày Tết, Sự tích cây huyết dụ, Trầu cau, Đồ tế buồng dao thành Phật v.v..., sách này đã tuyệt bản, tôi chỉ còn một quyển duy nhất đang trưng bày trong tủ sách của mình tại chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc. Hình bìa do ông Trần Đức Giang vẽ cũng như những phụ bản bên trong sách. Sách đầu tay này được Hòa Thượng Trụ Trì Oikawa Shinkai bảo trợ.

Sau khi tác phẩm này ra đời, báo Phật giáo tại Kyoto có đến chùa Honryuji (Bồn Lập) để phỏng vấn tôi, vì có nhiều người

đọc, thấy nhiều câu chuyện thân thoại, cổ tích của Việt Nam rất hấp dẫn. Nguyên do có được tác phẩm này là do hai Giáo sư người Nhật là Okata và Haneta dạy Nhật ngữ cho tôi vào năm thứ 2 và năm thứ 3 (1973-1974 & 1974-1975), khuyến khích trong giờ tiếng Nhật nên tập dịch những sách văn học Việt Nam để những vị nầy chấm văn phạm, sửa lỗi cách cấu trúc, hành văn bằng tiếng Nhật. Nhờ vậy mà tôi có được một độ tự tin cao khi tiếp xúc với người Nhật, dẫu cho xa Nhật đã gần 50 năm rồi. Cũng phải cảm ơn đến Hòa Thượng Oikawa cùng Tăng chúng và gia đình của chùa Bốn Lập tại Hachioji, Tokyo từ năm 1973 đến năm 1977. Đây là cái đà để tôi tiến thân cho đến ngày hôm nay. Xin niệm ân tất cả những ân tình như thế của một thuở xa xưa trong cuộc sống ly hương của mình.

2. Giọt mưa đầu hạ

Việt ngữ, xuất bản năm 1979 tại Paris, Pháp quốc.

Quyển sách nào đối với tôi cũng có phần duyên khởi cả. Nguyên do là tháng 4 năm 1977 tôi đã có mặt tại Đức quốc và sau khi có giấy tờ xin tỵ nạn chính trị tôn giáo, tôi đã sang Pháp để thăm viếng Hòa Thượng Thích Minh Tâm (*Trước đây Hòa Thượng đã du học tại Nhật Bản và ở Nhật từ năm 1967-1973*) cũng như một số chùa: Linh Sơn, Quan Âm, Tịnh Tâm v.v... tại Paris. Mỗi khi Hòa Thượng Minh Tâm đi dự Hội Nghị hay đi Phật sự ở đâu xa trong nhiều tuần lễ hay nhiều tháng, thì Hòa Thượng nhờ tôi sang Pháp để giúp xem chùa cho Ngài, đồng thời chủ trì và giảng pháp vào những ngày Chủ Nhật khi có lễ Cầu siêu hằng

tuần (lúc đó chùa Khánh Anh đã chánh thức dời từ *Acceuil* về vùng *Bagneux* như trong hiện tại). Trong lúc rảnh rỗi tôi ngồi ghi lại những kỷ niệm vui buồn trong quá khứ khi còn làm Chú tiểu ở Việt Nam và trong đó có những mẩu chuyện như: Tình mẫu tử; Những ngày tù v.v... lấy bút hiệu Hoàng Vân và nhân vật Dũng trong truyện, chính là tôi của những ngày xa xưa ấy. Sách in không nhiều, chủ ý để tặng và bù vào đó tôi cũng đã nhận được tiền ủng hộ của quý Đạo Hữu chùa Khánh Anh không ít. Đôi khi tôi chỉ học chuông mõ, cách tụng kinh v.v... trong đó có hai người, nay là Thượng Tọa Thích Quảng Đạo, Trụ Trì đại tự Khánh Anh ở Evry và Ni Sư Diệu Trạm, Trụ Trì Tổ Đình Khánh Anh tại Bagneux. Đây là một ngôi nhà cải sửa thành chùa. Chánh điện của chùa này chính thức được đặt viên đá vào ngày 19 tháng 2 năm Kỷ Mùi (1979) nhân lễ vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Tác phẩm đầu tay bằng Việt ngữ này do Hòa Thượng Thích Minh Tâm viết lời giới thiệu và tôi đã trân trọng cho vào những trang đầu sách. Bởi lẽ với tôi, việc cung kính những bậc trưởng thượng lúc nào cũng đặt lên hàng đầu. Khi Hòa Thượng đi đầu, tất cả việc chùa Khánh Anh đều do tôi điều hành. Lúc ấy chưa có người nào xuất gia cả. Chỉ có Bác Vũ Văn Hà về chùa làm công quả và sau này Bác cũng đã xuất gia được ban Pháp danh là Nguyên Lưu. Sau khi thọ Sa Di, Bác vẫn hầu hạ Hòa Thượng Minh Tâm rất chu đáo, nhưng một buổi sáng Bác đi mua bánh mì cho chùa thì bị xe tông và Bác qua đời tại chỗ. Bác là người xuất gia sớm nhất cùng với thời gian của Thầy Quảng Đạo, Thầy Chúc Nhuận, Cô Diệu Trạm v.v...

Những lúc tôi viết chuyện, Bác Nguyên Lưu thường hay ngồi tâm sự về cuộc đời trôi nổi của Bác từ Việt Nam sang Pháp trước

năm 1954 rồi lấy vợ Tây, sinh con đẻ cái và từ Marseille di chuyển về Paris, cuối cùng là nường nấu cửa chùa.

Ngày ấy tôi hay sang Pháp với lý do như trên và khi về lại Hannover đèo bông thêm những loại thực phẩm của Á Châu mua tại tiệm Tang Frère như: chuối xiêm, xoài, chơm chơm có xuất xứ từ Thái Lan cũng như nhang trầm, đậu hũ v.v... Đây là những kỷ niệm mà tôi không bao giờ quên cả.

3. Ngõ Ngang

*Viết ngữ, xuất bản tại Đức năm 1980,
không phát hành, in bằng loại Roneo ngày ấy.*

Rất mỏng. Nội dung sách viết về tâm trạng bơ vơ của một Nữ khách khi từ Á sang Âu, tiếp xúc với nếp sống văn minh mới, có nhiều ngõ ngang với tình người, tình bạn và cách sống của những người bản xứ Đức.

Sách đã tuyệt bản, chỉ còn lại một bản duy nhất đang được trưng bày tại kệ sách trong thư phòng của tôi tại Hannover, Đức quốc. Ngoài ra nhân viên văn phòng chùa Viên Giác cũng đã đánh máy hay Scan lại sách nào không còn tái bản để cho vào hồ sơ lưu trữ trên trang nhà viengiac.info cũng như các trang mạng quangduc.com hay Thư viện Hoa Sen, hoavouu v.v... Vì lẽ đây là những tài liệu quý giá, bây giờ có muốn viết lại cũng không thể viết được nữa. Lời văn của tuổi trung niên khác với thanh niên và khác xa với tuổi lão niên bây giờ. Tôi vẫn giữ nguyên văn phong của ngày ấy để làm kỷ niệm với cái mốc thời gian của thuở ban

đầu. Khi người ta đặt hy vọng vào một cái gì đó, không được đáp ứng như mình mong muốn, nhiều khi trở thành thất vọng, khổ tâm; nên tôi lấy nhan đề là Ngỡ Ngàng đặt tên cho đề sách.

4. Lịch sử Phật giáo Việt Nam Hải ngoại trước và sau năm 1975

Việt và Đức ngữ, xuất bản năm 1982.

Bắt đầu từ năm 1979 đến năm 2004; trong vòng 25 năm như thế, chùa Viên Giác tại Hannover chúng tôi đã nhận được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức về các khoản tiền thuê nhà hằng tháng để làm chùa, tiền điện, Gas, nước, chi phí văn phòng phẩm, tiền chi cho các lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan v.v...; sau này thì chúng tôi xin thêm tiền in báo Viên Giác cũng như sách của tôi viết hay dịch. Nhờ vậy mà những sách của tôi được xuất bản liên tục từ năm 1982 đến năm 2004 và báo Viên Giác ngoại trừ những số ra trước năm 1982 phải tự túc, sau đó từ số 1 bộ mới, chính phủ Đức đã giúp đỡ tiền in ấn cũng như tiền gửi Bưu điện cho đến năm 2004. Viên Giác là một trong những tờ báo Phật giáo có tuổi thọ lâu đời nhất so với trong nước cũng như hải ngoại ngày nay. Đây chính là phạm trù văn hóa mà Chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức đã giúp đỡ chúng tôi trong suốt 25 năm như vậy. Viên Giác bộ cũ xuất bản đầu năm 1979-1980 gồm 6 số. Năm 1981 anh Mai Vi Phúc làm Chủ bút đã bắt đầu cho in khổ A4 đến ngày nay và năm 2022 này báo Viên Giác đã ra đời được 252 số. Mỗi số phát hành ít nhất là 1.000 bản và nhiều nhất là 5.000 tờ gửi đi khắp các châu lục gồm 23 nước, nơi có người Việt

Nam đang sinh sống, lập nghiệp tại đó. Cứ 2 tháng xuất bản một lần vào tháng chẵn. Tháng lẻ thì nhân viên góp bài và đánh máy, layout v.v... Ban đầu thì dùng máy in của chính phủ tặng, tự in tự cắt và tự đóng, sau đó gởi đi đến các nơi, nhưng từ năm 2004 trở đi vì thiếu nhân sự, nên chúng tôi đã cho nhà in của Đức in sau khi đã Layout phần sau cùng trước khi lên khuôn, để in trở thành một tờ báo thực thụ và nhà in cũng tự gởi đi đến các độc giả trong xứ Đức. Văn phòng của chùa chỉ đảm nhận việc cho vào phong bì và gởi đi đến các nước tại Âu Châu cũng như ở những châu lục khác.

Quyển sách thứ 4 này là kết quả của những tháng ngày ở Pháp, tôi đã đi đến chùa Linh Sơn ở Joinville để phỏng vấn Hòa Thượng Thích Huyền Vi, đến chùa Quan Âm để phỏng vấn Hòa Thượng Thích Chơn Thường, đến chùa Hoa Nghiêm để phỏng vấn và xin tài liệu Phật giáo tại Lào nơi Hòa Thượng Thích Trung Quán đã cư trú. Ngoài ra Hoa Kỳ và Canada cũng như vài nơi khác trên thế giới là kết quả điền dã tại từng nơi mà tôi đã đến. Ví dụ như ở Mỹ thì phỏng vấn Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Hòa Thượng Thích Tịnh Từ và một số Cư sĩ đứng ra lập Hội, lập Chùa Phật giáo từ sau năm 1975. Mỗi Chùa mỗi Hội như vậy tôi chỉ viết ngắn gọn về địa chỉ, nội quy của Chùa của Hội ấy, tên vị Trụ trì và nội dung sinh hoạt hằng ngày, hằng tháng, hằng năm v.v..., không đi sâu vào những phạm trù khác. Vì đầu năm 79, 80 Phật giáo Việt Nam tại ngoại quốc còn ít ỏi lắm, nhất là số Tăng Ni từ trong nước ra ngoại quốc chưa đông, đa phần là những Tăng Ni du học tại Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan đi du học từ trước năm 1975 và sau năm này chư Tăng Ni lo xong học trình của mình ở các nước sở tại, kế đó mới sang các nước Âu, Mỹ, Úc để xin tỵ nạn chính trị hay lý do tôn giáo v.v... Tôi nghĩ rằng nếu có cơ hội và thời gian, tôi sẽ viết

bổ sung cho quyển sách này sau gần nửa thế kỷ chưa để cập đến. Đây có lẽ cũng là một việc hiển nhiên thôi, nhưng “thời gian và thủy triều chẳng đợi chờ ai cả”. Do vậy cái gì làm được bây giờ thì cứ cố gắng làm chứ không đợi ngày mai. Vì ngày mai ấy xa vời lắm.

Bởi lẽ Chùa Viên Giác có nhận được sự trợ cấp của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức, nên tôi nghĩ rằng bất cứ tác phẩm nào của tôi viết, ngay như tờ báo Viên Giác cũng phải nên có tiếng Đức đi kèm. Đây là cái mốc thời gian đánh dấu một sự kiện quan trọng là tôi đã bắt đầu tập dịch sang tiếng Đức quyển Phật Học Phổ Thông của cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa sang tiếng Đức và lần lượt cứ mỗi số Viên Giác xuất bản định kỳ trong vòng 2 tháng đều có bài tiếng Việt và tiếng Đức của tôi. Riêng quyển sách thứ 4 này tôi phải nhờ đến Anh Tusito Nguyễn Ngọc Tuấn và Chị Diệu Hoa Nguyễn Thu Cúc, Trưởng Ban Hộ Trì Tam Bảo và Thủ Quỹ của Niệm Phật Đường Viên Giác, tiền thân của Chùa Viên Giác sau này, dịch sang tiếng Đức cho tốt hơn. Bởi vì hai vị này là những du học sinh đến Đức vào năm 1967 từ miền Nam Việt Nam, nên họ có đầy đủ khả năng và nhiệt huyết hơn chúng tôi lúc bấy giờ. “Vạn sự khởi đầu nan” (vạn lần bắt đầu đều khó). Đây là câu tục ngữ Việt Nam, ai trong chúng ta cũng đều biết.

5. Cuộc đời người Tăng sĩ

Việt và Đức ngữ, xuất bản năm 1983 tại Đức Quốc.

Nhiều người muốn biết rằng người Tăng sĩ sinh sống hằng ngày như thế nào? Họ tu tập ra sao và làm gì trong khoảng thời gian dài trong cuộc sống tại chùa? Quyển sách này

giới thiệu cho mọi người biết về cách sống của Thiền môn quy củ như thế nào. Nhiều người thế gian hiểu lầm rằng đi xuất gia là lánh nợ đời, nợ tình, nợ thế gian v.v... Viết quyển sách này tôi cũng muốn trực tiếp và gián tiếp minh định lại ý nghĩa của người xuất gia để cho nhiều người muốn tìm hiểu, trước khi muốn đi xuất gia, hay ít ra họ cũng có một cái nhìn đứng đắn hơn đối với người tu; không phải nhìn người tu với một cái nhìn tiêu cực qua cái nhìn của các màn cải lương hay sách vở đã diễn dịch lâu nay; khiến cho rất nhiều người lầm tưởng. Lầm tưởng vì trốn quân dịch, thất tình rồi mới đi tu hay trốn thuế v.v... Ví dụ như cần phải biết Phật chế rằng:

Làm tướng ở biên thùy không được đi xuất gia. Lý do là đang bảo vệ quê hương mà đi như vậy thì nước sẽ dễ mất về tay của địch.

Người mắc nợ đời, nợ tình, người ở nợ không được đi xuất gia. Bởi lẽ khi vào chùa rồi phải sống một cuộc sống thanh bần, yên tĩnh, không để cho những nợ trần quấy nhiễu tâm tư của người Tăng sĩ, nên Đức Phật đã chế ra luật như thế.

Những người tứ chi không đầy đủ hay không phải người nam cũng chẳng phải người nữ thì không được đi xuất gia. Khi sinh ra, ai cũng muốn mình lành lặn, nhưng lỡ bị rơi vào hoàn cảnh bệnh hoạn về thân thể như vậy là do nghiệp duyên đời trước của mình tạo ra, chứ cha mẹ cũng không ai mong muốn con cái của mình như vậy cả. Nếu thọ giới pháp của Phật để tu thì những người này chỉ thọ được Bồ Tát giới tại gia mà thôi. Vì người xuất gia phải có tướng Thanh Văn đầy đủ; nếu lỡ bị cụt chân, cụt tay sau khi đi tu thì không sao, nhưng trước khi đi xuất gia thì không được. Bởi oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi của người xuất gia là biểu tượng của thế

gian Trụ trì Tam Bảo, nên giới hạnh và oai nghi không thể khinh xuất được.

Quyển sách thứ 5 này cũng viết và xuất bản bằng hai thứ tiếng Việt và Đức. Tiếng Đức của quyển này cũng do Đạo Hữu Tusito Nguyễn Ngọc Tuấn và Đạo Hữu Diệu Hoa Nguyễn Thu Cúc đảm trách. Anh chị đều học trường Pháp, trước khi đi du học sang Đức; nên ngoại ngữ của họ tương đối thông thạo. Và lại lúc ban đầu ấy mà có được người quy y Tam Bảo, biết việc chùa, biết lo công quả như vậy là quá tuyệt vời rồi; cho nên đa phần có nhiều người nói rằng: Tôi là người có phước là vậy. Người có phước báu là người luôn luôn có người hộ trì giúp đỡ mình, kể cả bên tay phải hay bên tay trái lúc nào mình cần cái gì, đều có người hoan hỷ trợ duyên. Người kém phước là người khi làm điều gì luôn luôn có người cản trở khiến công việc khó thành công. Suốt cuộc đời gần 60 năm xuất gia ở chùa, với tôi có độ khoảng 5 – 10% nghịch cảnh. Còn 90% - 95% còn lại đều là thuận duyên. Do vậy tôi hay tán trợ những người làm lành, khuyến thiện, giúp đời, giúp người. Vì cái nhân bây giờ làm tốt, cái quả lành sẽ được gặt hái về sau này. Do vậy tôi thường hay nói rằng: Bất cứ cái gì trên đời này cũng đều có cái đúng và cái sai. Riêng nhân quả không bao giờ sai, mà chỉ có cái đúng. Cho nên người đời thường nói rằng: “Nhân nào quả nấy” là vậy.

Bắt đầu từ quyển sách thứ 4 trở đi những hình bìa và việc Layout bìa do những người chuyên môn vẽ. Ví dụ như quyển sách thứ 5 này do họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp lúc đó còn tỵ nạn tại Đức, đã giúp cho việc trang trí hình bìa sách có màu sắc rất đẹp. Phần ruột bên trong do Phật tử tại Chùa Viên Giác in ấn;

riêng bìa sách tôi cho nhà in chuyên môn bên ngoài của Đức in nên trông rất đẹp mắt.

Thuở ấy ở miền Bắc Đức có ba vị lãnh đạo tinh thần của ba tôn giáo: Phật giáo, Thiên Chúa Giáo và Tin Lành đều có tên bắt đầu bằng chữ Đ. Phật giáo: Tỳ kheo Thích Như Điển; Tin Lành: Mục sư Nguyễn Để; Thiên Chúa giáo: Linh mục Nguyễn Trung Điểm. Điều đặc biệt Mục sư Nguyễn Để là anh ruột của Họa sĩ Nguyễn Đồng. Ngay từ lúc ban đầu, những sự kiện văn hóa thuộc ba tôn giáo chính của người Việt Nam tại Đức, chúng tôi cộng tác với nhau một cách hài hòa và hầu như mãi cho đến bây giờ, sau gần 50 năm hoạt động tôn giáo tại xứ Đức này, chúng tôi đều không có bất cứ khó khăn nào về tôn giáo giữa người Việt và người Đức cả.

6. Lễ nhạc Phật giáo

Việt và Đức ngữ, xuất bản năm 1984.

Hình bìa in màu do Họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp thiết kế, Layout. Phần nội dung sách bên trong do Phật tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đảm trách. Thuở ấy đánh máy chữ ở dạng không có dấu và phải bỏ dấu bằng tay sau đó. Việc tạo ra mỗi tiêu đề với những hàng chữ lớn, Thị Chơn phải ra tiệm bán văn phòng phẩm tìm mua những loại chữ theo kích cỡ mình muốn, đoạn mang về cà xuống mặt giấy cho chữ dính vào đó, còn các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng thì tự sáng chế ra. Trong giai đoạn này xuất bản kinh sách ở ngoại quốc phải tự sáng tạo như vậy. Những nhà xuất bản ở ngoài, người ta thường chụp lại những sách cũ đã in ở Việt Nam thời trước năm 1975 để in lại, thì không

lo phải bỏ dấu hay sẵn sóc về lỗi chính tả, nhưng chỉ vì lợi nhuận nên những sách do nhà in ở ngoại quốc lúc ấy in lại, có những chỗ mờ đục chữ không rõ nét, nhưng đành chịu thua chứ không biết kiện cáo với ai cả.

Nội dung của sách này viết về cách đọc, tụng và tán trong những nghi thức của chùa. Phần ký âm thành nhạc của Chú Đại Bi và Bát Nhã do Phật tử Thị Đạo Ngô Ngọc Trung, con trai của Đạo hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát là em ruột của Phật tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp lo đảm trách dùm. Riêng phần tôi chỉ biết đánh tang, mō, linh, trống v.v... nghĩa là cách xử dụng những nhạc khí trong chùa khi tụng kinh cũng như lúc có lễ hội. Ví dụ như bài tán Chiên Đàn bằng lối tán tang hai, mō một hay tán rơi loại tang ba, mō bốn. Ngoài ra những bài tán trạo hay tán xóc như bài Trí huệ hoằng thâm đại biện tài v.v... nghĩa là câu thứ 3 và câu thứ 4, hai chữ bắt đầu của những câu này tán chùng trên nhau, nên gọi là tán xóc. Người xưa từng nói rằng: Học kinh ba tháng, học tán ba năm là vậy. Người muốn tán tụng phải có giọng và điệu. Nhiều người có giọng thật tốt, nhưng khi vào chuông mō, linh, tang trật nhịp như thế cũng không được. Người nhịp điệu thì đánh đúng, nhưng giọng điệu không thiên vị thì bài tán cũng mất đi giá trị nội tâm không ít. Do vậy giọng và điệu phải đi cùng với nhau.

Trong tất cả ngôn ngữ chỉ có tiếng Việt là có nhiều dấu giọng nhất. Đó là dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng và không dấu. Chữ không có dấu xem như nửa âm. Tiếng Việt của chúng ta có đến 5 âm rưỡi; trong khi đó tiếng Hoa chỉ có 4 âm rưỡi và tiếng Nhật hầu như không cần lên giọng, xuống giọng như các ngôn ngữ trên. Bởi lẽ tiếng Nhật dùng tử âm nhiều hơn mẫu âm, nên không cần lên giọng khi phát âm hay khi tán tụng.

Đây là những lý do chính mà khi tụng chú, kinh và kệ của Phật giáo Việt Nam khác với các nước Phật giáo trên thế giới. Ví dụ như Thần Chú phải tụng thật nhanh. Người đọc chỉ dò theo âm thanh, chứ không hiểu biết ý nghĩa của Thần Chú. Vì Thần Chú là mật ngôn của chư Phật. Bồ Tát cũng chưa có khả năng để hiểu đến loại mật ngôn này. Do vậy phải tụng thật nhanh để tâm người trì tụng không bị chi phối bởi hoàn cảnh chung quanh. Khi hành giả tụng kinh, lời kinh và nhịp mõ gõ trung bình cho người đọc dễ theo. Ví dụ như Kinh Bát Nhã, Kinh Thủy Sám, Kinh Dược Sư v.v... Còn kệ bắt buộc phải tụng chậm lại, ngân nga theo nhịp điệu của bài kệ. Ví dụ như bài kệ “Đệ tử chúng con từ vô thi...” hay bài kệ sám hối “Đệ tử kính lạy Đức Phật Thích Ca...”. Nếu dấu sắc, dấu hỏi phải lên giọng cao, dấu huyền và dấu ngã thì tụng trầm giọng xuống. Dấu nặng thì phải hạ xuống thật sâu để phân biệt với những dấu giọng kia. Trường hợp chữ không có dấu thì ngân ra bình thường, không cao giọng mà cũng không thấp giọng. Nếu người đọc và tụng kinh tiếng Việt Nam mà theo được những quy tắc này thì sự thành công đang đợi chờ ở phía trước người ấy.

Phần tiếng Đức của quyển sách thứ 6 này cũng do Đạo hữu Tusito và Đạo hữu Diệu Hoa giúp tôi dịch ra từ bản tiếng Việt, nhưng tôi nghĩ cũng khó mà lột tả hết được những phần chi tiết mà tôi đã trình bày phần Việt ngữ bên trên. Nhưng dấu sao đi nữa thì chúng tôi cũng đã giới thiệu khái quát cho người Đức và người ngoại quốc nói tiếng Đức biết như thế nào là lễ và như thế nào là nhạc của Phật giáo Việt Nam.

Tất cả những sách của tôi dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác hay Việt ngữ, nay đều đã được lần lượt cho đăng tải trên trang Amazon, nhằm phổ biến rộng rãi đến người Việt khắp năm

châu bốn biển, sau khi đã san định và bổ chính lại những phần cần sửa đổi hay thêm bớt vào những tác phẩm như vậy.

7. Tình đời nghĩa đạo

Việt ngữ, xuất bản năm 1981.

Đây có thể gọi là quyển tiểu thuyết thứ 2 của tôi viết, sau quyển “Giọt mưa đầu hạ”. Sách này chỉ viết bằng tiếng Việt không có tiếng Đức đi kèm. Bìa minh họa do họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp vẽ tặng cho Viên Giác. Sách này có phát hành rộng rãi vào năm 1985, 1986. Nay không còn nữa. Quý độc giả nào muốn xem sách, xin tìm vào trang nhà Viengiac.info để đọc.

Nội dung sách là một câu chuyện tình cảm xảy ra ở thiên môn của một Sinh viên Việt Nam du học ở Đức, đã lập gia đình có hai con và một người phụ nữ Việt Nam tỵ nạn, đã góa chồng có một đứa con trai. Cả hai đều là những Phật tử thuần thành, họ thường hay đến chùa làm công quả, cùng tụng kinh, niệm Phật với các bạn đạo khác, nhưng dần dà họ nảy sinh tình cảm. Vì chàng thanh niên kia có vợ Đức nên những gì sâu sắc ít thổ lộ được với nhau bằng ngôn ngữ, hay ít có cơ hội ăn lại những món ăn dân tộc, do đó mà người đàn bà ngoại quốc ấy khó mang lại hạnh phúc cho chàng. Còn nàng do không còn chồng bên cạnh, là một thiếu thốn lớn trong khi phải nuôi con nhỏ. Đây là những lý do chính để hai người Việt Nam gặp nhau và thân thiện ở cửa thiên.

Mối tình này cũng chẳng giúp hai người chung hưởng được bao lâu, vì bên nào cũng phải có bổn phận đối với con cái và gia đình của mình. Câu chuyện thật là như thế, nhưng tôi đã viết thêm phần sau vào là chàng ngày đêm suy nghĩ và quyết chí đi xuất gia học đạo theo Sư phụ của mình. Còn nàng bén duyên theo một mối tình khác. Nhưng cuộc đời nó luôn luôn biến đổi, không phải như những gì mình suy nghĩ. Kết quả trên thực tế là sau này nàng đã lấy chồng là Bác sĩ, di cư sang Úc Châu. Cuối đời của nàng lại xuất gia đầu Phật tại một chùa Ni nọ. Điều này nó đã không giống như tôi dự định trước kia. Còn chàng đã ly dị với người vợ Đức, không phải để đi xuất gia như tôi tiên đoán, mà chàng đã kết hôn với một người Việt tỵ nạn Đông Âu, sau đó họ cho ra đời một đứa con trai kháu khinh.

Cuộc sống chắc rằng không dừng lại ở đây, vì đường đời còn muôn lối rẽ, nhưng viết tiểu thuyết với tôi là một cách để hướng con người về với chân, thiện, mỹ. Nếu chúng ta không biết dừng ở tài, sắc, danh, thực, thù v.v... thì cuối đời chúng ta cũng sẽ bị sanh tử chi phối mà thôi. Khi nào mình làm chủ được chính mình. Lúc ấy là lúc mà ta được thanh thoi nhất; giải thoát ra khỏi mọi vòng vây của nghiệp lực ái tình; nó vốn là một mảnh lưới để trùm khắp thân tâm của chúng ta, khó mà thoát ra khỏi được ma nghiệp này.

Đa phần tiểu thuyết này hay những cuốn về sau tôi viết, đều dựa trên sự kiện thực tế, đôi khi cũng có những tiểu thuyết có tính cách lịch sử và cả dã sử nữa, người viết phải viết đan xen với nhau những việc như thế mới hấp dẫn được người đọc và cuối cùng làm sao phải chỉ ra một lối thoát, đôi khi viết văn còn phải hướng những nhân vật chính trong truyện tự cởi bỏ mọi ràng

buộc của thế tình, để tìm cho mình và người có một đời sống cao thượng hơn.

8. Tìm hiểu giáo lý Phật giáo

Viết và Đức ngữ, xuất bản tại Đức năm 1985.

Đây là quyển sách hoàn toàn thuộc về lãnh vực giáo lý của Phật giáo. Bởi lẽ nhiều người đi lễ chùa, nhưng ít có cơ hội nghe giảng pháp. Do vậy tôi tự nghĩ suy nghĩ là phải viết về 37 phẩm trợ đạo như: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát Chánh Đạo phần. Đặc biệt nhất là giáo lý về Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên v.v... là những đề tài căn bản mà người xuất gia cũng như tại gia thuộc Phật giáo Nam Truyền, Bắc Truyền hay Kim Cang Thừa cũng đều phải hiểu nằm lòng, thì mới mong nắm bắt giáo lý căn bản của Đạo Phật được.

Ở phần sau của sách tôi tự đặt ra nhiều câu hỏi mà Phật tử tại các địa phương nơi tôi đến giảng đã hỏi tôi. Đây là những việc cần thiết để mọi người Phật tử dễ dàng đến với đạo. Ví dụ như quy y Tam bảo và thọ trì ngũ giới là gì? Tại sao phải thọ Bát Quan Trai? Ăn chay có những điều gì lợi lạc? Sự khác biệt nhau giữa Phật giáo Nam Truyền và Phật giáo Bắc Truyền ra sao?

Chúng ta phải định nghĩa như thế nào là một người Phật tử. Bởi lẽ nhiều người Việt Nam chúng ta có cảm tình với Phật giáo và tự nhận mình là một Phật tử. Điều này chưa đúng hẳn, mà cần phải có quy y Tam Bảo, thọ trì 5 giới cấm của Phật chế mới gọi

là một người Phật tử. Quyển sách này cũng đã được nhiều người đọc đến. Bởi đây là quyển sách nói và viết về giáo lý căn bản của Phật giáo. Mỗi lần xuất bản 1.000 cuốn và độ chừng một năm sau là sách đã không còn nữa, vì hầu hết đều phát cho chứ không phát hành. Sở dĩ chúng tôi làm vậy, vì phần giấy mực, in ấn đã nhận được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức rồi.

Phần tiếng Đức của quyển sách này cũng do Đạo hữu Tusito và Đạo hữu Diệu Hoa đảm nhận. Trong một quyển sách có hai ngôn ngữ đi kèm như vậy đã giúp cho người đọc, nhất là giới trẻ người Việt Nam sinh ra tại hải ngoại, các em rất cần đến. Vì tiếng Việt các em không chuyên bằng tiếng Đức.

Bắt đầu từ năm 1984 tôi đã trở lại nhập hạ vào mùa An Cư Kiết Hạ. Cứ mỗi năm 3 tháng kể từ sau Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy. Như vậy cho đến năm 2022 này đã trải qua 38 năm. Mỗi lần như thế là thời gian để tôi tịnh tu, viết sách và lạy kinh mỗi chữ mỗi lạy. Tôi nghĩ nếu lúc trẻ không hành trì lễ bái, khi về già thật là nhiều khê; nên kể từ năm 1984 trở đi trong mùa An Cư Kiết Hạ, ngoài việc dịch kinh viết sách ra, tôi đều có lễ bái mỗi đêm, khởi đầu là Kinh Ngũ Bách Danh, kể đến là Tam Thiên Phật danh, rồi Vạn Phật. Sau khi lạy Kinh Vạn Phật xong, tôi và Đại chúng chùa Viên Giác phát tâm lạy Kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lạy trong vòng 6 mùa An Cư Kiết Hạ như vậy. Kể đến tôi thấy sức khỏe mình còn tốt, nên tôi đã phát tâm lạy bộ Kinh Đại Bát Niết Bàn gồm 2 quyển dày độ 1.500 trang, lạy trong vòng 25 năm như thế cho đến năm 2019 khi tôi tròn 70 tuổi đời thì xong và những mùa An Cư Kiết Hạ sau đó, kể từ năm 2019 đến nay, bắt đầu trì tụng những bộ Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Đại Bát Nhã v.v...

Những năm đầu tôi bắt đầu nhận đệ tử xuất gia như: Thiện Phước, Thiện Thành và Thiện Nam. Thiện Phước đến từ Phần Lan, Thiện Thành đến từ Gütersloh, Thiện Nam đến từ Jülich. Cũng vì chưa có kinh nghiệm dạy chúng, nên tôi đã sẩy ba chú này. Thứ nhất là mới làm Thầy cũng giống như cha mẹ mới sinh đứa con đầu lòng, chưa có kinh nghiệm dạy dỗ, nên phần lỗi này do nhiều cách khác nhau của người làm Thầy như: gắt gỏng với đệ tử, khó khăn trong việc trao truyền giữa Thầy và trò, nên đó là những nguyên nhân để Thầy trò xa cách nhau. Đặc biệt Chú Thiện Nam người Đức, nói tiếng Việt rất rành rẽ, nhưng khi vào chùa ở những năm đầu này bị lễ lạy mỗi đêm 2 đến 300 lạy như thế, chú ấy đã nản lòng và tự động xách gói ra đi. Chỉ mãi đến năm 1987 có hai Thầy Hạnh Nguyễn và Hạnh Tấn đến, rồi năm 1990 có Thầy Hạnh Bảo đến nữa. Xem như ba Thầy này là những người trụ lại lâu nhất và làm đệ tử xuất gia của tôi đã hơn 35 năm rồi. Bây giờ Thầy nào cũng có đệ tử xuất gia và Trụ trì những chùa ở Ấn Độ, Thái Lan, Đức và Phần Lan, nên tôi rất an tâm khi họ là những cánh chim đầu đàn bước ra làm việc đạo.

Việc dạy đệ tử rồi đến đồ tôn, chắc rằng chúng ta phải nên có một nguyên tắc. Đó là cách hướng dẫn cho họ tu học. Đó là học trò phải theo Thầy, chứ Thầy không theo học trò. Đa phần những người phát tâm xuất gia đều tự mình đến thưa thỉnh Thầy để được thể phát xuất gia thì không lý do gì để người Thầy phải bị lệ thuộc vào đệ tử, chạy theo đệ tử cả.

Đến thế hệ đồ tôn (*Đệ tử của những đệ tử*) thì Sư phụ của những vị này, tức là đệ tử của mình; chính quý Thầy, Cô này có bốn phận trực tiếp dạy dỗ, hướng dẫn lớp học trò đệ tử của mình, không nên để Sư Ông hướng dẫn. Vì thế hệ của Sư Ông là thế hệ

khác thuộc về thời điểm xa xưa rồi. Nếu có, chỉ là những biểu tượng về tinh thần như khen tặng hay khuyến khích đồ tôn mà thôi.

Cũng như vậy, nếu ông bà nội, ngoại trực tiếp dạy cháu thì không nên. Việc giáo dục này nên để cho cha mẹ chúng trực tiếp dạy chúng mới có hiệu quả hơn. Nhiều khi ông bà muốn dạy cháu, nhưng cha mẹ của chúng không thích từ đó sanh ra những ý kiến trái chiều khiến cho ông bà phật lòng hoặc bị trách khéo là: Ông bà không biết dạy cháu. Điều này có thể làm cho ông bà buồn tủi và tự nhủ rằng: Tao sinh ra mày, tại sao lại không biết dạy cháu? Nhưng việc ấy đã xa cách nhau 2 thế hệ rồi. Giờ đây không còn là thế hệ của những người lớn tuổi phải trực tiếp hướng dẫn thế hệ thứ 3, mà thế hệ này để thế hệ thứ 2 đảm trách thì mới có kết quả nhiều hơn.

9. Đời sống tinh thần của Phật tử Việt Nam tại ngoại quốc

Việt & Đức ngữ, xuất bản năm 1986 tại Đức.

Nội dung của sách này viết về sự sinh hoạt của đồng bào Phật tử Việt Nam hiện đang tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Đây là mô hình tiêu biểu của đồng bào Phật tử Việt Nam lúc bấy giờ tại Âu Châu nói riêng và hải ngoại nói chung, nhưng riêng ở Đức thì tôi chủ trương ngay từ đầu là phải có hai tổ chức riêng biệt nhau. Đó là một Chi Bộ Phật giáo gồm toàn chư Tăng, Ni. Tổ chức thứ hai là Hội Phật Tử chỉ gồm toàn Cư sĩ, trong đó có cả các Gia Đình Phật Tử nữa.

Chữ Chi Bộ mà tôi dùng cho đến ngày nay tại Đức là sự kế thừa của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong nước cũng như hải ngoại. Nguyên là vào năm 1966 Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước có văn thư chính thức thành lập Phân Bộ Phật giáo Việt Nam Hải Ngoại và Thầy Nhất Hạnh được cử làm Phân Bộ Trưởng. Sau đó Thầy Nhất Hạnh đã đi đến các nơi như: Tích Lan, Ấn Độ, Nhật Bản vận động chư Tăng Ni thành lập các Chi Bộ tại những nước mà quý Thầy Cô đang du học và chữ Chi Bộ này đã tồn tại ở Nhật từ năm 1966 đến 1981, sau khi quý Thầy Cô du học ở thế hệ đi trước năm 1975 đã đi đến các nước Úc, Âu, Mỹ định cư thì xem như Chi Bộ tại Nhật không còn ai nữa, ngoại trừ Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, nên Chi Bộ tại Nhật xem như không còn tồn tại. Với tinh thần này của Chi Bộ tại Nhật mà tôi đã sinh hoạt từ năm 1972 đến năm 1977, sau đó tôi đã mang sang Đức và tiếp tục khai báo với Tòa án Hannover với danh xưng tiếng Việt là: Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất – Chi Bộ Đức Quốc. Tiếng Đức dịch ra là: Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche – Abteilung in der Bundesrepublik Deutschland e.V kể từ năm 1979 và cho đến nay năm 2022 đã trải qua hơn 40 năm rồi.

Việc tiếp theo tôi thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật tử Việt Nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Tiếng Đức viết là: Vereinigung der Vietnamesischen Buddhistischen Studenten und Vietnamesischen Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland e.V. Hội này vẫn tiếp tục hoạt động cho đến ngày nay và vì Sinh viên thuở xưa đã ra trường hết rồi, nên Hội đổi lại danh xưng là: Vereinigung der Vietnamesischen Buddhistischen in der Bundesrepublik Deutschland e.V (gemeinnütziger) trực

thuộc Hội Phật tử này bắt đầu có vài ba Chi Hội và thời thăng hoa nhất tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ Bắc chí Nam nước Đức có những Chi Hội Phật tử như sau:

1) Chi Hội Phật tử Việt Nam ty nạn tại Norddeich Aurich – Gia Đình Phật tử Minh Hải.

2) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Wilhelmshaven.

3) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Bremen - Gia Đình Phật tử Chánh Giác.

4) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Hamburg – Gia Đình Phật tử Pháp Quang.

5) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Hannover – Gia Đình Phật tử Tâm Minh.

6) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Berlin – Gia Đình Phật tử Chánh Niệm.

7) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Münster (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

8) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Frankfurt (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

9) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Aschaffenburg.

10) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Odenwald.

11) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Wiesbaden (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

12) Chi Hội Phật tử Việt Nam Ty Nạn tại Aachen (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

13) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Koblenz (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

14) Chi Hội Phật tử Việt Nam tại Bad Kreuznach (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

15) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Nürnberg-Fürth-Erlangen – Gia Đình Phật tử Chánh Dũng.

16) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Stuttgart.

17) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Reutlingen – Tübingen.

18) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Rottweil (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

19) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Saarland – Gia Đình Phật tử Chánh Định (Không còn hoạt động nữa).

20) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Karlsruhe.

21) Chi Hội Phật tử Việt Nam tại Freiburg (Chi Hội này không còn hoạt động nữa).

22) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại München – Gia Đình Phật tử Chánh Tín.

23) Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Bodensee.

Ngoài ra còn có các Ban Liên Lạc Phật tử tại các thành phố lớn như: Göttingen, Bielefeld v.v... nhưng từ từ những nơi có chùa chiền được xây dựng lên thì các Chi Hội thường hay sát nhập vào đó để sinh hoạt chung; nên những hoạt động của các Chi Hội không còn khởi sắc như xưa nữa. Tuy nhiên có 7 Gia Đình Phật

tử Việt Nam hiện sinh hoạt tại nước Đức vẫn trung kiên một lòng với tổ chức như từ lúc ban đầu.

Các Chi Hội sát nhập vào các chùa để sinh hoạt cho thuận tiện hơn, trong đó có những Chi Hội sau: Hamburg, Berlin, Koblenz, Aachen, Bodensee, München, Reutlingen. Tuy là như vậy, nhưng khi hữu sự, những Chi Hội này vẫn đại diện cho tiếng nói của người Phật tử địa phương đối với những tổ chức bên ngoài. Điều này có nghĩa là các Chi Hội vẫn còn đó chứ chưa mất hẳn.

Sự sinh hoạt của Chư Tăng và Phật tử cũng như Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức, đã trải qua gần nửa thế kỷ (1978-2022), hầu như hệ thống hành chánh này chưa hề có sự giảm đọat lên nhau và chưa hề kiện cáo nhau như các nước Hoa Kỳ và một vài nơi khác trên thế giới. Từ kết quả này, cá nhân tôi rút ra một kinh nghiệm như sau:

Kể từ thời Đức Phật thị hiện tại xứ Ấn Độ cho đến ngày nay đã hơn 2.500 năm lịch sử truyền thừa, các vị Vua, Đại Thần, Hoàng Hậu, Công Chúa ở các xứ Tây Tạng, Mông Cổ, Bhutan, Nhật Bản, Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam v.v... khi những ngôi chùa được xây dựng lên, đều được hiến cúng cho chư Tăng Ni điều hành, còn những vị Cư sĩ chỉ đóng vai trò hộ trì Tam Bảo, cốt làm sao cho ba ngôi báu còn trụ lại tại thế gian này lâu dài và vững bền, thì đó là một phước báu. Trong khi đó ở tại các xứ Âu, Mỹ, Úc ngày hôm nay muốn thành lập một tổ chức phải có 3, 5 hay 7 người mới hình thành được và tổ chức này phải có chính quyền sở tại công nhận, do Tòa án địa phương công bố chính thức thì mới hợp lệ. Trong khi các vị Tăng sĩ còn ít ỏi nơi hải ngoại, mỗi địa phương đều đòi hỏi như vậy, nên Cư sĩ đã chiếm phần ưu thế. Có nơi Cư

sĩ làm Hội Trưởng, Hội Phó, Thủ quỹ, Thư ký v.v... còn chư Tăng Ni chỉ là người, đóng vai trò là lãnh đạo tinh thần, chứ không có quyền hạn và trách nhiệm khi bầu bán để được công nhận.

Từ lý do này mà chùa chiền tại ngoại quốc đang gặp rất nhiều khó khăn khi điều hành. Nếu được thì quý Cư sĩ từ từ chuyển giao cho chư Tăng Ni trông coi và điều hành Hội cũng như Chùa Viện là điều lý tưởng nhất. Bởi vì nhiệm kỳ của một Ban Chấp Hành nhiều lắm là 4 năm. Sau 4 năm một Ban Chấp Hành khác lên, nhìn thì có tính cách dân chủ đấy, nhưng chùa chiền thì không phát triển liên tục được. Trong khi đó người xuất gia sống trong chùa trọn đời, lại không có một pháp lý gì cả và không có quyền điều hành chùa đó suốt đời, quả là một chướng duyên, ngoại trừ vị Trụ Trì ấy kiêm luôn Hội Trưởng; nhưng nhiều khi đi đến quyết định một việc gì đó trọng đại mà người xuất gia chỉ có 1 phiếu, trong khi người tại gia đến 4 phiếu thuận, thì người xuất gia ấy cũng phải xách gói ra đi.

Quả là một điều nghịch lý. Điều này Đức Phật cũng đã huyền ký trong kinh điển rằng: Khi nào người tại gia thuyết pháp, người xuất gia ngồi nghe, lúc ấy Phật giáo đã suy tàn. Lúc đó người tại gia ở trong chùa và người xuất gia phải sống bên ngoài chùa. Quả là điều nghịch lý biết bao nhiêu. Do vậy người xuất gia phải làm sao phát triển nhanh hơn, có nhiều khả năng hơn để điều hành việc chùa, thì lúc ấy mới đúng với lời dạy của Đức Phật tự ngàn xưa là: “Đệ tử ta có hai hạng. Người xuất gia sống không gia đình, có bốn phạm hoàng pháp lợi sanh. Người tại gia sống có gia đình, có nhiệm vụ hộ trì Tam Bảo”. Nếu lời dạy của Đức Phật còn có giá trị cho đến ngày nay thì quý vị Cư sĩ đang điều hành các Hội và Chùa

trên thế giới nên suy nghĩ lại và áp dụng cho đúng lời Phật dạy thì Phật Pháp mới mong có cơ ngơi phát triển như tự ngàn xưa.

Từ kinh nghiệm này, khi đến Đức tôi đã thành lập 2 tổ chức Tăng sĩ và Cư sĩ riêng biệt để điều hành và phát triển Phật sự. Do vậy gần nửa thế kỷ nay, tại Đức nói riêng đã chẳng xảy ra một việc tranh chấp nào về chùa chiền hay Hội đoàn như ở những châu lục khác. Mong rằng một mai đây nếu tôi không còn có mặt trên cuộc đời này nữa, thì Phật giáo Việt Nam tại Đức cứ như thế theo Nội Quy mà phát triển, để được lợi lạc về sau cho cả người xuất gia và tại gia cũng như những người Phật tử theo Phật giáo tại xứ Đức này.

Quyển sách này cũng có tiếng Đức đi kèm, nhằm giới thiệu cho người Đức biết, chúng tôi đã sinh hoạt tại nước Đức nói riêng và hải ngoại nói chung về lãnh vực tinh thần là như vậy. Do vì Chùa Viên Giác có nhận sự trợ cấp của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức, nên đây cũng là hình thức tường thuật lên các ban ngành bên trên, là chúng tôi đã thực hiện những gì đã đề ra với chính phủ và chúng tôi thực hiện đúng những gì đã xin tài trợ của năm trước cho năm kế tiếp. Trên nguyên tắc của việc nhận tài trợ này là không được chi quá 20% của dự án. Nếu có, phải được sự đồng ý của chính phủ và cũng không được chi dưới 20% dự án. Điều này có nghĩa rằng khi một dự án đã được đề bạt lên chính phủ của năm trước, thì năm sau phải thực hiện đúng như những gì đã cam kết trước đó một năm. Đây là nguyên tắc của 25 năm (1979-2004) mà Thầy trò chúng tôi đã đảm nhận như vậy.

10. Đường không biên giới

Việt và Đức ngữ, xuất bản năm 1987 tại Đức.

Đầu tiên nói về hình bìa của tập sách này. Hình được vẽ bởi họa sĩ Lữ Thành Nghĩa, Pháp danh Thiện Tín, sinh viên Sinh Lý Hóa năm thứ 2 của Đại Học Hannover, sau đó xuất gia trong năm này và thọ Sa Di giới năm 1988, tại Đại Giới Đàn Đại Nguyên ở Marseille, Pháp quốc của cố Hòa Thượng Thích Thiền Định. Tôi cho Pháp tự Thầy ấy là Hạnh Tấn và năm 1991 khi khánh thành Chùa Viên Giác Hannover, Thầy ấy thọ giới Tỳ Kheo. Bây giờ là Thượng Tọa làm Tọa chủ Tu Viện Vô Lượng Thọ gần Dresden, nằm phía bên Đông Đức. Trước sau Thầy ấy có gần 20 đệ tử xuất gia, kể cả mấy người đã hoàn tục.

Hình bìa vẽ minh họa tám hình tôi đi xe ngựa tại làng Hagi thuộc miền Tây Bắc Nhật Bản, nơi đó có chùa Pháp Hoa của Thầy Matsugara (Tùng Vĩnh), mà tôi đã ở nhờ mấy đêm để đi thăm cảnh vật nơi đây. Năm đó nhằm mùa thu, sắc trời trong xanh, nhưng cây cỏ hai bên đường thì vàng úa, trong khi tôi cỡi xe màu vàng đi theo sau con ngựa trắng và tôi mặc chiếc áo nhật bình màu lam, trông rất hợp với thiên nhiên. Matsugara là vị Thầy thuộc Pháp Hoa Tông. Thuở ấy về Hachioji ở chung chùa Honryuji với tôi để đi học Cao Học (Tu sĩ khóa trình) (*tiếng Việt ngày nay gọi là Thạc Sĩ*) và đây là lý do để chúng tôi quen nhau, kết thành tình bạn. Năm 1974 khi tôi trở về thăm lại quê hương Việt Nam, Matsugara cũng đi theo cùng với hai người Nhật khác tên là Nakatomi và Takano. Những kỷ niệm của chuyến đi ấy bây giờ đã gần 50 năm rồi, trong tâm tôi vẫn còn in đậm dấu.

Thông thường sau khi đi thăm viếng một nơi nào, tôi hay ghi lại những kỷ niệm của chuyến đi ấy. Nhiều khi tôi viết những ký sự như vậy trên máy bay hay xe lửa hoặc tại thư viện của chùa và cho đăng lên báo Viên Giác từng kỳ một như vậy. Cuối cùng đã trở thành nhu cầu để in thành sách. Đây chính là nội dung của nhiều chuyến đi được kể lại và tôi gọi là “Đường Không Biên Giới”. Châu Á những nước tôi đã đi qua như: Nhật Bản, Đại Hàn, Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan, Lào, Ấn Độ, Nepal, Bhutan. Châu Âu hầu như đã đi gần hết. Châu Úc, Châu Mỹ và đặc biệt là Bắc Phi; nơi nào tôi cũng đã đặt chân đến. Cho đến nay năm 2022 cũng đã trải qua 78 nước trên quả địa cầu này, có nghĩa là một phần ba các quốc gia trên thế giới.

Khi tôi đến Canada vào mùa thu năm 1979, anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bàng đã chở tôi đi thăm Ottawa, thủ đô của đất nước rộng lớn ấy và thăm vườn Gatineau. Đến đây tôi thấy cái đẹp của thiên nhiên không làm sao có thể tả hết được. Thế là tôi đã phóng bút tả cảnh mùa Thu nên thơ này, khiến cho nhiều người thích đọc, nhất là các người đang ở trong các trại tỵ nạn tại các nước Đông Nam Á Châu chờ đi định cư. Nhiều người trong khi chờ đi định cư ở nước thứ ba, thường vào thư viện của trại, đọc những tác phẩm và báo Viên Giác của tôi gửi tặng và sau này có dịp gặp lại họ đâu đó trên thế giới tự do, họ đều có nhắc đến tác phẩm đặc biệt của tôi viết theo thể ký sự này. Đây chính là cái nhân, cái duyên khiến tôi cầm bút mãi cho đến ngày hôm nay.

Năm 1986 Thầy Hạnh Tấn đã bắt đầu vào chùa thực tập và việc đầu tiên tôi nhờ Thầy ấy là dịch tác phẩm này ra Đức ngữ. Đối với những người Sinh viên ở Đại Học Đức năm thứ nhất, thứ nhì, dịch một tác phẩm theo lối ký sự như thế không khó và Thầy ấy

đã nhận lời. Nên tác phẩm Đức ngữ đã hình thành. Vì tác phẩm này tương đối khá dày, nên sau này tôi cho in thành 2 tập Việt và Đức ngữ riêng cho dễ đọc và ngày nay trên Amazon quý vị cũng sẽ thấy 2 tập riêng lẻ như vậy. Nếu có ai đó muốn đọc tiếng Đức “Weg Ohne Grenze” thì có thể Oder một cách dễ dàng và không bận tâm đến phần tiếng Việt kia. Ngược lại nếu ai muốn so sánh để học tiếng Việt hay tiếng Đức thì có thể Oder cả hai quyển.

“Đường Không Biên Giới” có lẽ là tác phẩm tôi hài lòng nhất lúc bấy giờ, không phải vì được nhiều người khen tặng cách viết của tôi, mà chính là có nhiều người đọc đến. Vì lẽ một món hàng được trưng bày ra đâu đó để mọi người quan tâm, mà chẳng có ai đoái hoài đến, quả là điều thất vọng không ít.

Ai trong chúng ta cũng có nhiều niềm vui khác nhau, với tôi trong hiện tại, niềm vui đọc kinh sách là một trong những niềm đam mê tự thâm tâm cảm thấy rất vô cùng an lạc.

11. Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức

Việt & Đức ngữ, xuất bản năm 1988.

Thời gian như thế cứ lặng lẽ trôi đi, mới đó mà đã 10 năm rồi. Đây là thời gian ban đầu tôi làm Phật sự tại nước Đức. Một sinh viên Tăng ra trường Đại Học tại Nhật Bản vào năm 1977, khi qua Đức vì nhu cầu của một vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo cần phải có cho Sinh viên và Kiều bào Phật tử lúc bấy giờ, nên tôi phải quyết định ở lại để vừa lo Phật sự vừa đi học tiếp ở

Đại Học Hannover, mà không trở lại Nhật Bản để làm cho xong chương trình hậu Đại Học của mình. Phật nói về nhân duyên không có gì sai hết. Thuở ấy tiếng Nhật của tôi rất tự tin khi nói cũng như khi viết, nên việc học để tốt nghiệp Cao học và Tiến sĩ đang nằm trong tầm tay. Thế rồi một mùa hè năm 1977 đã làm cho tôi phải chuyển hướng cả một lộ trình khác cho đến ngày nay. Điều này tôi không vui mà cũng chẳng buồn. Bởi lẽ nhân duyên đã sắp đặt trước như vậy thì buồn vui để làm gì nữa, cứ chấp nhận rồi mọi việc sẽ qua đi.

Kể từ năm 1978 tôi dời về Hannover, sau một năm học tiếng Đức tại Volkshochschule và Đại Học Kiel. Lúc đầu chưa tìm ra chỗ ở tôi phải tạm tá túc tại nhà Anh Lâm Đãng Châu mấy tuần lễ để đi tìm nhà. Cuối cùng đã thuê được một Wohnung ở tầng trệt tại đường Kestnerstr. số 37 nằm ở trung tâm của phố thị. Từ đây đi học ở Đại Học rất tiện lợi. Kể từ lễ Phật Đản năm 1978 có Hòa Thượng Thích Minh Tâm từ Paris sang chứng minh, Niệm Phật Đường Viên Giác được hình thành và cái mốc của thời gian 10 năm là kể từ ngày ấy.

Nội dung của quyển sách này viết về sự sinh hoạt của Phật giáo Việt Nam tại Đức bằng hai ngôn ngữ Đức Việt kèm theo những hình ảnh sinh hoạt tại Niệm Phật Đường từ năm 1978 đến năm 1990. Năm 1981 bắt đầu chính thức dời qua sinh hoạt tại ngôi nhà số 35A đường Eichelkampstraße cho đến năm 1991 là 10 năm. Những lễ Phật Đản, Vu Lan thuở đó tôi nhờ quý Anh em Sinh viên như Thị Chơn, Anh Châu, Thị Thiện mượn dùm Jugend Zentrum để làm lễ. Đồng bào Phật tử ở xa về chùa có nơi trú ngụ như ăn ở sinh hoạt văn nghệ chung v.v... Chị Hạnh từ Braunschweig và cô Hạnh Pháp Danh Thị Nhân lo vấn đề ẩm

thực, những anh em khác lo các khâu trong việc tổ chức. Đặc biệt là ông Berkopski, Giám đốc Malter Hilfsdienst Hannover đã tận tình giúp đỡ cho chúng tôi mượn lều, thùng đựng cơm, giường xếp để ngủ, xe đi chợ v.v... đều không tính một giá tiền nào cả, suốt trong ít nhất là 10 năm như vậy. Ân ấy, nghĩa này biết bao giờ mới đền trả cho hết của những Hội Từ Thiện và Chính phủ Tây Đức lúc bấy giờ. Nếu người Việt chúng ta ra đi tỵ nạn mà không có những tấm lòng nhân ái như vậy thì chúng ta bơ vơ lạc lõng nơi xứ người, làm sao có thể tiến thân được như ngày hôm nay. Khi chúng ta đến đất nước này đã chẳng mang theo được gì ngoài những mảnh vải che thân. Bây giờ chúng ta đã có tất cả thì cũng nên nghĩ đến những người khốn khó hơn mình. Đó mới chính là tình người và tình nhân loại.

12. Lòng Từ Đức Phật

Việt ngữ, xuất bản năm 1989.

Đây là quyển sách viết về chuyến hành hương về đất Phật đầu tiên của Hòa Thượng Thích Minh Tâm và tôi do Thầy Huyền Diệu tổ chức. Vì là lần đầu tiên đến đất Phật, nên mọi việc đều ngỡ ngàng từ việc ăn, ở, đi đứng, giao tiếp v.v... chỉ có một việc duy nhất trở thành ấn tượng với tôi là việc đi đánh lễ tứ động tâm: nơi Đức Thích Ca thành đạo tại Bồ Đề Đạo Tràng; Vườn Lộc Uyển, nơi Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên; Kushinagara, nơi Đức Phật nhập diệt và Lâm Tỳ Ni ở Népal, nơi Thái Tử Tất Đạt Đa Đản Sanh. Ngoài ra Thầy Huyền Diệu còn hướng dẫn chúng tôi đến núi Linh Thứu, nơi Đức Phật giảng Kinh

Pháp Hoa và Kinh Đại Bát Niết Bàn; động Thất Diệp, nơi kết tập kinh điển lần đầu tiên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn 100 ngày do Ngài Maha Ca Diếp chủ tọa. Đi thăm Vườn Trúc, Đại Học Nalanda, Kỳ Viên Tịnh Xá và sông Hằng v.v...

Bởi lẽ tôi sống ở Nhật Bản và Đức quốc trong nhiều năm, nên khi qua hành hương tại xứ Ấn Độ không giống như điều mình mong đợi. Ví dụ như dơ nhớp ở mọi nơi, vệ sinh công cộng tối thiểu không có, trẻ giờ, người đông, chật chội v.v... chỉ ngần ấy việc thôi làm tôi gần như không muốn đi Ấn Độ lần thứ 2 nữa, như trong quyển sách này tôi đã viết. Thế nhưng Phật Pháp rất nhiệm mầu. Nhờ “Lòng từ Đức Phật” kể từ năm 1989 đến nay tôi đi về Ấn Độ không biết bao nhiêu lần. Đó không phải “phép Phật nhiệm mầu” là gì?

Năm 1989 cũng là năm tôi bắt đầu xây dựng Chùa Viên Giác tại Hannover Đức quốc, Thầy Huyền Diệu đã khuyên tôi là nên đi qua Ấn Độ đánh lễ và hành hương sẽ có nhiều điều kỳ diệu lắm và sau khi đi về Thầy chắc chắn sẽ xây dựng chùa Viên Giác thành tựu như ý. Lúc ấy nghe thì nghe như vậy thôi, nhưng lòng tin vào sự gợi ý ấy không nhiều. Khi đến Ấn Độ, Thầy Huyền Diệu chỉ cho tôi hai việc nên làm. Đó là vòng tay qua cây trụ đá linh thiêng ở New Delhi. Nếu ai xoay ngược lưng vào trụ đá, mà hai bàn tay vòng chạm vào được với nhau, là một sự thành công. Việc thứ 2 là sự cầu nguyện nơi Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tại Thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng. Ở hướng đông của Đại Tháp Giác Ngộ có một tượng Tara gắn lên trên Đại Tháp, Ngài là hóa thân của Đức Quan Thế Âm. Nếu ai đó có lời nguyện gì hãy thầm khẩn nguyện, đoạn nhắm mắt lại, đi một đoạn xa độ 10 thước. Nếu bước chân cuối cùng và hai bàn tay của hành giả chạm ngay vào chân Ngài, thì

đó là một sự thành công. Điều quan trọng ở đây là tôi cảm thấy có một dẫn lực rất mạnh đẩy phía sau mình. Do vậy có rất nhiều người đi và đến bị chệch hướng. Riêng tôi hôm đó thì đi đúng hướng, nhưng mọi người không biết là tôi đã cầu nguyện điều gì. Sau này thì mới rõ, điều tôi nguyện đã được thành tựu. Đó là việc xây dựng chùa Viên Giác đã xây đợt đầu vào năm 1991 và hoàn nguyện vào năm 1993. Còn lại những sự nguyện ước khác từ từ tôi sẽ giải trình trong những năm tháng tới cho quý vị nghe.

Rõ ràng 4 nơi thánh địa (*Holy Place*) hay tứ động tâm (*Bốn cảnh xúc động*) đã làm cho tâm tôi sâu lắng lạ thường. Tôi làm việc với Hòa Thượng Thích Minh Tâm từ năm 1972-1973 tại Nhật và tại Âu Châu từ năm 1977-1989, chưa bao giờ tôi thấy Hòa Thượng khóc khi biểu lộ một vấn đề gì cảm động. Thế nhưng khi đến Kushinagara nơi hai cây Sa La song thọ nhìn thấy tôn dung Đức Phật nằm thị hiện Niết Bàn, Thấy ấy đã khóc như trẻ thơ đối với người Mẹ lâu ngày chưa gặp được lại và bây giờ chính là lúc thể hiện sự cảm nhận sâu sắc ấy.

Năm 1989 chùa Việt Nam Phật Quốc Tự do Thầy Huyền Diệu từ Pháp đến xây dựng cũng chỉ là một dãy nhà 4 tầng lầu thô sơ do những người thợ nề địa phương xây dựng không chuyên môn lắm, nhưng chúng tôi cũng đã có những phòng đặc biệt để làm chỗ ngồi nghỉ, sau khi đi chiêm bái các Thánh Tích về lại trú xứ này. Buổi chiều ra nằm võng, đưa mắt nhìn ra xa cánh đồng lúa bên cạnh chùa, thấy nhớ quê muôn thuở. Dưới những giàn đậu ván, đậu ngự hay những vạt rau muống, rau mồng tơi mà Thầy Huyền Diệu đã cho nhân công trồng đây đó trong vườn chùa, giúp cho những bữa cơm chay đạm bạc, nhưng đầy ắp mùi vị quê hương, mà ở trời Âu chúng tôi chưa bao giờ được thưởng thức

một loại tình quê hương đậm đà nơi xứ Phật như vậy. Đặc biệt là những cây trái Thầy đã cho trồng ngoài vườn chùa thuở ấy như mít, ổi, chuối v.v... bây giờ đã trải qua nhiều đợt cho hoa quả rồi. Đi về Ấn Độ xin nhớ ăn uống, giữ gìn thật cẩn thận. Bởi lẽ chúng ta đang sống với lối sống Âu Mỹ, khi về Ấn Độ dễ bị những con vi trùng địa phương như: cảm cúm, sốt rét, tiêu chảy v.v... hành hạ dễ dàng.

13. Nghiên cứu giáo đoàn Phật giáo thời nguyên thủy I, II, III

Dịch từ Nhật ngữ ra Việt ngữ

xuất bản tại Đức từ những năm 1990, 1991 và 1992.

Đây là một đại tác phẩm viết bằng tiếng Nhật và Giáo sư Mitsuo Sato là tác giả. Đây cũng là một luận án Tiến sĩ mà Giáo sư đã nhiều năm nghiên cứu về thời gian đầu của Phật giáo khi Đức Phật còn tại thế. Quyển sách này có xuất xứ ở thư phòng của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm tại chùa Khánh Anh ở Bagneux, Pháp quốc. Có lẽ đây cũng là tác phẩm mà Hòa Thượng đã mang từ Nhật Bản sang Paris từ năm 1973. Vì tác phẩm rất dày, độ trên 1.000 trang. Do vậy tôi phải chia ra làm 3 phần gồm tập 1, tập 2 và tập 3 cả tiếng Việt và Đức ngữ. Đây là 3 năm tôi bận rộn nhất cho việc xây chùa Viên Giác; nhưng trong mỗi mùa An Cư Kiết Hạ như vậy, tôi đã hoàn thành một tác phẩm như tâm nguyện lúc ban đầu của mình.

Phần tiếng Đức do Thầy Hạnh Tấn dịch từ tiếng Việt và ông Hanefeld Hemut chấn chỉnh lại cho đúng văn phong của người Đức. Tác phẩm này là một tác phẩm giá trị bao gồm cả kinh, luật và luận ở vào giai đoạn lúc ban đầu.

Thời Đức Phật còn tại thế Tăng đoàn không lập thành Giáo hội như bây giờ mà gọi là Giáo Đoàn. Ví dụ như Giáo đoàn của Đức Phật, Giáo đoàn của Đề Bà Đạt Đa, Giáo đoàn của Da Xá. Từ đây cộng đồng Tăng lữ đã được truyền qua nhiều nước Á Châu khác, do vậy Tăng đoàn cũng phải theo cách sinh hoạt của từng địa phương mà tùy thuận theo, để Phật giáo tồn tại cũng như phát triển tại những quê hương mà Phật giáo mới du nhập vào. Đọc và dịch mới thấy giá trị của tác phẩm này. Vì đây là một luận án Tiến sĩ nên những chú thích, nghiên cứu rất là tỉ mỉ. Ví dụ như việc thọ giới Tỳ kheo kể từ thời Đức Phật và sau đó có tất cả là 10 phương cách, chứ không phải chỉ có một vài phương thức như bây giờ. Ví dụ như: Đức Phật không thọ giới Tỳ kheo, nhưng tự Ngài đã thành tướng và tánh Tỳ kheo, nên gọi là Thiện thế thọ giới. Cách thứ hai là khi còn Đức Phật, những vị nào đáng được độ vào hàng xuất gia và những người đến xin Phật thế độ, Đức Phật chỉ cần nói rằng: Thiện Lai Tỳ khưu! Tóc trên đầu liền rụng xuống, biểu hiện rõ nét được tánh Tỳ kheo. Cách thứ ba là sau khi Giáo đoàn được thành lập phải đầy đủ 20 vị Tỳ kheo hiện diện mới thành một sự quyết định, trong đó có việc cho ai thọ giới Tỳ kheo hay cử tội những vị Tỳ kheo phạm phải giới Ba La Di, Ba Dật Đề hay những tội nhẹ khác cần phải sám hối. Cách thứ tư là Tam Sư thất chứng; nghĩa là có 3 vị ngồi ở giữa gồm Đản Đầu Hòa Thượng, hai vị Yết Ma và Giáo Thọ ngồi hai bên cùng với 7 vị Tỳ kheo tôn chứng khác. Cách thứ 5 thọ giới Tỳ kheo là Tam sư ngũ chứng. Cách thứ

6 là Tam sư, nhị chứng. Cách thứ 7 là Tam sư. Cách thứ 8 là chỉ một Thầy một trò truyền nơi Phương Trượng, nên gọi là thọ giới Phương Trượng v.v... tất cả những hình thức này đều được thành tựu tánh Tỳ Kheo.

Đặc biệt thời Đức Phật còn tại thế những người xuất gia đều trên 20 tuổi, nên Đức Phật đã cho thọ giới Tỳ Kheo liền, mà không phải hành trì làm điếu, giữ 10 giới Sa Di. Chỉ sau này khi La Hầu La còn nhỏ tuổi, dưới 20 theo Phật xuất gia, sau khi xuống tóc, Đức Phật đã cho La Hầu La theo làm học trò của Ngài Xá Lợi Phất. Bởi lẽ Ngài Xá Lợi Phất là một bậc Đại Trí Tuệ, đệ tử lớn của Đức Phật nên Đức Phật giao La Hầu La cho Ngài Xá Lợi Phất dạy dỗ là cái nhìn vô cùng thực tế và hữu hiệu.

Ngày nay khi chúng ta đến hành lễ nơi Đức Phật giảng Kinh Pháp Hoa và Đại Niết Bàn trên núi Linh Thứu, chúng ta quan sát được rằng: Phần trên cùng của đỉnh Linh Thứu có Hương Thất của Đức Phật. Thấp hơn một bậc dưới đó là tự viện của chúng Tăng; nơi ở của Ngài Xá Lợi Phất không xa nơi đó là bao nhiêu để gần gũi, dạy dỗ cho chúng Tăng. Đi xa xuống phía dưới là hang động của Ngài A Nan. Vì lẽ Ngài A Nan làm thị giả cho Đức Phật nên phải ở như vậy để canh giữ, bất cứ ai trước khi vào đánh lễ Đức Phật phải được sự đồng ý của Ngài A Nan; ngay cả Vua Tần Bà Sa La cũng phải như vậy.

Kinh nghiệm về tinh thần Giáo đoàn thời Đức Phật như vậy, nên ngày nay Phật giáo trên thế giới có nhiều hình thức khác nhau đã được thành lập, gọi là Giáo hội hay Hội A, Hội B, Hội C không quan trọng. Miễn sao những Giáo hội và Hội đoàn ấy hoạt động đúng với đường lối của chư Phật và chư Tổ hoằng truyền thì

những Giáo Hội, những Hội đoàn ấy luôn được tồn tại. Nếu tổ chức nào đi sai tôn chỉ và mục đích cũng giống như những cành lá khô cùng tồn tại trên một thân cây, nhưng không thể phát triển được, tự nó có một ngày nào đó sẽ rụng xuống, mặc dầu những cành lá kia vẫn được sinh ra từ một thân cây mẹ. Thân cây ấy chính là Đạo Phật. Ngay cả khi Đế Bà muốn hại Phật và chuyên quyền muốn giành phần lãnh đạo cả Giáo đoàn của Phật, vì Đế Bà Đạt Đa cho rằng Đức Phật đã lớn tuổi rồi, không còn có khả năng để lãnh đạo Giáo đoàn nữa. Đức Phật chỉ từ chối khéo bằng cách là: “Ngay cả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là những bậc Đại Trí trong Giáo đoàn mà ta còn chưa giao phó để giữ trọng trách này, làm sao có thể giao Giáo đoàn cho ông điều khiển được”. Đây là lý do Đế Bà Đạt Đa luôn luôn tìm cách hại Phật về sau này và cuối cùng Giáo đoàn của Đế Bà Đạt Đa tự tan rã. Ngay cả Giáo đoàn của Da Xá cũng vậy.

Từ thời sơ khai đến thời Trung cổ và thời hiện tại đã có không biết bao nhiêu tổ chức Phật giáo sống xa lìa với giới luật và chính pháp của Đức Thế Tôn và trải qua thời gian bao năm tháng, người Phật tử đều rõ biết đâu là chánh đâu là tà, họ sẽ không hỗ trợ cho những tổ chức trá hình này và tổ chức ấy sẽ tự tan rã.

Đây cũng là tài liệu giáo khoa mà theo tôi được biết, có một số Đại Học Phật giáo cũng như các Phật Học Viện ở Việt Nam cho lưu hành, để những Tăng Ni sinh Việt Nam có cơ hội nghiên cứu đến; nhằm làm phong phú hóa cho Phật giáo nước nhà. Dầu cho tôi xa quê cho đến nay (2022) là năm thứ 51 ở ngoại quốc rồi; nhưng hồn quê và tình quê hương vẫn luôn tồn tại nơi tâm hồn của con dân đất Việt và đây chính là bản sắc để gìn giữ con người của tôi luôn trung thành với tinh thần truyền thống của Dân Tộc

và Đạo Pháp, mặc dầu về phương diện không gian và địa lý, cách xa với quê mẹ trong muôn vạn dặm đường.

14. Tường thuật về

Đại hội Tăng Già Phật giáo thế giới kỳ 5 khóa 1

Việt, Anh và Đức ngữ, xuất bản năm 1993.

Năm 1990 lần đầu tiên tôi được tham gia vào Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, trụ sở đặt tại Chùa Thiện Đạo (Shantao) ở Đài Bắc, Đài Loan. Lúc ấy Ngài Ngộ Minh (Uming) làm Chủ tịch. Đại Hội lần thứ 5 có Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Hòa Thượng Thích Thiện Định, Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Hòa Thượng Thích Minh Lễ tham dự và chính Hòa Thượng Thích Thiện Định trong một buổi họp nội bộ của Hội Đồng Tăng Già muốn giới thiệu tôi làm thành viên chính thức và năm 1991 sẽ tổ chức họp Ban Chấp Hành (Exicutive Commity) của Hội Đồng Tăng Già mời về họp tại Đức Quốc thuộc Âu Châu một lần. Thế là mọi người có trách nhiệm trong lúc đó đều đồng ý. Tôi phát biểu bằng tiếng Nhật và có thông dịch lại bằng tiếng Anh và tiếng Hoa. Bởi lẽ quý Ngài đến từ Âu Châu biết rằng tôi có khả năng về vấn đề tài chánh, nên mới đề nghị vậy; trong khi đó chùa Viên Giác tại Hannover xây vẫn chưa xong, nhưng đã hứa lỗ với Đại Hội rồi, nên mọi việc phải bắt đầu.

Đầu tiên là cuối năm 1990 như thường lệ trong việc kê khai tổ chức cho năm 1991 tôi có yêu cầu Bộ Nội Vụ của Cộng Hòa Liên Bang Đức hỗ trợ về việc tổ chức này trên bình diện văn hóa như

chi tiêu cho chỗ ăn, chỗ nghỉ, việc di chuyển trong 4 ngày Đại Hội nhằm ngay vào lễ Phục Sinh của năm 1991. Cuối cùng thì chính quyền Đức đã thuận chi cho một số tiền không nhỏ cho những sự tốn kém này. Đó là một phước báu chẳng, như bao nhiêu người vẫn thường hay nói với tôi như vậy. Tôi xin niệm ân tất cả mọi ân tình về việc này của người Việt cũng như người Đức.

Khi nhận đề nghị ngày, tôi quên rằng trong lễ Phục Sinh tại Đức thì rất khó khăn cho việc đặt khách sạn tại vùng Hannover. Bởi lễ Messe triển lãm lớn nhất về kỹ nghệ của thế giới rơi vào tháng 4 năm 1991. Cho nên Thầy trò chúng tôi đi kiếm phòng khắp nơi ở vùng Hannover chẳng được. Một hôm tôi nhờ Phật tử Thiện Giác Hồ Vinh Giang lái xe chở tôi đến tận vùng Goslar mới tạm thuê được một khách sạn cho 40 người, cũng không vừa lòng mấy, nhưng được cái là mình không sai lời hứa với tổ chức lớn của Phật giáo thế giới này.

Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát giúp tôi soạn những văn thư bằng tiếng Anh để gửi thư mời đi đến chư Tăng đại diện của các nước. Về phía chư Tăng Việt Nam, đặc biệt lần này có sự tham dự của Hòa Thượng Thích Tâm Châu (*Ngài là một trong những người sáng lập ra tổ chức này tại Columbo, Tích Lan vào năm 1966*) từ Canada sang dự Đại Hội Ban Chấp Hành kỳ này. Ngoài ra còn có quý Ngài: Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Hòa Thượng Thích Thiên Định, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Minh Lễ đến từ Pháp; Hòa Thượng Thích Mãn Giác đến từ Hoa Kỳ. Đây là niềm hãnh diện của Phật giáo Việt Nam chúng ta, vì sau năm 1969, Đại Hội đã được tổ chức tại chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn Việt Nam thì Hòa Thượng Thích Tâm Châu không mấy tha thiết với tổ chức này nữa. Lý do như Ngài đã cho tôi biết rằng: Vi

ông Thượng Tọa Tổng Thư Ký Anh Văn của Tổ chức thân Cộng. Nay Thầy Như Điển tổ chức thì Ngài mới tham dự. Đây có lẽ là lần tham dự cuối cùng của Ngài trong tổ chức này. Ngày nay nếu chúng ta lướt qua trang mạng của tổ chức World Buddhist Shanga Council (WBSC) chúng ta sẽ thấy Đạo Hiệu của Hòa Thượng Thích Tâm Châu là một trong những người thành lập ra tổ chức này tại Columbo, Thủ đô của nước Tích Lan. Những vị khác như Hòa Thượng Huyền Vi, Hòa Thượng Thiền Định, Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Mãn Giác, Hòa Thượng Minh Lễ v.v... quý Ngài đều là Phó Chủ Tịch. Ngày nay nhìn lại hầu như không còn một Ngài nào còn tại thế cả. Do vậy tôi được đôn lên là Phó Chủ Tịch của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, nhân Đại Hội lần thứ 12 tại Penang Mã Lai vào năm 2018, và năm 2019 Đại Hội Ban Chấp Hành tại Macau, tôi chính thức đã nhận giấy chứng chỉ là Phó Chủ Tịch.

Với tư cách là Phó Chủ Tịch bây giờ, mà trong những năm qua 2020, 2021 cho đến năm 2022 trải qua nạn dịch Covid 19 đang bủa vây khắp nơi trên thế giới, Hội Đồng Tăng Già chưa một lần gặp mặt, nhất là sau khi Hòa Thượng Liễu Trung viên tịch thì ngôi Chủ Tịch vẫn còn để trống, chờ một Đại Hội khoáng đại sẽ bầu lại vị Chủ Tịch cho nhiệm kỳ mới, thì Hòa Thượng Hui Sung (Huệ Hùng) ở Indonesia là Thư ký Hoa văn, chủ trương kế tục con đường hoằng pháp của Hội Đồng qua những buổi giảng Online trên hệ thống truyền hình thế giới hay qua Zoom và Youtube bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau như tiếng Hoa, Anh văn, Indonesia và Việt ngữ. Phần tôi đã thuyết giảng 4 lần mỗi lần 25 phút bằng Anh ngữ, Việt ngữ có phụ đề Hoa ngữ và Indonesia ngữ. Kể ra nhờ Internet phát triển mạnh vào đầu thế kỷ thứ 21, nên chúng ta mới

có được lợi thế này để truyền đạt đến hơn 50 quốc gia theo Phật giáo và những nước khác có cảm tình với Phật giáo nữa.

Năm 1991 Thầy Huệ Hùng đã dẫn một phái đoàn độ 30 Phật tử đến Đức dự lễ khai mạc và sau đó họ đi du lịch Âu Châu. Riêng chùa Viên Giác tại Hannover đang xây dựng chưa hoàn thành, nhưng cũng đã cố gắng tổ chức thành công khiêm nhường trong những ngày lễ hội. Xin cảm ơn Ban Trai Soạn do Sư Bà Diệu Ân, Sư Bà Diệu Hạnh và quý Đạo Hữu trong Ban Trai Soạn của chùa Viên Giác lo liệu. Ngoài ra cũng xin cảm ơn sự trợ giúp của nhà hàng Wa Nan (Hoa Nam) của Đạo Hữu Minh Thiện Lý Quốc Lương và nhà hàng ở Berkhof của Đạo Hữu Lý Chấn Lợi.

Phần hồ sơ bằng tiếng Anh là do Hội Đồng Tăng Già cung cấp. Phần tiếng Đức do Thầy Hạnh Tấn dịch ra từ tiếng Anh; và phần tiếng Việt, tôi dựa theo tiếng Đức và tiếng Anh để dịch. Ngoài ra cũng có vài tài liệu tiếng Hoa đi kèm. Mặc dầu quyển sách này không dày, nhưng có nhiều ngôn ngữ nhất và nó cũng đã ghi lại một sự kiện có một không hai của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại lúc bấy giờ.

Thình thoảng bây giờ có một số Thầy đề nghị tôi đứng ra tổ chức lại một lần nữa, vì bây giờ ai cũng lớn tuổi rồi, biết bao giờ mới có cơ hội tổ chức Đại hội lần thứ hai tại Âu Châu. Nhưng tôi chưa trả lời dứt khoát. Nhớ lại hơn 30 năm về trước (1991) tuổi đời tôi mới 42. Bây giờ ở vào thời điểm năm 2022 này ai trong chúng tôi vào thuở ấy tuổi đó, thì nay cũng đã 72, 73 tuổi rồi. Biết sống còn bao nhiêu năm nữa mà có thể đèo bồng những công việc trọng đại như vậy. Thôi cứ chờ thời gian thử xem sao.

Cứ mỗi lần đi dự Hội Nghị tại các nước Á Châu như: Tích Lan, Hồng Kông, Singapore, Mã Lai, Indonesia, Hàn Quốc, Đài Loan chúng tôi đều được tiếp đãi ân cần chu đáo ở mọi phương diện như hội họp, ngủ nghỉ, thăm viếng các nơi và đặc biệt là vào ngày cuối, trước khi bế mạc Đại Hội thường hay đến gặp các vị lãnh đạo của chính phủ sở tại như Tổng Thống, Thủ Tướng v.v... cũng là điều nở mặt nở mày cho Phật giáo.

Trên thế giới ngày nay có hai tổ chức lớn của Phật giáo. Đó là World Buddhist Shanga Council (WBSC) chỉ toàn là Tăng Sĩ và tổ chức thứ 2 có trụ sở đóng tại Bangkok Thái Lan gồm cho cả Tăng Sĩ và Cư Sĩ do các Quốc Vương, Hoàng Hậu của các nước Phật giáo bảo trợ và tổ chức này gọi là World Buddhist Fellowship (Hội Liên Hữu Phật giáo Thế giới).

15. Giữa chốn cung vàng

Viết ngữ, xuất bản tại Đức vào năm 1994.

Nội dung của sách viết về xứ Tích Lan, đặc biệt là Phật giáo của nước này. Vì nước này Phật giáo là Quốc giáo theo truyền thống Nam Tông. Những năm trước đó tôi có quen biết với một vị Sư người Tích Lan tên là Seelawansa. Thầy tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại Học Wien và sau đó làm Giáo sư tại Đại Học này. Nhân những lúc giao lưu văn hóa các nơi tại Âu Châu mà tôi đã quen biết với Hòa Thượng. Kể từ đó chúng tôi lại có những lần qua lại giữa Đức và Áo. Cho nên việc đi Sri Lanka năm 1994 chỉ là kết quả.

Tôi vốn sinh ra từ chốn ruộng đồng của quê hương xứ Quảng, nên rất yêu mến đồng quê. Do vậy khi đi đến Tích Lan, nơi đâu cũng thấy giống như quê hương của mình, thế là sau một tháng ở tại chùa của Sư Phụ Thầy Seelawansa, khi về lại xứ Đức tôi khởi sự viết nên tác phẩm này. Sở dĩ tác phẩm có tên là “Giữa Chốn Cung Vàng” vì lễ Xá Lợi của Đức Phật được tôn trí trong một ngôi tháp bằng vàng tại Candy, là cổ cung của Tích Lan, khiến ai đến đó cũng phải cúi đầu ngưỡng vọng. Tương truyền rằng Đức Phật còn lưu lại 4 răng căm; hiện tại một cái đang tôn thờ ở cõi trời Tứ Thiên Vương; một cái đang gìn giữ tại Long Cung; một cái ở Trung Hoa và một cái đang tôn trí tại Candy. Mỗi năm chỉ có thể đánh lễ một lần. Bởi lẽ phải có cùng lúc 4 cái chìa khóa được cất giữ bởi 4 vị có chức vụ quan trọng là Tổng thống, Thủ tướng, đại diện Tăng già và Sư Trụ trì chùa này mới mở được cửa để đánh lễ. Thông thường mỗi năm Phật tử Tích Lan cung nghinh răng xá lợi này xuống phố chính và do con voi đầu đàn kiệu tháp xá lợi bên trên lưng. Phía trước có đoàn nhạc công thổi sáo, đàn, đánh trống, chiêng trang nghiêm nghinh tiếp. Đây là biểu tượng văn hóa dân tộc của Tích Lan.

Mùa hè năm 2011, Hòa Thượng Thích Minh Tâm và tôi cũng đã nhờ sự giới thiệu của Hòa Thượng Seelawansa với Hội Đồng Tăng Già và Chính phủ Tích Lan mà chúng tôi đã nhận được giải thưởng cao quý của những cơ quan cao nhất của xứ sở Phật giáo này với tiêu đề là “Người có công mang ánh sáng Phật Pháp đến với các xứ Âu Mỹ”. Đây cũng là kết quả làm việc đạo của chúng tôi tại Âu Châu, kể từ khi quen biết với Hòa Thượng Seelawansa.

Khi buổi lễ diễn ra, Thủ tướng chính phủ, Đức Tăng Thống của Phật giáo Tích Lan và chúng tôi được dàn nhạc công của

quốc gia đón tiếp tại khu văn hóa của chính phủ một cách rất trang trọng. Thật là cảm động, và thành quả này do Hòa Thượng Seelawansa đóng góp vào đó không ít.

Lần đầu năm 1994 và nhiều lần sau đó khi đến Tích Lan chúng tôi đều đến ở lại chùa của Thầy Seelawansa thuộc miền quê gần thủ đô Colombo. Đến đó để ngửi mùi thơm của lúa rạ, để ngắm nhìn những con trâu, con bò gặm cỏ an nhiên ở nhiều cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay. Ngoài địa phương Colombo ra chúng tôi còn đi thăm cây Bồ Đề lịch sử ở miền Bắc Tích Lan. Cây này do Công Chúa Shangamita cùng Hoàng Tử Mahinda con Vua A Dục, mang từ Ấn Độ sang trồng tại đây từ thế kỷ thứ ba trước Tây lịch và ngày nay vẫn còn tươi tốt. Người dân Tích Lan hay đi vòng chung quanh cây Bồ Đề này để tưởng niệm Đức Phật. Chính từ cây Bồ Đề tại Bihar, Ấn Độ nơi Đức Phật đã thành đạo, nhờ đó mà ánh sáng chân lý mới soi rọi khắp năm châu, và Tích Lan là nơi có lịch sử đầu tiên Phật giáo được truyền đến.

Chúng tôi cũng đi thăm những thạch động quanh vùng và những rừng thiên nhiên có nhiều thú vật. Tôi cũng đã về nhà chị ruột của Hòa Thượng để được ăn mít, ăn mía và ăn ổi; mỗi lần như thế tôi luôn hồi tưởng đến quê hương của mình. Thuở ấu thơ tôi đã sống với đất trời vạn vật của miền quê Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam cho đến năm 14 tuổi. Điều đặc biệt phải niệm ân Hòa Thượng Seelawansa là Ngài biết rất rõ về thói quen cũng như những hành hoạt của Phật giáo Đại Thừa, nên Ngài đã giao cho một số gia đình Phật tử lo nấu chay cho chúng tôi dùng vào các buổi sáng, trưa cũng như buổi tối. Cứ mỗi lần đến nhà Phật tử Tích Lan để dùng cơm, họ đều đem thau nước để trước cửa nhà, chính gia chủ rửa chân cho chư Tăng, lại

chùi chân sạch sẽ bằng khăn lau màu trắng, sau đó mời vào nhà và thỉnh ngồi lên ghế cao để dùng trai. Phong tục này người Phật tử Tích Lan vẫn còn giữ lại cho đến ngày nay; giống như Đức Phật thời Ngài còn tại thế. Sau khi dùng bữa xong nói một thời pháp ngắn và tụng kinh cầu nguyện cho gia đình.

Quyển sách này giới thiệu một số nét sinh hoạt khác trong Tự viện của Phật giáo Tích Lan để so sánh với Phật giáo Việt Nam chúng ta.

Sách này được Viên Giác Tùng Thư tái bản trên mạng toàn cầu Amazon vào 12/2023 với nhan đề mới là: *Tích Lan - Đạo tình muôn thuở*.

16 + 17. Chùa Viên Giác

Việt và

Pagode Vien Giac

Đức ngữ, xuất bản năm 1994 và năm 1995.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2020.

Hai tác phẩm này viết và dịch vào 2 năm khác nhau, nhưng cùng một nội dung; nhưng vì sách quá dày nên tôi chia ra làm 2 quyển như vậy. Năm 1995 Thầy Hạnh Giới đã bắt đầu vào Chùa Viên Giác để đi học tại Đại học Hannover rồi, nên tôi đã nhờ Thầy Hạnh Giới dịch từ tiếng Việt sang Đức ngữ thay thế cho Thầy Hạnh Tấn. Vì từ năm 1991 đến 2003 Thầy Hạnh Tấn đang

du học tại Ấn Độ và những sách tiếng Đức về sau này đều do Thầy Hạnh Giới đảm nhiệm.

Nội dung của sách tường thuật về sự hình thành của ngôi chùa Tổ có tính cách lịch sử này. Vì đây là ngôi chùa Việt Nam đầu tiên được xây dựng tại quê hương Đức quốc. Tôi đã viết lại rất tỉ mỉ từ khi có giấy phép xây chùa đến lễ đặt viên đá đầu tiên; cách vận động tiền xây cất bằng nhiều hình thức khác nhau để ngôi đại tự Viên Giác được hình thành như ngày hôm nay. Người thiết kế công trình xây dựng là Kiến trúc sư Từ Hùng Trần Phong Lưu ở Saarland và người đứng ra cố vấn là ông Dr. Meihorst. Sau khi cho nhiều hãng khác nhau đấu thầu, hãng của ông Mehmel tại Hannover đã trúng thầu, và lễ Phật Đản năm 1989 bắt đầu khởi công dưới sự chứng minh của cố Hòa Thượng Thích Thiên Định, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm và cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ. Tất cả những phương pháp vận động như cúng dường một mét đất xây chùa (*do Chị Nguyễn Thị Hạnh ở Braunschweig đề xướng*); cho đến Hội Thiện; đóng góp định kỳ hằng tháng; cho mượn Hội Thiện không lời; một viên ngói, một viên gạch v.v... đóng góp để xây dựng ngôi Tam Bảo (*tất cả đều là bản sao của Hòa Thượng Thích Minh Tâm*). Đây là những phương pháp căn bản mà ngày nay các chùa ở hải ngoại đều rập khuôn theo. Công đức này xin cúi đầu niệm ân cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm và những bậc Đại Sư tiền bối của Phật giáo Việt Nam khi dẫn thân làm việc Phật tại xứ người.

Để có tài chánh xây chùa, Thầy trò chúng tôi phải đi vận động thêm ở những nhà hàng Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, nhà hàng Đức ở khắp nơi tại thành phố Hannover cũng như những

nơi khác trên nước Đức. Sau đây là những kỷ niệm mà chúng tôi không bao giờ quên.

Một hôm chúng tôi vào một tiệm của người Hoa để lạc quyền xây chùa, do cô Hạnh Ngọc trình bày bằng tiếng Hoa. Người chủ tiệm trả lời rằng:

- Tôi không tin Phật, không tin Chúa; chỉ có tin vào tiền mà thôi.

Khi nghe như vậy tôi nói tiếng Việt cho Sư Cô Hạnh Ngọc dịch lại rằng:

- Đúng vậy! Khi người ta không bệnh mà bảo người ta uống thuốc đau đầu, hay vào nhà thương để chữa trị thì chắc gì người ấy đi vào. Nhưng thưa ông: Có khi nào ông nghĩ rằng mình không bị bệnh và không cần nhà thương chẳng? Chùa chiến chính là nơi di dưỡng tinh thần cho mọi người, lúc người ta cần đến, chùa sẽ cung ứng tất cả.

Đến một tiệm Nhật Bản sang trọng tại thành phố Hannover, chính tôi mở lời cho việc quyên góp để xây chùa. Người chủ tiệm không nói gì, nhưng vào Kasse lấy 2 DM để cúng dường. Sau khi rời khỏi tiệm, quý Sư Cô đi cùng xe thưa với tôi rằng:

- Sư Phụ đi học tại Nhật Bản bao nhiêu năm, nói tiếng Nhật trôi chảy như thế và cúi đầu đáp lễ không biết bao nhiêu lần mà họ chỉ cho có 2 đồng.

Tôi chỉ cười và tiếp tục đi. Khi vào một nhà hàng Thái, cô Hạnh Như nói chuyện đã được từ ông chủ đến nhân viên cúng

dường tiền xây chùa, sau đó còn cho thêm một địa chỉ khác có đông người Thái, thật là cảm động!

Xe dẫn chúng tôi đến theo địa chỉ mà nhà hàng Thái đã cho là chốn ăn chơi về đêm khét tiếng tại Hannover. Tôi thấy ngại quá, chỉ ngồi trong xe hơi chờ, trong khi đó quý Cô đi vào nơi hoạt động ồn ào náo nhiệt kia.

Tôi ngồi đợi chắc hơn một tiếng đồng hồ mà quý Cô chưa xuống xe để đi về chùa, vì ngồi lâu ở chốn nầy thấy ái ngại quá. Quả nhiên sau đó thì quý Cô xuống với quyển sổ lục quyển trên tay có ghi số tiền, kèm theo những dấu vân tay cùng màu của son phấn. Tôi ngăn người ra và rất trân quý những đồng tiền nầy. Vì ngôi chùa Viên Giác nầy được xây dựng nên, không phải chỉ những người giàu có, mà còn có những người Thái bán thân để nuôi miệng mà họ cũng muốn đóng góp từ thiện cho việc nầy nữa. Quả là một hành động đáng tán thưởng biết là dường bao!!!

Cũng có lúc chúng tôi đi vào những nhà hàng vào những ngày sau đó được cúng dường với con số 888 DM, có nghĩa là con số phát tài của người Hoa. Mỗi lần như thế tôi đều viết giấy khấu trừ thuế của Bộ Tài Chánh Hannover cấp tại chỗ; nhưng chắc rằng chả có nhà hàng nào dùng đến giấy nầy.

Ban đầu dự trù xây dựng Chùa Viên Giác chỉ độ 3 triệu Đức Mã, nhưng đến khi hoàn thành đã lên đến 9 triệu Đức Mã lúc bấy giờ. Nếu tính ra đô la Mỹ độ khoảng 5 triệu rưỡi đô la Mỹ thuở ấy. Trong đó có 700.000 DM chúng tôi mượn của Deutsche Bank Hannover và trả cả lời lẫn vốn sau 15 năm trở thành 1 triệu rưỡi Đức Mã. Số còn lại là tiền cúng dường và Hội Thiện. Đặc biệt Cô Thanh Hải từ Đài Loan có gửi về cúng dường 500.000 DM do Cô

đã bán được 3 bức tranh của chính Cô họa và Cô lấy số tiền đó để cúng xây Chùa Viên Giác tại Hannover.

Cho đến bây giờ thì nợ xây Chùa Viên Giác đã trả xong tất cả. Do vậy tôi phải cảm ơn tất cả mọi người, Phật tử cũng như không Phật tử, người vượt biên tỵ nạn cũng như những Sinh viên trước năm 1975 và đặc biệt nhất là sau khi bức tường Berlin sụp đổ vào ngày 9 tháng 11 năm 1989 đã có rất nhiều các anh em từ Đông Âu chạy sang Tây Đức để xin tỵ nạn. Trong thời gian đầu họ nhờ chùa cứu mang và sau khi có nơi ăn chốn ở rồi, họ về lại chùa giúp cho những công việc công quả trong thời gian dài cho đến những năm 1993, 1994, 1995 v.v... mà không đòi một điều kiện nào cả. Ở đây tôi xin niệm ân tất cả những tấm lòng như thế đã cùng chúng tôi xây dựng nên đạo tràng Viên Giác mà ngày nay ai đến đó cũng trầm trồ khen ngợi. Những giọt mồ hôi và công sức của nhiều thế hệ, của người còn cũng như kẻ mất không biết bao nhiêu người, nên không thể nêu tên ra đây được hết.

18. Vụ án một người tu

Viết ngữ, xuất bản tại Đức năm 1995.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2020 trên mạng toàn cầu

*Amazon với nhan đề mới là **Mây oan của Thiên**.*

Đây có thể nói là quyển tiểu thuyết thứ 3 của tôi viết, sau quyển “Giọt mưa đầu hạ” và “Tình đời nghĩa đạo”. Nội dung của quyển này là một chuyện đạo lẫn chuyện đời. Nhân vật tu sĩ ấy là người có thật, đã đến tỵ nạn tại Đức từ những năm 1979, 1980. Sau cùng có người bảo lãnh sang Hoa Kỳ và cuối cùng bị

wướng vào vòng lao lý là vụ án mạng xảy ra ở một tiệm vàng kia tại San Diego, California và kết quả là vị Tăng sĩ ấy bị vào tù tại vùng Sacramento. Vì lẽ dấu vân tay của Thầy ấy bị kẻ giết người lợi dụng, nguy trạng thật tài tình để chính Thầy ấy là người giết bà chủ tiệm vàng, chứ không phải là họ. Vụ án này sau gần 40 năm, hình như vẫn chưa có kết quả, mặc dầu Thầy ấy đã được tị nạn ở Hoa Kỳ, nhưng không đi đâu được cả ngoại trừ phạm vi tòa án cho phép.

Tôi nghĩ tình đạo khi Thầy ấy còn ở Đức lúc xưa, nên đã xin phép vào nhà tù ở Sacramento để thăm và cũng chỉ muốn tìm ra một số sự kiện cần phải lý giải. Những việc xảy ra sau đó trong quyển tiểu thuyết này là sự hư cấu do tôi tưởng tượng ra để viết, và muốn cho cái kết có hậu như bao nhiêu loại tiểu thuyết khác mà người Á Châu thường viết, nên mới cho người con trai của bà chủ tiệm vàng đến trước mộ mẹ mình, thú thật tất cả sự tình, chỉ vì muốn chiếm gia tài ấy mà đã thuê bọn cướp xâm nhập vào tiệm vàng để đánh cắp vàng bạc, nữ trang và sẵn dịp có nhà Sư đang ở đó, nên bọn họ đã manh tâm đưa nhà Sư vướng vào vòng lao lý, và bây giờ lương tâm người con trai không cho phép giữ lại sự bí mật này lâu nữa; nhất là sau khi người mẹ đã ra người thiên cổ rồi. Từ đó nhà Sư trắng án với chính lương tâm của mình, của giới luật nhà Phật và của thế thái nhân tình.

Nhiều người hỏi tôi rằng: “Việc này là thật hay giả?”. Tôi đã trả lời rằng: “Nửa thật mà nửa hư cấu. Bởi lẽ đời này đâu có cái gì là hoàn toàn”. Sau 40 năm vụ án này cũng chưa kết thúc, nên tất cả những gì tôi viết phần sau của quyển tiểu thuyết này, chỉ là giả định mà thôi.

Nhiều khi viết truyện hay tiểu thuyết cũng là sự đam mê của nhiều người. Khi học Trung học đệ nhất cấp từ năm 1964 đến 1968 tại trường Trung học Diên Hồng và Trung học Bồ Đề Hội An tôi đã bị ảnh hưởng của những nhà văn thuộc “Tự Lực Văn Đoàn” không ít. Sau này cũng rất thích đọc những sách như “Thoát vòng tục lụy” (*Nguyên tác của Ngài Tinh Vân biên soạn với nhan đề là: Thiên Kim Tiểu Thu, Vạn Kim Hòa Thượng*) và Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã chuyển ra văn Việt ngữ rất lôi cuốn và hấp dẫn, sau này người ta dựa theo cốt truyện này để tạo ra những vở kịch và những tuồng cải lương rất có ý nghĩa. Mục đích của các tác giả là làm sao mang Đạo vào Đời, giúp cho Đời hiểu rõ được mặt thật của Phật Pháp là giúp cho con người thăng hoa trong cuộc sống tâm linh của người Phật tử và tôi khi viết quyển sách này cũng không ngoài mục đích ấy. Chỉ có nhân vật chính trách tôi sau khi đọc sách này rằng, sao tôi cho Thầy ấy chết một cách oan uổng như vậy. Và việc này vẫn chưa kết thúc, vì lẽ nấp quan tài chưa đặt lại (*cái quan luận định*) thì việc đúng hay sai của một kiếp người cũng chưa đưa đến hồi kết luận được. Tôi chỉ mong rằng mọi việc sẽ trôi chảy để người còn, kẻ mất không còn vướng vào những nỗi oan khiên như thế nữa, mà dầu cho có oan ức như thế nào đi chăng nữa thì không có gì sai với nhân quả được.

Cuộc đời này lắm nỗi oan khiên, mà con người phải gánh chịu, cho nên trong Luận Bảo Vương Tam Muội, Đức Phật dạy rằng: “Oan trái không cần biện bạch, vì còn biện bạch là nhân quả chưa xả”. Có lẽ do vậy mà người xuất gia chấp nhận một cách dễ dàng như nỗi Oan Thị Kính của Phật giáo Việt Nam chăng?

Chuyện tình, chuyện sát nhân, chuyện oan trái mà xảy ra nơi Thiên môn, khiến cho nhiều người phải quan tâm. Do vậy người

viết chuyện phải biết xây dựng cốt chuyện làm sao cho người đọc hấp dẫn, tìm hiểu cội nguồn và cái kết phải cho có hậu. Đó là nhiệm vụ của người viết tiểu thuyết. Nhiều khi người viết cũng hay đi quá đà, viết dẫn người đọc đi vào mê hồn trận, tạo nên những nghi kỵ phản cảm; nhất là về mặt đạo lý, nhân nghĩa, là những điều cấm kỵ, không nên tạo ra những sự hiểu lầm như vậy.

19. Chùa Quan Âm (Canada)

Viết ngữ, xuất bản tại Đức vào năm 1996.

Có nhiều việc phải viết và viết sự thật có tính cách lịch sử của một ngôi chùa, và chùa Quan Âm tại Montréal, Canada là một ví dụ, nguyên nhân sâu xa là:

Vào năm 1978 có một gia đình giàu có từ Canada sang Pháp để thăm viếng thân nhân nhưng chẳng may ông chồng đã qua đời vì bị tai biến bởi bệnh tim. Thuở ấy Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Trụ Trì chùa Khánh Anh tại Bagneux, Pháp quốc đi dự Hội Nghị Phật giáo tại Nhật Bản, nên Ngài đã nhờ tôi từ Đức sang Pháp coi chùa dùm cho Ngài và chính trong thời gian Hòa Thượng vắng mặt thì ông Huỳnh Hồng Giao, Pháp danh Minh Châu đã mất và tôi là người làm chủ lễ cho đám tang này.

Từ năm 1975 đến năm 1978 gia đình bà Hồng Hoa hay hộ trì cho chùa Liên Hoa tại Brossard, Montréal do ông Trịnh Minh Cầu đứng ra kêu gọi đóng góp xây dựng. Kế tiếp Hòa Thượng Thích Tâm Châu từ Pháp qua chùa Liên Hoa trụ ở đó một thời gian, sau đó Ngài dọn ra thành lập Tổ Đình Từ Quang tại trung tâm phố

Montréal. Trước đó chùa Liên Hoa có đón Hòa Thượng Thích Thiện Nghị từ trại tỵ nạn sang, nhưng sau cũng không bền vững và Ngài tách rời ra lập chùa Tam Bảo. Trong số những người không thuận chùa Liên Hoa, tập trung để hỗ trợ cho chùa Tam Bảo có gia đình bà Hồng Hoa và anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng. Kế tiếp là giữa Hòa Thượng Thiện Nghị, Sư Cô Quảng Oánh cũng có nhiều việc không hợp nhau với Hội mới, nên một số người đã tách ra và về nhà Đạo Hữu Lê Văn Thu để sinh hoạt. Thời gian đầu không có vị nào lãnh đạo tinh thần lui tới cơ sở này, sẵn có dịp tôi sang Canada để làm lễ giáp năm cho ông Minh Châu Huỳnh Hồng Giao thì mọi người mời tôi và Hòa Thượng Minh Tâm về cơ sở tạm này để giảng pháp và đây chính là tiền thân của Chùa Quan Âm trong hiện tại ở đường Court de Neige tại Montréal như bây giờ. Những người tham gia Phật sự trong thời gian ban đầu này hầu như bây giờ không còn ai nữa; chỉ còn vài vị, nay cũng thuộc tuổi U90 rồi.

Bước thứ 2 từ năm 1979 đến năm 1981 là thuê một nơi chốn rộng rãi hơn để làm Niệm Phật Đường và thời gian này tôi thường xuyên lui tới mỗi năm một vài lần để giúp về giáo lý và hướng dẫn cho các Đạo hữu về việc nghi lễ cầu an, cầu siêu. Trong thời gian này do sự giới thiệu của anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng và anh Lê Duy Cấn cũng vốn là những Sinh viên du học tại Canada từ trước năm 1975 đi về Ottawa, thủ đô của Canada để gặp cụ Nguyễn Văn Nhân, Giáo sư Lê Kiêm Ngân v.v... thành lập Niệm Phật Đường Bát Nhã và Niệm Phật Đường này chính là ngôi chùa Từ Ân trong hiện tại ở thành phố Ottawa như chúng ta đang thấy.

Năm 1981, 1982 Niệm Phật Đường Quan Âm mua được mảnh đất tại đường Courtrait thuộc Côte de Neige và xây dựng

nên chùa Quan Âm từ thuở đó. Ban đầu chỉ xây phần tiền điện và lầu thờ Phật. Giai đoạn 2 xây Hậu Tổ và tháp vãng sanh. Giai đoạn thứ 3 xây nhà sinh hoạt bên cạnh, sau khi mua được mảnh đất ấy do Hòa Thượng Thích Trường Phước vận động.

Chùa đã xây dựng nhưng chùa chưa có Thầy. Nhân việc Hòa Thượng Nhất Chân và Hòa Thượng Thiện Huệ sang Canada thăm viếng phụ mẫu của mình, thì Hội Phật giáo Quan Âm mời quý Thầy về chùa giảng pháp. Đây là cái duyên đưa đến để sau này có lúc Hòa Thượng Thích Nhất Chân làm Hội Trưởng chùa Quan Âm trong một thời gian lâu dài, mà cũng có thể nói là thời gian sống gió nhất của chùa, nhưng cuối cùng mọi việc cũng đã vượt khỏi những thử thách khó khăn. Do vậy với tư cách là lãnh đạo tinh thần của Hội Phật giáo và chùa Quan Âm thuở ấy, tôi và Hòa Thượng Thích Minh Tâm vô cùng biết ơn Hòa Thượng Thích Nhất Chân. Nếu không có Thầy Thích Nhất Chân thuở ấy đứng mũi chịu sào để lèo lái việc chùa, việc Hội thì bây giờ chẳng biết chùa Quan Âm đã ra sao nữa.

Bây giờ trí óc của tôi cũng đã bắt đầu quên dần. Nếu có gì thiếu sót, khi quý chư Tăng Ni và Phật tử Quan Âm xem qua thì xin bổ khuyết cho.

Vị Trụ trì do tôi đề nghị với Hội là Thầy Thích Minh Thông. Thầy về đây ở chừng vài năm thì ra lập chùa Huyền Không tại Montréal. Kế tiếp Hội thỉnh Thầy Trí Thành về làm Trụ Trì, nhưng Thầy Trí Thành ở tại chùa Quan Âm này cũng không được bao lâu lại dọn về Toronto.

Sau Thầy Trí Thành, lúc đó Thầy Nhất Chân làm Hội Trưởng, chính thức thỉnh Thầy Trường Phước về trụ trì và có lẽ Thầy

Trường Phước là người trụ ở đây lâu nhất. Nếu kể theo thời gian chắc cũng đã trên 20 năm rồi. Sau đó Thầy đào tạo giới xuất gia cả nam lẫn nữ được trên dưới 10 người, nhất là vấn đề nghi lễ, tán tụng rất trang nghiêm, đài các theo nghi lễ của Huế. Do vậy chùa càng ngày càng có nhiều người đến thăm viếng, cúng tuần thất và nhất là ma chay; có rất nhiều gia đình đến thỉnh quý Thầy Cô của chùa Quan Âm đến trợ niệm đưa tang cũng như cúng tuần thất tại chùa. Do vậy mà sự cúng dường của Phật tử vào chùa rất hậu hỷ. Nhờ đó mà chùa Quan Âm càng ngày càng phát triển vững vàng hơn xưa. Xin niệm ân Hòa Thượng Thích Trường Phước nhiều về việc này.

Cuộc đời có bao nhiêu thăng trầm thì nẻo đạo cũng không kém. Vấn đề là chúng ta phải làm thế nào để vượt qua nhiều vấn đề lớn hay nhỏ ấy mới là điều đáng quý. Cho nên tôi vẫn thường hay khuyên quý Thầy, Cô và quý Phật tử rằng: “Chúng ta phải đối diện với vấn đề, chứ không nên chạy trốn vấn đề. Nếu chúng ta chạy trốn vấn đề thì việc nan giải chưa giải quyết được gì cả. Vốn cuộc đời này nó giống như một cuộn chỉ rối, hãy từ từ mở ra từng thắt nút một, thì cuộn chỉ ấy dần rối đến đâu đi chẳng nữa chúng ta cũng có thể lần ra manh mối của vấn đề từ lúc ban đầu. Do vậy việc giải quyết vấn đề không có gì khó khăn cả”.

20. Phật giáo và con người

Viết và Đức ngữ, xuất bản tại Đức năm 1996.

Nội dung của tác phẩm thứ 20 này tôi viết và giải thích rõ về thế nào là Phật giáo? Thế nào là một tôn giáo đúng

nghĩa? Và Phật giáo có phải là một tôn giáo không? Hay chỉ là một cách sống, một Đạo học của Đông Phương v.v... Thật ra nếu muốn hiểu theo cách định nghĩa trong hiện tại thì một tôn giáo phải có 3 điều kiện sau đây. Đó là: Giáo chủ, Giáo lý và Giáo hội. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Giáo chủ của Đạo Phật. Ngày nay ai cũng đã công nhận việc này rồi. Còn giáo lý, phải nói rằng Phật giáo có một kho tàng rất lớn qua 45 năm giáo hóa của Đức Phật và những vị Đệ Tử của Ngài về sau này. Nếu đem Tam Tạng Thánh Giáo về kinh, luật, luận của Đạo Phật ra so sánh với các tôn giáo khác, chắc hẳn từ hình thức đến nội dung Phật giáo vượt trội hơn các tôn giáo khác là điều hiển nhiên. Bởi lẽ thời gian giáo huấn trong 45 năm của Đức Phật dài lâu hơn những vị Giáo chủ của các tôn giáo khác gấp nhiều lần. Cuối cùng là Giáo Hội. Giáo Hội là những người quy y theo giáo lý giải thoát đó, gồm cả người xuất gia lẫn tại gia. Như vậy đã đủ chưa để gọi là một tôn giáo. Nếu định nghĩa tôn giáo phải là độc thần hay hữu thần, thì Phật giáo không phải như vậy. Nói đúng hơn Đức Phật hay Đạo Phật chủ trương không có một vị thần linh nào có quyền ban ân giáng họa cả, mà chính mình làm chủ mình qua nghiệp lực và nhân quả của mình đã gây ra ở đời này và đời trước mà thôi. Cái quả của đời này là cái nhân của đời trước, do chính mình gây tạo nên và cái nhân của đời này sẽ là cái quả của đời sau. Và vòng luân hồi này cứ xoay đi xoay lại nhiều lần như vậy, không ngừng nghỉ, nếu con người không có con đường tu giải thoát để vượt qua khỏi sự sanh tử này.

Đức Phật đã từng tuyên bố rằng: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Điều này có nghĩa là: Nếu ai tu hành giống như Ngài sẽ có khả năng thành Phật, giác ngộ giải thoát như Ngài. Thật sự ra trong tất cả các vị Giáo chủ của các tôn giáo khác, chưa

có vị nào tuyên bố đồng đạc được tư tưởng này như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng tuyên bố.

Trong sách này cũng định nghĩa như thế nào là một con người, là một chúng sanh? Khi con người vẫn còn sự sinh tử chi phối thì phải trải qua các chặng đường sinh tử luân hồi trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Cõi Dục giới: là chỗ ở của các loại chúng sanh chưa ly dục, gồm có 6 cõi là: Trời, Người, Atula, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Cõi Trời gồm các chư Thiên ở cõi Tứ Thiên Vương, cõi Dạ Ma, cõi Dao Lợi, cõi Đâu Suất, cõi Hóa Lạc và cõi Tha Hóa tự tại thiên. Trong các cõi này tuy có hưởng lạc nhiều hơn cõi người, nhưng phước đức vẫn còn kém, nếu không biết tu tiếp, khi phước báu hết vẫn có thể bị sa vào địa ngục như thường. Cõi Người gồm các nhân sinh ở 4 châu: Nam Thiệm bộ châu, Bắc cu lô châu, Đông thẳng thần châu, Tây ngư hóa châu.

Cõi sắc giới: Nghĩa là nơi đây tuy không còn dâm dục, không dính mắc hình tướng, nhưng vẫn còn bị ràng buộc bởi một số sắc pháp vi tế thanh tịnh. Đây là chỗ mà chư Thiên tu hành đã đăc quả Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên và ngũ tịnh cư. Trong 5 cõi này có nhiều cõi trời khác nữa

Cõi vô sắc: gồm những chư Thiên sống tại 4 cõi: Không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bốn cõi này thuộc về cõi vô sắc, chỉ còn thức là sự biểu hiện, nhưng vẫn còn bị sinh tử luân hồi như thường.

Chỉ khi nào con người thoát ra khỏi các cõi Dục giới 16 loài chúng sanh, cõi Sắc giới 5 loài chúng sanh và cõi Vô sắc giới 4 loài

chúng sanh. Cộng chung tất cả thành 25 loài chúng sanh như thế, thì mới mong tỏ ngộ được con đường giải thoát giác ngộ.

Sách này cũng có phần Đức ngữ đi kèm do Thầy Hạnh Giới dịch. Thầy Hạnh Giới học 5 năm tại Đại Học Hannover về phân khoa Tôn giáo Học và đến năm 1999 chính thức xuất gia tại Chùa Viên Giác Hannover, sau đó học thêm 3 năm bậc Cao Học; một năm nghiên cứu tại Đại Học Santa Cruse tại California, Hoa Kỳ; đến năm 2003 Thầy ấy chính thức trình luận án Tiến Sĩ bằng Đức ngữ tại Đại Học Hannover với hạng ưu. Do vậy những sách bằng tiếng Đức của Thầy ấy dịch từ Việt ngữ ra Đức ngữ rất đáng tin tưởng. Bởi lẽ Thầy ấy học tiếng Đức từ Trung Học lên đến Đại Học và hậu Đại Học. Do vậy những tác phẩm của tôi viết bằng Việt văn hay dịch từ những ngôn ngữ khác ra tiếng Việt, cho đến năm 2003 là năm tôi về ngôi Phương Trượng; Thầy ấy đều đảm nhận phần dịch thuật này rất trôi chảy và hầu như ít có lỗi chính tả.

Nhiều người bảo rằng: Tại sao đi tu rồi mà Thầy Như Điển trọng bằng cấp quá nhiều như thế? Thật ra thì bằng cấp nó không có vấn đề gì hết, cũng giống như vàng là một kim loại quý, giúp ta trang sức cho đời ở nhiều hình thức khác nhau. Vấn đề ở đây là nên xử dụng vàng như thế nào cho đúng cách là do chúng ta chứ không phải lỗi tại vàng. Cũng giống như vậy bằng cấp đối với người xuất gia chỉ là vấn đề phương tiện, chứ không phải là mục đích. Mục đích của người xuất gia là phải ra khỏi 3 cõi như định nghĩa bên trên, còn bằng cấp chỉ là phương tiện giúp người xuất gia dễ mang Đạo vào Đời hơn. Và lại chúng ta đang hoạt động Phật sự tại các nước Âu Mỹ, mà ở tại các xứ này dùng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Ý, tiếng Hòa Lan, tiếng Đan Mạch, tiếng Na Uy, tiếng Thụy Điển để biểu hiện cho mọi

sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày. Trong khi chúng ta chỉ dùng tiếng Việt thì làm sao có thể giao tiếp với các dân tộc nơi mình đang sinh sống và hành đạo ở đó. Do vậy việc học phải đi đôi với việc tu là vậy.

21. Khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ thứ 9

Việt và Đức ngữ, xuất bản năm 1997

Nếu lấy cái mốc lịch sử về Khóa Tu Học Phật Pháp tại Âu Châu, phải kể đến những khóa đầu tiên bắt đầu từ năm 1983 tại chùa Khánh Anh, Bagneux, Pháp Quốc. Những lần đầu tiên ấy bắt đầu chỉ với những người phát tâm vào đạo học và tu Phật, nhưng chưa có sự hướng dẫn rõ ràng về giáo lý cơ bản cũng như nghi lễ chuông mõ v.v... Do vậy Hòa Thượng Thích Minh Tâm, vốn là một nhà giáo (*Trước năm 1967 qua Nhật Bản du học, Hòa Thượng đã là Hiệu Trưởng trường Bồ Đề Nguyễn Thiều, Bình Định*), nên việc đào tạo và giáo dục đã khiến cho Ngài nghĩ ra ngay phương pháp là làm sao đào tạo được con người vốn là việc chính, dẫu cho lúc ban đầu ấy chỉ tham gia chừng vài chục người cũng không phải nệ hà chi.

Năm 1984 là khóa thứ 2, năm này cũng là năm Thầy Quảng Đạo, Thầy Chúc Nhuận, Cô Diệu Trạng v.v... phát tâm vào chùa Khánh Anh xuất gia tu học. Thuở ấy sinh hoạt ở chùa đã bắt đầu khởi sắc hơn với tiếng kinh lời kệ hằng ngày. Rồi bây giờ, sau 40 năm như thế họ đã trở thành Thượng Tọa, Ni Sư và đã đi Trụ trì nhiều ngôi chùa danh tiếng. Lớp này có 5 người xuất gia và đã ra đời hết 2, còn lại 3 vị.

Năm 1985 lần thứ 3; năm 1986 lần thứ 4; năm 1987 lần thứ 5 và mỗi lần như thế số người tham dự khóa tu học luôn luôn tăng, nhiều khi lên đến cấp số nhân. Do vậy trong khóa tu học lần thứ 4 năm 1986 tại chùa Khánh Anh, quý Thầy Giáo họp lại với nhau là nên tổ chức thành khóa tu của Âu Châu, bởi lẽ học viên bây giờ đến tham gia học giáo lý không phải chỉ những người đến từ xứ Pháp. Thế là chúng tôi quyết định lấy khóa thứ 5 của chùa Khánh Anh năm 1987 làm khóa thứ nhất của Âu Châu và Hòa Thượng Quảng Hiền tuy mới đến Thụy Sĩ nhưng cũng đã can đảm đứng ra nhận lãnh trách nhiệm tổ chức cho độ 100 người. Tất cả học viên đều ăn, ở tại khóa tu, học tập tu niệm trong 10 ngày vào mùa hè ở một vùng đồi núi tại Thụy Sĩ trông thật là thanh thản vô cùng.

Khóa 2 Âu Châu do Hòa Thượng Thích Minh Giác ở Hòa Lan đứng ra lãnh nhiệm vụ tổ chức vào mùa hè năm 1988. Năm 1989 mặc dầu chùa Viên Giác đã bắt đầu xây dựng, nhưng tôi vẫn can đảm đứng ra nhận lãnh tổ chức khóa thứ 3 tại Berkhof gần Hannover. Sờ dĩ mà tôi mạnh dạn nhận lãnh như vậy vì Phật tử Lý Chấn Lợi mới mua được một khách sạn có nhiều phòng tại đó. Lý Chấn Lợi phát nguyện không lấy tiền phòng cũng như những phương tiện khác như điện, nước, gas v.v... Hòa Thượng Minh Tâm vẫn là đầu tàu của tổ chức, cho dù những khóa tu ấy có tổ chức tại bất cứ nước nào ở Âu Châu, cho đến khóa thứ 25 tổ chức tại Phần Lan vào năm 2013 cũng là khóa cuối cùng mà Ngài tham dự, vì Hòa Thượng đã già từ trần thế vào ngày cuối của khóa tu năm đó. Và trong 10 năm vắng bóng Hòa Thượng, chúng tôi những Thầy, Cô trong Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu vẫn tiếp tục tổ chức thêm được 7 khóa. Tổng cộng

thành 32 khóa tất cả. Lẽ ra là 34 khóa, nhưng vì dịch bệnh Corona không tổ chức được, và sang năm 2023 chúng tôi tổ chức khóa tu học lần thứ 33 tại chùa Khánh Anh Évry, cũng là năm kỷ niệm 10 lần học viên đã không nhìn thấy bóng dáng Thầy.

Ở đây tôi đoán chắc gần như 100% rằng: Sở dĩ ở Âu Châu có nhiều người xuất gia hơn các châu lục khác như Mỹ, Canada, Úc Châu chính vì lý do này. Bởi lẽ khi người Phật tử có tu học và hành trì thường xuyên, việc xuất gia chỉ là một kết quả, và bản thân tôi làm Thầy độ được 45 đệ tử xuất gia gồm 15 Ni và 30 Tăng, hầu như đều được đào tạo từ ngoại quốc và từ những khóa tu học này là chính. Kế đó có cả 7.000 đệ tử tại gia quy y Tam Bảo lấy tôi làm Bổn Sư cũng vì lý do học Phật này.

Trong 45 vị này, chư Ni nhiều vị viên tịch trong lúc còn tu và những vị khác vẫn còn hành trì miên mật hay đang làm Phật sự đó đây. Còn 30 Tăng tôi đã độ, sau gần 40 năm như thế, bây giờ còn lại 23 vị. Tất cả đều trưởng thành, đi làm Phật sự đó đây và hiện nay đã có 11 vị Thượng Tọa và 2 vị Ni Sư. Tất cả những công đức này có được phải hồi hướng đến cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm. Vì chính Thầy là người đã mở đường dẫn lối cho thế hệ đệ tử tại gia và xuất gia, biết dẫn thân phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc trong suốt thời gian qua cũng như trong thời gian sắp tới, khi thế hệ của chúng tôi sẽ trở về với Phật Tổ.

Ở Úc Châu thấy mô hình của Âu Châu thực tiễn quá, nên cố Hòa Thượng Thích Như Huệ, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cũng như chư Tôn đức Tăng Ni trong Giáo Hội vào năm 2001 đã bắt đầu khóa Tu Học Phật Pháp Úc Châu thứ nhất và cho đến năm 2022 này Giáo Hội Úc Châu đã tổ chức được 20 kỳ. Mỗi kỳ quy

tụ chừng 500 đến 600 người trong vòng 5 ngày, bắt đầu từ những ngày cuối của tháng 12 mỗi năm. Thời gian từ năm 2003 đến 2012, trong 10 năm tôi tịnh tu nhập thất tại Úc, đã có cơ duyên tham gia giảng dạy trong 10 khóa tu học liên tục như vậy.

Với tôi việc đào tạo con người qua sự giáo dục rất cần thiết và ý thức trách nhiệm của mình, nên kể từ những khóa đầu tiên của Khánh Anh tổ chức cho đến khóa thứ 32 được tổ chức khắp nơi tại Âu Châu như: Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Đức, Bỉ, Áo, Pháp, Thụy Sĩ, Anh, Ý tôi chưa hề vắng mặt một năm nào, ngoại trừ năm 1991 tôi phải ở chùa để chuẩn bị cho lễ Khánh Thành Chùa Viên Giác và năm đó đã được tổ chức tại Đan Mạch.

Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ cũng đã tiếp nối theo và cho đến nay đã tổ chức được 10 lần, mỗi lần quy tụ chừng 500 người, đa phần ở khách sạn và cũng chỉ tổ chức trong 5 ngày, chứ không phải 10 ngày như chúng tôi tại Âu Châu. Thông thường học viên ở Âu Châu phải ngủ trong phòng học của trường hay sang lăm thì cũng chỉ là những khách sạn nhỏ. Nhiều khi chỗ tu học thiếu phòng, chúng tôi phải thuê khách sạn gần bên nơi tổ chức như các nơi Berkhof, Paffenhoffen gần München để quý vị Giảng sư có nơi cư trú.

Trong những khóa tu như vậy cả Thầy lẫn trò được lợi lạc vô cùng. Vì đây là cơ hội tập hợp lớn của người con Phật khắp nơi tề tựu về, nên những khóa họp của Giáo Hội, sự sinh hoạt của Gia Đình Phật tử, các Ban Văn Nghệ, Ban thanh băng của Ban Tổ Chức v.v... có cơ hội ngồi lại với nhau để sắp đặt công việc cho năm nầy cũng như năm tới cho nơi nào lãnh tổ chức v.v... Trong những khóa tu học như thế các giới đàn thọ Ngũ giới, Thập thiện, Bồ Tát

giới được tổ chức để các giới tử được thọ giới; và phải công nhận một điều là tại Âu Châu, Phật tử tại gia ăn chay trường, thọ Bồ Tát giới, thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm nhiều hơn các châu lục khác, chính là do từ những khóa tu học Phật Pháp này. Do vậy chúng ta phải biết ơn tất cả những vị Giảng sư tại Âu Châu nói riêng và các vị Giáo thọ khác được mời từ các châu lục khác đến giảng dạy như: Hoa Kỳ, Canada, Úc, Việt Nam v.v... Đây chính là sợi dây tinh thần để kết liên tình huynh nghĩa đệ trong Phật Pháp.

Riêng tại Canada cho đến bây giờ vẫn chưa tổ chức được khóa tu học Phật Pháp nào quy mô như Âu Châu, Úc và Mỹ và đây là lý do ở Mỹ tổ chức, nhưng gọi là khóa Bắc Mỹ để cùng Canada đồng hành để thêm phần mạnh mẽ. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Canada chỉ mới tổ chức được những khóa An Cư Kiết Hạ ngắn hạn trong 10 ngày cho chư Tăng Ni; còn quý Phật tử có thể tùy duyên theo đó để tu học, chứ không có những buổi giảng có bài bản như tại Âu Châu bắt đầu từ lớp nhỏ nhất cho đến các lớp thanh thiếu niên, lớp người lớn và những lớp chuyên khoa v.v... Mong rằng Canada nay mai cũng sẽ nổi bước theo con đường của các châu lục khác tổ chức được những khóa tu như vậy thì lợi lạc vô cùng, kể cả người xuất gia và tại gia như Đức Phật vẫn thường ca ngợi, khi Ngài tuyên dương giáo pháp về vai trò của sứ giả Như Lai và những người hộ trì Tam Bảo. Cho nên, những ngôi chùa đây đó ở trong cũng như ngoài nước chúng ta hay đọc được những câu như sau:

Phật Pháp hưng long do Tăng Già hòa hiệp

Thiền Môn hưng thịnh nhờ đàn tín hộ trì.

Năm 1997 Chi Hội Phật tử Việt Nam Tỵ Nạn tại München đứng ra lo phần tổ chức tại địa phương cho khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 9, và các Chi Hội gần đó góp phần về việc trai soạn cũng như chuyên chở v.v... Lần này do Đạo hữu Thiện An Nguyễn Kim Định làm Trưởng Ban Tổ Chức và khóa học được thuê là một phòng tập thể thao tại Paffenhoffen gần München, nên nội dung tu học trong 10 ngày thì đầy đủ, nhưng phương tiện ngủ nghỉ của các học viên bị thiếu thốn. Nhiều phòng học ban ngày phải dọn lại làm phòng ngủ cho ban đêm, nên về hình thức tổ chức thì kém thua những khóa trước và nhiều khóa tu học về sau này. Trong 32 khóa tu học như thế, khóa ít nhất là vài chục người và khóa đông nhất trên 1.000 người như ở tại Ý và Áo.

Sách này cũng đã được dịch ra tiếng Đức do Thầy Hạnh Giới đảm nhận. Đây cũng là một việc cần làm để gián tiếp giới thiệu với người Đức và Chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức về những thành quả tinh thần của người Việt Nam, đặc biệt là Phật tử Việt Nam, để họ có một cái nhìn đúng đắn hơn về người Việt Nam đang tỵ nạn tại xứ của họ. Chúng ta phải nên hãnh diện về điều này.

22. Theo dấu chân xưa

Việt ngữ, xuất bản năm 1998 (Hành hương Trung Quốc I)

Nội dung của sách viết về lần đầu tiên phái đoàn chúng tôi từ Đức và Âu Châu đi sang Trung Hoa để đánh lễ Tứ Đại Danh Sơn (A. Nơi thị hiện của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát (Phổ Đà Sơn). B. Nơi thị hiện của Đức Phổ Hiền Bồ Tát (Nga Mi Sơn). C. Nơi thị hiện của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Ngũ Đài Sơn). D. Nơi

thị hiện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát (Cửu Hoa Sơn). Nhưng trong lần đi đầu tiên này chỉ đến Cửu Hoa Sơn và Phổ Đà Sơn mà thôi, lần đi thứ 2 sẽ chiêm bái hai danh sơn còn lại.

Người ta thường nói đi về Ấn Độ để đánh lễ tứ động tâm, nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã Đản Sanh, thành đạo, thuyết pháp lần đầu tiên và nơi nhập Đại Bát Niết Bàn; nhưng nếu người Phật tử Đại thừa về được Trung Quốc là về chốn Tổ của các vị Bồ Tát đã thị hiện. Do vậy chúng tôi cố gắng vượt qua sự trở ngại của ngôn ngữ để đi đến xứ sở này.

Nhiều người cũng thường nói rằng: “Tại Trung Quốc có 4 châu, mà người lữ hành không nên bỏ qua. Đó là Quảng Châu, thủ phủ của tỉnh Quảng Đông có đồ ẩm thực trứ danh trên thế giới; Hàng Châu có nhiều mỹ nhân; Tô Châu có chùa Hàn Sơn rất nổi tiếng; và Liễu Châu có gỗ rất tốt để chế tạo quan tài, được bền vững với thời gian. Mỗi lần đi hành hương như vậy chúng tôi đều kết hợp đến thăm những thành phố lớn như Bắc Kinh, Vạn Lý Trường Thành, Thượng Hải, Hồng Kông, Tứ Xuyên, Quảng Châu v.v... để Phật tử có cơ hội được xem thêm những danh lam thắng cảnh khác nữa. Nhớ có lần tôi đến Cửu Hoa Sơn, nơi có thờ Ngài Kim Kiều Giác; Ngài vốn là một Đông Cung Thái Tử thời Nhà Kim bên Đại Hàn, đến Núi Cửu Hoa để tu theo hạnh của Ngài Địa Tạng và đắc độ tại đây. Lúc ấy tôi muốn đi vệ sinh và dùng tiếng Anh rồi tiếng Pháp cùng tiếng Đức để hỏi người dân địa phương, nhưng chẳng ai hiểu ngôn ngữ ấy là gì và sau lần hành hương thứ nhất này, khi về lại Đức, tôi bắt đầu học tiếng Phổ Thông để có thể xử dụng khi sang các nước nói tiếng Hoa và đây là nguyên nhân để tôi học thêm một ngôn ngữ nữa.

Ngày ấy trên chuyến hành hương này có Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm đi cùng, và trên chuyến xe Bus của lộ trình đi đến Phổ Đà Sơn, Sư Bà đã đọc bài thơ “Hồi hương ngẫu thi” của Hạ Tri Chương với giọng buồn buồn, khiến cho tôi và mọi người trong đoàn nhớ đến quê hương, khó có bút mực nào diễn tả hết được. Đó là:

Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi

Hương âm vô cải, mấn mao tồi

Nhi đồng tương kiến bất tương thức

Tiểu vấn khách tòng, hà xứ lai.

(Tác giả Hạ Tri Chương)

và tôi đã dịch ra văn tiếng Việt như sau:

Tuổi nhỏ xa quê, già trở lại

Giọng quê không đổi, tóc mai thay

Trẻ con tuy thấy, nhưng không biết

Cười hỏi khách rằng: Đâu đến đây?

Ngày ấy bây giờ đã qua rồi và Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm cũng đã viên tịch vào tháng 5 năm 2021 vừa rồi. Quả thật đời này chẳng có gì là chắc thật cả.

Đến Phổ Đà Sơn để nhớ về nơi chốn của “Ngài Quan Âm chẳng chịu đi” (*Bất khăng khứ Quan Âm Điện*) trong quyển “Nam Hải Phổ Đà Sơn dị truyện” và câu chuyện “tìm Phật ở đâu” rất là cảm động. Chuyện kể rằng có một người con bất hiếu, chưa bao giờ nghe lời mẹ dạy, bỗng một hôm chàng ta muốn đến Phổ Đà Sơn để đánh lễ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Bà mẹ ngạc nhiên và cũng rất mừng, vì lâu nay con trai của mình chưa bao giờ nghĩ

đến việc này, nay lại muốn như vậy người mẹ làm sao không mừng vui được.

Thế là người mẹ lo cơm gạo, tiền tiêu dọc đường cho cậu lên đường tìm đến Phổ Đà Sơn. Muốn đi đến đây phải đi qua biển Ninh Ba ở Thượng Hải và nhiều đoạn đường thử thách khác. Cuối cùng rồi chàng thanh niên này cũng đã đặt chân đến núi Phổ Đà vào một chiều thu gió lộng. Cậu ta quan sát đó đây chẳng thấy Đức Quan Thế Âm Bồ Tát nào cả mà chỉ thấy một bà lão ăn mày, ăn bụn rách rưới, dáng điệu khòm lưng, đi đứng khó khăn, cậu ta vội bước đến và hỏi Cụ rằng:

- Này bà lão! Cụ ở đây đã lâu chưa và có khi nào thấy được Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện?

- Ta ở đây rất lâu và gặp Ngài đã nhiều lần rồi, nhưng tiếc rằng hôm nay Ngài sẽ không thị hiện. Bà lão trả lời.

- Tại sao vậy? Cậu ta hỏi.

- Cậu đừng hỏi tại sao và dẫu cho cậu có chờ Ngài cho đến ngày mai, ngày mốt và lâu hơn nữa, chắc chắn Ngài cũng sẽ không thị hiện đâu!

- Vậy thì tôi phải làm cách nào để gặp được Ngài ?

- Việc này đơn giản lắm, cậu hãy đi về đi và trên đường đi, ở bất cứ nơi nào cậu gặp được một người đàn bà mang đôi dép chiếc ngược, chiếc xuôi, người ấy chính là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Nghe theo lời bà lão, cậu ta ra về với dáng điệu trầm tư, thiếu náo. Vì đã đến đúng nơi Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện mà chẳng gặp, bây giờ lão bà này khuyên như vậy, thôi cứ đi về. Đi

mãi trong mấy ngày liền như vậy, cậu ta về đến nhà lúc nào chẳng hay vào một đêm thanh vắng, cậu ta gõ cửa và bà mẹ đã chờ đợi cả mấy ngày nay mừng rỡ quá khi nghe tiếng gõ cửa, nên vội bước xuống giường và xô vào 2 chiếc dép ngược nhau, bước ra mở cửa cho con vào. Cậu trai bỗng nhìn đôi chân mẹ với đôi dép mang ngược, cậu ngồi xuống ôm chặt hai chân của mẹ và ngược lên nhìn vào mắt mẹ rồi thốt lên rằng: “Đây chính là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát của con”.

Trong sách còn viết nhiều việc cảm ứng hơn nữa. Do vậy chúng tôi quyết tổ chức những chuyến hành hương đi về đất Phật hay chốn Tổ, cũng không ngoài mục đích chấn chỉnh những niềm tin lâu nay đã có, nhưng chưa phát triển sâu và bền vững nơi mọi người con Phật. Nên đi như thế để mang lại lợi lạc cho chính mình và cho mọi người, đúng với tinh thần Lục Hòa, Kiến Hòa Đồng Giải là như vậy.

23. Sống và Chết theo quan niệm của Phật giáo

Việt và Đức ngữ, xuất bản tại Đức năm 1998.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2020

trên mạng toàn cầu Amazon.

Nội dung của sách viết về Sống và Chết chỉ riêng theo quan niệm Phật giáo mà thôi. Điều này có nghĩa là mỗi một tôn giáo, mỗi một đạo giáo sẽ có cách giải thích theo quan niệm của tôn giáo và đạo giáo của mình. Bởi lẽ đây là 2 vấn đề lớn của cuộc đời con người và người ta luôn tự hỏi rằng: Ta từ đâu sanh ra và chết sẽ đi về đâu?

Tôi dựa theo nhiều kinh sách của Phật giáo Nam Truyền và Bắc Truyền cũng như Kim Cang thừa để giải thích những việc cốt lõi này, nhằm mang đến cho những độc giả Phật tử có một cái nhìn căn bản về hai sự kiện quan trọng này. Trong khi các vị A La Hán thì đã rõ biết ngọn ngành của việc sanh tử, nên các Ngài đã đồng đạc tuyên bố rằng: “Ta việc sanh đã hết, những phạm hạnh đã lập. Việc nào cần làm, ta đã làm xong và ta biết chắc rằng kiếp sau không còn tái sanh nữa”. Nếu căn cứ vào đây chúng ta thấy các Ngài đã tỏ ngộ chân lý ngay từ khi đến đây và khi chấm dứt cuộc sống ngắn ngủi đó cũng tại thế gian này.

Còn ta thì sao? Phải truy về quá khứ để rõ. Đó là:

Dục tri tiền thế nhơn

Kim sanh thọ giả thị

Dục tri lai thế quả

Kim sanh tác giả thi.

Nghĩa:

Muốn biết nhơn đời trước

Xem kết quả đời này

Muốn biết quả đời sau

Nên xem việc hiện tại.

Chỉ trong 4 câu này chúng ta đã thấu rõ được ngọn ngành của chúng ta từ đâu đến và đến đây để làm gì rồi. Đó là kết quả của hôm nay mà ta đang gặt hái là do cái nhơn của đời trước ta đã gây ra. Ví dụ như bây giờ thân ta bị đau đớn, bệnh tật, tứ chi, ngũ căn đều không đầy đủ, chúng ta phải tự biết mình ở kiếp trước đã

bị phạm vào tội sát sanh hại vật, nên ngày nay sinh ra, các căn bị thiếu hụt. Ví dụ như bây giờ bị nói ngọng, vì lẽ kiếp trước ta đã nói dối khá nhiều. Trong hiện tại nếu ta kém thông minh, vì lẽ kiếp trước ta đã dùng chất say không ít.

Đó là nhân và quả của đời trước và đời này. Cái nhân của đời này cũng sẽ là cái quả của đời sau. Đã biết vậy người Phật tử cần phải tạo tác những nhân lành trong hiện tại thì quả phúc chắc chắn sẽ đến với chúng ta ngay trong đời này cũng như những đời sau kế tiếp ở vào những kiếp tương lai nữa.

Thầy Hạnh Giới đã dịch những phần tôi viết từ tiếng Việt và quyển này cũng đã được nhiều người Đức quan tâm. Sách này hiện có trên hệ thống Amazon. Quý vị nào ở xa, có thể tham cứu nơi hệ thống phát hành này để đặt sách. Chủ yếu không vì vấn đề thương mại, mà chỉ có mục đích truyền bá giáo lý, theo cái nhìn của một người Phật tử chân chính về những vấn đề trọng đại trong cuộc sống hằng ngày, nhằm đáp ứng những khúc mắc tâm linh khi gặp phải những câu hỏi khó như thế này.

Sách cũng đã đề cập đến vấn đề cận tử nghiệp, vấn đề tái sinh, vấn đề vãng sanh lưu xá lợi, tuần thất, ma chay, tang chế v.v... Ở đây chỉ xin ghi lại một số việc tiêu biểu mà thôi. Ví dụ như trong kinh Bát Dương thì nói rằng: “Sanh hữu hạn, Tử bất kỳ”; nghĩa là khi sinh ra, ngày tháng cha mẹ có thể rõ; nhưng lúc chết, nào ai có thể biết? Bất cứ lúc nào chúng ta cũng có thể chết cả. Cho nên Đức Phật mới bảo rằng: Cuộc đời này vô thường là vậy. Có thể khi mới lọt lòng mẹ, đứa bé đã chết, chưa kịp khóc 3 tiếng khóc chào đời. Cũng có người sống đến 80, 100 hay nhiều tuổi hơn như thế nữa, rồi một ngày nào đó cũng phải xuôi hai tay về nơi chín suối.

Khi sinh ra chúng ta đã chẳng mang theo được gì ngoại trừ hai bàn tay trắng. Suốt một cuộc đời 30, 50, 70 hay 100 năm đó ta cố gắng tranh danh đoạt lợi càng nhiều càng tốt, để rồi một ngày nào đó chúng ta lại cũng phải ra đi, để phải buông xuôi hai tay, không mang theo được một thứ gì, ngoại trừ nghiệp lực. Thế mà lúc còn sống, chúng ta cứ cố gắng bám víu vào càng nhiều càng tốt, không bao giờ nhường nhịn cho ai cả vì chỉ duy nhất một điều là muốn củng cố cái tự ngã của mình mà thôi. Như vậy cuộc sống nầy của chúng ta khởi đi từ cái tham và kết cuộc bằng cái sân, cái si; chính những cái nầy đã dẫn dắt chúng ta vào nơi tối tăm mờ mịt.

Sau khi chết phải chôn hay thiêu cái xác ấy đi và ngày hôm nay trên thế giới có 4 cách chôn như: thổ táng, thủy táng, lâm táng và vô danh táng (*chôn vào rừng sâu, không có bia mộ gì cả*). Ngoài ra những bộ tộc ở Phi Châu hay Indonésia còn nhiều cách táng theo phong tục của bộ tộc của họ đã được nhiều đời để lại.

Phật giáo hay dùng con số 3 hay số 7 để định vị những tuần thất và sự tái sinh. Đây là con số linh thiêng trong Phật giáo mà khi điếm qua cuộc đời của Đức Phật, theo quan niệm của người Ấn Độ ta đã thấy rõ. Ví dụ như khi sinh ra Đức Phật đi trên 7 đóa sen. Khi Đức Phật tham thiền sau 7 tuần lễ như thế ở nơi Bồ Đề Đạo Tràng. Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm trong 3 tuần lễ 21 ngày; rồi 45 năm hay 49 năm thuyết pháp độ sanh v.v... Do vậy con số 7 được ứng dụng cho việc đi đầu thai trong 7 ngày liền của 7 lần như thế. Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ 7 trong tuần lễ đầu nếu Trung ấm thân ấy không được đi đầu thai, phải chết một lần và tuần lễ thứ 2, thứ 3 cho đến thứ 7 cũng đều phải trải qua giai đoạn thử thách của Trung Ấm Thân như vậy. Theo Phật giáo, đúng ra đến 49 ngày là chấm dứt việc đi đầu thai. Nếu Trung ấm thân

nào không đi đầu thai được, tâm thức ấy sẽ sinh vào thế giới của những cô hồn, không có nơi nương tựa.

Quý độc giả có thể đọc sách này để hiểu một cách tổng quát về sự sanh tử và các cõi giới đi đầu thai. Nếu muốn biết rõ hơn có thể tham cứu thêm các sách như Liễu sanh Thoát tử (*của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa*) hay quyển “Niệm Phật vãng sanh lưu xá lợi” (*của Cư sĩ Tịnh Hải Việt Định Phương*) sẽ rõ biết về việc sống cũng như việc chết, việc lành và việc dữ. Từ đó chúng ta sẽ tự chọn cho mình một cuộc sống có ý nghĩa hơn, giữa những lối mòn của sanh tử.

24. Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14

Viết và Đức ngữ, xuất bản năm 1999.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2019

trên mạng toàn cầu Amazon.

Lần thứ nhất, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đến thăm thành phố Hannover, do lời mời của ông Thị Trưởng lúc bấy giờ là ông Schmalstieg vào ngày 18 tháng 6 năm 1995. Chúng tôi biết được rằng đây là cơ hội để thỉnh Ngài đến thăm và thuyết giảng tại chùa Viên Giác Hannover, nơi chúng tôi thuở ấy còn đương kim Trụ Trì, Thầy Hạnh Tấn làm thông dịch viên cùng với Thầy Hạnh Giới lúc ấy vẫn còn là Sinh viên Cư sĩ. Những việc liên hệ qua Bộ Ngoại Giao bằng Anh ngữ, do Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát soạn thảo văn thư, giấy tờ qua lại để gọi đi Thụy Sĩ và Dharamsara ở Ấn Độ. Phần chính quyền và các cơ quan truyền thông Đức do ông Hanefeld người ở Chùa Viên Giác đảm trách. Do vậy đa phần

quý Thầy, Cô hay các Phật tử đều cho rằng tôi là người có phước. Vì bên trái bên phải, bên nào cũng có người hộ trì hết. Nhờ vậy mà những Phật sự của tôi đề ra đa phần là thành công và phần thất bại hầu như rất nhỏ, không đáng kể mấy.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đến lần đầu có dùng trưa, nên tôi đã mời Đức Hồng Y ở địa phận Hildesheim, cùng những vị Giáo sư tại Đại Học Hannover và ông Dr. Meihorst đến tham dự... toàn là những người có địa vị trong xã hội lúc bấy giờ. Bên chư Tăng thì có Hòa Thượng Thích Thiên Định và Hòa Thượng Thích Minh Lễ. Ngài đến tổng cộng chỉ độ 5 tiếng đồng hồ, nhưng phần tôi đã sụt đến 5 kg. Mặc dầu tôi chẳng phải làm gì nhiều, nhưng khâu tổng quát, tôi phải để tâm vào, nên đã lao tâm không phải là ít, do đó kết quả mới như vậy.

Sau khi dùng trưa, Ngài vào phòng VIP của chùa để nghỉ ngơi một thời gian ngắn, có tiếp xúc riêng với Hòa Thượng Thích Thiên Định và Hòa Thượng Minh Lễ. Phần chiêu đãi bữa cơm chay thịnh soạn lần này do Sư Bà Thích Nữ Diệu Ân cúng dường.

Từ 14 đến 16 giờ ngày 18 tháng 6 năm 1995 là giờ Ngài giảng căn bản về Tứ Diệu Đế, và những câu hỏi đặt ra đã được Ngài hoan hỷ trả lời. Hôm đó Thầy Christop dịch thẳng từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Đức và Thầy Hạnh Tấn cùng với Sinh viên Hạnh Giới dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt cho độ 1.000 người nghe, kể cả người Việt và người Đức từ trên Chánh điện cho đến Hội trường của chùa Viên Giác lúc bấy giờ, không khí thật an vui và hỷ lạc. Sau thời pháp, chúng tôi dâng cúng tịnh tài lên Ngài để làm phương tiện di chuyển cho phái đoàn.

Hôm đó sở dĩ không có Hòa Thượng Thích Minh Tâm tham dự, vì Hòa Thượng bận làm lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng chùa Khánh Anh tại Évry. Do vậy tôi cũng không thể qua Pháp để tham dự được ngày lễ trọng đại này. Đến ngày 16 tháng 8 năm 2015, đúng 20 năm xây dựng, chùa Khánh Anh tại Évry làm lễ Khánh Thành, lúc này Hòa Thượng Minh Tâm đã viên tịch trước đó 2 năm. Hòa Thượng viên tịch vào ngày 3 tháng 8 năm 2013 tại Turku Phần Lan, nơi đang có khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25, nên Ngài không có cơ hội để chứng minh cho ngày trọng đại này.

Ai ai cũng muốn chào và đánh lễ Đức Đại Lai Lạt Ma và nếu được Ngài xoa đầu hay bệu má v.v... là một phước báu mà nhiều người đã mong chờ. Do vậy mà thời gian của Ngài lưu lại chùa Viên Giác càng lâu hơn, cho nên những nhân viên làm nhiệm vụ Bodygart rất nóng lòng. Bởi trước khi Ngài đến, Đại diện Bộ Ngoại Giao của Tây Tạng từ Thụy Sĩ, cũng như nhân viên an ninh của thành phố Hannover đã đến Chùa Viên Giác trước, để xem xét và dự báo tình hình an ninh cho việc thăm viếng của Ngài. Nghĩa là từ cổng Tam Quan bước lên thang cấp đi vào trước tượng Đức Phật A Di Đà là mấy bước, rồi Ngài làm gì trước khi Ngài thăng tòa thuyết pháp và lúc ra đi cũng vậy. Nhưng Ngài thì tự tại vô ngại, lúc nào cũng cười và chào mọi người một cách hồn nhiên, thân mật và thoải mái, nên những người có nhiệm vụ canh giữ phải lo toan là có lý do.

Đến ngày 20 tháng 9 năm 2013, lúc này Thầy Hạnh Giới đương kim Trụ Trì, lại một lần nữa Đức Đại Lai Lạt Ma thứ 14 được thành phố Hannover mời đến để đi thăm viếng các trường học và thủ phủ. Do vậy chùa Viên Giác chúng tôi lại có cơ hội để

thình mời Ngài thêm một lần nữa và lần này sau khi dùng trưa ở thành phố, Ngài mới đến chùa vào lúc 14:00 chiều cùng ngày. Ngài chỉ ở lại đây 2 tiếng đồng hồ và cũng thăm hỏi chư Tăng Ni và Phật tử tại đây, nói vài câu chuyện về giáo lý, chứ không theo như đề tài của tôi đã đề nghị qua Bộ Ngoại Giao của Tây Tạng là: Xin Ngài nói về Hạnh nguyện của Đức Phật A Di Đà và Bồ Tát Quan Thế Âm.

Việc ngoại giao bao giờ cũng ưu tiên cho vị khách đặc biệt, nhưng với Ngài thì trái lại. Khi vừa đến Pháp tòa, lẽ ra Ngài thăng tòa liền để đại chúng đánh lễ và bắt đầu thuyết pháp. Nhưng ở lần thứ 2 này thì không phải như vậy. Ngài bảo rằng: “Tất cả hãy quỳ xuống và chư Tăng Ni Việt Nam nên cử bài Bát Nhã Tâm Kinh bằng Việt ngữ trước”, sau đó Ngài mới tụng kinh ngắn bằng tiếng Tây Tạng và sau khi thăng tòa, Ngài bao giờ cũng khiêm nhường nói rằng: Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Trung Hoa và Phật giáo Nhật Bản đã có mặt trước Phật giáo Tây Tạng. Đồng thời Ngài cũng bảo rằng: Chúng ta đều là những người tỵ nạn cộng sản. Tuy chúng ta có nhiều điểm riêng khác biệt về văn hóa phong tục, tập quán; nhưng chúng ta đều có những điểm chung là lòng từ bi và vị tha của Đạo Phật. Thế là những tràng pháo tay nổ lớn như chưa muốn ngừng nghỉ và Ngài đã đi vào đề tài chính hôm đó.

Phần giải đáp câu hỏi của Ngài rất hào hứng, nên giờ đi Bonn của Ngài càng trễ hơn dự định và sau cùng Thầy Hạnh Giới đại diện cho chùa để cúng dường lên Ngài, nhưng lần này Ngài khoát tay, sau khi đặt tay lên phần cúng dường ấy chú nguyện và Ngài bảo Thầy Hạnh Giới rằng: “Hãy để lại cho chùa”.

Lần thứ nhất được viết thành sách và cũng đã được Thầy Hạnh Giới dịch sang Đức ngữ; nhưng lần thứ 2 thì tôi chỉ viết tường thuật để đăng báo Viên Giác vào số tháng 10 năm 2013 mà thôi.

Cả hai lần Ngài đến và Ngài đi vào năm 1995 và năm 2013; cách nhau 18 năm như vậy đã để lại những hương thơm ngào ngạt của hương hoa giải thoát cho chùa Viên Giác nói riêng và cộng đồng Phật tử người Việt Nam và người Đức tại Hannover nói chung, cũng như khắp nơi tại xứ Đức. Vì Ngài chính là hóa thân của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã thị hiện nơi chốn này vậy.

25. Vọng Cổ Nhân Lầu

*Việt ngữ, xuất bản tại Đức năm 1999
(Hành Hương Trung Quốc lần II)*

Nội dung của cuốn sách thứ 25 lần này tôi viết về chuyến đi đánh lễ hai danh sơn còn lại. Đó là Nga Mi Sơn, nơi Đức Bồ Tát Phổ Hiền thị hiện và Ngũ Đài Sơn, nơi Đức Đại Trí Văn Thù Sư Lợi thị hiện. Lần này còn đi thăm Vạn Lý Trường Thành, Lạc Sơn Đại Phật ở Tứ Xuyên. Đặc biệt là viếng thăm chùa Quang Hiếu, nơi Ngài Lục Tổ Huệ Năng được xuống tóc và đến chùa Nam Hoa gần đó để đánh lễ nhục thân của Ngài.

Bắc Kinh là thủ đô chính trị của Trung Quốc, nằm ở phương Bắc, nên khí hậu giá buốt lạ thường. Ở đây khách hành hương được đi thăm Vạn Lý Trường Thành, vốn là một công trình xây cất vĩ đại thời Tần Thủy Hoàng trước Tây lịch, mà ngày nay vẫn còn tồn tại. Trước khi bước lên những nấc thang làm bằng gạch

đầu tiên, bất cứ người khách nào cũng được đọc một văn bia đá với nét chữ được chạm sắc sảo qua nét bút của Mao Trạch Đông là: “Bất đáo Trường Thành phi Hào Hán” (có nghĩa là: Chưa đến Trường Thành, chưa phải là người Hán tốt). Chúng tôi không phải là người Hán mà chúng tôi cũng đã đến đây rồi. Quả thật là một nhân duyên hy hữu.

Đến Bắc Kinh phải đến thăm Tử Cấm Thành và Di Hòa Viên. Tử Cấm Thành do một Kiến trúc sư người Việt Nam tên là Nguyễn An vẽ kiểu và được xây từ thời Nhà Minh vào thế kỷ thứ 15. Ông là một tù binh Việt Nam được Nhà Minh trọng dụng; nhưng người hướng dẫn du lịch lúc ấy giới thiệu đủ điều mà chẳng giới thiệu về việc này. Về sau, tôi xem truyền hình Đức mới biết sự thật lịch sử này. Quả thật chúng ta cũng nên hãnh diện cho người Việt Nam vậy. Ví dụ ở tại Tử Cấm Thành tại sao chỉ xây 999 phòng, mà không xây 1.000 phòng? Câu trả lời do cô hướng dẫn viên du lịch bảo là: Sờ dĩ như vậy vì Thiên tử là con vua trên trời không được vượt quá số phòng của cha mình là 1.000 vị cung tần, mỹ nữ. Ai nghe cũng vui tai, nhưng thật ra trong kinh điển Phật giáo chép rằng: Vua Đế Thích có đến 3.000 bà vợ, chứ không phải 1.000 bà, và chỉ có một bà là Chánh Cung Hoàng Hậu thôi. Còn 2.999 bà là hóa thân của bà Chánh Cung này.

Đi đến Di Hòa Viên chúng tôi đã nghe về việc Từ Hy Thái Hậu bắt hoa nở và cá cười v.v... Tất cả có vẻ như là huyền thoại, nhưng có lẽ cũng là những điều có thật của một thời chẳng? Những công trình này bây giờ hầu như không còn dùng đến nữa, chỉ để cho khách du lịch tham quan mà thôi. Vì triều nhà Thanh chính thức chấm dứt chế độ quân chủ vào năm 1911. Như vậy Thanh triều cũng đã ngự trị tại xứ sở rộng lớn này cả 271 năm (1640-1911);

nhưng bây giờ nhìn lại ngai vàng của Phổ Nghi lần cuối, cũng chỉ để ngậm ngùi cho một thời đại vàng son đã trôi về dĩ vãng mà thôi.

Khách sạn tại Bắc Kinh tương đối đầy đủ phương tiện, nhưng thức ăn chay thì không thể so sánh với Quảng Châu được. Đặc biệt người Hoa họ dùng thức ăn trước và cơm gắp như là món xa xỉ mang ra sau cùng. Trong khi đó phái đoàn của người Việt Nam đi đến đâu cũng đòi có cơm đi trước ăn kèm với thức ăn. Quả thật các xứ Á Châu chúng ta đều bắt đầu từ nền văn minh nông nghiệp, thức ăn chính là gạo. Thế nhưng khi gạo được nấu thành cơm thì người Việt Nam, người Trung Quốc, người Đại Hàn, người Nhật Bản dùng bữa khác nhau. Đó là chưa kể đến những nước Phương Nam khác của Á Châu như: Cam Bốt, Lào, Thái, Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan v.v... càng khác nhau với phương Bắc Á Châu nhiều hơn nữa.

Phái Đoàn đi về phía tỉnh Tứ Xuyên bằng xe hơi và đây là cơ hội để quan sát đời sống của người dân Trung Hoa trong sinh hoạt ruộng đồng cày cấy. Trung Hoa hiện nay chỉ được một điều duy nhất là xa lộ mở rộng thành thang, không kém gì với những nước văn minh Âu Mỹ khác. Đến vùng quê như Lạc Sơn Đại Phật hay Nga Mi Sơn mới thấy nhiều nơi ở miền quê Trung Quốc còn lạc hậu lắm.

Chuyện kể rằng có một vị Sư phát tâm đứng ra quyên tiền để nhờ thợ đục vào đá giữa 2 dòng sông vốn gây ra nhiều tai nạn chết người mỗi năm không biết bao nhiêu mà kể. Khi gắp đủ số tiền nhà Sư định đi thuê thợ đến tạc tượng thì bị bọn cướp đến cướp và nhà Sư quyết định không giao tài sản quyên được để tạc tượng Phật vào núi đá ấy. Chúng bày ra điều kiện là: Nếu ông không

giao tiền thì chúng tôi sẽ lấy cặp mắt của ông. Nhà Sư cuối cùng chấp nhận điều kiện của chúng là Ngài chịu mất mắt, chứ không giao tiền cho chúng. Vì tiền ấy là tiền quyên góp của bá tánh. Thế là tượng Phật được bắt đầu tạc và nhà Sư ngày ngày vẫn đó đây đi lạc quyên trong khi hai mắt đã mù lòa cho đến khi hơi thở không còn nữa. Ngày sau người ta nhớ đến ơn Sư nên đã làm đền thờ nơi đây để tưởng niệm đến công đức của người xưa. Tuy nhiên tượng Phật quá lớn phải xây dựng cả mấy trăm năm sau mới hình thành và ngày nay ghe thuyền qua đó, dòng lốc xoáy không còn nữa, vì đã được tượng Phật kia án ngữ, nên hầu như không còn ai chết oan nữa. Đó là nhờ công đức của nhà Sư này.

Đến Nga Mi Sơn để thấy cảnh sắc thật là hùng vĩ, cheo leo nơi đỉnh núi. Muốn lên đến chùa chính phải leo lên nhiều thang cấp cao gần giáp với mây trời. Thật là nguy hiểm, nhưng hằng ngày có cả vạn người hành hương đến đây để tưởng nhớ đến bậc Bồ Tát Phổ Hiền của một thời quá khứ như thế.

Đoàn đến Quảng Châu và thăm chùa Quang Hiếu (*tương truyền rằng khi thành Quảng Châu chưa xây thì chùa Quang Hiếu đã có rồi*). Đây là ngôi chùa mà Lục Tổ Huệ Năng được xuống tóc. Sau khi thọ nhận y bát từ Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn và trốn thoát về phương Nam, tránh nạn tranh giành với Thần Tú theo dự đoán của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Dưới gốc cây Bồ Đề, nơi Ngài Huệ Năng xuống tóc, sự tích ấy vẫn còn ghi lại nơi đây.

Đến chùa Nam Hoa mới có thể đánh lễ được nhục thân của Lục Tổ Huệ Năng, đã ngồi yên bất động hơn 1.400 năm, mà thân xác trông thấy giống như Ngài mới an tọa tại đó không xa thời gian của chúng ta là bao; và đến đây để thấy được dòng nước Tào

Khê từ trong khe núi chảy ra và chảy mãi cho đến bây giờ, sau mấy ngàn năm lịch sử vẫn chưa ngưng đọng lại. Thật là bất khả tư nghì.

26. Có và Không

Việt và Đức ngữ, xuất bản tại Đức năm 2000.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2020

trên mạng toàn cầu Amazon.

Nội dung sách này viết về Tánh Không và đặc biệt là dựa vào tư tưởng trong Kinh Bát Nhã. Bởi lẽ trình độ của người Việt Phật tử lẫn người Đức cho đến thời gian này đã qua nhiều khóa tu học khác nhau, nên tôi viết tác phẩm này và Thầy Hạnh Giới cũng đã phát tâm dịch sang tiếng Đức. Hiện tác phẩm này đang có mặt trên Amazon, cả tiếng Việt và tiếng Đức.

Bài Kinh Bát Nhã mà chúng ta thường tụng đó có 260 chữ (*Theo Trung Hoa, Nhật Bản và Đại Hàn có 262 chữ. Chúng ta thiếu 2 chữ: nhứt thiết ở đoạn gần cuối*). Ai là người Phật tử Việt Nam đều luôn trì tụng bài kinh này trong tất cả các thời kinh như cầu an, cầu siêu, sám hối, cúng ngọ, công phu chiều v.v... nhưng để liễu giải về tánh có và không này phải đi về nguyên thủy của nó. Chúng ta phải tìm hiểu đến Bát Bất Trung Đạo của Ngài Nagajuna (Long Thọ) chúng ta mới có thể thấu hiểu được một phần nào.

Ngài Long Thọ là một vị Bồ Tát người Ấn Độ. Ngài cũng là Tổ Sư của các tông phái như: Thiên, Tịnh Độ, Mật, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... Bát Bất Trung Đạo là tinh thần của Bát Nhã

gồm: Bất sinh bất diệt, bất đoạn bất thường, bất nhất bất dị và bất khứ bất lai.

Bất sanh bất diệt là sao? Nghĩa chính của sự việc này là tất cả vạn pháp không sanh ra mà cũng chẳng mất đi. Tất cả sự sanh hay sự mất đi đó chỉ là một hiện tượng, chứ không phải là một thật tướng. Bởi lẽ chúng ta hay dùng con mắt đối đãi để phân tích, xem xét những hiện tượng kia, nên mới có sự phân biệt như vậy. Trong khi đó Bồ Tát nhìn tất cả sự vật do tâm thức khởi lên, trước sau đều không có sự đối đãi, rỗng không, và tư tưởng Trung Đạo này không bị ảnh hưởng bởi thời gian hay không gian, nên gọi là không sanh mà cũng chẳng phải diệt.

Bất đoạn bất thường nghĩa là thế nào? Nó giống như ngọn lửa hồng, tựa như làn gió thổi. Mọi sự vật, mọi hiện tượng trên thế gian này cũng như thế mà thôi. Lửa từ đâu có? Gió từ đâu bay lại đây? Tất cả đều từ không mà có, rồi từ có lại hoàn không. Cho nên ta nói rằng: Không còn mà chẳng mất là vậy. Giống như ngọn lửa hồng, rõ ràng là ta thấy đó, nhưng khi củi hết rồi thì lửa lại tắt đi và khi có củi và nhân duyên cọ xát giữa các thân cây vào nhau hay do con người là tác nhân mang lửa đến, thì lửa sẽ hiện hữu. Rồi lửa sẽ ra đi. Gió cũng vậy. Ta chẳng biết gió đến từ đâu, nhưng khi nhìn hàng cây bị lay động, chúng ta biết rằng gió đã đến. Rồi trong nháy mắt hay một vài giờ đồng hồ, gió lại đổi chiều đi hướng khác. Từ đó ta thấy được rằng: Mây, nước, vạn vật vô hình, hữu hình cũng giống như vậy thôi.

Bất nhất bất dị là như thế nào? Đến đây mới thấy rằng: Tinh thần Trung Đạo mới là tinh thần của Bát Nhã. Đó là: Không phải một mà cũng chẳng phải khác. Trung Đạo không phải là trái hay

phải, mà vượt lên khỏi sự đối đãi của có và không; còn và mất, trái và phải. Đây là con đường không theo chủ nghĩa cực đoan nào cả, mà phải giống như những dây đàn, người nghệ sĩ phải nâng bậc làm sao để dây đàn khảy lên thành tiếng thánh thời, không nhạt không khoan; không cao không thấp. Ấy là Trung Đạo.

Bất lai bất khứ, thế nào là không đến không đi? Trước khi một hiện tượng, một vật thể hiện hữu ở đời này có mặt thì điều ấy có nghĩa là vật ấy không phải vì ta đến mà nó mới đến và khi ta đi nó sẽ đi theo. Không và nhất thiết là không. Bởi ta có đến hay có đi, việc ấy chẳng ảnh hưởng gì với không gian vô cùng và thời gian vô tận này cả. Sự hiện hữu của ta hay một thế giới nào đó cũng chẳng quan trọng gì cả. Ta chỉ là một vi trần nhỏ tí teo trôi lăn trong vòng sanh tử và chỉ gá mặt với đời, ở đây một thời gian ngắn thôi, rồi chúng ta lại hóa thân vào cõi vô tung của dòng đời vô định ấy. Nên gọi là không đến mà chẳng đi.

Đức Phật bảo Ngài A Nan hãy đến trước tấm kiếng để nhìn vào đó. Ngài A Nan vâng lời làm theo và Đức Phật hỏi rằng: Ai trong tấm kiếng ấy? Ngài A Nan trả lời rằng: Đó là hình ảnh của con. Bạch Thế Tôn. Đức Phật bảo Ngài A Nan hãy tránh tấm kiếng ấy đi và lúc bấy giờ Đức Phật lại hỏi rằng: A Nan đâu rồi? Ngài A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, khi con rời khỏi tấm kiếng thì hình con không còn nữa. Vậy thì ai trong tấm kiếng ấy? Đó là con mà cũng chẳng phải là con. Vì nếu không có sự phản chiếu của tấm kiếng kia, thì con không có mặt nơi đây.

Qua câu chuyện đối đáp, thưa trình của Ngài A Nan bên trên chúng ta đều thấy được rằng: Không có cái gì trên thế gian này là cố định cả. Cái này sanh nên cái khác sanh. Cái này diệt nên cái

khác diệt. Tất cả chỉ là vấn đề tương tác mà thôi. Vậy nên ta không là gì cả. Vì ta không có chủ thể. Nếu ai trong chúng ta hiểu rõ được tinh thần này, tức là hiểu được Phật Pháp và hiểu được một phần nào của tinh thần Bát Nhã hay Bát Bất Trung Đạo của Ngài Long Thọ là gì rồi.

Tinh thần tánh không này rất thích hợp với Phật giáo Đại Thừa và đặc biệt là Phật giáo Tây Tạng. Do vậy những sinh viên Tăng Ni Tây Tạng phải học tập, nghiên cứu, tu trì qua 22 năm như thế mới có thể lấy được bằng Geshe (Tiến Sĩ Phật Học) và sở dĩ Phật giáo Tây Tạng ngày hôm nay được người Tây Phương ngưỡng mộ là do tinh thần Bát Nhã này. Trong khi người Tây Phương chỉ có các loại triết học như: Nhứt nguyên luận, Nhị nguyên luận, Tam đoạn luận hay Nhất thần giáo, Đa thần giáo v.v... thì Phật giáo đã có Bát Nhã và có siêu thần từ thuở nào rồi. Đây là lý do để Phật giáo Đại Thừa và Kim Cang Thừa có nhiều cơ hội để phát triển tại các châu: Âu, Mỹ, Úc và Phi như ngày hôm nay.

27. Kinh Đại Bi

*dịch từ Hán văn ra Việt và Đức ngữ,
xuất bản năm 2001 tại Đức.*

Đây là lần đầu tiên tôi dịch chữ Hán ra Việt ngữ và Thầy Hạnh Tấn cùng Thầy Hạnh Giới dịch từ Việt ngữ ra Đức ngữ, trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshu Daizokyo). Đại Chánh Tạng được thực hiện từ thời Thiên Hoàng Đại Chánh của Nhật Bản vào đầu thế kỷ thứ 20, sau khi các học giả Nhật Bản đã tổng hợp các Tạng của Trung Hoa (như Càn Long

Đại Tạng) hay Đại Tạng của Đại Hàn (*Đại Tạng của chùa Hải Ấn*). Thiên hoàng Đại Chánh là con của Minh Trị Thiên hoàng, người có công duy tân nước Nhật Bản vào năm 1868. Thiên hoàng Đại Chánh là thân phụ của Thiên hoàng Showa, Thiên hoàng Showa là thân phụ của Thiên hoàng Heisei và Thiên hoàng Heisei chính là thân phụ của Thiên hoàng Reika (Lệnh Hòa) trong hiện tại. Mặc dầu Nhật Bản theo Thần Đạo, nhưng Phật giáo có nhiều lần trong lịch sử đã là quốc giáo, giống như trường hợp Việt Nam của chúng ta. Tổng cộng Đại Chánh Tạng có 100 quyển, mỗi quyển dày độ 1.000 trang trở lên và mỗi trang chia ra làm 3 cột: thượng, trung và hạ. Nếu dịch ra từ một quyển chữ Hán này, phải in đến 4 quyển chữ Việt và mỗi quyển cũng từ 1.000 trang như vậy.

Cố Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, người chủ trương dịch Đại Chánh Tạng này ra Việt ngữ và gọi là Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh. Bắt đầu từ năm 1994, đến năm 2014 đã in được 187 tập, còn 15 tập nữa sẽ in nay mai tại Đài Loan để trở thành một Tạng Kinh Việt Nam đầy đủ nhất trong 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam; nhưng cũng chưa phải là Tạng tiêu biểu, vì còn phải hiệu đính lại nhiều chỗ khi dịch ra Việt văn vẫn còn tối nghĩa.

Đa phần trong các chùa chúng ta thường hay trì tụng Thần Chú Đại Bi cho mỗi thời kinh khi bắt đầu, nhưng Kinh Đại Bi đây là kinh, chứ không phải Thần chú. Do vậy tôi dịch ra Việt ngữ cũng không bị trở ngại mấy. Nội dung kinh nói về những chuyện tiền thân của Đức Phật, vì lòng từ hiện thân ra nhiều hình thức để cứu độ chúng sanh; trong đó có nhiều mẫu chuyện, nhưng tôi chỉ xin nêu ra một vài chuyện tiêu biểu mà thôi.

Chuyện đầu kể rằng: Có một nhóm ngư dân dong thuyền lớn ra biển để đánh cá, chẳng may bị sóng to gió lớn uy hiếp thuyền kia. Trong khi những thủy thủ chưa biết đối phó như thế nào thì một con cá thật lớn tên là Ma Kiệt há miệng thật lớn ra nuốt chửng chiếc thuyền vào bụng; trong đó có cả 500 ngư dân và thủy thủ đoàn. Khi lọt hẳn vào trong bụng cá rồi, mọi người chẳng biết tính sao, vì ai ra đi làm ăn cũng bỏ lại vợ con trên đất liền. Có người rên la cầu cứu, khóc lóc thảm thương; có người đập đầu vào bụng cá để xin cứu vớt. Bỗng đâu trong bọn họ có một người chỉ la lên: Nam Mô Phật! Nhiều lần như thế, bỗngưng con cá Ma Kiệt mở miệng ra và chiếc thuyền kia cùng 500 thủy thủ và ngư dân được thoát nạn. Qua câu chuyện này chúng ta thấy được gì? Đó là sự thâm cảm của chúng sanh đối với câu Phật hiệu. Mặc dầu bị đầu thai xuống làm thân cá, nhưng khi nghe được tiếng niệm Phật, cá ấy liền mở miệng ra. Như vậy việc tu nhân tích đức trong đời này và đời kia sẽ là cái nhân để con người có thể trở về con đường thiện.

Một câu chuyện thứ 2 được kể rằng: Vào thời Đức Phật còn tại thế có một lão ăn mày tìm cách đến Kỳ Viên Tịnh Xá để gặp Phật và xin xuất gia, nhưng chẳng may hôm đó Phật đi hóa duyên xa, ở Tịnh Xá Kỳ Viên chỉ còn lại Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Mục Kiền Liên, lúc ấy ông lão ăn mày này xin hai Ngài được xuất gia một ngày thôi. Cả hai Ngài, một là bậc trí tuệ đệ nhất trong Tăng đoàn, một là Thần Thông đệ nhất, nhưng khi quán về nhân duyên để cho ông lão này xuất gia thì hai Ngài đều không thấy được gì cả. Hai Ngài quán sâu tận 80 kiếp (mỗi kiếp (Kalpa) như vậy độ 7 triệu năm) về trước, rõ ràng là ông lão ăn mày này chẳng có nhân duyên gì với Phật đạo, nên hai Ngài quyết định không cho

ông lão nầy xuất gia và cuối cùng ông lão ăn mày đành lui thủ đi xin ăn tiếp.

Ông ta không nản chí, ngày hôm sau đến Tịnh xá Kỳ Viên một lần nữa, lúc ấy ông ta được diện kiến Đức Phật và Phật nghe nguyện vọng của ông chỉ muốn xuất gia làm Tăng sĩ một ngày, thì Đức Phật đã thuận cho. Ngày hôm sau nữa cả hai Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên lên hầu Phật thì thấy rõ ràng là ông lão ăn mày hôm trước đã xin hai Ngài, nhưng hai vị đã từ chối vậy lý do gì mà ông lão nầy được xuất gia. Do vậy hai Ngài Tôn Giả mới bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con quán nhân duyên của ông lão nầy cho đến 80 kiếp về trước, ông ta chẳng hề có duyên gì với Phật Pháp, do vậy chúng con không cho ông ta xuất gia. Nay kính xin Ngài giải thích cho chúng con rõ là vì sao ông lão nầy được duyên ấy?

- Đức Phật trả lời rằng: Đúng vậy! Cho đến 80 kiếp về trước thì không, nhưng xa hơn 80 kiếp về trước nữa ta quán thấy ông lão nầy là một tiểu phu vào rừng đốn củi. Lúc bị cọp vây khốn, ông ta vội trèo lên cây và niệm Nam Mô Phật, sau đó được cọp tha cho mạng sống và chính nhân duyên nầy nên ta cho ông xuất gia chỉ một ngày một đêm thôi. Đó là lý do vậy.

Một câu chuyện khác cũng được đề cập đến như sau: Ở trong rừng núi nọ có 500 vị Tỳ Kheo đang tu hạnh đầu đà và mỗi ngày thường hay xuống đồng bằng để đi khát thực, sau khi về lại chốn rừng núi, các Ngài hành thiền và tụng kinh. Chung quanh nơi ở của quý Ngài cũng có một bầy khi nhiều con, do con lớn hướng dẫn đoàn, khi chúng thấy quý vị Tỳ Kheo làm gì thì chúng đều bắt

chước y theo như vậy. Một hôm quý Ngài xuống núi và lấy gạch, đá, vôi xây tháp cúng dường chư Phật và chư vị A La Hán. Những con khi nầy thấy quý Ngài xây tháp, chúng cũng bắt chước bằng cách là xuống bờ sông gần đó lấy cát để vun thành những ụ lớn, giống như những ngọn tháp mà các Tỳ Kheo đang xây lên. Bỗng một hôm trời đất mịt mù qua cơn cuồng phong không biết từ đâu thổi đến, khiến cho những tòa tháp xây bằng cát bị ảnh hưởng bay tứ tung. Chúng không nản chí, lấy cát xây lại sau khi gió không còn nữa. Tiếp đến mưa to và nước dâng cao lên, đầu tiên là những ụ cát mà những con khi nầy xây lên thành tháp đã bị cuốn trôi theo dòng nước lũ. Số phận của chúng cũng bị cuốn theo làn nước và cuối cùng chúng bị chết hết. Nhưng nhờ vào thiện nghiệp lúc lâm chung, nên chúng được sanh về cõi chư Thiên. Vì trong lúc xây dựng như vậy, những con khi nầy chỉ một mực làm theo chư Tăng, nên Trung âm thân của chúng lúc ấy chỉ nghĩ đến các tháp bị cuốn trôi, chứ không bị những ác nghiệp khác chi phối. Nhờ đó mà chúng sanh về thế giới cao hơn thế giới loài người.

Thông thường ai đã được sanh về cõi chư Thiên thì thường hay nhớ về kiếp quá khứ của mình. Một hôm chư Thiên từ loài khi thác sanh đã xem lại hành trình đầu thai của mình và biết rằng chính mình là những con khi bị nước lũ cuốn trôi trong khi xây tháp để cúng dường chư Phật và chư vị Bồ Tát. Từ đó chúng siêng năng tu tập hơn và có con thì trở lại cõi nầy để cúng dường các vị Tỳ Kheo và hộ trì chánh pháp.

Những mẩu chuyện như thế nhắc nhở cho chúng ta thấy được rằng dầu cho loại súc sanh hay kẻ ăn xin đi chăng nữa, nhưng đã có duyên lành với Phật Pháp thì trước sau cũng sẽ được chư Thiên chư Phật gìn giữ và hộ trì. Ở đây chúng ta đã được nhân duyên

làm người trong kiếp này, nếu chúng ta tu hành tinh tấn chắc chắn rằng quả vị giải thoát sanh tử sẽ gần kề.

28. Phật thuyết hành phương tiện cảnh giới thần thông biến hóa

*Kinh dịch từ Hán văn ra Việt ngữ,
xuất bản năm 2001 tại Đức.*

Thông thường trong những mùa An cư Kiết hạ 3 tháng từ sau Rằm tháng 4 đến Rằm tháng 7 âm lịch mỗi năm, bản thân lo trau dồi giới thân huệ mạng bằng cách dịch kinh, viết sách hay lễ bái kinh văn để sám hối tội lỗi của mình từ trong vô lượng kiếp. Nhờ vậy mà cảm thấy thân tâm được nhẹ nhàng, có như thể trong cùng một thời gian tôi làm được nhiều công việc khác nhau như viết lách và dịch thuật v.v...

Trong mỗi năm tôi thường viết hay dịch từ 1 đến 2 tác phẩm và những kinh văn này tôi hay dịch cho các học viên theo học khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu đó đây vào thời điểm mùa hè, khi học sinh nghỉ học. Kinh này chưa in thành sách, thành tập thì đúng hơn. Những tập sách này được in tại Chùa Viên Giác và cứ mỗi lần có khóa Tu học Phật Pháp như thế, trong giờ giảng của tôi, thì đây giống như sách giáo khoa, tôi cho phát ra và tặng luôn cho Phật tử sau khi khóa tu học xong, có thể mang về nhà để làm kỷ niệm. Mỗi lần in như vậy cả 1.000 cuốn; nhưng sau một thời gian 5 hay 3 năm kiểm lại chẳng thấy còn một cuốn nào cả. Do lý do này nên bây giờ tôi chọn ra hai phương pháp để lưu

trữ; ngoài phương pháp lưu giữ tại Thư viện của Chùa Viên Giác ở Hannover.

Cách thứ nhất tìm lại các bản kinh sách của tôi viết hay dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác đánh máy lại và cho đưa lên trang nhà Viengiac.info; nơi đây ai cũng có thể tìm tài liệu để tải xuống và đọc được, đỡ mất công đi tìm kiếm đó đây.

Cách thứ hai khi thấy nhiều người đọc và không cần xuất bản mỗi lần một đến hai ngàn cuốn như thuở xưa, tôi cho đưa lên Amazon, rất tiện lợi. Quý vị nào ở xa trên thế giới, muốn đặt sách trên Amazon, được xem như là một thư viện toàn cầu thì vào đó bấm chữ Author Thích Như Điển thì những sách viết có tên tôi sẽ hiện ra và quý độc giả tùy chọn, đặt sách ấy, hoặc bấm vào: Viên Giác tùng thư quý vị cũng sẽ thấy được tiêu đề sách sách hiện ra và xin tự chọn cuốn nào mình muốn đọc thì đặt sách.

Ngày nay Amazon có 3 nơi in sách và gởi đi rất tiện lợi, dầu cho quý vị đặt một hay nhiều cuốn. Đó là ở Úc, Anh và Hoa Kỳ. Nếu quý vị nào đang cư trú tại 3 nước này thì đặt sách rất nhanh, nếu không là vậy thì chỉ cần chờ thêm một vài ngày sau, sách sẽ được giao đến tận nhà mình.

Quyển kinh này tôi cũng dịch từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán, dịch sang Việt ngữ và nội dung của kinh nói về những phương tiện và những hóa thân của chư Phật cùng chư vị Bồ Tát qua sự biến hóa của thân thông.

Các vị A La Hán và các vị Bồ Tát có thân thông, nhưng các Ngài ít sử dụng đến, trừ khi tối cần thiết, nhưng thân thông ấy từ đâu đến? Đó là do sự tu tập và chuyển đổi thức thành trí. Vì

dụ như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta, nếu chúng ta tu trì nghiêm mật, ngũ uẩn hay ngũ ấm này sẽ chuyển thành Thành sở tác trí.

Ý thức, tức là thức thứ 6 sẽ biến thành Bình đẳng tánh trí. Thức thứ 7 là Mạt Na thức hay còn gọi là thức chấp ngã, chấp thủ sẽ biến thành Diệu quan sát trí và thức thứ 8 A Lại Da Thức (cũng còn có nghĩa là: năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng) cũng còn gọi là Tâm Vương và khi tu hành đúng đắn tâm này và thức này sẽ biến thành Đại Viên Cảnh Trí, thần thông diệu dụng, biến hóa vô lường.

Chúng sanh như chúng ta chỉ có nhục thân, được cấu tạo bởi đất, nước, gió, lửa; những vị A La Hán, các vị Bồ Tát, chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai cũng vậy. Các Ngài đều phát xuất từ nhục thân; nhưng sau khi tu hành chứng ngộ, thân thể của quý Ngài sẽ biến thành Pháp Thân hay hóa thân hoặc ứng hóa thân. Do vậy thần thông không phải tự nhiên là có, mà do sự khổ công tu luyện của đời này và đời khác, những chủng tử thiện cấu thành những diệu dụng như thế.

Có lần một vị Bà La Môn hỏi Đức Phật rằng:

- Ngài phải hành trì bao nhiêu lâu để đi 2 chân không chạm trên mặt nước?

Đức Phật từ tốn hỏi lại vị Bà La Môn kia rằng:

- Vậy nhà người tu tốn bao nhiêu năm?

- 30 năm là ít nhất. Vị Bà La Môn ấy trả lời.

- Riêng ta, ta chỉ cần trả 3 xu là có thể lên thuyền và người lái đò sẽ chở qua sông, hai chân ta cũng sẽ không bị dính nước.

- Người Bà La Môn ngần ngại với câu trả lời ngắn gọn của Đức Phật, nhưng đó là một sự thực dụng, không cần dùng đến thần thông.

29. Bhutan có gì lạ?

Viết ngữ, xuất bản tại Đức năm 2001.

*Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2020
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Quyển sách này viết về chuyến viếng thăm đất nước đặc biệt của phái đoàn 19 người đến từ Đức, để đáp lễ qua lời mời của Hoàng Gia và Quốc Hội Bhutan và đây là nguyên nhân dẫn đến sự kiện đặc biệt này.

Vào năm 2000 thành phố Hannover tổ chức một Hội Chợ Thế Giới rất quy mô; gọi là EXPO 2000 Hannover. Có gần 200 quốc gia trên thế giới tham dự, trong đó có Bhutan. Chính phủ Bhutan là một nước lấy Phật giáo làm Quốc giáo, nên chùa chiền, Tăng sĩ và giáo lý của Đạo Phật là điểm nhấn cho cơ hội này. Họ thiết kế một ngôi chùa Bhutan truyền thống bằng gỗ chuyên chở từ Bhutan sang Hannover để dựng nên một ngôi chùa thực thụ trong Messegelände cách xa chùa Viên Giác chừng 10 phút đi bộ. Đây là cơ duyên để chúng tôi có sự liên hệ với chính phủ Bhutan.

Một ngôi chùa đã được thi công hoàn thành tại Bhutan, khi gửi qua Đức phải cần có những người thợ chuyên môn từ Bhutan

qua lắp ráp lại. Thời gian lắp ráp từ 3 đến 6 tháng với 30 người thợ như thế; nhưng họ không có chỗ ở nhất định và chính tôi là người đề nghị với chính phủ Bhutan rằng: Chùa Viên Giác tại Hannover nằm gần khu Expo có thể cứu mang cho 30 người thợ Bhutan cả chỗ nghỉ lại và ăn uống, không cần phải lo nữa và đặc biệt là chùa sẽ không lấy lệ phí ăn ở này. Nghe được như vậy Bộ Ngoại Giao Bhutan đồng ý ngay và rất vui mừng về việc này.

Tháng 7 năm 2000 Hoàng Hậu Wangchuck của Bhutan (bây giờ là Hoàng Thái Hậu) sang thăm Hannover và ghé thăm Chùa Bhutan trong khu triển lãm Expo; nhân cơ hội đó Hoàng Hậu và phái đoàn Hoàng gia cũng muốn ghé thăm Chùa Viên Giác cũng như đánh lễ Phật, nhưng thời điểm ấy đúng vào lúc khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu tổ chức tại Amiens, Pháp quốc. Chương trình giảng của tôi tại khóa học đã lên lịch. Do vậy tôi nhờ Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát viết văn thư bằng tiếng Anh từ chối khéo là tôi đã có chương trình trước rồi, nên ngày hôm đó không có mặt tại Hannover. Trên thực tế thì nghi lễ đón tiếp một bậc Hoàng Hậu mẫu nghi của thiên hạ xứ Bhutan nó không đơn giản như những người bình thường, mình cần phải có thời gian để chuẩn bị. Đây là những lý do chính để từ chối vậy.

Hoàng Hậu gọi lại cho Thầy Hạnh Hảo mang về chùa những quà tặng cho tôi và chùa Viên Giác như sau:

- 1 kệ thiêu hương cúng Phật
- 1 ghế trầm hương ngồi giảng pháp
- 1 tấm thảm của Hoàng gia dệt tay
- 1 tấm thảm của Quốc Hội dệt tay

Hiện những vật này tôi vẫn còn giữ lại trong thư viện và phòng mình để làm lưu niệm.

Kế tiếp chúng tôi nhận được một thư mời từ Quốc Hội Bhutan cho 19 người trong vòng 2 tuần lễ, di chuyển đi, về tự lo; nhưng di chuyển và ăn ở suốt thời gian ở Bhutan cho 19 người chính quyền Bhutan đảm nhận. Đây là một sự trả ơn và cũng là sự ngoại giao của một chính phủ.

Chúng tôi cung cấp danh tánh của 19 vị trong đoàn; trong đó có Thầy Hạnh Hảo, Thầy Hạnh Định, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Tâm, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Phước, Thượng Tọa Thích Thông Trí, Mẹ con cô Diệu Đông và một số Phật tử khác như Thiện Bảo, ông Moto Harata cùng vài người Đức tháp tùng trong chuyến đi đầy ý nghĩa này.

Đến phi trường Thimpu, nơi Thủ đô của Bhutan, phái đoàn chúng tôi khỏi cần xin Visa trước đó, mà ở đây Đại diện Bộ Ngoại Giao đã ra tận cổng chính đón vào phòng VIP bằng thảm đỏ, ngồi chờ chừng 30 phút; họ cho đoàn biết là cứ lên xe về khách sạn và tất cả hành lý sẽ được chở về đó. Chúng tôi an tâm theo xe của Bộ Ngoại Giao lên đường hướng về thủ đô Thimpu. Đây là lần đầu tiên của tôi và phái đoàn đặt chân đến xứ sở đặc biệt này, nên ai cũng vui.

Chương trình trong 2 tuần lễ tại Bhutan họ xếp đặt hết. Ví dụ như ngày giờ nào Hoàng Hậu tiếp phái đoàn. Ngày giờ nào Bộ Ngoại Giao chiêu đãi. Ngày giờ nào đi thăm viếng ở đâu và khi nào thì xem bản tên truyền thống cũng như xem những vở kịch truyền thống của họ. Điều đặc biệt là vị Vua Wangchuck này lấy 4 chị em ruột làm Chánh cung Hoàng hậu và những vị còn lại cũng

là Phi tần của Vua và hôm đó Chánh cung Hoàng hậu tiếp phái đoàn chúng tôi một cách rất lịch sự, thân thiện cũng như tử tế với mọi người. Chụp hình lưu niệm chung và tặng quà là những hình thức xã giao cho lần đi này.

Ngày về chúng tôi mua vài đồ kỷ niệm của xứ sở trên rặng Hymalaya này đem về làm quà cho những người còn lại tại Đức. Tuy nhiên chúng tôi đang gặp sự cố là chiếc máy bay duy nhất Bhutan Air nghe đâu tối hôm trước đó khi máy bay vào sân để đậu lại, người hướng dẫn lơ đễnh sao đó; nên một trong hai cánh của máy bay bị va chạm nhẹ, cần phải tu bổ lại trước khi bay tiếp. Tuy nhiên những vật liệu và nhân viên đến tu bổ phải đặt từ Singapore. Thế là đoàn của chúng tôi phải chờ trong vô vọng. Ngày nào chúng tôi cũng hỏi tin tức bao giờ đồ phụ tùng đến và khi nào thì được bay đi Ấn Độ? Ai cũng nóng lòng. Vì lẽ chương trình đi Bhutan, về lại Đức có nhiều chương trình khác nữa; nhưng cơ sự như thế này chẳng biết làm sao đây?

Cuối cùng rồi chiếc máy bay Bhutan Air ấy cũng đã được sửa xong sau 3 ngày chờ đợi. Trong những ngày lưu lại đó, tất cả chúng tôi đều được tiếp đãi rất tử tế tại khách sạn gần phi trường cho cả việc ăn uống cũng như ở lại tại đó. Thật là hạnh phúc vô cùng, chúng tôi phải biết ơn Chính phủ và Hoàng Gia Bhutan cho chuyến đi có tính cách lịch sử này.

Nước Bhutan có nhiều điều rất lạ. Lạ hơn những nước khác trên thế giới rất nhiều. Ví dụ như nước này chỉ có một phi trường, một phi đạo và một chiếc máy bay duy nhất bay đi Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện và Thái Lan. Ai đến nước này phải biết tôn trọng cây cỏ, núi rừng v.v... Nếu ai đó đốn một cây vô cớ hay câu một

con cá, phải bị phạt 50 đô-la Mỹ. Khi vào Bhutan không phải ai cũng xin vào được, mà phải có giấy mời của Chính phủ mới được vào và mỗi ngày mỗi người được vào Bhutan đó phải đóng góp vào quỹ du lịch 200 USD. Điều này các nước khác đều không chủ trương như vậy, nhưng bây giờ sau 20 năm như thế chắc chắn đã thay đổi nhiều rồi và quý vị nào muốn đến thăm quốc gia này, thì cũng nên một lần đặt chân đến đó vậy.

30. Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì

*Dịch từ Hán văn ra Việt ngữ,
xuất bản tại Đức năm 2002, thuộc Kinh văn số 299.*

Kinh này được dịch từ chữ Hán sang Việt ngữ trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 10 thuộc Hoa Nghiêm bộ và là Kinh Văn số 299. Đúng ra phải thêm phía sau cho đủ ý là: Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì Bảo Quang Minh.

Nhân khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 14 do Thượng Tọa Thích Phước Huệ, Trụ Trì chùa Từ Đàm tại Birmingham Anh Quốc đứng ra cùng với quý Phật tử khắp nơi tại Anh Quốc tổ chức, nhằm Phật lịch năm 2546, Dương lịch 2002. Đây là lần đầu tiên trong 32 khóa mà nước Anh đứng ra lãnh nhiệm vụ tổ chức này và chưa chắc có lần thứ 2. Bởi lẽ vật giá tại Anh rất đắt đỏ, mà mỗi lần Phật tử Việt Nam vào Anh quốc có nhiều sự khó khăn như phải xin Visa, nếu chưa phải là những người có quốc tịch Âu, Mỹ, Úc. Ngoài ra vấn đề sinh hoạt phí cao gấp đôi, mà học viên phải đóng so với các nước khác ở Âu Châu. Ngoài ra còn tiền vé máy bay đi về nữa. Do vậy mà việc tổ chức tại Anh lần thứ hai

không phải là việc dễ dàng; nhưng hy vọng sẽ có một phép màu nào đó đến về sau này. Ví dụ như khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu được tổ chức tại một chùa nào đó có đầy đủ phương tiện cho 400 đến 600 người ăn, ở lại và chỗ học cho 10 ngày như thế, thì mới có thể lên chương trình tổ chức được. Khi còn sanh tiền cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm chỉ mong tổ chức thêm 2 nước nữa để Phật Pháp càng ngày càng lan tỏa xa ra. Đó là Ái Nhĩ Lan và Nga. Trường hợp nước Nga thì không biết bao giờ mới thực hiện được, nhưng Ái Nhĩ Lan hy vọng nay mai cũng có thể thực hiện. Lý do là sau khi Hòa Thượng Thích Minh Tâm viên tịch từ năm 2013, Thượng Tọa Thích Phước Huệ đã qua lại Ái Nhĩ Lan nhiều lần và nay thì đã tạo mãi được một cơ sở tương đối rộng, đặt tên là chùa Minh Tâm để nhớ ơn người đặt nền móng đầu tiên tại Ái Nhĩ Lan, trước khi Sư Bà Thích Nữ Thanh Hà đến đó. Nay thì Sư Bà đã sang định cư tại Hoa Kỳ; nên chỉ có một mình Thượng Tọa Phước Huệ hoạt động tại đây và hy vọng sẽ có một ngày khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu sẽ được tổ chức tại Ái Nhĩ Lan.

Nhân cơ hội khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 14, Chùa Viên Giác tại Hannover và Trung Tâm Văn Hóa Phật giáo Việt Nam in ấn 1.000 bản kinh này để tặng đến các Phật tử tham dự suốt trong 10 ngày và đồng thời đây cũng là tài liệu để tôi giảng dạy cho lớp chuyên khóa học Phật của quý Phật tử.

Kinh này được dịch từ quyển thứ 10 của Đại Chánh Tạng từ trang 884 đến trang 905 gồm 5 quyển, do Ngài Tam Tạng Tứ Tử Sa Môn Thần Pháp Thiên phụng chiếu dịch (thuộc Nhà Triệu Tống) từ chữ Phạn sang Hán văn. Ngài là người Ấn Độ, thuộc xứ Ma Kiệt Đà và chùa Na Lan Đà đã biên dịch kinh này; và tôi Sa Môn Thích Như Điển, Trụ Trì Chùa Viên Giác tại Hannover Đức

Quốc, dưới đời Thủ Tướng Schröder, nhân mùa An cư Kiết hạ năm 2545 dịch từ chữ Hán sang Việt ngữ từ ngày 14 tháng 8 năm 2001 nhằm ngày 25 tháng 6 năm Tân Tỵ.

Kinh này đa phần dùng kệ để diễn tả; nên học viên học Pháp, dễ thâm nhận hơn Ví dụ một đoạn sau cùng của quyển thứ 5 như sau:

Tin được kinh này thật là khó
 Mười cỡi vi trần với Như Lai
 Mỗi mỗi kiếp qua trước mặt ở
 Nếu trong pháp ấy giữ đọc tụng
 Lại hơn công đức Khả Dữu Đa
 Tất hay hàng phục cung Ma Vương
 Dẫn đường vô tội tức an ổn
 Nếu trong mười phương chúa Sư Tử
 Ở trong miệng ấy hiện ra cả
 Trong tay an ổn trên đầu cũng
 Vô biên công đức phổ kiết tường
 Tất cả Như Lai trong miệng ra
 Như Lai dùng tay xoa đỉnh đầu
 Giải thoát pháp môn nói pháp lành
 Các người nên nói rộng pháp này
 Đừng cho pháp này bị đoạn tuyệt
 Thế Tôn Phật nói điều ấy rồi

Xong xuôi yên lặng mà ở đó.

Lúc ấy Ngài Tôn Giả A Nan liền đi nhiều quanh Phật 3 vòng và thưa rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn: Con nay đang thọ trì chánh pháp này và luôn làm cho đừng mất đi.

Sau khi Phật nói kinh này xong, tất cả Thánh chúng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Diệu Cát Tường Đồng Tử, Tôn Giả Xá Lợi Phất v.v.. Chư Đại Thanh Văn, Trời, Người, A Tu La, Càn Thát Bà v.v... nghe Phật nói rồi, tất cả đều hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.

Lời cuối cùng nơi kinh văn này của dịch giả, tôi có ghi chú rằng: Dịch xong vào ngày Rằm tháng Bảy năm Tân Tỵ. Phật lịch 2545, Hannover ngày 2 tháng 9 năm 2001. Đây là tác phẩm thứ 33 của tác giả kể từ năm 1974 đến nay.

Phần chữ Hán chỉ có 21 trang, mỗi trang gồm 3 cột, gồm thượng, trung, hạ; nhưng khi dịch và in thành sách tiếng Việt khổ A4, lên đến 102 trang. Như vậy cứ một trang chữ Hán dịch và in thành khổ A4 tiếng Việt là 5 trang chữ lớn. Tôi cần thời gian từ ngày 14 tháng 8 năm 2001 đến ngày 2 tháng 9 cùng năm; tổng cộng là 15 ngày để hoàn thành bản kinh này.

Đây mới chỉ là bản cáo của tôi dịch và dĩ nhiên sau này còn nhiều bản dịch khác của Đại Tạng Kinh Việt Nam, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh và Đại Tạng Kinh của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời dịch và chú giải nữa. Khi người nghiên cứu đọc tụng và giới thiệu, trích dẫn v.v... người học Phật có lợi điểm là có thể so sánh từ nhiều nguồn như thế và cuối cùng người nghiên cứu sẽ đứng trên một thái độ trung dung để đối chiếu và

nhận xét cách dịch của từng dịch giả và sau đó đưa ra nhận xét của chính mình.

Ngày xưa khi chưa có ai dịch, tôi hay dịch từng phần kinh văn nhỏ như vậy để hướng dẫn quý Phật tử tu học. Sau này có nhiều bản kinh đã được dịch ra Việt ngữ rồi, tôi không cần phải dịch thêm nữa. Tôi chỉ chú mục dịch hết quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh mà thôi. Trong này những phần Đại Trí Độ Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận đã có hai chữ Tôn Đức dịch rồi thì tôi không phải dịch lại nữa. Riêng quyển thứ 32 này nếu tính ra phần dịch Việt ngữ của tôi cũng đã lên đến hơn 4.000 trang đánh máy và cũng cần có thời gian để giáo chánh lại những kinh văn đã dịch cho hoàn hảo hơn.

31. Cảm tạ nước Đức

Việt và Đức ngữ, xuất bản năm 2002 tại Hannover, Đức quốc.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2019

trên mạng toàn cầu Amazon.

Tại sao tôi lại viết tác phẩm này. Lý do đơn giản chỉ vì chính tôi đã ăn nhờ ở đậu tại xứ Đức từ năm 1977 đến năm 2002 cũng đã trên 20 năm như vậy. Trong hơn 20 năm ấy cá nhân chúng tôi nói riêng và Chùa Viên Giác tại Hannover cũng như cộng đồng người Việt Nam tỵ nạn tại Đức nói chung, đã đón nhận không biết bao nhiêu là sự giúp đỡ từ vật chất đến tinh thần suốt trong một thời gian dài của chính phủ cũng như dân tộc Đức như thế, nên tôi cảm thấy có bốn phận phải nói lên hai tiếng cảm ơn đối với nước Đức.

Ngày 24 tháng 4 năm 1977 khi tôi đặt chân đến phi trường Hamburg từ Nhật Bản, lúc ấy tôi vẫn chưa có ý niệm là xin tỵ nạn và ở lại lâu dài tại xứ Đức. Thế mà nhân duyên, là sự đưa đẩy tình cờ hay cố ý, khiến tôi đã lưu lại Đức từ đó đến nay cũng đã gần 45 năm rồi (2022-1977). Sau đây là những nguyên nhân để tôi ở lại Đức.

Nguyên nhân đầu tiên là việc sưởi lạnh vào đông. Trong những năm ở tại Nhật Bản để tu học tại chùa Honryuji thuộc thành phố Hachioji, ngoại ô của Tokyo từ năm 1973-1977; trước đó 1 năm thì tôi ở trọ nhà ngoài để đi học Nhật ngữ, chưa bao giờ tôi thấy được sưởi ấm toàn thân vào mùa đông, mà người Nhật đa phần chỉ dùng cái bàn gọi là Kotakt, phía trên làm bàn ăn, phía dưới có đèn Néon để sưởi. Nhiều lắm là chỉ có thể sưởi 2 bàn chân và 2 bàn tay khi bị lạnh cóng, ngoài ra toàn thân phải tự mặc đồ cho ấm, chứ không có sưởi khắp người. Khi sang Đức tôi thấy cả Cư xá Sinh viên đều sưởi ấm từ tầng trên cùng cho đến tầng dưới; từ trong ra ngoài, nơi đâu cũng được ấm áp, không sợ bị lạnh, mặc dầu ở bên ngoài nhiệt độ nhiều khi dưới 0°C và bên trong Cư xá Sinh viên vẫn có độ nóng từ 18 – 22°C.

Lý do thứ hai mà tôi chấp nhận ở lại Đức một cách dễ dàng, vì thuở ấy các Sinh viên Việt Nam du học tại Đức trước năm 1975, ai ai hầu như cũng đã có được 1 Passport tỵ nạn chính trị cầm trên tay, dựa theo Convension năm 1951 được ký kết tại Wien, Áo quốc, để giúp cho những người không thích sống dưới chế độ cộng sản Đông Âu, có cơ hội định cư tại các nước Tây Âu, trong khi đó ở Nhật, cho đến khi tôi sang Đức với Visa du lịch, Sứ quán Đức tại Tokyo cũng đóng dấu lên Passport của Việt Nam Cộng Hòa; mặc dầu miền Nam Việt Nam không còn nữa, nhưng nhờ Sứ

quán Việt Nam tại Tokyo gia hạn thêm 10 năm nữa, nên tôi mới có cơ hội sang Đức lúc bấy giờ. Từ đó tôi có quyết định ở lại Đức và tỵ nạn vì lý do Tôn giáo.

Lý do thứ 3 để tôi ở lại Đức, vì nước Đức có 2 chế độ ưu đãi đặc biệt. Đó là lãnh vực giáo dục và lãnh vực y tế. Về giáo dục thuở ấy từ Kindergarten đến Trung học, Đại học, hậu Đại học những học sinh, sinh viên không phải đóng một đồng học phí nào cả. Ngược lại ngay cả những Sinh viên tỵ nạn chính trị cũng có thể xin chính phủ cấp cho học bổng toàn phần để học cho xong cấp bậc Đại Học hay sau Đại Học cũng được đáp ứng theo nhu cầu lúc ấy.

Về Y tế thì nước Đức nói riêng và các nước Âu Châu nói chung đều khá tốt, không đòi hỏi người nghèo phải có giấy bảo hiểm sức khỏe mới được nằm bệnh viện, mà tất cả ai bị bệnh đều có thể nhờ Bác sĩ nhà, hay Bác sĩ chuyên khoa viết giấy giới thiệu, thì người bệnh sẽ được tiếp nhận ngay. Dĩ nhiên là những người đi làm có tiền lương cao phải đóng phí bảo hiểm sức khỏe, nhưng những Sinh viên nghèo như chúng tôi thì đành chịu, chỉ đóng tượng trưng mỗi tháng 50DM, nhưng khi vào bệnh viện vẫn được đối xử như những bệnh nhân khác, không bị phân biệt đối xử và cũng không phải trả thêm viện phí một đồng nào cả.

Trên đây là những lãnh vực mà tôi cảm nhận được thật an toàn, nên đã quyết định ở lại Đức là vậy. Từ đó việc thành lập Niệm Phật Đường đã manh nha bắt đầu, và kể từ năm 1979 đến năm 2004, chính thức 25 năm như vậy, Chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức, qua Bộ Nội Vụ đặc trách về vấn đề Văn hóa và Tôn giáo đã giúp cho Chùa Viên Giác tại Hannover mỗi năm trung bình 100.000 đến 180.000 DM cho các khoản chi tiêu như: Xuất

bản báo Viên Giác, in ấn kinh sách của tôi viết hay dịch, tiền bút chỉ văn phòng, điện, gas, nước, điện thoại và đặc biệt là mỗi năm có 3 lễ lớn như Tết Nguyên Đán, Phật Đản, Vu Lan chính phủ đều giúp cho chúng tôi về những khía cạnh thuộc về văn hóa, văn nghệ của những lễ hội này. Ngân ấy việc quan trọng trong 25 năm như thế, chúng tôi không cảm ơn nước Đức không được. Vì đây là những lý do chính đáng nên làm với tư cách là một nhà tu hành và một người tỵ nạn như chúng tôi thuở bấy giờ.

Quyển này không thể thiếu tiếng Đức được, nên tôi đã nhờ Thầy Hạnh Tấn và Thầy Hạnh Giới dịch, dầu biết rằng Thầy Hạnh Giới đang dọn luận án Tiến Sĩ tại Đại Học Santa Cruz ở Tiểu Bang California, Hoa Kỳ, nhưng không thể thiếu sự cộng tác của Thầy ấy được. Cuối năm 2002 tác phẩm song ngữ Việt Đức này ra đời. Mọi người đọc một cách hăng say và rõ biết được ngọn ngành về mọi sinh hoạt của chùa Viên Giác lúc bấy giờ. Điều đặc biệt là sách này có tiếng Đức, nên một số Phật tử Việt Nam sau khi đọc xong, tiếp tục gởi tặng cho những người Đức đọc, để một phần họ biết được về sinh hoạt của Phật giáo Việt Nam tại Đức và nhằm nói lên sự cảm tạ của người Việt chúng ta đang sinh sống tại Đức, thể hiện tinh thần tri ân và báo ân này đến với chính phủ và nhân dân Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Bỗng dưng một hôm tôi nhận được một lá thư gởi từ Mỹ với nét chữ run run, tôi đoán rằng người này đã lớn tuổi rồi. Mở thư ra, thấy thư viết bằng tiếng Đức. Đại ý trong thư nói rằng: Tôi là một người Đức đang sống tại Mỹ từ sau năm 1945 và có người bạn Việt Nam trao cho tôi quyển “Danke schön Deutschland” của ông viết để cảm tạ xứ tôi sinh ra. Thật ra tôi rất vui mừng và cảm động khi đọc tác phẩm này. Bởi lẽ từ xưa đến nay, ở xứ Mỹ này tôi

thấy đa phần họ ghét Đức và nói xấu Đức cũng nhiều, chứ ít ai cảm tạ nước Đức như ông đã viết.

Đọc xong bức thư gởi từ Mỹ của một người Đức lớn tuổi viết, tôi cảm động vô cùng và tự cảm thấy rằng mình viết tác phẩm này là đúng thời và đúng lúc. Từ đó tôi càng an tâm hơn mỗi khi đặt bút xuống những trang giấy trắng để viết nên những dòng chữ như thế này. Tất cả đều là những ân tình sâu đậm mà người Phật tử Việt Nam của chúng tôi không bao giờ được phép quên ân ấy.

32. Thư Tòa Soạn báo Viên Giác trong 25 năm qua (1979-2004).

Báo Viên Giác bộ cũ bắt đầu ra vào ngày 1 tháng 1 năm 1979; năm đó in 3 số và năm sau 1980 in 4 số, có một số bằng tiếng Đức khổ A5. Những lần đầu này tôi đều viết lá Thư Tòa Soạn. Báo in theo loại quay Roneo khổ A5 và bản chính của 7 tập này chỉ còn 1 tập duy nhất đóng 7 quyển chung và hiện đang lưu trữ trong Thư viện của Tổ Đình Viên Giác tại Hannover, Đức quốc. Đến đầu năm 1981 chùa chính thức nhận được sự tài trợ cho báo Viên Giác, nên lúc bấy giờ tôi đề nghị anh Mai Vi Phúc làm Chủ nhiệm, còn tôi kiểm soát bài vở với vai trò Chủ bút. Báo in khổ A4 cho đến tận bây giờ (2022). Số 251 báo Viên Giác đánh dấu 44 năm kể từ khi sáng lập (2022-1979), chưa gián đoạn một tháng nào cả và mỗi năm 6 số đều được xuất bản trong các tháng chẵn, gởi đi 23 nước khắp nơi trên thế giới. Có lúc in đến 5.000

số cho đặc san Tết và bây giờ con số giảm xuống độ 1.500 số cho mỗi lần xuất bản.

Anh Mai Vi Phúc giúp chùa độ chừng 2 đến 3 số đầu của bộ mới thì nghỉ, vì công việc của gia đình, và chính anh trong những số báo Viên Giác đầu tiên này đã viết lá Thư Tòa Soạn. Ngoài ra tất cả từ đó đến nay trải qua các đời Chủ bút như Phật tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Đạo Hữu Nguyên Trí Phù Vân Nguyễn Hòa, Thư Tòa Soạn chỉ một mình tôi viết. Tôi nhiều lúc bận rộn cũng đợi chờ những vị này viết, nhưng đa phần là từ chối với lý do: Thầy đi nhiều, biết nhiều nơi và rõ biết nhiều sự kiện trong mỗi hai tháng một, nên nhờ Thầy viết dùm cho vậy.

Tôi chính thức đã nghỉ vai trò Chủ nhiệm từ năm 2003 khi trở về ngôi Phương Trượng và Thầy Hạnh Tấn lên làm Trụ Trì Tổ Đình Viên Giác, nhưng với vai trò sáng lập chủ nhiệm, tôi vẫn viết Thư Tòa Soạn mỗi lần ra báo cho đến ngày hôm nay vào những tháng lẻ để kịp in vào tháng chẵn. Trong trường hợp tôi đi đâu xa thì gửi bài về bằng bưu điện. Đó là những năm trước, khi Internet chưa phát triển. Kể từ năm 1991 khi máy Fax đã bắt đầu thông dụng, tôi hay gửi qua hệ thống này. Còn bây giờ sau 30 năm tiến bộ của khoa học, nhất là phần tin học, tôi đánh máy trực tiếp vào File và gửi qua E-Mail về cho Đạo Hữu Chủ Bút xem lại phần chính tả cũng như nội dung thêm bớt cho hợp với chủ trương của một tờ báo.

Đa phần tôi viết về Đạo trước, Đời sau. Phần Đạo thì viết về những sự kiện liên quan đến Phật Pháp, tin tức các nơi trên thế giới. Về Đời thì kèm theo những sự hiện chính trị đang diễn ra lúc đương thời. Ngoài ra tôi cũng viết về những sự kiện văn hóa, ngay

cả thể thao nữa. Trang 1 đến trang 2 đầu của một tờ báo mà phải viết và đề cập đến chừng đó sự kiện, quả thật không dễ đối với những người chuyên môn làm nhiệm vụ này. Do vậy tôi phải đảm trách. Đây là lý do chính.

Để chuẩn bị cho năm 2003 là năm tương đối khá quan trọng đối với tôi. Vì năm này tôi đã khai sơn sáng lập và trụ trì chùa Viên Giác đúng 25 năm (1978-2003). Do vậy nên năm 2003 tôi đã cho tập trung hết tất cả những lá Thư Tòa Soạn của báo Viên Giác trong vòng 24-25 năm đó, in thành một quyển sách để ghi lại dấu ấn một thời. Khi đọc hết Thư Tòa Soạn này đến Thư Tòa Soạn khác cũng thấy ngán. Vì lẽ nội dung những Thư Tòa Soạn như vậy cũng chỉ xoay đi quanh lại những chuyện Đời, chuyện Đạo, chuyện thế sự, chuyện tu học. Tuy nhiên một tập sách mấy trăm trang như vậy cũng chẳng phải là một điều vô bổ. Vì lỡ một ngày nào đó có người tìm hiểu đến 25 năm xuất bản báo Viên Giác ở Đức như thế nào, thì đây là một sự cung ứng đầy đủ vậy.

Ngoài ra tất cả báo Viên Giác từ số 1 bộ mới cho đến nay tôi đều cho đóng thành tập rất trang trọng và có 2 bộ như thế hiện đang được lưu trữ tại Thư viện của chùa. Đồng thời tôi cho đưa lên các bản điện tử sao chép lại dưới nhiều hình thức khác nhau như: Scan, đánh máy lại, Forward v.v... lên các trang nhà viengiac.info cũng như quangduc.com để sau này người đọc muốn tìm đến có thể truy lục dễ dàng hơn. Không những báo Viên Giác, mà tất cả các sách của tôi viết và dịch cũng đều tổ chức như vậy. Có nhiều quyển sách hay bài viết cũng được thuê, nhờ người đọc và đưa lên trang nhà Viên Giác để cho những vị nào không đọc được chữ nữa vì lớn tuổi thì có thể ngồi hay nằm nghe cũng tiện.

Thông thường ngày xưa mỗi năm chúng tôi có một ngày họp Ban Biên Tập báo Viên Giác và hay tổ chức tại chùa. Suốt một ngày từ sáng đến chiều, chúng tôi thảo luận về nhiều đề tài và rút ra ưu khuyết điểm của từng chuyên mục để người phụ trách kiện toàn lại cũng như tổ chức mời thêm sự đóng góp của những cây bút gạo cội hơn. Thật ra tất cả quý Đạo hữu và những Văn Thi hữu của Viên Giác đều làm tự nguyện, hầu như không nhận một thù lao nào cả, nhưng ai ai cũng hăng say đóng góp bài vở. Vì đây là một tờ báo Đạo, có nhiều người đọc ở rải rác khắp nơi trên thế giới và là một trong những tờ báo Phật giáo có tuổi thọ sống dài lâu nhất, kể cả trong lẫn ngoài nước. Tuổi thọ của báo Viên Giác xuất bản cho đến năm 2022 này là 252 số trong 44 năm, gần nửa thế kỷ như thế đã góp mặt với Đạo và Đời.

Ban Biên Tập báo Viên Giác chủ yếu là những Đạo hữu ở trong nước Đức, còn những vị cộng tác viên thường xuyên hay gửi bài về cho báo qua Đạo Hữu Chủ Bút từ khắp nơi trên thế giới.

Sau này có 8 cây bút nữ cũng là những cây viết chủ lực cho báo và mỗi một vị có một cách viết khác nhau. Người viết về tuổi thơ, kể viết về văn chương, học thuật, lịch sử hay tường thuật những lễ hội trong năm; còn quý Đạo Hữu Ưu Bà Tắc thì viết về những nghiên cứu, kiến trúc, nghệ thuật, chính trị, thể thao v.v... Ngày xưa còn có phần nữ công gia chánh nữa, nhằm giúp cho những người ăn chay biết cách nấu chay để dùng hằng ngày.

Tại văn phòng thường trực của chùa từ xưa đến nay có thể kể đến những vị như sau: Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát, Chú Sanh, Anh Như Thân, Phật tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Chi Lâm Thị Yến Nga, sau này có thêm Phật tử Thiện Đạo Uông Minh

Trung và những vị ở xa công tác thường xuyên như Đạo hữu Chủ Bút Phù Vân, những người viết tin tức thường xuyên như Đạo hữu Quảng Trực ở Úc, Lê Ngọc Châu, Đại Nguyên ở Đức và các cộng tác viên thường xuyên gồm có những vị như sau:

Ở Đức: Tích Cốc Ngô Văn Phát, Nguyên Đạo Văn Công Tuấn, Từ Hùng Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa, Tỳ Anh, Dr. Trương Ngọc Thanh, Phan Ngọc, Trần Đan Hà, Đỗ Trường, Lương Nguyên Hiền, Nguyễn Quý Đại, Nguyên Hạnh HTD, Trần Thị Hương Cau, Hoa Lan Thiện Giới, Thi Thi Hồng Ngọc, Phương Quỳnh, Dr. Văn Công Trâm, Trần Thế Thi, Hoàng Quân.

Ở Pháp: Dr. Hoang Phong Nguyễn Đức Tiến, An Tiêm Mai Lý Cang.

Ở Thụy Sĩ: TT Thích Như Tú, Trần Thị Nhật Hưng, Song Thu TTH, Lưu An Nguyễn Ngọc Ruấn.

Ở Hòa Lan: Nguyên Trí Hồ Thành Trước.

Ở Ý Đại Lợi: Huỳnh Ngọc Nga, TS. Elena Picillo Trương và Trương Văn Dân.

Ở Hoa Kỳ: Tuệ Nga, Họa Sĩ Vivi Võ Hùng Kiệt & Cát Đơn Sa, Diễm Châu, Lâm Minh Anh, thylanthao ...

Ở Canada: Dr. Thái Công Tụng, Gs Trần Gia Phụng, DVM Nguyễn Thượng Chánh.

Ở Úc Châu: TT Thích Nguyên Tạng, TS. Lâm Như Tạng.

Quản lý Tòa soạn là Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát.

Nhân danh là sáng lập Chủ Nhiệm báo Viên Giác, tôi chẳng biết nói gì hơn là xin thâm tạ những độc giả lâu năm; mặc dầu bây giờ thế hệ đi trước đã qua đi; nhưng thế hệ kế thừa vẫn tiếp tục ủng hộ báo Viên Giác mới còn tồn tại đến ngày nay. Riêng quý Đạo Hữu Phật tử cũng như không Phật tử ở gần cũng như ở xa đã vì sự phát triển của văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo tại xứ người, mà quý vị chẳng nề hà khó nhọc vẫn tiếp tục sáng tác để cống hiến món ăn tinh thần cho người Việt khắp năm châu. Ân này tôi sẽ chẳng bao giờ quên được.

33. Bốn Sự Kinh

dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, xuất bản năm 2003

tại Hannover, Đức Quốc.

Bắt đầu vào bản dịch này tôi đã viết lại như sau: Bốn Sự Kinh - Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển 17, thuộc kinh tập quyển thứ 14, từ trang 662 đến trang 669; tổng cộng 37 trang, thuộc kinh thứ tự số 765 do Ngài Huyền Trang dịch sang Hán văn đời nhà Đường.

Thích Như Điển dịch ra tiếng Việt tại Anh Quốc, dưới thời Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhị, tại địa phương Wymondham, từ ngày 22 tháng 7 đến ngày 31 tháng 7 năm 2002. Phần còn lại dịch tại chùa Viên Giác Hannover Đức quốc từ ngày 6 đến ngày 23 tháng 8 năm 2002.

Bản này được dịch xong vào ngày Rằm tháng Bảy năm Nhâm Ngọ, nhằm ngày 23 tháng 8 năm 2002 tại thư phòng Chùa Viên

Giác, tổng cộng 200 trang viết tay khổ A4 và in thành 132 trang khổ A5, dịch từ 37 trang trong Đại Chánh Tạng. Thời gian dịch tất cả 27 ngày, trung bình mỗi ngày dịch 7 trang trong mùa An cư Kiết hạ Phật lịch 2546 – 2002.

Tuy đi tham dự khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 14 tại Anh Quốc, nhưng tôi cũng đã tranh thủ trong 10 ngày nầy ngoài việc cùng tu tập chung cũng như hướng dẫn quý Phật tử trong những giờ giáo lý, khi về lại phòng riêng, tôi đều tập trung vào chuyện dịch thuật nầy. Do vậy 37 trang chữ Hán dày chữ chi chít, chỉ cần 27 ngày là dịch xong như đã in thành sách vào năm 2003 để làm tài liệu cho học viên của khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 15 của năm 2003.

Bổn Sự hay Bổn Sanh là những câu chuyện tiền thân của Đức Phật trong quá khứ. Sau đây là phần kết của kinh nầy, xin chép ra đây để quý vị đọc qua cho biết.

Chư Thiên ba việc thắng
 Sống lâu đẹp đẽ vui
 Người đời kể ngày tháng
 Tính đến khó lường được
 Như đây ba điều thắng
 Phi thường lại khó có
 Khó giữ, pháp biến đổi
 Tử ma lực còn lại
 Thiên tướng khi xả mệnh
 Và chư Thiên tập hội

Dạy dỗ những điều lành
Làm cho thân hoan hỷ
Dâng nguyện cho Trời Phật
Vãng sanh nơi đường lành
Cùng với loài người thảy
Sanh nơi nước sáng sủa
Ở vào nơi Phật Pháp
Gặp được niềm tin chánh
Tăng trưởng gốc sâu bền
Tà giáo chẳng thể chuyển
Thân ngữ ý làm ác
Hay phương tiện xả bỏ
Bị sanh vào nơi khác
Lại có dư phương tiện
Nhiều tu thân khẩu ý
Ba thù thắng thiện pháp
Như lý chánh tư duy
Làm vô lượng rộng lớn
Tu các việc phước nghiệp
Nghĩa thí giới đa văn
Ở nơi chánh pháp Phật
Xuất gia tu phạm hạnh

Chánh tín tu pháp lành
 Hay nhẫn và mềm mại
 Hoặc sanh ở trời người
 Hoặc chứng Niết Bàn vui
 Như vậy chư Thiên tiên
 Đến giáo huấn chỉ bày
 Khi bỏ mạng cõi trời
 Như mẹ yêu con thơ
 Chư Thiên thường phát nguyện
 Thiện vui hay tăng ích
 Làm cho A Tu La
 Thối lui chẳng tăng nữa.

Những bài kệ dễ hiểu, dễ đọc và dễ tu như vậy khiến cho người hành trì dễ thâm nhập vào Phật Pháp. Điều đặc biệt của Phật giáo căn bản là khuyên người Phật tử tại gia làm lành lánh dữ và khuyến khích sanh thiên sau khi mạng chung của những tầng trời khác trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Riêng Phật giáo Đại Thừa hay Kim Cang Thừa thì đi xa hơn một bước nữa là thoát ly sanh tử luân hồi, chứng thành Phật quả ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, nơi Đức Phật A Di Đà đang làm Giáo Chủ và có hai Ngài Quan Âm, Thế Chí hộ trì tiếp dẫn cho những người muốn sanh về cõi giới này.

Đối với Đạo Phật có vô lượng cõi để đi về. Ai mong muốn như thế nào thì chư Phật và chư vị Bồ Tát sẽ thị hiện ra cảnh giới ấy. Ai

không muốn tái sinh vào những cảnh giới như vậy là do nguyện lực và nghiệp lực mình tạo thành trong quá khứ, chứ không phải là không có nhiều cảnh giới như thế.

34. Những đoản văn viết trong 25 năm qua

*Viết và Đức ngữ, xuất bản năm 2003
tại Hannover, Đức Quốc.*

Nơi tôi sinh ra vốn là chốn bùn nhơ nước đọng, ruộng đồng, thôn dã. Do vậy lẽ ra tôi phải là một nông dân của xứ Quảng Nam mới phải, nhưng khi lớn lên, lúc 15 tuổi cho đến bây giờ gần 60 năm ở chùa, nhờ ân Tam Bảo mà tôi có được ngày hôm nay, nên tất cả những gì mà tôi có được hay làm được cũng hồi hướng tất cả về ba ngôi báu này mà thôi. Tôi tập viết, tập dịch có lẽ từ khi ở Nhật Bản kể từ năm 1974 và từ đó cho đến nay tôi viết không biết bao nhiêu là ký sự, bản tin, tiểu thuyết, dịch sách, viết văn, viết chuyện v.v... trong đó có những chuyến đi ngắn hay dài hạn đến khắp nơi trên thế giới và cho đến nay chắc cũng đã 78 quốc gia rồi. Mỗi nơi mỗi vẻ khác nhau. Do vậy tôi đã viết thành văn và ghi lại thành lời qua những chuyến công tác Phật sự như vậy và sau đó cho đăng lên báo Viên Giác. Do nhiều độc giả muốn những bài viết rời rạc ấy in chung vào một quyển sách, nên sau 25 năm, cho đến thời điểm năm 2003 là cơ hội tốt nhất để tôi cho xuất bản tác phẩm này.

Đã có đạo nhà văn Đỗ Trường gọi tôi là: Nhà văn Thích Như Điển, vì sau phần đọc những tác phẩm của tôi như: *Hương lúa chùa quê*, *Dưới bóng đa Chùa Viên Giác* v.v... anh đã đi đến kết

luận như vậy. Tôi bây giờ ở tuổi 73, 74 dẫu được gọi là gì đi nữa thì tôi cũng tập cho mình sống không nên vui, không nên buồn, không nên giận, không nên hờn, không nên thương riêng ai và cũng không nên ghét riêng ai là điều tuyệt diệu nhất. Bởi lẽ con người ai đã được sinh ra trên cõi thế này, trước tiên phải cảm ơn hai đấng sinh thành, sau đó là Thầy Tổ, quê hương và những người đã mang cơm gạo đến nuôi mình ăn học thành tài và bây giờ chính là lúc phải đền ân đáp nghĩa thế thôi. Chẳng có gì để huênh hoang tự đắc và chẳng có gì để phải hổ thẹn với lương tâm cả.

Tôi luôn chủ trương rằng: Nếu mình xấu mà có nhiều người khen mình là tốt, thì mình cũng chẳng thể qua lời khen ấy mà mình được tốt hơn. Ngược lại nếu mình tốt mà người ta chê bai, chửi mắng thì cũng không vì những lời thị phi nhân nghĩa này mà mình xấu hơn được. Đây chính là nguyên tắc sống của tôi. Từ đó tôi phát nguyện cho chính mình rằng: “Con xin nguyện làm một dòng sông để chuyên chở những trong đục của cuộc đời và con xin nguyện làm mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế”. Đã là nước thì cũng chẳng chê nước đục nước trong. Tất cả đều chảy về dòng sông và từ từ trôi về biển cả. Đã là đất thì phải kham nhẫn, cố gắng chịu đựng không trách trời, than đất, mà tự soi rọi lại chính mình. Có như vậy tuổi già sẽ an lạc hơn. Đây là cách sống và phương pháp sống của tôi vậy.

Trong suốt 25 năm đó tôi đã viết về giáo dục, về những sự kiện văn hóa, về tôn giáo, về nghệ thuật, về thể thao, về nhân cách của người đi xin, về trẻ em ngoài đường phố, về sa mạc Sahara ở Phi châu hoặc nhiều việc mà nhiều người chưa biết đến. Quý vị nào muốn xem hết những điều này thì hãy vào trang nhà viengiac.info sẽ được cung ứng những dữ kiện ấy đầy đủ.

35. Phát Bồ Đề Tâm Kinh Luận

*Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ,
xuất bản năm 2004 tại Hannover, Đức Quốc.*

Năm 2003 là năm mà bản thân tôi có nhiều thay đổi. Vì muốn cho mình có một đời sống nội tâm sâu thẳm hơn, nên quyết định ngưng chức vụ Trụ Trì tại Chùa Viên Giác sau 25 năm sáng lập và điều hành. Phân hành tiếp theo do Thầy Hạnh Tấn điều động và Trụ Trì. Còn tôi sẽ có nhiều thời gian hơn để tịnh tu nhập thất.

Vào mùa hè năm 2003 tôi có làm một lễ Tấn phong Trụ trì và kỷ niệm 25 năm Phật giáo Việt Nam tại Đức. Lúc đó có Hòa Thượng Thích Tâm Châu từ Canada sang dự và Ngài phát biểu mấy điều gây chú ý đối với chư Tăng Ni và Phật tử tham dự lễ ngày hôm đó như sau:

1. Bức tường Bá Linh sụp đổ vào ngày 9 tháng 11 năm 1989 đã giúp cho Thầy Như Điển có thêm nhiều đệ tử từ Đông Âu sang.

2. Thầy Như Điển mới 53 tuổi mà đã lên Thái Thượng Hoàng (*ý Ngài nói là bây giờ đã rảnh việc. Tất cả đều giao cho đệ tử lo liệu*). Còn tôi tuổi già sức yếu như thế này mà vẫn còn lo xây chùa, độ đệ tử.

3. Cô Thanh Hải là một đệ tử tại gia nổi tiếng của Thầy Như Điển, nhưng sau khi xuất gia ước gì Thanh Hải tu theo phương pháp của người Việt Nam và mặc áo Ni Cô Việt Nam thì hay biết mấy.

Lần đó cũng có Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Đại Lão Hòa

Thượng Thích Bảo An, Hòa Thượng Thích Như Thọ từ Hoa Kỳ, Pháp, Úc và Việt Nam đến tham dự lễ này. Sau khi về lại trụ xứ quý Ngài có gọi cho tôi để kể lại nhiều chuyện rất vui, sau ngày dự lễ ấy.

Quyển kinh này tôi cũng dịch từ quyển Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh và bắt đầu vào kinh tôi đã viết như sau:

Phát Bồ Đề Tâm Kinh Luận

Quyển thượng

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển 32, thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Từ trang 508 đến trang 517. Thứ tự Kinh văn số 1.659. Do Ngài Thiên (Thế) Thân Bồ Tát tạo. Đời Hậu Tần, nước Quy Từ, Ngài Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Tỳ Kheo Thích Như Điển dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Đan Mạch, nhân khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 15, từ ngày 18 đến ngày 28 tháng 7 năm 2003 - Phật lịch 2547.

Phần chữ Hán chỉ có 9 trang, nhưng phần Việt ngữ dịch ra thành 23 trang đánh máy khổ A4 và luận này cũng đã được phát ra cho quý Phật tử tham dự khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 16 của năm 2004.

Dịch xong vào ngày Vía Đức Đại Thế Chí Bồ Tát, 13 tháng 7 âm lịch năm Quý Mùi, nhằm ngày 10 tháng 8 năm 2003 - Phật lịch 2547 tại thư phòng chùa Viên Giác, Hannover.

Như vậy trong mùa An cư nào tôi cũng miệt mài như thế để các tác phẩm và dịch phẩm được hình thành và sau đó in thành sách để gởi đến quý Phật tử khắp nơi đọc tụng và tham cứu.

36. Đại Đường Tây Vực Ký

Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, xuất bản năm 2004.

Tái bản 2022. Lần tái bản này tác phẩm được cư sĩ Nguyễn Minh Tiến hiệu đính, Hòa thượng Tuệ Sỹ viết lời giới thiệu, Hội Đồng Hoằng Pháp xuất bản qua mạng toàn cầu Amazon; Hương Tích xuất bản ở Việt Nam năm 2022.

Năm 2003 là năm tôi đã chính thức trao quyền Trụ Trì chùa Viên Giác tại Hannover cho Thầy Hạnh Tấn và Thầy ấy phát nguyện đảm trách nhiệm kỳ đầu với tư cách là Đệ nhất Trụ Trì từ năm 2003 đến năm 2008. Tôi trở về ngôi Phương Trượng của chùa. Có nghĩa là mọi việc tôi đều giao trọn vẹn cho Thầy Trụ Trì từ tài chánh đến hành chánh, đối nội, đối ngoại v.v...

Năm 2003 vào ngày 20 tháng 10, năm Thầy trò chúng tôi đã lên đường sang Úc Châu để tịnh tu nhập thất lần đầu gồm có: Tôi, Thượng Tọa Thích Đồng Văn, Thượng Tọa Thích Hạnh Giới, Đại Đức Thích Hạnh Tuệ và Đại Đức Thích Tông Nghiêm. Đầu tiên chúng tôi được Hòa Thượng Bảo Lạc và Tăng Ni Chúng của Tự viện Pháp Bảo đón về ở chùa Pháp Bảo vài ngày, gặp gỡ thăm hỏi Phật tử làm quen và mấy ngày sau mới lên núi Đa Bảo ở vùng Campbelltown gần Sydney chạy chừng 1 tiếng đồng hồ xe hơi qua 40 Km đường xa lộ và đường núi. Lần đó có Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm và Sư Bà Diệu Phước đi cùng, sau khi tham dự lễ Khánh Thành Tu Viện Quảng Đức tại Melbourne thì nhị vị Sư Bà lên đây để thăm viếng chúng tôi và đặc biệt là nơi ăn chốn ở ra sao. Hai Sư Bà và quý Phật tử tháp tùng sau khi thăm viếng nơi Thất Đa Bảo rồi, quý Sư Bà đi cùng xe hơi xuống núi, mua một xe đồ ăn mang lên thất và hỗ trợ lần đầu cho Thầy trò chúng tôi như vậy.

Sau đó hai Sư Bà về lại Âu Châu, còn lại chúng tôi bắt đầu chuẩn bị cho công việc phiên dịch của mình.

Trước khi đi sang Úc tôi đã chọn quyển thứ 51 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh và khi đến nơi, tôi chọn dịch quyển Đại Đường Tây Vực Ký của Ngài Huyền Trang sau chuyến đi thỉnh kinh lịch sử từ Trung Quốc qua Ấn Độ gồm có 2 năm đi, 2 năm về và 12 năm lưu học tại Đại Học Na Lan Đà (Ngài bắt đầu đi khỏi Kinh đô Tràng An năm 629; Năm 631 đến Ấn Độ; Năm 632-643 Ngài lưu học tại Ấn Độ và năm 643 đến 645 từ Ấn Độ về đến Tràng An). Trong 16 năm như vậy Ngài đã thể hiện được sức tu, sức học của mình, được biết khi đến Đại Học Na Lan Đà Ngài đã nhận Ngài Giới Hiền làm Thầy.

Chúng tôi đã phân công ra từng ngày, từng tuần, từng tháng như vậy cho ai nấu ăn, ai rửa chén, ai đánh máy, ai làm thị giả, ai đi chợ v.v... Cứ mỗi tuần vào chiều thứ Tư tôi cho quý Thầy nghỉ ngơi thư giãn và đi xuống phố gần đó thăm viếng, mua đồ v.v... và mỗi sáng Chủ nhật tất cả 4 Thầy đều lái xe chạy về Pháp Bảo để dự khóa lễ hằng tuần và sau khi cơm nước nghỉ ngơi xong, quý Thầy chiều đó lái xe chạy về Thất Đa Bảo. Ngoại trừ tôi không đi đâu cả và cho đến 24 tháng 12 năm 2003 tôi mới xuống núi để tham gia giảng dạy khóa Tu học Phật Pháp Úc Châu cùng với Giáo Hội tại đây.

Bắt đầu ngày 24 tháng 10 năm 2003 chúng tôi đã đi vào công việc dịch thuật cũng như hành trì và tôi đã đọc cho Thầy Đồng Văn đánh máy vào Laptop như sau:

Đại Đường Tây Vực Ký

Pháp Sư Huyền Trang

Hòa Thượng Thích Như Điển dịch

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 51, thuộc Sử Truyện bộ 3, từ trang 867 đến trang 948 gồm 12 quyển; thứ tự kinh văn số 2087, do Ngài Huyền Trang đời nhà Đường dịch, Ngài Biện Cơ soạn lại.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt từ ngày 24 tháng 10 đến ngày 15 tháng 12 năm 2003 Dương lịch, tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, trong mùa nhập thất lần thứ nhất, với sự trợ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn và Tỳ Kheo Thích Hạnh Giới.

Tổng cộng có 81 trang chữ Hán gồm 12 quyển và chúng tôi đã dịch ròng rã gần 2 tháng; mỗi ngày từ 5 đến 6 tiếng đồng hồ. Cuối cùng hoàn thành được 460 trang đánh máy khổ sách A5 và gồm có 127.264 chữ. Đây là thống kê của Laptop trong thời gian mà Thầy trò chúng tôi làm việc như vậy.

Mới vào đầu chúng tôi gặp hai bài tựa của Vua Đường Thái Tông viết về Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo và bài tựa thứ nhất về Đại Đường Tây Vực Ký cũng như bài tựa thứ hai chúng tôi đã bắt đầu khó xử. Vì văn chương của thế kỷ thứ 7 và của vua chúa cũng như quan lại triều đình nhà Đường viết có rất nhiều điển tích quá khó hiểu, nên chúng tôi quyết định là nên để lại và dịch ở phần sau cùng, có lẽ dễ chịu hơn và phần này Thầy Đồng Văn giúp tôi nhiều hơn như thường lệ. Dẫu vậy về sau này khi xem lại vẫn còn nhiều sai sót quá, mặc dầu sách này từ năm 2004 đến 15 năm sau có đến một lần xuất bản tại Úc; một lần tái bản tại Âu Châu và một lần tái bản tại Hoa Kỳ. Phải thành thật mà nói sau này đọc lại

có nhiều chỗ tối nghĩa quá, nên tôi đã quyết định là phải nhuận sắc lại tất cả quyển sách quan trọng này từ đầu đến cuối.

May đâu nhờ anh Nguyễn Minh Nguyễn Minh Tiến, người chủ biên trang nhà “Rộng mở tâm hồn” phát tâm hiệu đính và chú giải lại toàn bộ 12 quyển này kể cả 2 lời tựa cũng như bài của Vua Đường Thái Tông viết giới thiệu về tác phẩm này.

Trong khi đó tôi lo đi tìm người bảo trợ cho công tác phiên dịch. Đặc biệt là có các Phật tử Thiện Trí ở Fremont, California và vợ chồng Nguyễn Hùng cùng với Nguyễn Ân ở Florida đứng ra bảo trợ chương trình này suốt trong mấy năm nay; nên công việc rất là trôi chảy. Xin niện ân anh Nguyễn Minh, Thiện Trí, Nguyễn Hùng và Nguyễn Ân về việc này rất nhiều.

Lúc gần hoàn thành tôi có thỉnh cầu Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, người làm Cố vấn tối cao của Hội Đồng Hoàng Pháp thuộc Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất vừa được thành lập năm 2021 vừa qua và tôi cũng đang đảm nhận phần Chánh Thư Ký của tổ chức này, nên Hòa Thượng đã thuận để viết cho một lời giới thiệu. Thật không có bút mực nào có thể diễn tả được sự thâm hậu của Người về lịch sử cũng như triết học và sự truyền thừa giáo pháp kể từ thời trước và sau khi Ngài Huyền Trang trở lại kinh đô Trường An vào năm 645. Lần này anh Nguyễn Minh còn nghiên cứu và đối chiếu để vẽ thêm 14 bản đồ của những nước mà Ngài Huyền Trang đã đi qua từ Trung Quốc đến Ấn Độ, Tích Lan, Kasmir v.v... theo các địa danh hiện nay qua sự gợi ý của Phật tử Nguyễn Đạo; nên dịch phẩm lại càng có giá trị hơn.

Bản đồ thứ nhất về đường đi của Ngài Huyền Trang trải qua 34 nước.

Bản đồ thứ hai với	3 nước
Bản đồ thứ ba với	8 nước
Bản đồ thứ tư với	15 nước
Bản đồ thứ năm với	6 nước
Bản đồ thứ sáu với	4 nước
Bản đồ thứ bảy với	5 nước
Bản đồ thứ tám với	1 nước
Bản đồ thứ chín với	1 nước
Bản đồ thứ mười với	17 nước
Bản đồ thứ mười một với	23 nước
Bản đồ thứ mười hai với	22 nước

Tổng cộng là 139 nước, nhưng trên thực tế là 138 nước. Bởi vì nước Ma Kiệt Đà, nơi có Đại Học Na Lan Đà, Ngài chia ra làm 2, lý do là Ma Kiệt Đà rộng lớn và có nhiều di tích lịch sử hơn các xứ kia.

Trong 2 năm đi từ kinh đô Trường An bắt đầu từ năm 629 đến năm 631, Ngài Huyền Trang đã trải qua 75 nước và tám bản đồ số 8 và số 9 tuy là 2 phần của nước Ma Kiệt Đà có gom lại thành một nước. Tổng cộng là 76 nước. Khi về Ngài Huyền Trang có ghé Tích Lan gồm 62 nước. Như vậy cả đi lẫn về là 138 đến 139 nước. Ngày xưa Ấn Độ gọi là nước, nhưng bây giờ gọi là tỉnh, bang. Cho nên tất cả những nước được kể ngày xưa, bây giờ tính chung lại chừng 10 nước, bao gồm chung các nước ở Bắc Ấn Độ

ngày nay. Đây là một hành trình vô tiền khoáng hậu của một bậc chân tu thực đức người Trung Hoa; trước đó và sau này chưa có ai thực hiện được như Ngài Huyền Trang bằng con đường đi bộ, đi ngựa và qua sông bằng thuyền. Thuở ấy chưa có xe hơi, tàu hỏa, tàu thủy, nên chúng ta phải cúi đầu bái tạ một bậc Đại Sư Tam Tạng như vậy. Đến năm 645 Ngài về đến kinh đô Trường An được vua chúa dâng Ngọc Hoa cung để Ngài làm chỗ dịch kinh và dạy đồ chúng. Từ năm 645 đến năm 664 chỉ trong vòng 19 năm thôi, nhưng Ngài đã cho dịch hầu hết những bộ kinh bằng chữ Phạn đã mang về Trung Quốc; mặc dầu trên đường đi vì phong ba bão táp, một số kinh, luật, luận quan trọng bị thất thoát; nhưng đa phần những bộ kinh chính như Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Đại Bảo Tích, Đại Bát Nhã cùng những bộ luật và luận nguyên thủy bằng tiếng Sanskrit gồm 657 bộ vẫn còn nguyên vẹn và được dịch ra tiếng Trung Hoa. Nhờ vậy về sau này các nước Đại Thừa như Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam mới có cơ hội dịch lại từ chữ Hán sang ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Công đức thật là vô lượng vô biên và bắt đầu từ sau năm 664, năm mà Ngài Huyền Trang viên tịch, tất cả những bản dịch có được đều gọi là tân dịch; còn những bản dịch trước đó của các Ngài Nghĩa Tịnh, Ngài Cưu Ma La Thập hay Ngài Ma Đăng, Ngài Trúc Pháp Lan dịch ra tiếng Trung Hoa đều gọi là cựu dịch.

Sau khi quyết định đưa lên Amazon để phát hành và do sự đề nghị của hai Phật tử Nguyên Đạo và Nguyên Minh; chúng tôi đã bỏ vốn ra cho in và nhờ Hương Tích xin phép được xuất bản tại Việt Nam 1.000 quyển và việc này đã thành tựu vào giữa năm 2022 với kết quả như sau:

- 300 quyển tôi tặng cho quỹ phát hành nhà sách Hương Tích do Thượng Tọa Hạnh Viên điều hành và được biết cuối năm 2022 đã phát hành hết.

- 500 quyển nhờ các nhà đại lý từ Nam Trung Bắc phát hành; chỉ mấy tháng sau đã phát hành được 200 quyển và thu vốn về vừa đủ. Số còn lại nếu phát hành được, sẽ là số tiền lời.

- 120 cuốn gởi tặng cho chư Tăng Ni tham dự Về Nguồn 12 cũng như lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Chư Vị Tổ Sư và lễ kỷ niệm 32 năm thành lập Tu Viện Quảng Đức từ ngày 13 đến 15 tháng 10 năm 2022 tại Melbourne, Úc Châu vừa qua.

- 80 quyển còn lại gởi đi Tích Lan tặng cho những Tăng Ni sinh đang du học tại đó và gởi về Hội An nơi chùa Viên Giác để Thầy Như Tịnh tặng đến các chùa.

Đây có thể nói là Tác phẩm đầu tiên phát hành có lời và có nhiều người đọc. Ân ấy có thể là nhờ có tên tuổi của Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã gia ân viết lời giới thiệu, nên mới được như vậy. Ở đây dịch giả xin niệm ân tất cả.

Quý vị Tăng Ni và Phật tử xa gần có thể đọc quyển Tây Vực Ký xuất bản năm 2022 tại Việt Nam với lời giới thiệu của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ và hiệu đính của Cư sĩ Nguyễn Minh Tiến thì sẽ được lợi ích rất nhiều trong việc tìm hiểu về việc Ngài Huyền Trang sang Ấn Độ.

37. Làm thế nào để trở thành một người tốt

Việt ngữ, xuất bản năm 2004.

Kể từ năm 2004 Chùa Viên Giác tại Hannover không còn nhận được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ chính quyền Liên Bang Đức nữa. Do vì sau 25 năm như thế, người Việt Nam chúng ta tại Đức đã hội nhập vào xã hội này ở mọi hình thức rồi. Do vậy chính phủ Đức đề nghị ngưng trợ giúp cho chúng tôi và dành phần trợ giúp này cho những dân tộc mới vừa đến Đức xin tỵ nạn và chúng tôi đã vô cùng hoan hỷ. Bởi lẽ miền Nam Việt Nam ít có liên hệ gì với Tây Đức thuở ấy như đã liên hệ với Hoa Kỳ, mà những chính phủ tại Âu Châu, trợ giúp nhân đạo cho người tỵ nạn Việt Nam chúng ta như vậy là quá nhiều rồi. Thử hỏi như nước Việt Nam của chúng ta trong hiện tại nếu có một dân tộc nào đó đến xin nước chúng ta tỵ nạn, chính quyền Việt Nam có thể giúp họ được như vậy không? Đó là một câu hỏi lớn và phần trả lời xin dành lại cho tất cả mọi người.

Năm 2004 Thầy Hạnh Tấn cũng đã viết được một tác phẩm dành riêng cho người Phật tử bằng hai ngôn ngữ Việt và Đức. Vì tác phẩm này còn trong sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức và kể từ năm này trở về sau, không có tác phẩm nào của chúng tôi được dịch ra tiếng Đức cả. Do vậy tôi lại có một hướng đi mới hơn là dịch những Kinh văn từ chữ Hán ra Việt ngữ, đồng thời những sách vở viết bằng tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Đức chúng tôi lần lượt dịch sang tiếng Việt để độc giả làm quen với Phật giáo của những dân tộc này. Những năm sau này mặc dầu không được tài trợ của chính quyền Đức về lãnh vực văn hóa của Tôn giáo nữa; nhưng cứ sau một lần dịch hay viết xong một tác

phẩm tôi cho đăng báo kêu gọi ấn tống và nhiều khi có gởi kèm phiếu ấn tống với thư mời Phật Đản hay Vu Lan, nhờ vậy mà năm nào tôi cũng cho in được một hay hai tác phẩm.

Nghe tựa đề như quyển sách thứ 37 này ai mà không muốn xem, vì ai cũng muốn mình trở thành một người tốt? Vậy một người tốt theo Phật giáo là người như thế nào? Xin thưa rằng: Người đó phải là một người Phật tử chân chính đã quy y Tam Bảo và thọ trì 5 giới cấm. Đó là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và phát nguyện không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đồng thời học thêm 37 phẩm trợ đạo cũng như đào sâu và Tứ Chánh Cần như: Việc ác chưa sanh thì đừng làm cho nó sanh. Việc ác đã sanh rồi thì tìm cách ngăn chặn lại. Việc thiện chưa sanh thì tìm cách làm cho nó phát sanh. Việc thiện đã sanh rồi thì tìm cách làm cho nó phát triển ra nhiều hơn nữa.

Nếu ai ai trong chúng ta, không luận là người Phật tử, mà thực hành rốt ráo được những điều Phật dạy như thế, chúng ta sẽ trở thành một người tốt. Thánh Ghandi của Ấn Độ có lần đã nói rằng: Nếu mỗi người trên quả đất này mỗi ngày biết ngồi thiền 15 phút và không sát sanh, ăn chay thanh tịnh, thì thế giới này sẽ không có đấu tranh.

38. Dưới cội Bồ Đề

Việt ngữ, xuất bản năm 2005 tại Hannover, Đức Quốc.

*Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2021
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Kể từ năm 1994 đến năm 2012, đúng 19 năm như thế mỗi lần đi hành hương Ấn Độ tôi đều ghé New Delhi thăm viếng các du học Tăng từ Việt Nam sang đây du học. Trước là nhớ nghĩ đến tình đồng hương khi xa xứ, sau là thăm hỏi tình hình sinh hoạt tu học của quý Thầy, Cô để động viên họ. Vì chính tôi cũng đã một thời được đi du học tại Nhật Bản từ năm 1972, nên rất thông cảm cho những người sống xa nhà; nhất là môi trường làm việc cho Tăng Ni tại Ấn Độ không được ưu đãi như Nhật Bản hay những xứ Âu Mỹ khác.

Thuở ấy Thầy Hạnh Tấn cũng là một nghiên cứu sinh tại đây, sẵn thăm Thầy Hạnh Tấn, Hạnh Nguyên, tôi thăm Thầy Hạnh Chánh và một số quý Thầy Cô học khóa I, II của Học viện Phật giáo Việt Nam sang đây du học. Tôi hỏi rõ những sinh hoạt phí hằng tháng của mỗi vị là bao nhiêu? Đa phần được trả lời là: Mỗi vị, mỗi tháng tiêu chừng 100USD gồm 50USD tiền thuê phòng trọ và 50USD tiền ăn uống di chuyển. Đó là tiền căn bản, nên Thầy Hạnh Chánh, sau đó là Thầy Đồng Văn lãnh trợ cấp nầy trong vòng 5 đến 10 năm như vậy cho đến xong học trình Tiến Sĩ. Không những chỉ có 2 vị nầy, mà theo danh sách của chùa Viên Giác còn lưu trữ lại: chỉ riêng 19 năm nầy thì học bổng cho Tăng Ni Việt Nam du học tại Ấn Độ là 187 vị, và kết quả sau 19 năm nhận học bổng như thế đã có 132 vị ra Tiến Sĩ và Thạc Sĩ. Trong đó có Thầy Hạnh Đức, Thầy Giác Trí, Thầy Hạnh Tấn (Nguyễn

Đình Nu), Thầy Tâm Tường... bên Ni thì có những Ni Sư Thích Nữ Minh Huệ, Ni Sư Tịnh Vân, Ni Sư Giới Hương, Ni Sư Hương Nhũ v.v... Tổng cộng số tiền học bổng chỉ giúp riêng cho Tăng Ni Việt Nam du học Ấn Độ trong 19 năm ấy lên độ gần 1.000.000 USD kể cả tiền chuyển ngân qua ngân hàng và tiền mặt mỗi lần tôi có dịp trao ngay cho chư vị này tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác Bồ Đề Đạo Tràng.

Đến năm 2001, Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng do Thầy Hạnh Nguyên và Thầy Hạnh Tấn vận động xây cất đã hoàn thành, đi vào hoạt động, nên chúng tôi đã phần tiếp những Tăng Ni Việt Nam từ New Delhi về Boudhi Gaya tiện hơn. Bởi lẽ tại Trung Tâm Viên Giác có nơi chốn ở lại từ 50 đến 70 người trong thời gian mà tôi lưu trú tại Bồ Đề Đạo Tràng. Ngoài ra tôi muốn chư Tăng Ni cũng nên hành trì nữa; chứ không phải chỉ lo nghiên cứu không. Mỗi lần như vậy tôi dành một ngày ra để phỏng vấn từng vị một và trợ cấp theo từng nhu cầu của từng vị. Ví dụ như vị nào đã được trợ cấp ở đâu rồi mà còn thiếu ít nhiều trong việc chi tiêu cả năm, thì tôi hỗ trợ cho phần thiếu này và vị nào cần nhiều hơn thì tùy theo cách khác nhau mà trợ giúp. Những ngày còn lại tôi hay thuê xe đi Linh Thứu Sơn, nơi Đức Phật giảng Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bát Niết Bàn v.v... đặc biệt là mỗi lần chiêm bái nơi đây, Đoàn chúng tôi đã đánh lễ tam bộ nhứt bái (*đi ba bước lạy một lạy*) từ dưới chân núi Linh Thứu, nơi mà Vua Tần Bà Sa La đã từng đi ngựa lên đây để diện kiến Đức Thế Tôn, lên tận trên Hương thất của Ngài tổng cộng độ 3 tiếng đồng hồ như vậy, mồ hôi, ánh nắng, mùi phân bò, phân súc vật hòa quyện vào với nhau, làm cho chúng tôi hầu như không còn cái ngã nào mang theo cùng nữa. Vì ngã hay ngã sở lúc bấy giờ chỉ

là một danh từ mà không là một thực thể như hằng ngày chúng ta đối diện. Chúng tôi cũng đã đi đến Đại Học Na Lan Đà, Vườn Trúc, Khổ hạnh lâm, động Thất Diệp v.v... mỗi lần đi như vậy rất là vui, vì Thầy trò có thể trao đổi kiến thức với nhau qua nhiều câu chuyện đạo.

Điều đặc biệt là mỗi sáng lúc 4 giờ, trong khi chung quanh Trung Tâm Tu Học Viên Giác mọi người còn đang ngủ thì Thầy trò chúng tôi đã khấn gó chuông mõ, dẫn bộ đoàn đi bộ ra Bồ Đề Đạo Tràng và tập hợp tại cội Bồ Đề, nơi Đức Phật thành Chánh Giác, để tụng một thời kinh Lăng Nghiêm thật là trầm hùng. Đồng thời chúng tôi cũng đã đi kinh hành nhiều Phật, đánh lễ cây Bồ Đề và chính từ nơi đây ánh sáng chân lý đã tỏa rạng khắp năm châu; nên Đạo Tràng này rất có ý nghĩa với người con Phật. Tại đây có thể dung chứa hằng ngàn người và mỗi người làm nhiệm vụ của mình, do tự tâm xuất phát. Ví dụ như kinh hành, lễ bái, ngồi thiền, tụng niệm, đọc kinh v.v... nhiều khi có cả những đoàn thể từ Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan đến cả hằng trăm người với y phục trắng, trên đầu đội những tràng hoa sứ, hoa vạn thọ, hoa súng; hoặc đôi khi đội cả một lá cờ Phật giáo dài với 5 sắc màu xanh, vàng, đỏ, trắng, cam. Trông rất trang nghiêm thành kính. Ở phía đông của cây Bồ Đề chư Tăng Ni và Phật tử Tây Tạng tập trung hằng mấy trăm người để tụng kinh trì chú; và ở những góc kia có nhiều vị Sư Việt Nam, Tây Tạng, Đại Hàn và ngay cả người Âu Mỹ cũng đang lạy Phật với kiểu ngũ thể đầu địa. Nghĩa là 5 vóc gieo xuống đất một lần. Không khí thật trang nghiêm thanh tịnh. Vì từ trường nơi đây, ai ai cũng mang lòng chí thành đến dâng lên Đức Thế Tôn, nên nét mặt ai cũng hoan hỷ. Thịnh thoảng thấy có nhiều cảnh sát Ấn Độ canh gác nơi đây, nhưng họ

chỉ làm nhiệm vụ khi có những người ăn xin Ấn Độ trà trộn vào đây quấy rầy khách hành hương mà thôi. Lúc nào đôi môi người Ấn Độ cũng nhoẻn miệng cười tươi, dấu cho là những người đang thi hành công vụ.

Ngày xưa người ta còn cho ở lại qua đêm trong Thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng để hành thiền, nhưng sau này vì an ninh bất ổn; nên khách hành hương chỉ được vào đây chiêm bái từ 4 giờ sáng đến 12 giờ đêm, ai nấy đều phải trở về lại nơi cư ngụ của mình và ngày sau đến tiếp tục. Nhiều người trong khi ngồi Thiền, nếu có một chiếc lá bồ đề nào tự nhiên rơi rụng từ trên cành cây giác ngộ ấy xuống đúng nơi mình ngồi, thì nhật lên liền và xem như đó là một điềm lành. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng thấy được những bậc Đại Sư Tây Tạng, Bhutan, Trung Hoa, Thái Lan đã đến đây lễ Phật, nên cách bài trí chỗ lễ bái khác hơn bình thường. Đôi khi có những vị Quốc Vương, Công Chúa hay Thủ Tướng của một nước Phật giáo nào đó đến đây để hành hương, những nhân viên của Sứ Quán cũng đến đây trước, để bày biện nơi chốn và phẩm vật trước để khi những vị kia đến có nơi lễ bái quyện cầu.

Đặc biệt trong vườn Thiền gần đó nếu ai để ý kỹ sẽ thấy trong này có 3 quả Đại Hồng Chung, đặt dưới 3 góc chuông theo kiểu Ấn Độ, Nhật Bản và Việt Nam. Riêng quả chuông được đúc từ Huế, có sự chứng minh của Hòa Thượng Bác sĩ Thích Hải Ấn là do Dr. Lan cùng quý Phật tử tại Hoa Kỳ phát tâm (*Sau này cô Lan, Pháp danh Diệu Liên phát tâm xuất gia với tôi và được xuống tóc tại Bồ Đề Đạo Tràng và khi thọ giới Tỳ Kheo Ni, tôi cho Pháp hiệu là Hạnh Trì. Hiện cô đang Trụ trì Tịnh Thất Hòa Bình ở Fremont California*) dâng cúng. Đây là một hình ảnh đặc thù của Phật giáo Việt Nam tại đất Phật. Sờ dĩ có được việc này là do Sư Cô Thích

Nữ Hạnh Trì vận động vậy. Ngoài ra ở phía sau cùng của hồ nước, nơi có rần thần hiện ra che chở mưa gió cho Đức Phật lúc Ngài hành thiền trong 7 tuần, sau khi thành Phật, Sư Cô Hạnh Trì cũng đã vận động được vị Sư Trụ Trì tại Thánh Địa xây dựng một vườn thiền có tượng Quan Âm, hồ cá, giả sơn theo kiểu Việt Nam... công đức thật là không nhỏ.

Quyển sách này ghi lại tất cả những sự kiện đã xảy ra tại xứ Phật, nhất là dưới cội cây Bồ Đề và những nơi liên quan khác trong cuộc đời của Đức Phật, nhằm gửi đến quý Phật tử xa gần; người đã hữu duyên đến chiêm bái hay người chưa có nhân duyên thì tạo ra thiện duyên vậy. Bởi vì đến đây chúng ta có thể dễ dàng làm việc từ thiện như giúp người nghèo khó hay những học sinh đang thiếu thốn tiền để mua sách vở. Đặc biệt là có thể cúng dường cho 1.000 vị Tăng Ni cho một pháp hội không khó khăn mấy. Chỉ cần ngày hôm trước gửi giấy mời đến các chùa là sáng mai hôm sau chúng ta sẽ thấy quý Ngài đã vãn tập đầy đủ 1.000 vị ở dưới cội Bồ Đề này.

39 + 40 và 41

*Dịch từ Hán văn ra Việt văn và xuất bản
tại Hannover, Đức Quốc, từ những năm 2004, 2005 & 2006.*

Ba dịch phẩm này đều đã được in thành sách để làm tài liệu gửi đến các học viên trong các khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu để tặng. Chỉ có tập thứ 41 là do Hội Từ Thiện Sariputta in ấn tử tế và dưới hình thức ấn tống của các Phật tử tại Hoa Kỳ. Tại Thư viện Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc

tôi đã cho đóng thành tập tất cả những tác phẩm và dịch phẩm của tôi đã xuất bản thành 18 tuyển tập Thích Như Điển và mỗi tuyển tập như vậy dày độ 200 đến 300 trang. Tổng cộng số trang của 18 tuyển tập ấy không dưới 30.000 trang sách đánh máy. Đây là những tài liệu quý giá mà tôi đang trân trọng bảo hành. Nếu sau này Học Viện Phật giáo Viên Giác tại Hannover xây xong, tất cả những sách vở của tôi viết sẽ được bày biện tại Memory Hall trên tầng 4 để những ai muốn chiêm ngưỡng, tìm lại dấu vết của người xưa, thì đây là nơi mà những tài liệu quý hiếm như vậy được bảo trì. Ngay như bản viết tay của quyển sách thứ 71 này được viết tại Thiên Lâm Pháp Bảo ở vùng Wallacia gần Sydney cũng sẽ được trưng bày tại Memory Hall này. Đến tác phẩm thứ 70 nhan đề là Thán Dị Sao tôi dịch trực tiếp từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, tự đánh máy vào Computer cho tiện, nhưng theo Thầy Trung Thành thì bảo rằng: “Sư Ông nên viết tay, nếu còn có thể viết được. Vì bản thảo này chỉ có một bản duy nhất, không có bản thứ 2”. Đây là lý do mà tôi lại chấp bút để viết tiếp tục bằng tay như vậy. Đồng thời xưa nay những thảo bản như thế tôi vẫn còn giữ kỹ trong thư phòng của mình, nên đây là dấu ấn của một thời mà tôi đã đi ngang qua nơi cõi Ta Bà này vậy.

Tập thứ 39 này gồm có tất cả 25 quyển và sau khi in thành sách có 404 trang đánh máy. Sách này được dịch tại Tu Viện Đa Bảo năm 2004 với lời vào sách như sau:

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

(Siksamuccaya)

Thứ tự Kinh Văn số 1636

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 75 đến trang 144.

Ngài Pháp Xứng (Santideva - Tịch Thiên) Bồ Tát tạo luận.

Tây Thiên dịch kinh Tam Tạng, Ngân Lục Đại Phu, Thí Quang Lục Khanh Thanh Quang.

Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ cùng với những người khác phụng chiếu dịch.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi bắt đầu từ ngày 16 tháng 11 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ 2 tại đây. Dịch xong 25 quyển này vào ngày 9 tháng 12 năm 2004 nhằm ngày 29.10 năm Giáp Thân, Phật lịch 2548.

Tập thứ 40 là Bồ Đề Tư Tưởng Luận. Tập này được viết như sau:

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thứ tự Kinh Văn số 1660; dịch từ trang 517 đến trang 541. Bản gốc của Thánh Giả Long Thọ.

Tỳ Kheo Tự Tại giải thích

Đại Tùy, Nam Ấn Độ, Tam Tạng Đạp Ma Hấp Đa dịch từ Phạn văn sang Hán văn.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc dịch từ Hán văn sang Việt văn. Tỳ Kheo

Thích Hạnh Nhân góp phần hiệu đính xong lần thứ nhất vào ngày 6 tháng 6 năm 2016.

Sách dịch này gồm có 56 trang đánh máy khổ A4. Phần sửa lại dùm lỗi chính tả do Phật tử Thanh Phi đảm trách, nhưng trong quyển này thì không ghi là được dịch xong ngày nào cả.

Tập thứ 41 hay quyển thứ 41 thì đúng hơn. Quyển này được viết rõ ràng như sau:

Phật nói luận A Tì Đàm về việc thành lập thế giới. Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thứ tự Kinh Văn số 1644.

Đời Trần, Tây Ấn Độ, Tam Tạng Chân Đế dịch Phạn – Hán.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trưởng Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc Việt dịch và do Thầy Hạnh Nhân hiệu đính xong lần thứ nhất vào ngày 2 tháng 2 năm 2016.

Sách này có tất cả là 110 trang; nhưng dịch lúc nào và xong lúc nào cũng không ghi ngày tháng rõ. Tuy nhiên sách được in ra năm 2006 thì chắc chắn rằng năm 2005 đã dịch xong. Kế tiếp Thầy Hạnh Nguyên xin tôi cho in ra tác phẩm này và năm 2016 Thầy Hạnh Nhân mới hiệu đính lại.

Nội dung Luận này rất hay và có nhiều ý nghĩa đặc thù mà người đọc cần quan tâm. Đó chính là những giai đoạn của Tiểu Tam Tai và Đại Tam Tai của thế giới này và nhiều thế giới khác trong Tam thiên đại thiên thế giới, nơi loài người và các chúng sanh khác đang cư ngụ.

Thời kỳ Tiểu Tam Tai gồm 3 giai đoạn là: Chiến tranh, đói khát và bệnh tật. Thiết nghĩ 3 giai đoạn này chúng ta đã kinh qua và sự khổ của chúng ta cũng chẳng lấy gì có thể đo lường được.

Thời kỳ Đại Tam Tai cũng có 3 giai đoạn: Đó là nước sẽ dâng lên hết cõi Dục này và 16 loài chúng sanh gồm: trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Cu Lô Châu, Đông Thắng Thiên Châu, Tây Ngưu hóa châu; cõi Tứ Thiên Vương, Dạ Ma, Đao Lợi, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại Thiên; chúng sanh trong các cõi này bị ngập chìm trong biển nước. Lửa bắt đầu đốt cháy vũ trụ này và quả đất sẽ nổ tung ra, khiến cho các mảnh vỡ sẽ do gió cuốn trôi đi vào cõi vô định vì nước dâng cao. Lúc ấy con người chỉ còn độ 10.000 người trên quả địa cầu này sống sót, trôi giạt đó đây và trong đó chỉ có một người còn nhớ lại Tam Bảo và ngũ giới là gì. Người này kể lại cho mọi người nghe, khiến cho nhiều người phát tâm theo Phật đạo.

Gió sẽ ngưng, nước sẽ lắng xuống và các mảnh vỡ của đất sẽ bắt đầu liền nhau lại. Từ đó thế giới bắt đầu thành lập trở lại. Con người sẽ sinh hoạt lại như xưa. Nhưng câu hỏi được đặt ra ở đây rằng: Khi nào thì con người bị đại tam tai? Phật không trả lời rõ ràng trong luận này mà Ngài nói rằng: Tuổi thọ của quả đất này và các thế giới khác là do những chúng sanh đang sinh sống nơi ấy có biết gìn giữ và tôn trọng môi trường sống hay không. Do vậy việc này hoàn toàn lệ thuộc nơi chúng ta vậy.

42. Giai nhân và Hòa Thượng

Việt ngữ, xuất bản năm 2006 tại Hannover, Đức quốc.

Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2021

trên mạng toàn cầu Amazon.

Thông thường việc dịch kinh viết sách mỗi người tự tạo ra cho mình một quy tắc và riêng tôi có một cái tật xưa nay không chữa được. Đó là khi đã viết được dàn bài của một quyển sách, một quyển tiểu thuyết rồi thì cứ cảm đầu cảm cổ để viết và hầu như không bao giờ đọc lại những gì đã viết trước đó. Do vậy nên có nhiều ý tưởng hay phối cảnh có sự trùng lặp. Tôi chỉ đọc lại sau cùng và sửa những chỗ cần thiết trước khi đưa cho thư ký đánh máy mà thôi.

Người muốn viết sách, người ấy phải đọc sách thật nhiều. Lúc ấy mới có ý tưởng để viết hoặc để xây dựng một cốt chuyện mà tác giả nghĩ rằng độc giả có thể chấp nhận được. Tôi là người xuất gia mà viết một chuyện tình như thế này, nhiều người đã và sẽ thắc mắc. Ý tưởng để viết ra quyển này là do tôi đọc quyển Thoát Vòng Tục Lụy của Hòa Thượng Quảng Độ dịch từ quyển chữ Hán do Hòa Thượng Tinh Vân viết nhan đề là: “Thiên Kim Tiểu Thư, Vạn Kim Hòa Thượng”. Đây là câu chuyện của Trung Hoa đã được ngài bút điều luyện của Hòa Thượng Quảng Độ dịch ra Việt ngữ thật là tài tình. Ngoài ra tôi bị ảnh hưởng của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn khi còn học Trung Học tại Việt Nam như các ông: Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Thế Lữ, Nhất Linh v.v... Còn thơ văn thì tôi đã được ảnh hưởng sâu đậm bởi Bà Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan hay các nhà thơ như: Tản Đà, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Bính, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Du, Nguyễn

Công Trứ v.v... ngân ấy nhân vật, ngân ấy dữ liệu đã giúp tôi có một định hướng là nên viết những gì đáng viết và những gì không nên viết, nhất là viết đến chuyện tình cảm của một người xuất gia.

Tôi đưa ra những nguyên tắc này để chế ngự mình khi viết văn như: Ta ăn bao nhiêu thì đủ? Uống bao nhiêu thì đủ? Tiền bao nhiêu thì đủ? Tình cảm bao nhiêu thì đủ? Từ đó chính mình phải biết dừng chỗ đáng dừng chứ không phiêu lưu mạo hiểm quá như một số người thế gian vẫn thường viết. Ngòi bút của tôi sẽ không cho phép mình phóng túng lung tung như vậy. Vì trên đầu của tôi còn có Tam Bảo, Phật, Pháp, Tăng ngự trị.

Dịch người Pháp cũng nói là phản dịch. Nếu mình dịch và diễn tả sai ý của tác giả, nên đa phần những tác phẩm nghiên cứu, người dịch đầu giỏi đến đâu cũng nên khiêm nhường là: Mong các bậc cao minh chỉ giáo cho, nếu phát hiện ra những điều sai sót.

Đọc truyện kiếm hiệp của Kim Dung quá nhiều, nhân vật mà ông nhớ từng người và viết trùng khớp với nhau về nội dung của câu chuyện. Riêng tôi thì không có được trí nhớ tốt như Kim Dung; nên tôi chỉ cho một vài nhân vật chính xuất hiện nhiều lần, nhiều nơi trong sách. Tất cả còn lại là những nhân vật phụ. Những nhân vật này xuất hiện bất cứ lúc nào mà chúng ta cần cho họ xuất hiện.

Tác phẩm thứ 42 này hoàn toàn do tôi suy nghĩ ra và dựng nên câu chuyện và đã có nhiều người đọc; kể cả Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ ở Việt Nam. Xin niệm ân tất cả quý Ngài và quý vị đã quan tâm đến người nông dân xứ Quảng này, không quan tâm về câu văn, câu chuyện bình dân, đã để tâm đến và đọc tác phẩm “Giai nhân và Hòa Thượng” này là một phước báu vô cùng.

43. Thiền Lâm Tế Nhật Bản

Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, xuất bản năm 2006.

Tôi xa Nhật năm 1977 đến năm 2005 bắt đầu dịch tác phẩm Nhật ngữ này ra Việt ngữ quả cũng là một vấn đề liêu lĩnh. Vì thời gian như thế đã trải qua là 28 năm. Trong 28 năm này dĩ nhiên là tôi đã nhiều lần đi lại về Nhật và đọc những sách Nhật, nói chuyện với người Nhật thường xuyên ở Đức, nên tôi mới tự tin như vậy.

Sở dĩ tôi có ý định dịch những sách viết về những Tông Phái chính của Phật giáo Nhật Bản vì lẽ nhìn về trước những bậc đàn anh của tôi đã du học tại Nhật Bản, tốt nghiệp Tiến Sĩ như Hòa Thượng Thích Thiên Ân, Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Thầy Nguyễn Hồng hay học xong chương trình hậu đại học như Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Minh Lễ v.v... đã chẳng có vị nào chịu khó ngồi dịch những tài liệu này; nên tôi phải cố gắng thôi. Bởi lẽ tục ngữ Đức có nói rằng: “Ohne Anfang ohne Ende” (*Không có cái bắt đầu thì sẽ không có cái chấm dứt*) và đây là lý do mà tôi tiếp tục dịch được nhiều tác phẩm bằng tiếng Nhật về sau này nữa. Dĩ nhiên trước đó tôi cũng đã có dịch tác phẩm Thiền Học của Hòa Thượng Yoshida và quyển “Nghiên cứu Giáo đoàn Phật giáo thời Nguyên Thủy” rồi; nên thời gian sau này tôi tự tin về việc dịch này.

Quý Ngài đi trước hay những vị đi sau tôi, đỗ đạt cao hơn tôi nhiều và dĩ nhiên là kiến thức cũng rộng hơn, nhưng quý Ngài ít dịch ra tiếng Việt, có lẽ vì khi đó phạm trù giáo dục bận rộn việc soạn bài và giảng dạy ở Đại Học nên không còn thời gian để

dịch thuật chẳng? Hay việc này chẳng phải là việc chuyên môn của quý Ngài?

Tôi phải cảm ơn nước Nhật, người Nhật và đặc biệt là Hòa Thượng Oikawa Shinkai cùng phu nhân Hòa Thượng cũng như Tăng chúng và 4 người con của Ngài gồm: Shin, Yoshiko, Shinkichi, Yoko mà bây giờ những người này chắc cũng đã có cháu nội ngoại đủ rồi. Tôi đã sống từ năm 1973 đến năm 1977 trong chùa Nhật như vậy, nên tôi đã hiểu và thực hành khá nhiều về Nhật ngữ. Nhờ đó sự tự tin có cơ sở cao. Do vậy nhiều lúc tôi hay nói rằng: Tôi không tự cao, tự đại, tự mãn, tự hào mà tôi tự tin ở chính mình có thể làm nên được công việc gì đó và nhất là không tự ái khi có người phê bình, không tự ti khi thấy mình có tội lỗi. Biết xấu hổ và sám hối là đặc tính của tôi lâu nay.

Bắt đầu từ Thiên Lâm Tế, sau đó sẽ đến Thiên Tào Động, Nhật Liên Tông, Tịnh Độ Chơn Tông, Chơn Ngôn Tông, Pháp Hoa Tông v.v... đây là những sách tiếng Nhật cần phải dịch ra Việt ngữ, vì biết đâu một ngày nào đó người Việt Nam mình sẽ cần đến.

Cái khó của tiếng Nhật là dùng đến 4 loại chữ viết. Đó là Romaji, Hinagana, Katakana và Kanji và điều đặc biệt hơn nữa là động từ của tiếng Nhật nằm ở cuối cùng câu. Cách tạo thành một câu tiếng Nhật là: chủ từ, túc từ, trạng từ rồi mới đến động từ. Do vậy muốn dịch một câu văn, phải đọc xong cả câu đó, hay đọc xong quyển sách sắp dịch ấy trước một lần, sau đó mới bắt đầu dịch là một nguyên tắc, mà quyển Thiên Lâm Tế Nhật Bản này là một ví dụ.

44 và 45. Luận về con đường giải thoát

Dịch từ Hán văn ra Việt ngữ, xuất bản tại Đức năm 2006 và

Luận về bốn chân lý

Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ, xuất bản năm 2007.

Hai quyển này cũng đã in thành sách; quyển thứ 44 in ra 1.000 cuốn để phát cho các học viên tu học khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu tham cứu những bản văn tôi giảng và sau đó mang về nhà để làm quà và bản văn thứ 2, tức tập sách thứ 45 Luận về bốn chân lý thì được Hội Từ Thiện Sariputta của Thầy Hạnh Nguyễn cho xuất bản vào năm 2006.

Quyển thứ 44 có 149 trang khổ A4 và bắt đầu vào sách được viết như sau:

Giải thoát đạo luận

Hay Luận về con đường giải thoát

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thứ tự Kinh Văn số 1648. Từ trang 399 đến trang 461 gồm có 12 quyển.

Ngài A La Hán Ưu Bà Đề Sa (Uptissa) còn gọi là Đại Quang tạo luận này và vào đời nhà Lương được Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La (Samghaphala) nước Phù Nam dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán. Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc dịch từ chữ Hán dịch sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi nhân lần nhập thất thứ ba tại đây. Bắt đầu dịch luận này vào ngày 10 tháng 12 năm 2005.

Bắt đầu một đoạn ở đầu đề của luận như sau:

Quyển thứ nhất - Phẩm Nhơn Duyên thứ nhất

Kính lễ Đức Thế Tôn

Ứng Cúng Chánh Biến Tri

Giới Định trí tuệ

Vô Thượng giải thoát

Tùy rõ pháp này

Nên gọi Cù Đàm

Nếu có người nào thoát khỏi những sự khổ rồi, được lìa các dính mắc, thành tựu tâm tối thắng, sợ sanh, già, bệnh. Vui việc lành, vui giải thoát, làm cho đến được vui Niết Bàn. Nếu chưa đến được nơi kia, lại làm cho được tròn đủ. Rộng hỏi kinh, luật, luận. Con đường giải thoát này nay ta sẽ nói, hãy lắng nghe.

Hỏi rằng: Giới có nghĩa là gì?.....

Đáp rằng: Giới nghĩa là oai nghi; định nghĩa là chẳng loạn; trí huệ nghĩa là trí giác; vô thượng nghĩa là vô lậu; giải thoát nghĩa là lìa các sự trói buộc; tùy giác nghĩa là được trí. Pháp này nghĩa là 4 Thánh Pháp; Cù Đàm nghĩa là tánh, gọi nghĩa là Thế Tôn; lấy giới, định huệ, giải thoát thù thắng, nên gọi là vô thượng...

Dịch xong vào ngày 28 tháng 6 năm 2006 tại thư phòng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, nhân ngày sinh nhật thứ 58 tổ chức tại chùa và khi 10 bông hoa quỳnh đều nở rộ để chào đón một quyển luận đã được dịch xong trong mùa An cư Kiết hạ năm Bính Tuất này.

Đến quyển thứ 45 Luận về 4 Chân lý thì có 2 bản dịch. Bản thứ nhất không thấy để dịch giả là ai; nhưng cũng thuộc quyển thứ 32 của Đại Chánh Tạng và Kinh văn số 1647.

Trọn bộ này chỉ có 4 quyển; trong khi đó bản thứ 2 do tôi dịch có tất cả là 189 trang khổ A4 và nguyên tác do Pháp Sư Bà Tẩu Bạt Ma dịch ra Hán văn, Việt dịch Thích Như Điển.

Bắt đầu vào luận tôi đã ghi rõ như sau:

Thứ tự Kinh văn số 1647. Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32 thuộc về Luận Tập Bộ Toàn, từ trang 375 đến trang 399.

Pháp Sư Bà Tẩu Bạt Ma tạo ra luận này. Đời Trần, nước Ấn Độ Ngài Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Bắt đầu dịch từ ngày 9 tháng 8 năm 2006 nhằm ngày 16 tháng 7 năm Bính Tuất tại thư phòng Chùa Viên Giác.

Dịch xong vào ngày Rằm tháng 7 nhuận năm Bính Tuất, Phật lịch 2550, Dương lịch nhằm ngày 7 tháng 9 năm 2006 tại thư phòng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc; nhân lễ truyền giới Sa Di cho các đệ tử của Thầy Hạnh Tấn gồm: Đồng Tú, Diệu An, Diệu Vân, Diệu Ninh và chú Thiện Châu, đệ tử y chỉ của Thầy Đồng Văn.

Thường tôi hay ghi rõ những sự kiện như vậy để sau này dễ nhớ và trải qua ngần ấy thời gian từ năm 2006 đến năm 2022 gần 16 năm ấy có những sự biến đổi như sau:

Đồng Tú tức Thông Trì, đã thọ Tỳ Kheo, nay đang học MA tại Đại Học Pháp Cổ Sơn tại Đài Loan. Điều An đã xả y Sa Di ra đời sau đó chẳng bao lâu; khi là sinh viên năm thứ nhất của Đại Học Berlin đã ngộ độc và chết. Điều Vân và Điều Ninh cũng đã ra đời và chú Thiện Châu nay là Thầy Hạnh Giác đang tu tập ở Đức và vì lớn tuổi nên thỉnh thoảng mới về Tu Viện Viên Đức ở vùng Ravensburg, nơi Thầy Hạnh Vân Trụ trì ở năm, ba ngày rồi lại phải đi khám Bác sĩ một lần.

Quả thật cuộc đời này chẳng có cái gì có thể xem là chắc thật cả. Độ cho người trẻ vào chùa xuất gia rồi, cũng khó mà giữ chân họ lại lâu dài được. Còn độ người lớn tuổi, khi vào chùa bị bệnh hoạn liên miên cũng khó tu tập theo chúng lý. Đây là cái khó của Phật giáo Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước ngày hôm nay.

46. Tịnh Độ Tông Nhật Bản

*Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, xuất bản năm 2007
tại Hannover, Đức Quốc.*

Quyển này nguyên bản chính gọi là: Tịnh Độ Chơn Tông; nhưng tôi muốn có sự liên hệ với Tịnh Độ Tông của người Việt Nam nên tôi dịch tắt một chữ vậy; chứ đúng ra phải gọi là: Tịnh Độ Chơn Tông mới đúng. Vì đây là tư tưởng của Ngài Shinran Shonin (Thân Loan Thánh Nhơn) Ngài là đệ tử của Ngài Honen Shonin (Pháp Nhiên Thượng Nhơn). Sở dĩ có hai danh từ hơi khác nhau, tuy cùng là một Tông Tịnh Độ, bởi lẽ Ngài Honen thì chủ trương niệm Phật cầu vãng sanh cần phải có tự lực của người niệm Phật. Có như vậy Đức A Di Đà mới thọ ký về cảnh

giới Tây Phương Cực Lạc. Trong khi đó Ngài Shinran là Đệ tử, nhưng chủ trương rằng: Niệm Phật không cần đến tự lực, chỉ cần đến tha lực là đủ (*Xin xem quyển Thán Di Sao xuất bản năm 2023 sẽ rõ*). Vì Đức Phật A Di Đà cũng giống như một người mẹ, khi nghe đến tiếng của con mình la khóc, hay cầu nguyện v.v... thì người Mẹ ấy liền hiểu rằng con mình cần đến cái gì rồi và dĩ nhiên là không cần phải hỏi con mình nữa. Đây là lý do chính để Ngài Thân Loan sửa đổi lời dạy của Thầy mình và từ đó (thế kỷ thứ 13) mới phát sinh ra Tịnh Độ Chơn Tông là vậy.

Tịnh Độ Chơn Tông Nhật Bản do Ngài Thân Loan đề xướng họ lập Tông như sau: Lấy 3 kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng thuyết làm chánh và tôn xưng Đức Thích Ca Mâu Ni là Giáo chủ của Tịnh Độ Tông. Kế đến Ngài Long Thọ (Nagajuna) người Ấn Độ là Sơ Tổ của Tịnh Độ Tông, kế tiếp là Ngài Thế Thân. Tư tưởng này được truyền qua Trung Hoa và Ngài Đàm Loan, Đạo Xước cùng Thiện Đạo là 3 vị Tổ của Tịnh Độ Tông Trung Hoa trở thành Đệ tam, Đệ tứ và Đệ ngũ Tổ. Khi truyền qua Nhật Bản thì Ngài Nguyên Tín, Ngài Pháp Nhiên và Ngài Shinran lần lượt trở thành Đệ lục, Đệ thất và Đệ bát của Tịnh Độ Chơn Tông.

Khi xem Phật giáo Nhật Bản có sự truyền thừa rõ rệt như vậy, cho nên lúc tìm hiểu về Tịnh Độ Tông Việt Nam thì chúng ta cũng nên thiết lập lúc ban đầu giống như người Nhật từ Ấn Độ truyền trực tiếp vào Việt Nam và Ngài Đàm Hoằng cùng thời với Ngài Đàm Loan bên Trung Hoa chính là Sơ Tổ Tịnh Độ Tông của người Việt Nam chúng ta và là Đệ Tam Tổ Tông Tịnh Độ kể từ thời Ngài Nagajuna, Ngài Thế Thân; mặc dầu Ngài Đàm Hoằng cũng từ Trung Quốc qua Việt Nam để truyền thừa pháp

môn Tịnh Độ nảy tại Tiên Du Bắc Việt từ thế kỷ thứ 4, điều này có nghĩa là Tịnh Độ Việt Nam đã có mặt trước cả Thiên Tông nữa. Thiên Tông Việt Nam chính thức được truyền thừa qua Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi từ thế kỷ thứ 6. Từ Ngài Đàm Hoảng trở đi, Tịnh Độ Tông của Việt Nam đã được nhiều người biết đến và tại sao Tông này bị gián đoạn cho đến thế kỷ thứ 19, 20 mới có người truyền thừa tiếp như Hòa Thượng Thiên Tâm, Hòa Thượng Trí Tịnh v.v... thì đó là việc của chúng ta và của những người đi tìm dấu vết truyền thừa theo vận hành của lịch sử về sau này.

Theo sử gia Trí Siêu Lê Mạnh Thát thì Đạo Phật đã đến Việt Nam từ thời Vua Hùng Vương thứ 18. Chử Đồng Tử và Công chúa Tiên Dung là những người Phật tử đầu tiên của chúng ta (*căn cứ theo Lục Độ Tập Kinh để dẫn chứng*). Trong khi đó Nguyễn Lang tức Thiên Sư Thích Nhất Hạnh thì cho rằng Phật giáo du nhập vào Việt Nam vào thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch và đặc biệt là trực tiếp từ Ấn Độ, chứ không qua ngã Trung Hoa. Riêng Hòa Thượng Thích Mật Thể thì chứng minh (*trong Việt Nam Phật giáo Sử Lược*) rằng Ngài Khương Tăng Hội, Mâu Bác và Chi Cương Lương vào thế kỷ thứ 2, chính là những người đã mang Phật giáo vào Việt Nam từ nước Khương Cư cũng như Trung Quốc. Tuy nhiên cả 3 Hòa Thượng và Sử gia Phật giáo kia đều công nhận Ngài Khương Tăng Hội là Sơ Tổ của Phật giáo Việt Nam và ở những thế kỷ đầu ấy Phật giáo tại Giao Chi chưa phân biệt Tông Phái như về sau này.

Tại sao Phật giáo Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chơn Tông ở Nhật Bản từ thế kỷ thứ 13 lại lập gia đình thì quý vị nên xem thật kỹ dịch phẩm thứ 46 này của chúng tôi trực dịch ra tiếng Việt từ Nhật ngữ mới rõ hết được ngọn ngành. Trong khi chúng ta bảo rằng: Tại sao

người tu lại có gia đình, quá kỳ cục, thì quý vị phu nhân của quý Hòa Thượng, quý Thượng Tọa, quý Đại Đức người Nhật trả lời rằng: Thông minh như Tăng sĩ Việt Nam mà không lập gia đình mới là kỳ cục; còn chúng tôi việc ấy là chuyện bình thường cả gần 1.000 năm nay tại xứ sở này rồi.

47. Tào Động Tông Nhật Bản

*Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, xuất bản năm 2008
tại Hannover, Đức Quốc.*

Thiền Lâm Tế, do Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền người Trung Hoa là vị Tổ đầu tiên sau khi phân chia Ngũ gia thất tông (Quy Ngưỡng Tông do hai Thiền Sư sáng lập là Ngài Quy Sơn Linh Hựu (771-853) và môn đệ là Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền Sư (807-883) hoặc (813/814 – 890/891). – Lâm Tế Tông do Thiền Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (? -866) khai sáng. – Tào Động Tông do 2 Thiền Sư khai sáng. Đó là Ngài Động Sơn Lương Giới (807-869) và Ngài Tào Sơn Bản Tịch (840-901). – Vân Môn Tông được Thiền Sư Vân Môn Yến (864-949) và môn đệ của Ngài là Tuyết Phong Nghĩa Tồn thành lập. – Pháp Nhãn Tông do Ngài Thiền Sư Pháp Nhãn Văn Ích (885-958) thành lập; trước đó Tông này cũng được gọi là Huyền Sa Tông, gọi theo tên của Ngài Huyền Sa Sư Bị, Thầy của Thiền Sư La Hán Quế Lâm, Sư Phụ của Đại Pháp Nhãn. Nếu kể cả 2 nhánh của Lâm Tế Tông được thành lập sau Thiền Sư Thạch Sương Sở Viên (Tứ Minh) thì có tất cả bảy Tông. – Dương Kỳ phái được Thiền Sư Dương Kỳ Phương Hội (992-1049) thành lập. – Hoàng Long Phái, được Thiền Sư Huệ Long Huệ Nam (1002-10679) thành lập) ra

Tông riêng của mình và Ngài là Tông chủ. Chũ Lâm Tế (Linzai hay Linchi) theo chúng tôi tra cứu, chính là quê hương nơi mà Ngài Nghĩa Huyền sinh ra vào thế kỷ thứ 9, và Tông này được truyền sang Việt Nam đời thứ 33 là Ngài Nguyên Thiều, đời thứ 34 là Ngài Minh Hải Pháp Bảo và cho đến thế hệ chúng tôi thuộc đời thứ 41, kể từ thời Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền và là đời thứ 8 theo hệ phái truyền thừa từ Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An.

Căn cứ theo phổ hệ truyền thừa tại Trung Hoa thì Tông Tào Động xuất hiện cùng thời và sau đó so với Ngài Lâm Tế ở Trung Hoa, nhưng cách truyền như thế nào vào Việt Nam ở phía Bắc thì chúng tôi chưa rõ lắm; nhưng Tào Động Tông ở Nhật Bản có một sự truyền thừa rất rõ rệt và có hệ thống từ Trung Hoa sang. Do vậy quý vị nên dành thời gian để tìm đọc dịch phẩm thứ 47 này của chúng tôi sẽ nắm bắt những sự kiện lịch sử được truyền thừa về Tông này rõ ràng hơn. Tông này tại Nhật Bản có Đại Học Komazawa (Cầu Trạch) và nhiều Đại Học khác nữa ở Kyoto chuyên nghiên cứu về Phật Học và cũng có dạy kèm theo nhiều Phân Khoa khác nữa. Ví dụ như Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cũng đã tốt nghiệp tại Đại Học Komazawa tại Tokyo về Phân Khoa Xã Hội học vào năm 1980. Sau đó thì Hòa Thượng sang Úc Châu, định cư cho đến ngày hôm nay.

Giữa Thiên Lâm Tế và Thiên Tào Động chắc chắn có nhiều sự khác biệt căn bản như sau: Trong khi Thiên Lâm Tế chú trọng về tiếng hét để được ngộ đạo, hay Quán thoại đầu để đập vỡ nghi tình, thì Thiên Tào Động chủ trương là Thiên Mặc Chiếu; nghĩa là trong khi ngồi Thiền chuyện gì xảy ra bất kể, đều phải cho tâm ta trải nghiệm, mãi cho đến khi nào trí tuệ tự sáng lên từ tâm thức là được.

Khi tôi còn ở Nhật có tiếp xúc với Thiền Sư Sogen Omori là Thiền Sư của Tông Lâm Tế. Chùa chính của Ngài ở Shibuya, nhưng Ngài là học trưởng của Đại Học Hanayono (Hoa Viên) ở Kyoto. Ngài cũng chính là người ký tên để cho tôi vào học ở Đại Học nơi Ngài dạy, sau đó vì tôi thay đổi Phân khoa giáo dục, nên Giáo Sư Akiyama trở thành người chính làm Hoshonin (bảo chứng nơn) cho đến khi tôi rời Nhật Bản và mãi cho đến hôm nay tôi vẫn còn liên lạc với ông Akiyama; mặc dầu ông cũng đã trên 90 tuổi rồi.

Ở Nhật thời đó tôi có làm quen với vị Thiền sư Yosihara thuộc Tào Động Tông ở Fukushima qua sự giới thiệu của anh Trần Đức Giang và anh sau này đã đi xuất gia theo Phật giáo Nhật Bản có Pháp danh là Triệt Học. Thiền Sư Yosihara có viết một quyển về hoa Tsubaki (hoa Thung hay còn gọi là hoa Xuân) của Việt Nam tại địa phương Đà Lạt; nơi mà Thiền Sư đã nhiều năm nghiên cứu và tác phẩm này được lãnh giải thưởng Văn Chương của Nhật Bản vào những năm 1974-1975.

Shinsoin (Tín Tùng Viện) là một ngôi chùa thuộc Tào Động Tông tại thành phố Hachioji và năm 1974 tôi đã tìm đến đây để nhờ Ngài Trụ Trì cho Hòa Thượng Bảo Lạc tá túc trong thời gian đầu để đi học Nhật ngữ. Sau này Hòa Thượng Bảo Lạc về lại Nhật Bản có ghé thăm Hòa Thượng và phu nhân cùng con cái. Họ tiếp đãi rất lịch sự và ý nghĩa vô cùng. Bởi lẽ Hòa Thượng và phu nhân Trụ trì Chùa Shinsoin khác rất nhiều với Hòa Thượng Yamada và phu nhân tại Chùa Kongoin (Kim Cang Viện); nơi Thầy Minh Tuấn ở một thời gian và sau này Thầy Minh Tuấn lên Kozasan để học Đại Học tại đó. Riêng vị Hòa Thượng Oikawa Trụ trì Chùa Honryuji đối với tôi và Thầy An Thiên là những ân nhân rất đặc

biệt, nên chúng tôi mới có được ngày hôm nay. Tiếc là Thầy An Thiên sau khi sang Úc một thời gian đã tự thiêu, nên sự liên lạc với Nhật Bản của Thầy An Thiên không còn nữa. Phu nhân của Hòa Thượng Oikawa cũng là người đã giúp tôi thăng tiến Nhật ngữ rất nhiều. Xin niệm ân tất cả.

(48. Phật giáo và Khoa Học)

Việt ngữ, 2008.

Tuy là để tựa sách như vậy, nhưng quyển này đã mất bản cáo khi tôi tin tưởng và trao gởi cho Hòa Thượng Thích Hạnh Bình, khi Thầy Hạnh Bình còn lưu học tại Đài Loan. Thầy ấy hứa là sẽ cho người đánh máy và sẽ gởi cho một nhà xuất bản tại Việt Nam; nhưng sau đó vì dọn nhà sau khi học xong chương trình Tiến Sĩ tại Đài Loan, Thầy về Việt Nam. Thế là bản cáo này của tôi đã biệt vô âm tín, không cánh mà bay và bây giờ tôi cũng không thể viết lại được một tác phẩm nào khác có tên như bên trên nữa.

Do vậy xin quý vị quên Tác phẩm này của tôi và xin đôn dùm những tác phẩm bên dưới lên thêm một bậc để đúng với thứ tự của những quyển về sau này.

Đây là một sơ sót của tôi, lẽ ra tôi phải cho Photocopy lại và giao bản cáo cho Thầy Hạnh Bình; nhưng hình như lúc đó thời gian không có nhiều và tôi phải đi tiếp những nơi khác; nên mới xảy ra cố sự như vậy.

48. Pháp ngữ

Việt ngữ, xuất bản năm 2008 tại Hannover, Đức Quốc.

Năm 2008 là năm có nhiều sự kiện quan trọng đối với cá nhân tôi. Đó là năm tôi 60 tuổi Ta và 59 tuổi Tây. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu chính thức tấn phong tôi và Thầy Thích Quảng Bình lên ngôi vị Hòa Thượng, nhân Đại Giới Đàn Pháp Chuyên được tổ chức cùng lúc tại chùa Viên Giác, Hannover. Đây cũng là lý do chính để Thầy Thích Giác Trí và Thầy Thích Giác Ân đề nghị với tôi là Sư Phụ nên in một tập Pháp Ngữ gồm những câu nói hay câu văn viết đã được đăng trên báo Viên Giác hoặc sách, sau đó phân phát, tặng các Phật tử đến mừng thọ Thầy 60 tuổi cũng như được đăng quang phẩm vị Hòa Thượng.

Tôi nghe vậy cũng có lý, nên nhờ Thầy Giác Ân đọc lại những bài tôi viết có đăng trên báo Viên Giác lâu nay, sau đó đưa cho văn phòng đánh máy và nhờ Thầy Giác Trí cho người ở Việt Nam Layout xong, gửi qua nhà xuất bản và cho in ấn tại Việt Nam và gửi tàu thủy qua Đức trước ngày trọng đại được cử hành từ ngày 26 đến 28 tháng 6 năm 2008.

Nội dung những Pháp ngữ ấy toàn là những câu ngắn. Ví dụ như câu: “Sự học nó không làm cho người ta giải thoát được. Nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia sẽ không thiếu sự tu và sự học được”. Hoặc câu: “Con xin nguyện làm dòng sông để chuyên chở những trọng đục của cuộc đời và xin nguyện làm mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế”. Hoặc giả có những câu nói bình thường thôi; nhưng quý Thầy ấy cũng đã cho

in vào quyển Pháp ngữ này. Ví dụ như câu: “Tôi là một nông dân xứ Quảng, không biết cầm cuốc, chỉ biết cầm bút thôi”. Đại khái là những dòng chữ như vậy; nhưng cứ mỗi một câu hay hai câu ngắn được Layout vào một trang khổ A6 rất đẹp. Ai nhận được cũng hoan hỷ, nhưng có đọc không thì lại là một chuyện khác nữa.

Người Việt Nam có nhiều cái hay, nhưng có nhiều cái thể giới này thấy ít xảy ra. Ví dụ như người Việt mình khi sống thì chỉ nghe toàn chuyện xấu, nhưng khi người ấy chết đi, chỉ thấy kể toàn là chuyện tốt đẹp mà thôi. Trong khi đó người ngoại quốc thì khác hơn mình. Những gì người ta không vừa ý thì họ nói ngay ra lúc ấy và nếu mình thua người khác, chấp nhận sự thua kia một cách dễ dàng để cùng nhau xây dựng cho việc chung tiếp theo. Nhưng người Việt Nam mình thì không được vậy, chỉ khi nào người ấy chết đi, mới tìm đến những tác phẩm của người đó để đọc. Ví dụ như Ni Trưởng Thích Trí Hải là một điển hình. Khi hay tin Ni Trưởng bị tai nạn giao thông, chết cùng hai đệ tử Ni một lúc, thì ngày hôm sau trên kệ ở các tiệm sách tại Sài Gòn, Hà Nội, Đà Nẵng những sách của Ni Trưởng viết và dịch hầu như không còn quyển nào nữa. Có lẽ đây là một hiện tượng của người Việt Nam chăng ?

Tôi phải cảm ơn Thầy Thiện Sơn và Đệ Tử của Thầy lúc đó thật là nhiều. Vì Thầy Thiện Sơn đã chiêu đãi một bữa tiệc mừng thọ cho tôi và Hòa Thượng Bảo Lạc tại khu đất trống bên trái của chùa Viên Giác thật là ấm cúng và đầy đủ ý nghĩa vô cùng.

49. Những mẩu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát

Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ tập I, II và III.

Xuất bản năm 2009 tại Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.

Đây là cơ duyên và nói đúng hơn là nhân duyên vậy. Nguyên là ở Hoa Kỳ có một Phật tử tên Hiệp đã tìm hiểu những kinh sách liên quan về Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát để ấn tống và mục đích là hồi hướng cho Mẹ mình và những chúng sanh khỏi bệnh khổ; nên đã vào Internet để tìm. Kết quả là tìm ra những chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát bằng tiếng Anh và tiếng Nhật. Phật tử này biết tôi đang dịch những sách tiếng Nhật ra Việt ngữ, nên đã liên lạc với tôi và thuở ấy (2008) tôi vẫn còn đang tịnh tu nhập thất mỗi năm 2 đến 3 tháng trên Tu Viện Đa Bảo gần Sydney, Úc Châu. Sau đó tôi bảo Phật tử này gửi cho tôi xem vài chuyện thử có đảm nhận được việc dịch không và kể từ đó tôi đã bắt đầu dịch hết tập I, sang tập II rồi tập III; nghĩa là quyển này có tất cả 3 tập. Những người bệnh sau khi được chữa lành, họ đã đến Fuchu để làm lễ tạ và cùng lúc ấy họ đã viết kể lại những chuyện bệnh tật đã trải qua và 80 đến 90% đều lành bệnh do trì tụng câu Thần chú của Đức Địa Tạng là: “Án Ha Ha Ha Vỹ Sa Ma Lý Ta Bà Ha” và còn nhiều việc linh thiêng khác nữa. Đây hầu như tất cả là những câu chuyện có thật. Sau khi dịch xong thì quý Phật tử Âu, Mỹ, Úc hùn phước lại ấn tống lần đầu 1.000 cuốn. Đến lần thứ 2 tái bản Phật tử Hiệp muốn vận động với Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội tại Đài Loan trợ giúp việc xuất bản và lần này đã được như ý. Ngoài ra 3 quyển này được cho vào một hộp đựng sách chung cho 3 quyển rất lịch sự; khiến ai mới nhìn thấy

cũng muốn lần giở vào bên trong để đọc. Người đọc sẽ thú vị, đọc hết chuyện này đến chuyện khác. Vì mỗi câu chuyện như vậy không dài lắm. Rất dễ đọc.

Điều bất khả tư nghi khác là chính chúng tôi đã dẫn Phái Đoàn Phật tử Việt Nam đến đây nhiều lần để thăm viếng, đánh lễ, trì tụng kinh chú, thỉnh chuông, cúng dường, thỉnh khăn lau mặt, trên đó có in chữ: “Án Ha Ha Ha, Vỹ Sa Ma Lý Ta Bà Ha” mang về nhà và khi đau nhức ở đâu thì để khăn lên đó để tụng chú và đa phần các bệnh đều được thuyên giảm.

Có lần trong khi nhiều người trong Phái Đoàn còn đang yên giấc tại khách sạn gần đó thì Thầy Đồng Văn và một số những vị Phật tử trong đoàn đã đi tam bộ nhất bái từ khách sạn lên đến chỗ Đức Địa Tạng cụt đầu (*xin quý vị tìm đọc dịch phẩm này trên trang nhà Viên Giác để biết thêm về lịch sử của Đức Địa Tạng này*) để tỏ lòng cung kính Ngài và nhờ thần lực của Ngài gia bị cho chính cá nhân của mỗi người hay thân nhân của mình đang bị bệnh ở nhà.

Năm 2019 có dịp về lại Nhật, tôi đã dẫn theo Thầy Hạnh Bốn và Thầy Trung Thành cùng đi đến miền Bắc Kyushu để thăm nhà ông Harata Moto. Ông là người Nhật, dạy Piano cho Sinh viên Đức tại Đại Học Hildesheim. Mẹ ông quy y với tôi, tôi cho Pháp danh là Thiện Liên và ông, nay mai cũng định nương theo tôi để tu học và xin thọ Tam quy Ngũ giới luôn, mà điều này thực ra người Nhật rất ít làm. Họ chỉ quy y khi đã vào nằm trong quan tài và vị Đạo Sĩ sẽ làm lễ giá kéo (Tokudosiki = xuất gia) và đặt Pháp danh cùng một lúc; nhưng bây giờ thì Mẹ ông và ông Harata đã thay đổi cách nhìn về việc này nên mới xin quy y trước khi mất là vậy.

Lần này về đây chúng tôi đi thăm bà Cụ, đã vào nằm trong Viện Dưỡng Lão. Đó cũng là lần cuối mà ông Hatara đã gặp Mẹ mình, vì sau đó chẳng bao lâu thì bà Cụ mất, trong khi ông phải đang dạy học tại Đức, không về được. Trước đó bốn Thầy trò chúng tôi cùng đi Fuchu để thăm viếng Đức Địa Tạng Vương không đầu và địa phương này nằm không xa vùng ông ở cùng thành phố Hiroshima là bao nhiêu; nhưng chính ông cũng chưa một lần nào đặt chân đến đó và đây là cơ hội vậy. Chúng tôi 4 người mà nói 4 ngôn ngữ khác nhau để trao đổi trong thời gian ở đây. Tôi nói chuyện với ông bằng tiếng Nhật; Thầy Hạnh Bốn nói chuyện với ông bằng tiếng Đức; Thầy Trung Thành nói chuyện với ông bằng tiếng Anh và 3 chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt.

Đến nơi đây cảnh vật cũng như xưa. Có điều đặc biệt là trên tường họ còn dán những hình ảnh mà Phái đoàn chúng tôi lần trước đến đây thăm viếng cùng trao tặng tập sách 3 cuốn bằng tiếng Việt do tôi dịch ra từ tiếng Nhật, nhan đề là “Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát” và người có trách nhiệm của họ rất cảm kích vô cùng, vì ngoài tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Đại Hàn, tiếng Trung Quốc ra bây giờ còn có thêm tiếng Việt Nam nữa.

Trước khi chúng tôi rời khỏi tư gia ông Harata để về lại Tokyo; một bữa sáng nọ 3 Thầy trò chúng tôi đã y áo trang nghiêm vào nơi bàn thờ của gia đình để tụng một thời kinh Lăng Nghiêm bằng tiếng Việt; nhưng khi hồi hướng cho gia đình, người còn lẫn kẻ mất thì tôi xướng bằng tiếng Nhật. Kỷ niệm này chúng tôi sẽ nhớ mãi không bao giờ quên.

50. Nhật Liên Tông Nhật Bản

*Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, xuất bản năm 2009
tại Hannover, Đức Quốc.*

Sở dĩ tôi được đến tá túc tu học tại chùa Bốn Lập (Honryuji) tại thành phố Hachioji gần Tokyo là do cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm giới thiệu. Hòa Thượng đến Nhật Bản du học vào năm 1968 và đến năm 1973 đã học xong chương trình hậu Đại Học tại Đại Học Lập Chánh (Risso) và sau đó Ngài sang Pháp cho đến khi viên tịch vào năm 2013. Thọ 74 tuổi và chưa một lần trở lại quê hương.

Trước đó mấy năm Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã có lần trú ngụ tại chùa Joenji (Thường Viên Tự) tại Shinjuku (Tân Túc), nơi Ngài Oikawa Shingaku vốn là Trụ Trì chùa này và cũng là Học Trưởng của Đại Học Lập Chánh. Năm 1973 tôi thi đỗ vào Phân khoa Giáo Dục tại Đại Học Teikyo thuộc thành phố Hachioji và lúc đó đã hết tiền, nên có ý vào ở chùa Nhật để luyện thêm Nhật ngữ. May đâu chùa Honryuji nằm cách xa Đại Học Teikyo không bao nhiêu, nên qua lời giới thiệu của Hòa Thượng Thích Minh Tâm, tôi đã được nhận vào đây để ở. Vị Thầy Trụ Trì Oikawa Shinkai, đã từng đi du học tại Tích Lan, rất rành tiếng Pali và sau khi về lại Nhật, Ngài Shinkai dạy tiếng Pali tại Đại Học Risso; nên rất hiểu về đời sống của Sinh viên ngoại quốc đi du học ở nước ngoài; nên đã chấp nhận tôi vào sinh hoạt với chúng lý cùng với gia đình một cách tự nhiên, không có điều kiện nào cả.

Chùa Joenji và chùa Honryuji đều theo hệ phái Nhật Liên Tông, nên kinh tụng chính của họ là Kinh Pháp Hoa. Trong khi

ở Việt Nam của chúng ta đã phần hành trì phẩm Phổ Môn thứ 25 trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì ở Nhật họ chỉ trì tụng hai phẩm quan trọng đó là: Phương Tiện Phẩm (Phẩm thứ 2) và Như Lai Thọ Lượng Phẩm (Phẩm thứ 16). Chúng tôi mỗi tháng tụng chung một lần với Thầy Trụ Trì vào tối ngày 8 dương lịch cùng với Nakatomi, Matsugana và Simizu; cả 3 vị này đều là gốc nhà Sư theo Tông Nhật Liên từ Sikokku, Hagi và Hyogoken, về chùa Honryuji tá túc để đi học Cao Học và Đại Học. Sau những học trình ở Đại Học xong, họ về quê lấy vợ và Trụ trì thay cho Hòa Thượng Sư Phụ cũng là thân phụ của mình và đây là cơ duyên để tôi đi đến những nơi trên để thăm gia đình cũng là chùa của 3 vị đồng liêu này, khi những kỳ nghỉ hè ở Đại Học đến. Xin cảm ơn tất cả mọi tấm chân tình như thế.

Nhật Liên Tông có 3 nhánh chính. Đó là Nhật Liên Chánh Tông, Sokagakkai (Sáng Giá Học Hội), Risso Koseikai (Lập Chánh Giáo Thành Hội). Tất cả 3 phái chính này đều hành trì Kinh Pháp Hoa, nhưng mỗi phái mỗi khác nhau, mặc dầu họ vẫn tụng chung câu: Namumyo Horenge Kyo (Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh). Phái Nhật Liên Chánh Tông là những chùa tôi có liên hệ. Đại Học Risso là nơi đào tạo Tăng tài cũng như những phân khoa khác. Trụ sở chính ở tại Gotanda (Ngũ Phần Điền), sau này nơi đây chỉ dành cho các nghiên cứu sinh ở bậc hậu Đại Học, còn bậc Cử Nhân 4 năm dời sang trụ sở mới ở vùng Saitamaken gần Tokyo. Còn Sokagakkai gồm những nhà chính trị, lấy Kinh Pháp Hoa làm tư tưởng chỉ đạo tại Quốc Hội Nhật Bản. Ông Daisaku Ikeda là người sáng lập ra phái này, Risso Koseikai do Ngài Nichidatsu (Nhật Đạt) sáng lập và chủ trương vận động cho hòa bình của thế giới, cũng dựa theo tư tưởng Kinh Pháp Hoa mà

Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn đã chủ trương từ thế kỷ thứ 13, khi Ngài Nhật Liên đã là Giáo Tổ của Tông này.

Quý Ngài người Việt Nam chúng ta như cố Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Chơn Thành v.v... đều tốt nghiệp tại Đại Học này. Riêng bản thân tôi vì để đền ơn đáp nghĩa với chùa Honryuji vốn theo phái Nhật Liên Tông, nên tôi đã thi vào Cao Học (Tu sĩ khóa trình) vào tháng 2 năm 1977 và đã được hợp cách, đã đóng học phí, có thẻ sinh viên, nhưng đến tháng 4 năm 1977 sau mấy tháng học tại Cao Học ở Đại Học này, tôi đã sang Đức ở tỵ nạn cho đến ngày hôm nay.

Tất cả những việc bên trên là ân nghĩa nghìn trùng, do vậy những lần sau này khi về lại Nhật nói chuyện với sinh viên Nhật tại Đại Học Teikyo Heisi ở vùng Ikebukuro tôi đều nói bằng tiếng Nhật để thâm tạ ân sâu này là: “Các bạn thấy đó. Nếu tôi không nhờ vào những hạt cơm và nước uống của Nhật Bản trong những năm tôi lưu học tại đây, thì tôi đã không có ngày hôm nay và niệm ân hay báo ân là bổn phận của chúng tôi vậy”. Những tràng pháo tay của những sinh viên người Nhật vẫn còn vang vọng mãi trong hai tai của tôi cho đến ngày nay vẫn chưa dứt hẳn.

51. Chân Ngôn Tông Nhật Bản

*Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, xuất bản năm 2010
tại Hannover, Đức Quốc.*

Ngài Kukai (Không Hải) Đại Sư là người sáng lập ra phái Chân Ngôn Tông của Nhật Bản. Tiếng Nhật gọi là Shingonshu, nhưng tiếng Việt có 2 cách đọc khác nhau. Đó là Chân hay Chơn cũng đúng. Viết chữ Hán có một cách duy nhất, nhưng đọc ra âm tiếng Việt lại có thể đọc thành hai cách. Do vậy tiếng Việt của chúng ta giàu có về âm thanh và cả ngữ nghĩa nữa. Ví dụ như chúng ta nói rằng Nhật Bản cũng đúng mà Nhật Bản cũng không sai. Chữ nầy thì tiếng Nhật cũng có 2 cách đọc. Đó là Nihon hay Nippon. Ngày nay người ta thường dùng chữ Nihon để nói hay viết như: Nihonjin (người Nhật Bản), Nihongo (tiếng Nhật Bản); Nihonkokku (Nhật Bản quốc). Người lớn tuổi hay dùng chữ Nippon nhiều hơn. Ví dụ như chữ Sơn có thể đọc thành San cũng được. Người ta hay nói sơn hà xã tắc hay san hà xã tắc cũng không sai. Chữ Huệ và chữ Hoa tuy viết cùng một chữ, nhưng có thể đọc cả hai âm như vậy. Đây chỉ là một số từ ngữ thường dùng và còn rất nhiều chữ như thế nữa sẽ bắt gặp được đâu đó trong ngôn ngữ Việt Nam của chúng ta.

Ngài Không Hải (Kukai) cũng còn gọi là Hoàng Pháp Đại Sư (774-835) là một vị cao Tăng Nhật Bản, sáng lập ra Chân Ngôn Tông, một dạng phái Mật Tông của Nhật Bản. Sư tu học Mật Tông tại Trung Quốc, theo sự hướng dẫn của Sư Phụ là Ngài Huệ Quả. Sau về lại Nhật mở đạo tràng tại núi Cao Dã (Koya) về sau trở thành trung tâm của Chân Ngôn Tông. Năm 17 tuổi, Sư đã viết luận về Nho, Lão và Phật giáo và tác phẩm Thập Trụ Tâm Luận.

Sư biên soạn bộ này dưới lệnh của Thiên Hoàng – nói rõ đạo lý cơ bản của Chân Ngôn Tông.

Sư cũng mở trường dạy nghệ thuật và khoa học, chấp nhận mọi người theo học, dạy các môn học thế gian và siêu thế gian, kể cả đạo lý của Khổng Tử và Lão Tử. Sư cũng nổi danh trong các ngành khác như hội họa, điêu khắc và kỹ thuật.

Ngoài ra Sư rất quan tâm đến việc học Phạn ngữ, vì cho rằng chữ với ngôn ngữ này, ý nghĩa của những Mantra và Đà La Ni mới thể hiện được trọn vẹn. Sư và các môn đệ cũng là những người đầu tiên kết hợp truyền thống Thần Đạo với Phật giáo và đưa các vị Tổ của Thần Đạo lên hàng Bồ Tát (*Theo Wikipedia tiếng Việt về Ngài Không Hải*).

Có nơi cho biết rằng Ngài Kukai chính là người sáng lập ra chữ Hiragana (Bình giả danh) của Nhật Bản, mà ngày nay chúng ta còn đang dùng đến để đơn giản hóa bớt chữ Hán. Ví dụ như chữ Trụ tâm; đọc âm Hán Nhật là Chushin; nhưng nếu tách rời hai chữ này ra có thể đọc chữ Trụ là Sumu (động từ) và chữ tâm là Kokoro (danh từ). Sau này người ta còn đặt ra chữ Katakana để phiên âm những danh từ ngoại quốc và chữ Romaji (La Mã tự) để cho người ngoại quốc mới đến Nhật lần đầu tiên có thể bắt đầu làm quen để học hỏi về ngôn ngữ này. Tuy nhiên ngôn ngữ Romaji chỉ dùng được ở thời gian đầu thôi. Sau này đi vào học đường khó mà đọc văn tự của Nhật Bản được. Bởi lẽ tiếng Nhật có nhiều chữ đồng âm mà dị nghĩa; nếu không viết chữ Hán để biểu thị thì người ta không thể biết chữ ấy là nghĩa gì. Ví dụ như chữ Hana. Hana có nghĩa là bông hoa mà Hana cũng có nghĩa là

lỗ mũi. Chữ Hashi có nghĩa là chiếc cầu, mà Hashi cũng có nghĩa là đôi đũa. Đó là sự phức tạp của tiếng Nhật vậy.

Nơi Mật Tông người ta thường dùng đến tam mật tương ứng, có nghĩa là thân mật, khẩu mật và ý mật đều đồng nhất với nhau, nên gọi là tam mật tương ứng và Tông này lấy Ngài Đại Nhật Như Lai làm biểu tượng chính. Trong các chùa theo Mật Tông thường hay thờ ngũ phương ngũ Phật (Đó là 5 vị Phật của bốn phương Đông Tây Nam Bắc và ở giữa là Ngài Tỳ Lô Giá Na Phật, Phật A Súc Bệ, Phật Bảo Sanh, Phật A Di Đà và Phật Bất Không Thành Tựu). Tông Phái này thường hay dùng lửa để làm khoa nghi pháp sự, như tụng trì chú và nhảy qua những đồng lửa đang cháy đỏ để chứng nghiệm sự tập trung về tam mật của những hành giả tu theo Mật Tông. Đây là một trong những công năng tu tập mà hành giả của Mật Tông thường hay thực hành trong những ngày lễ quan trọng của Tông phái này.

Quý vị muốn rõ biết về Mật Tông hay đúng hơn là Chân Ngôn Tông của Nhật Bản thì nên cố gắng tìm đọc thêm dịch phẩm này của chúng tôi để biết rõ thêm ngọn ngành. Trên trang nhà viengiac.info và nhiều trang nhà khác đã cho đăng tất cả bản dịch này, quý vị có thể tự nhiên tải xuống để đọc vậy.

52. Chết an lạc Tái sinh hoan hỷ

Dịch từ bảng tiếng Anh nhan đề là: Peaceful Death & Joyful Rebirth của Đại Sư Tulku Thondrup Rinpoche; dịch chung với Thượng Tọa Nguyên Tạng, Trụ trì Tu Viện Quảng Đức tại Melbourne, Úc

Châu. Sách này được xuất bản năm 2011 tại Úc Châu, Âu Châu và Mỹ Châu.

Đây là một sự làm việc chung giữa tôi và Thầy Nguyên Tạng cũng, đã đi đến nhiều kết quả như ý muốn. Đó là việc phân chia tác phẩm ra làm 2 phần: Phần đầu từ chương thứ 1 đến hết chương thứ 5 gồm 298 trang tiếng Việt do Thượng Tọa Nguyên Tạng dịch. Đó là những chương như sau:

- Lời đầu sách
- Chương dẫn nhập: Cái chết không phải là sự chấm dứt.
- Chương 1: Đòi người quý báu.
- Chương 2 :Hấp hối thời khắc quan trọng của cuộc đời.
- Chương 3: Chơn tánh tối thượng thoáng thấy tánh quang minh.
- Chương 4: Cõi Trung Ấm Bardo.
- Chương 5: Chuyện kể về Trung Ấm Bardo.

và tôi dịch từ Chương thứ 6 đến Chương cuối thứ 10 và Chương phụ lục gồm 206 trang với các Chương như sau:

- Chương 6: Tái sinh không thoát khỏi vòng nghiệp lực.
- Chương 7: Đức Phật Vô Lượng Quang và cõi Cực Lạc.
- Chương 8: Phương cách giúp người sắp lâm chung và người chết.
- Chương 9: Nghi thức cho người hấp hối và người chết.
- Chương 10: Những suy nghĩ sau cùng.

- Phụ lục: Một vài lễ nghi đơn giản cho người Phật tử khi qua đời.
- Phụ lục A
- Phụ lục B
- Lời cuối sách.

Bản dịch Việt ngữ này được đưa lên Thư Viện Hoa Sen ngày 16 tháng 6 năm 2011 và cho đến hôm nay ngày 5 tháng 11 năm 2022, nghĩa là trên 11 năm như vậy đã có 107.995 lần được đọc. Đây có thể nói là một dịch phẩm của chúng tôi có nhiều người đọc như vậy.

Lý do cũng dễ hiểu, vì đây là một tác phẩm đặc biệt của Phật giáo Tây Tạng thuộc phái Cổ Mật, chuyên về Tịnh Độ do Đại Sư Tulku Thondrup biên soạn bằng Anh văn. Ngài sinh ra đời tại miền Đông Tây Tạng, xuất gia ở Tu Viện Dodrupchen. Ngài là một vị Thầy và tác giả có uy tín. Năm 1958, Ngài đến tỵ nạn tại Ấn Độ và dạy tại các trường Đại Học Ấn Độ. Năm 1980, Ngài đến định cư và giảng dạy tại Đại Học Havard, Hoa Kỳ. Trong 20 năm qua, Ngài lưu trú ở Massachusetts, dịch thuật và viết sách về Phật giáo Tây Tạng. Trong số những quyển sách của Ngài, cuốn *The Healing power of mind* đã được xuất bản bằng 17 thứ tiếng và cuốn *Boundless healing* đã dịch và xuất bản 12 ngôn ngữ khác nhau (*trích phần bìa sau của sách dịch ra Việt ngữ*). Nếu quý vị Phật tử Việt Nam tu theo pháp môn Tịnh Độ không nên bỏ qua quyển sách hữu ích này, vì nội dung sách giúp cho chúng ta biết cách giữ gìn làm sao cho Thân Trung Ấm trước khi chết được an lạc ra đi và đầu thai về cảnh giới an lành hơn. Ví dụ như người sắp mất có ý muốn như thế nào thì hãy nói hay ghi chép ra trước, để

khi lâm chung không còn phải phân tâm nữa. Ví dụ như người sắp mất muốn mặc chiếc áo màu nâu hay màu trắng thì hãy bảo cho con cháu trước như vậy. Nếu lỡ không dặn trước theo ý muốn của mình, khi lâm chung con cháu không biết, đem mặc cho mình chiếc áo màu khác thì Trung Ấm Thân lúc đó sẽ khởi lên niệm sân si, thay vì có thể sanh lên cõi cao hơn thì ngược lại do niệm sân ấy mà kéo Trung Ấm Thân của người sắp mất kia đi đầu thai ở cõi xấu ác hơn.

Ngoài ra việc những người đã chết, nhưng lại được sống dậy và tiếp tục sống nhiều năm trên thế gian này nữa, sau khi kinh qua cận tử nghiệp. Theo phong tục Việt Nam hay Trung Hoa và Nhật Bản, mỗi nơi có cách giải thích khác nhau; nhưng với sự giải thích của Ngài Tulku Thondrup rất thiết thực với những hành giả sắp lâm chung là tại sao như vậy? Tất cả những thắc mắc như thế trong quyển sách này quý vị sẽ được giải đáp tất cả. Đây là điều mà tất cả mọi người nếu có cơ duyên thì cũng nên đọc cho hết dịch phẩm này, sẽ lợi lạc vô cùng.

53. Chuyện tình Liên Hoa Hòa Thượng

Việt ngữ, xuất bản năm 2011 tại Hannover, Đức Quốc.

Tôi không nhớ rõ là khởi đầu từ đâu mà tôi viết chuyện tình này trong mùa An cư Kiết hạ năm 2010. Nhưng có lẽ phải có một nguyên nhân chính để dẫn đến việc này. Nguyên nhân là do tôi đọc quyển “Thiền Sư Việt Nam” của Hòa Thượng Thích Thanh Từ viết về Ngài Phật Ý và Hòa Thượng Liên Hoa. Ở phần cuối quyển sách còn ghi phụ lục một câu chuyện ly kỳ

có cả hình ảnh của Long vị Hòa Thượng Liên Hoa và Công chúa triều Nguyễn đang thờ tại một chùa ở miền Nam và điều đặc biệt Ngài Thanh Từ kể lại là: Nếu để Long vị của Ngài Liên Hoa cách xa phụng vị của Công chúa thì đêm đêm người ta hay nghe tiếng động của phụng vị bên bàn thờ Công chúa. Sau này ở chùa Đại Giác ở Biên Hòa mới đem hai Long vị và Phụng vị thờ chung thì ban đêm người ta không còn nghe tiếng động nữa. Sau khi đọc xong mấy trang phụ lục ngắn này nơi quyển sách “Thiền Tông Việt Nam” của Hòa Thượng Thanh Từ và lịch sử Phật giáo Đàng Trong của Nguyễn Hiến Đức thì tôi mới nghĩ rằng: “Đúng là một chuyện tình đặc biệt, không khác gì chuyện ‘Thoát Vong Tục Lụy’ là mấy”. Sau đó tôi vào những trang mạng để tìm thêm chi tiết của câu chuyện tình này. Đồng thời tôi cũng truy tìm tất cả những sử liệu thời nhà Nguyễn Gia Long (1802-1820) và thời Vua Minh Mạng cũng như câu chuyện của Hoàng Cô sự thật có được bao nhiêu phần trăm. Từ đó tôi đặt tên cho quyển sách này là “Chuyện tình Liên Hoa Hòa Thượng” và bên dưới còn chừa thêm mấy chữ là: “phóng tác lịch sử tiểu thuyết”. Viết như vậy để về sau người đọc không quy kết cho tôi là chuyện có nói không, chuyện không nói có. Đó là điều tối kỵ đối với người xuất gia. Tiếp theo tôi dùng chữ “phóng tác” có nghĩa là dựa theo để viết; chắc hẳn người đọc cũng sẽ dễ nhận ra rằng đây không phải là câu chuyện thật trăm phần trăm. Còn tiểu thuyết tức là một câu chuyện nhỏ, viết về một đề tài nào đó. Sách này không ấn tống mà cho phát hành năm 2011 cũng là năm tôi không còn trở lại Tu Viện Đa Bảo ở Campbelltown nữa, sau khi Thầy trò chúng tôi đã ở đây trong 10 năm liên tục, mỗi năm từ 2 đến 3 tháng như thế. Đúng ra thì ở tại Campbelltown chỉ 8 mùa hè của xứ Úc và 2 năm sau cùng tôi tịnh tu nhập thất tại Blue Mountains.

Sau khi đọc câu chuyện tình này nhiều người khen, mà cũng chẳng phải là không có kẻ chê. Khen là khen câu chuyện kết thúc thật là cảm động, là vì sao Liên Hoa Hòa Thượng phải tự thiêu và Hoàng Cô ước gì lúc ấy bà đừng tới chùa để thăm Hòa Thượng Liên Hoa thì có sự lại khác. Có người viết thư hỏi tôi rằng: Tại sao Thầy đi tu từ hồi 15 tuổi, chuyện tình cảm Thầy chưa trải qua. Vậy kinh nghiệm đâu mà Thầy viết mười mấy bức thư tình như vậy? Tôi trả lời rằng: Có thể đời này tôi đã không trải nghiệm qua chuyện tình, nhưng ở nhiều đời khác về trước biết đâu tôi đã trải qua nhiều cuộc tình duyên như vậy, nên mới viết được như thế.

Ông Trần Bình Nam, một nhà văn sinh sống ở Hoa Kỳ, nay đã mất; hay sâu nữ Út Bạch Lan sau khi đóng xong tuồng cải lương này đều khen nức nở. Tác phẩm này do Soạn giả Dương Kinh Thành viết thành tuồng cải lương thật ý nghĩa. Thuở còn sống tôi đã điện thoại về thăm Nghệ sĩ danh tiếng Út Bạch Lan, bà là một Phật tử với vai Hoàng Thái Hậu trong truyện đã nói rằng: “Dầu sao đi nữa câu chuyện này cũng thức tỉnh được những người nữ Phật tử đi chùa và cũng cảnh tỉnh những người xuất gia trẻ tuổi nên quan tâm đến chuyện này mà tránh chuyện ái tình xảy ra nơi cửa Phật”.

Còn con cháu dòng tộc họ Nguyễn thì họ phủ định rằng: Tộc Nguyễn của họ đã không có một nàng Công Chúa như thế v.v... Nhưng dầu cho dở, hay như thế nào thì sách cũng đã được viết, và tác giả là một người xuất gia như tôi và tuồng cải lương cũng đã được đưa lên mạng gồm 2 tập do Soạn giả Dương Kinh Thành, Pháp danh Giác Đạo soạn và những tài tử chính như: Út Bạch Lan, Thoại Mỹ, Tô Châu, Phượng Loan v.v... đã diễn xuất thật là

tài tình và đã lấy đi nước mắt cả nhiều ngàn khán giả, nhất là đoạn cuối của cuộc tình.

Sau khi sách đã in và phát hành một vài tháng, tôi có hỏi thăm Thượng Tọa Nguyên Tạng là ai có thể giúp cho việc soạn ra tuồng này thành cải lương được? Thầy Nguyên Tạng trả lời rằng: Hòa Thượng có thể nhờ Anh Giác Đạo Dương Kinh Thành soạn. Vì anh chuyên môn viết tuồng cải lương. Thế rồi từ đó trở đi, thư qua thư lại nhiều lần, cũng như gởi sách và một chút thù lao nhờ Thầy Hạnh Bảo cầm về và trao tận tay cho tác giả. Độ khoảng 5 tháng sau thì bản thảo đã hình thành và bước kế tiếp là có thể dựng thành tuồng cải lương thì Anh Dương Kinh Thành bảo rằng: “Anh sẽ nhờ nghệ sĩ Út Bạch Lan đảm trách”. Thế là mọi việc đều trôi chảy và nếu tôi nhớ không lầm thì cuối năm 2012, nhân lúc khánh thành Cực Lạc Cảnh Giới tự tại Chiangmai Thái Lan của Thầy Hạnh Nguyên, thì tôi đã có bản gốc từ Việt Nam mang sang và tôi nhờ Thông Trí, đệ tử xuất gia của Thầy Hạnh Nguyên cho sao ra và tải lên mạng Internet để tôi cất làm tài liệu.

Sau này khi sang Hoa Kỳ tôi đã nhờ Ca sĩ Gia Huy cho sang ra nhiều ngàn bản để phát hành, và ai xem cũng đều trầm trồ khen ngợi cho một câu chuyện tình đã xảy ra ở Thiền Môn cao thượng như vậy. Tất cả những tiền bán sách được, cũng như tiền bán băng cải lương tôi đều ủng hộ cho chương trình từ thiện, giúp cho những Cô nhi Việt Nam ở nhiều nơi tại miền Trung cũng như miền Nam Việt Nam thưở bấy giờ.

Xin cảm ơn tất cả mọi người đã quan tâm đến để đọc tác phẩm này của tôi đã viết nên thành sách. Xin cảm ơn những khán giả thích cải lương Phật giáo đã vào xem tuồng này một cách say

mê với nhiều lời bình phẩm khác nhau ở trên mạng. Xin cảm ơn Soạn giả Giác Đạo Dương Kinh Thành đã soạn thành một tuồng cải lương thật là đầy đủ ý nghĩa của một kiếp nhân sinh như thế. Xin cảm ơn nghệ sĩ ưu tú Út Bạch Lan, Tô Châu, Phượng Loan, Thoại Mỹ và ê-kíp diễn tuồng cũng như những nhạc công và y, hóa trang để làm nên một vở tuồng đặc biệt như vậy và cuối cùng tôi xin có lỗi với Hoàng Cô, với con cháu nhà Nguyễn, nếu trong vô tình nào đó có sự xúc phạm đến thanh danh của dòng họ qua sự diễn tả trong sách vở của tôi thì tôi xin nhận lỗi về phần mình đã sơ ý như vậy.

54. Tư Tưởng Tịnh Độ Tông

Việt ngữ, xuất bản năm 2012 tại Hannover, Đức Quốc.

Khi còn du học tại Nhật Bản từ năm 1972 đến năm 1977, mặc dầu tôi đang tu học theo truyền thống của Nhật Liên Tông tụng Kinh Pháp Hoa, nhưng tôi cũng đã tham gia những ngày tu tập của Thiên Lâm Tế và Thiên Tào Động. Đặc biệt tôi chú trọng Tịnh Độ Chơn Tông qua việc thăm viếng Đông Bản Nguyên (Higashi Honganji) và Tây Bản Nguyên tự (Nishihonganji) ở Kyoto. Chữ Bản Nguyên ấy được đặt tên cho các chùa theo Tịnh Độ Tông và Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản. Bản nguyên là nguyên chính của Đức Phật A Di Đà. Nguyên ấy là 48 lời thệ nguyện của Ngài, nhằm tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Tôi thuộc con cháu của Thiên Phái Lâm Tế Chúc Thánh, xuất phát từ Quảng Nam, nhưng thờ tôi ở Hội An từ năm 1964 đến

năm 1969, các chùa tại Hội An hầu như chỉ theo pháp môn Tịnh Độ, tụng Kinh A Di Đà, Pháp Hoa, Mông Sơn Thí Thực v.v... chứ ít khi được học Thiền ở những chùa này. Không biết từ khi được truyền vào ở Đàng Trong của Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ 17 do Ngài Nguyên Thiều và Ngài Minh Hải Pháp Bảo mang vào đồng thời chính thức dựng Chùa Chúc Thánh tại Hội An từ năm 1695, nhưng không biết đến khi nào thì không còn thực tập Thiền nữa, mà chỉ còn ứng phó đạo tràng hay theo Pháp môn Tịnh Độ; hoặc đôi khi nghe dùng danh từ Thiền Tịnh song tu thì chẳng rõ ngọn ngành. Đây là lý do chính để tôi viết nên tác phẩm thứ 54 này.

Mục đích thứ 2 cho việc quyển sách này như trong lời đầu sách mà tôi đã viết là muốn cho những người Đức cũng rõ biết thế nào là Tịnh Độ, mà người Phật tử Việt Nam đang hành trì, nên tác phẩm này tôi nhờ Thầy Hạnh Giới dịch ra tiếng Đức; nhưng có lẽ vì lý do gì đó, nên Phật tử Thị Chơn đã lãnh phân dịch ra Đức ngữ tác phẩm này. Thế nhưng cho đến nay hơn 10 năm rồi, phần Đức ngữ vẫn chưa hình thành trọn vẹn.

Như đề tài có nêu là tư tưởng của Tịnh Độ Tông, do đó tôi phải tham cứu thêm nhiều sách vở để biết tận gốc rễ cội nguồn, nên ở đây xin lặp lại một lần nữa về Tịnh Độ Tông của Nhật Bản và từ đó sẽ đi đến Tịnh Độ Tông của Việt Nam. Người Nhật Bản theo Tịnh Độ Tông người ta có một biểu đồ như thế này: Giáo Chủ của Tịnh Độ Tông là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và 3 bản kinh chính do Đức Phật nói ra là: Kinh Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Từ đó tư tưởng này truyền đến cho Ngài Long Thọ và Ngài Thế Thân. Người Ấn Độ và người Nhật lập Ngài Long Thọ là Sơ Tổ của Tịnh Độ Tông Trung Hoa và Nhật Bản. Vậy thì chúng ta những người Phật tử Việt Nam

cũng nên lấy phổ hệ truyền thừa này để làm gốc và khi truyền qua Trung Hoa, Nhật Bản đi hướng khác; còn hướng của chúng ta phải quyết tìm cho ra một vị Tổ khai sáng Tịnh Độ Tông mới là điều cần làm trong hiện tại.

Người Nhật sẵn sàng đi tiếp việc truyền thừa như sau: Ngài Đàm Loan, Đạo Xước và Thiện Đạo là 3 vị Tổ của Trung Hoa tu theo pháp môn Tịnh Độ, nhưng điều đặc biệt là trong này không có Ngài Huệ Viễn và 3 vị này được người Nhật tôn phong là Đệ tam, Đệ tứ và Đệ ngũ Tổ Tịnh Độ Tông của Nhật Bản. Kế tiếp sau đó Tịnh Độ được truyền từ Trung Quốc đến Nhật Bản qua các Ngài Đệ lục Tổ Ngài Nguyên Tín; Đệ thất Tổ Ngài Pháp Nhiên (Honen), Đệ bát Tổ Ngài Thân Loan (Shinran).

Vậy Việt Nam chúng ta phải tìm vào cội nguồn của Tịnh Độ như thế nào đây? Đoạn tôi dùng Phật Quang Đại Tự Điển do cố Hòa Thượng Thích Quảng Độ dịch ra Việt ngữ để tra về Ngài Đàm Loan thì thấy trang phía trước có viết về Ngài Đàm Hoằng như sau:

“Đàm Hoằng (? - 455)

Vị Tăng ở đời Lưu Tống thuộc Nam Triều, người Hoàng Long. Sư xuất gia từ nhỏ, chuyên tinh giới luật. Trong năm Vĩnh Sơ (420-422) Sư đến Quảng Đông, dừng chân ở Đài tự. Sau đó Sư đến chùa Tiên Sơn ở đất Giao Chỉ; thường tụng Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, phát nguyện vãng sanh Tây Phương. Năm Hiếu Kiến thứ 2 (455) Sư vào núi tự thiêu rồi tịch. Mọi người trong thôn đều thấy toàn thân Sư sáng chói, ngồi trên lưng con nai bằng vàng đi về phương Tây. Thâm cảm sự lạ lùng ấy, mọi người thu nhặt tro xương của Sư, dựng tháp cúng

đường” (*Phật Quang Đại Tự Điển trang 1587*) (*Xem Cao Tăng truyện quyển 12*).

Căn cứ vào truyện trên ta có thể đoán rằng: Ngài Đàm Hoằng sinh ít nhất là vào cuối thế kỷ thứ 4 và đầu thế kỷ thứ 5; nghĩa là khoảng từ năm 390-400. Như vậy thời gian này là thời gian của Ngài Huệ Viễn (334-416) có mặt tại Lô Sơn và đang chủ trương thành lập Bạch Liên Xã tại đó. Không biết lúc đương thời tại Trung Quốc Ngài Đàm Hoằng có thọ giáo với Ngài Huệ Viễn để học kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ không? Để đến năm (420-422) ít ra Ngài Đàm Hoằng đã 20 – 30 tuổi (sau khi thọ giới Tỳ Kheo) mới có thể một mình hay cùng bạn hữu Tăng nhân đi đến đất Giao Chỉ và trú tại Chùa Tiên Sơn được. Khi Ngài đến chắc chắn Ngài không nói được tiếng Việt, nhưng Ngài tụng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ bằng chữ Hán thì chắc rằng người Giao Châu có thể hiểu nội dung, nhưng không giao tiếp được (vì Giao Châu thuở ấy đang bị Bắc thuộc lần thứ 2 của Trung Quốc).

Nhưng trong quyển “Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1” của Giáo sư Lê Mạnh Thát còn diễn tả tỉ mỉ hơn như tiểu sử đã ghi trên rằng: Ngài Đàm Hoằng có ý định tự thiêu nên đã vào núi tìm củi để đó, chờ ngày phát nguyện thiêu thân cúng dường; nhưng dân làng Tiên Du Bắc Việt biết được ý định của Ngài, nên họ đã cho cất giấu tất cả củi đi. Thế rồi nhân ngày hội lớn của làng. Tất cả mọi người đều đi dự lễ, một mình Ngài vào núi tìm củi tiếp, rồi tự hỏa thiêu, lúc dân làng phát hiện được thì sự việc đã xảy ra như đã trình bày bên trên.

Còn Ngài Đàm Loan (476 - ?) tuy cùng Pháp Danh với Ngài Đàm Hoằng, nhưng khi Ngài Đàm Loan sinh ra thì Ngài Đàm Hoằng đã viên tịch (455) tại Giao Châu. Cũng có thể hai vị này cùng thờ chung một vị Thầy Bốn Sư thế độ chăng? Vì Ngài Đàm Loan nhận được Kinh Quán Vô Lượng Thọ từ Ngài Bồ Đề Lưu Chi tại Kinh đô Lạc Dương (*Theo Phật Quang Đại tự điển trang 1589*) và cũng tu theo pháp môn này; có nguồn gốc liên tục từ Ngài Long Thọ, Ngài Thế Thân; cho nên Tịnh Độ Tông Nhật Bản chọn Ngài Đàm Loan của Trung Quốc làm Sơ Tổ của Tịnh Độ Tông Trung Quốc và là Đệ tam Tổ của Tịnh Độ Tông Nhật Bản, mà không chọn Ngài Huệ Viễn.

Như vậy chúng ta có thể khẳng định rằng: Tịnh Độ Tông được truyền vào Việt Nam chúng ta vào năm 420 sau Tây lịch. Ngài Đàm Hoằng có thể là vị Sơ Tổ Tịnh Độ Tông Việt Nam chăng? Nếu được như vậy thì Tịnh Độ Tông được truyền vào Việt Nam còn trước cả Thiền Tông 160 năm; nghĩa là năm 580 Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi mới đến Việt Nam và từ đó Thiền Tông mới bắt đầu truyền thừa tại Giao Chi. (*Trích quyển Tư Tưởng Tịnh Độ Tông của Tác giả Thích Như Điển phần Ngài Đàm Hoằng*).

Phần tôi viết quyển sách thứ 54 này có thời gian tra cứu tỉ mỉ và thiết lập một Tịnh Độ Phật giáo Việt Nam cho có cội nguồn, dựa theo Tịnh Độ Tông của Nhật Bản, nên đã được các trang nhà như: quangduc.com; hoavouu.com; trang nhà rộng mở tâm hồn.net; thư viện hoasen.com đều có cho đăng tải và đã được nhiều người đọc cũng như nghiên cứu qua. Cho đến bây giờ chưa có phản biện nào đặc biệt, ngoài ra trên các trang nhà chuyên tu về pháp môn Tịnh Độ cũng đã trích dịch thêm bên quyển Cao Tăng Truyện thứ 12 để rõ biết lai lịch của Ngài Đàm Hoằng nhiều hơn,

nhằm chứng tỏ cho thế nhân biết rằng ở Giao Chỉ của chúng ta đã có một thời là như vậy, qua việc tự thiêu của Ngài Đàm Hoằng tại chùa Tiên Sơn ở núi Tiên Du Bắc Việt và hành trì theo pháp môn Tịnh Độ.

55. Những bản văn căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản

*Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ,
xuất bản năm 2012 tại Hannover, Đức Quốc.*

Đây không phải là lần đầu tiên tôi dịch sách giữa hai ngôn ngữ Đức và Việt ngữ, vì lần đầu tôi đã dịch Phật Học Phổ Thông quyển thứ nhất của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa viết sang tiếng Đức và sau đó đăng vào báo Viên Giác xuất bản cứ 2 tháng một lần. Thuở ấy sau khi dịch xong, tôi nhờ Phật tử Thị Chơn giao cho Koni (vợ cũ người Đức của Thị Chơn) xem lại cách hành văn tiếng Đức của tôi và sửa lại dùm trước khi cho đăng lên báo Viên Giác. Bởi lẽ tiếng Đức là một ngôn ngữ khó hơn cả tiếng Anh và tiếng Pháp, nên tôi phải cẩn thận như vậy.

Trước đây những tác phẩm dịch từ tiếng Nhật sang Việt ngữ thì tự mình xem lại và tự mình sửa chữa. Vì tiếng Nhật đối với tôi gần như là tiếng mẹ đẻ rồi. Phần tiếng Anh tôi nhờ Thầy Hạnh Giới và Hạnh Giả cùng xem lại. Đến quyển tiếng Đức này dựa vào lời cuối, tôi đã viết là tác phẩm thứ 59, nhưng thật ra chỉ là 55 mà thôi. Bởi lẽ quyển “Nghiên Cứu Giáo Đoàn Phật giáo Thời Nguyên Thủy” gồm 3 lần dịch, in, nhưng thật ra chỉ tính là 1 cuốn

và quyển “Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát” cũng dịch thành 3 tập, nhưng chỉ là một quyển đóng chung 3 tập này. Như vậy xem như rút lại 4 quyển của hai tập, thành ra bây giờ là quyển thứ 55 là vậy.

Phần dịch tiếng Đức này ra Việt ngữ tự chính tôi đảm trách, nhưng sau đó có nhờ Thị Chơn và Hạnh Giả xem lại lần cuối trước khi cho in thành sách. Bởi vì sách này do một Giáo sư người Đức tên là: Christian Steineck viết, nên tôi phải viết thư xin phép tác giả bằng tiếng Nhật. Vì tôi biết rằng vị này nếu không giỏi tiếng Nhật thì không thể dịch tư tưởng “Thán Dị Sao” của Ngài Duy Viên, đệ tử của Ngài Thân Loan viết và bình chú được. Sau đó tôi nhận được thư của nhà xuất bản tại Wiesbaden đồng ý cho phép dịch ra Việt ngữ với điều kiện là ấn tống và không bán có lời. Sách này bằng tiếng Đức nhan đề là: *Quellentexte des Japanischen Amida Buddhismus*. Nếu dịch sát nghĩa là: “Những bản văn căn bản của Phật giáo A Di Đà - Nhật Bản”. Nếu dịch vậy không hay bằng: “Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản”, nên tôi đã chọn tựa đề này.

Đây có thể nói là tài liệu mới nhất viết về Tịnh Độ Tông Nhật Bản do một người Đức viết. Dĩ nhiên trước đó cũng đã có nhiều người Đức, người Pháp, người Nga viết về Đức Phật A Di Đà và tư tưởng Tịnh Độ cũng như pháp môn Niệm Phật này, nhưng đây có thể nói là một quyển sách tương đối đầy đủ hơn những quyển sách cũ và có chú thích rõ ràng, giúp cho người Tây Phương dễ hiểu hơn. Đây là lý do mà Hạnh Giả đã chọn tác phẩm này cho tôi để dịch vậy.

Sách có tất cả là 325 trang đánh máy và sau đó tôi cũng đã nhờ Đạo Hữu Nguyên Trí Phù Vân, Chủ bút báo Viên Giác xem lại phần tiếng Việt để khi ấn tống in thành sách, không còn phải bị lỗi chính tả nhiều và Phật tử khắp năm châu lục đều ủng hộ việc ấn tống này, nên sách đã có mặt nhiều nơi trên thế giới. Nay trên trang nhà Quảng Đức cũng như Viên Giác và Hoằng Pháp có đăng tải, khiến cho nhiều người tu theo pháp môn Tịnh Độ có nhiều cơ hội để tìm hiểu hơn về Tịnh Độ Tông của Nhật Bản và nói chung là Tịnh Độ mà các quốc gia trên thế giới đang hành trì.

Khi ở Nhật tôi cứ ngỡ là Thiên Tông nổi tiếng hơn các Tông phái khác, nhưng thật ra trong thế kỷ thứ 20, 21 tại Nhật Bản Tịnh Độ Tông phát triển rất mạnh và rất vững vàng. Ở Việt Nam chúng ta tuy tu và thực hành theo Pháp Môn Tịnh Độ, nhưng về tính cách lịch sử thì chưa rõ ràng mấy. Do vậy tôi đã viết nên quyển “Tư Tưởng Tịnh Độ Tông Việt Nam” và tiếp theo dịch quyển “Tịnh Độ Tông” bằng Nhật ngữ ra Việt ngữ và tiếp đến là quyển này để làm căn cứ cho những người tu theo pháp môn Tịnh Độ có chỗ y cứ để hành trì. Ví dụ như “Chính tín Niệm Phật kệ” hay “Duy Tín sao”; hoặc “Giáo, hạnh, tín, chứng” là gì khi hành trì về pháp môn niệm Phật. Đặc biệt trong sách này cũng có dịch lại phần „Thán Dị Sao” của Ngài Duy Viên và ở phần này tôi đã chú thích như sau:

“Bản dịch phần trên này dựa theo câu văn tiếng Đức ‘Buch der Klage über die Häresien’ của Christian Steinreich và tôi đã đối chiếu với bản tiếng Nhật Tannisho của Yuien. Phần phía dưới của mỗi chương, dịch thoát từ tiếng Nhật sang tiếng Việt tác phẩm ‘Tannisho Oikikata’ của Yamagaki Tyoomyoo”.

Khi dịch một quyển sách quan trọng như vậy phải cần rất nhiều thời gian đọc và tra cứu, nhưng tôi rất vui khi chọn cho mình được một lối đi ít phiền hà hơn những lối đi khác trong cuộc sống xuất gia làm tu sĩ của mình trong suốt mấy mươi năm qua nơi trần thế là vậy.

56. Dưới bóng đa chùa Viên Giác

*Viết ngữ, viết chung với Trần Trung Đạo,
xuất bản năm 2012 tại Hannover, Đức Quốc.*

Ngày tôi xin đi xuất gia vào Chùa Viên Giác ở Hội An là ngày Rằm tháng Năm năm 1964, ngày ấy là ngày đám giỗ của Ông Nội tôi. Sau khi dùng cơm trưa, tôi từ biệt cha mẹ, các anh chị em và các cháu, đạp thẳng xe đạp xuống Chùa Viên Giác, lúc ấy gặp Thầy tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí đang chuẩn bị đi Sài Gòn để chữa bệnh, vì bị đánh đập bởi mật vụ của ông Diệm trong vụ Phật giáo tranh đấu năm 1963 tại Hội An. Thầy tôi bảo: “Ông nên mang thư này ra chùa Phước Lâm để xin Hòa Thượng Như Vạn nhập chúng và chờ Thầy về mới cạo tóc để làm lễ xuất gia”. Thầy cho một bộ đồ vật hồ màu trắng và lá thư gửi Thầy Như Vạn.

Tôi già từ Viên Giác nội trong ngày ấy và đạp xe tìm chùa Phước Lâm để gặp Thầy Như Vạn. Lúc tôi đến, ở đó đã có khá đông quý chú như: Hạnh Thu, Hạnh Đức, chú Vinh, chú Phong, chú Bạ và một số quý vị ở Đại Lộc về làm công quả như Anh Huân, Anh Quảng v.v... Vì chùa Phước Lâm chuẩn bị trùng tu, nên cần những người như vậy về chùa làm công quả và sau khi

chùa làm xong, khánh thành năm 1966 thì họ cũng đã xin Thầy Như Vạn xuất gia và nhiều vị trong hiện tại là Hòa Thượng, trụ trì các chùa trong tỉnh Quảng Nam và có vài vị đã viên tịch. Từ chùa Tỉnh Hội thường xuyên ra chùa Phước Lâm thăm viếng cùng với Hòa Thượng Thích Như Huệ là các chú: Thị Hạnh, Thị Duyên và Thị Kinh. Ba chú này đến năm 1975 đều hoàn tục, có gia đình và con cái, nhưng sau này cả 3 đều đi xuất gia trở lại. Thị Duyên xuất gia lại với tôi, tôi cho Pháp tự là Hạnh Giải. Thị Kinh Hạnh Trung xuất gia lại với Hòa Thượng Thích Như Huệ, được cho Pháp hiệu là Viên Thành; hiện Thầy Viên Thành đang ở tại chùa Pháp Hoa, Nam Úc; còn Thị Hạnh hình như xuất gia lại với Thầy Như Thọ ở Bửu Đà Sài Gòn, nhưng cũng không được an lạc mấy. Ngày lâm chung tôi có gởi một ít tịnh tài về để làm đám cho Thị Hạnh.

Học ở trường Bồ Đề, những người cùng học chung thuở đó là: Hòa Thượng Thích Như Phẩm, cố Hòa Thượng Thích Giải Trọng, Như Hoàn (đã hoàn tục), Chú Tuất, Chú Xuân v.v... Thời đó đến giờ gần 60 năm rồi; có kẻ còn người mất; quay nhìn lại quá khứ thấy mình cũng có một phước báu không nhỏ; nên mỗi lần nhớ lại chuyện xưa, thấy cảm động vô cùng.

Ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 1964; Thầy tôi chữa bệnh từ Sài Gòn về và tôi đã ở Phước Lâm hơn một tháng, Thầy tôi nhắn tôi về Chùa Viên Giác để xuống tóc xuất gia. Tôi nhớ buổi lễ ấy thật đơn giản, không có gì gây ấn tượng lắm với tôi khi ở tuổi 15. Sau này vì miền Cẩm Nam và các tỉnh Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn bị sống trong cảnh xôi đậu; ban ngày thì lính quốc gia, ban đêm phải đi họp với cán bộ của Mặt Trận Giải Phóng, nên nhiều trai trẻ được cha mẹ gởi về chùa Viên Giác để tránh đạn bom và được tiếp tục đi học Trung Học ở trường Bồ Đề hay Trần Quý Cáp,

trong này có: Lê Hùng Anh ở Cẩm Nam bây giờ là Hòa Thượng Thích Giác Ánh, phái Khất Sĩ. Trần Trung Đạo, lúc đó tên là Trần Văn Nhơn, hiện nay ở tại Hoa Kỳ và bây giờ là nhà thơ, nhà văn rất nổi tiếng qua các bài như: “Đổi cả thiên thu tiếng Mẹ cười” hay “Bao giờ nhĩ tôi về thăm xứ Quảng”. Ngoài ra những bài bình luận chính trị của Trần Trung Đạo cũng rất nổi tiếng v.v... Do vậy vào những năm tịnh tu nhập thất trên núi đồi Đa Bảo ở Úc Châu năm 2010, 2011 tôi đã liên lạc với Trần Trung Đạo và muốn viết chung một tác phẩm lấy tiêu đề là “Dưới bóng đa chùa Viên Giác”. Chúng tôi kể Tăng người tục, kể từ năm 1966 đã có duyên quét lá của hai cây đa này, nên một tác phẩm như thế sẽ giúp cho tôi và mọi người có thể tìm lại những kỷ niệm xưa để thương, để nhớ. Tất cả tiền phát hành sách này năm 2012 tôi và Trần Trung Đạo đều đem tiền bán được nhờ Thầy Như Tịnh giúp cho những Cô nhi tại Việt Nam để hồi tưởng lại một thời của chiến tranh, mà mình đã được bom tránh, đạn tha, nên mới còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Bên Cư sĩ nam nữ vẫn còn thêm những người như sau đây. Nếu họ còn sống chắc cũng đã lên chức ông nội, bà ngoại. Đó là: Cô Cúc, chú Ngô, Sơn, Nhiệm, chú Như Biên, chú Thứ, Thầy Đồng, chị Bốn v.v... và cũng có những người đến chùa ngủ lại ban đêm như: Lụa, Tấn, Hội v.v... tất cả tạo nên một cuộc sống, một tình cảm tuổi thơ thật đẹp trong thời gian từ năm 1966 đến năm 1969 khi tôi còn ở chùa Viên Giác để đi học Trung Học Bồ Đề Hội An. Sau năm 1975 trường Bồ Đề không còn hoạt động nữa, chỉ còn lại trường Trần Quý Cáp và sau này nhà nước có lập thêm trường Trần Hưng Đạo, nên tôi cũng đã phát học bổng hằng năm liên tục qua sự trợ giúp của Thầy Như Thế Phan Thế Tập,

cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu Học Xuyên Mỹ vào thời điểm năm 1960-1961. Và cũng chính nhờ Thầy mà tôi đã quan tâm đến vấn đề học bổng cho hai trường này cũng như trường Tiểu Học Xuyên Mỹ ít nhất cho đến nay cũng đã 20 năm rồi (2022-2002). Riêng trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thì đã gián đoạn vì nhiều lý do khác nhau do tôi và Hòa Thượng Bảo Lạc tài trợ trong suốt 20 năm như thế. Chỉ có trường Trần Quý Cáp và Trần Hưng Đạo mãi cho đến ngày nay tôi vẫn còn trợ giúp.

Về các chùa và Tăng Ni Quảng Nam Đà Nẵng mỗi năm tôi và chùa Viên Giác tại Hannover đều có một khoản trợ giúp không nhỏ cho “nồi cháo tình thương” giúp những bệnh nhân và thân nhân ở Bệnh viện Đà Nẵng do Chùa Bảo Quang ở Đà Nẵng đảm trách. Ni Sư Diệu Nguyên Chùa Hương Sơn, Sư Bà Hạnh Chơn Chùa Bảo Thắng, Ni Trưởng Giải Thiện Chùa Bảo Châu v.v... có quỹ xã hội hằng năm tôi vẫn gửi về. Ngoài ra Thầy Như Tịnh còn đại diện nhận học bổng cho Tăng Ni sinh Quảng Nam – Đà Nẵng học tại Sài Gòn hay Huế và cũng có một quỹ để giúp cho những Thầy, Cô thiếu thốn tiền thuốc men, khi tuổi về già, ít có người quan tâm đến.

Nhờ là chúng tôi xuất thân từ nơi chùa Viên Giác tại Hội An và đặc biệt là 2 cây đa phía trước cổng chùa đã che chở cho chúng tôi suốt những ngày tháng mà chúng tôi nương náu tại đó, nên chúng tôi chẳng khi nào dám quên hình ảnh đẹp đẽ ấy, giống như người mẹ hiền bảo bọc đàn con thơ dại của mình, khi quê hương vẫn còn bị bom rơi đạn lạc.

Cho đến ngày hôm nay hai cây đa vẫn còn đó, hay thay lá vào đông, xanh lá vào xuân, rợp bóng mát vào hè, lá vàng vào thu,

nhưng có một điều là hai cây đa kia chưa hề thay lòng đổi dạ, dẫu cho người có đi xa hay còn ở tại quê nhà.

57. Hương lúa chùa quê

Việt ngữ, viết chung với Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, xuất bản năm 2013 tại Hannover, Đức Quốc và tại Úc Châu. Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2019 trên mạng toàn cầu Amazon.

Gia đình tôi có tất cả là 5 trai 3 gái. Cha tôi sinh năm 1898 và mất năm 1986. Thọ 89 tuổi. Mẹ tôi sinh 1908 và mất 1966. Hưởng dương 58 tuổi. Các anh chị tôi lần lượt ra đời và mất đi như sau:

- Chị Cả sinh năm 1928 và mất vào năm 2013. Thọ 80 tuổi.
- Chị thứ ba sinh năm 1930 và mất vào năm 1984. Hưởng dương 54 tuổi.
- Anh thứ tư của tôi sinh năm 1933 và mất đi năm 2022. Thượng thọ 88 tuổi.
- Bà chị thứ năm sinh năm 1935 và mất vào năm 2020, chỉ cách sau ông anh thứ tư trong vòng 49 ngày. Thượng thọ 86 tuổi.
- Anh thứ sáu sinh năm 1938 và mất vào năm 1966. Hưởng dương 28 tuổi.
- Ông anh thứ bảy tức Hòa Thượng Thích Bảo Lạc sinh năm 1942 và hiện là Phương Trưởng Tự Viện Pháp Bảo và Thiền Lâm Pháp Bảo. Năm 2022 này Thầy đã làm lễ Thượng thọ 80 tuổi.

- Ông anh thứ tám sinh năm 1945 và cũng mất vào năm này, đúng vào lúc Đệ nhị thế chiến (từ năm 1939-1945) vừa chấm dứt.

- Và Tôi được sinh ra vào ngày 28 tháng 6 năm 1949; đến năm 2022 này đúng 73 tuổi.

Như vậy cả gia đình chỉ có 3 người chưa đủ tuổi 60 mà mất, nên chưa gọi là thọ, như bà chị thứ ba, ông anh thứ sáu và ông anh thứ tám.

Hòa Thượng Bảo Lạc đi xuất gia năm 1957, tôi đi xuất gia năm 1964, tuy không có gia đình riêng, nhưng đã có một đại gia đình là Phật giáo gồm có nhiều chục đệ tử xuất gia và hàng ngàn đệ tử tại gia đã quy y với chúng tôi, sau khi chúng tôi thọ giới Tỳ Kheo và nhất là khi làm việc đạo tại Đức cũng như tại Úc. Bây giờ gia đình thân thuộc chỉ còn bà chị dâu thứ tư nay đã gần 90 tuổi. Ngoài ra tôi còn có bà chị dâu vai nhà Bác, năm nay cũng đã gần 100 tuổi rồi. Con cháu chít chít không biết bao nhiêu mà kể, chắc trên dưới cũng gần 200 người.

Ngày chúng tôi đi xuất gia, có người cùng quê gọi là mấy ông đó đi xuất dương, vì họ chẳng phân biệt người xuất gia và người xuất dương là gì. Thế mà sau này chúng tôi đã xuất dương du học Nhật Bản thật. Đó là nhân duyên, đó là kết quả đã đến một cách tự nhiên với hai Thầy có gốc gác là nông dân xứ Quảng, nhưng nghề và nghiệp chính không phải là cầm cuốc, mà là cầm viết.

Khi nhỏ tôi học rất dốt. Cuối năm lớp nhất, tức lớp 5 Tiểu học bây giờ, trong lớp có 35 học sinh, tôi đứng thứ 34. Việc này cũng dễ hiểu, vì tôi sanh ra cách cha mình cả 50 năm như vậy và các anh chị thì bận rộn công việc đồng áng, nên đã chẳng có ai chỉ

bày cho mình, chỉ có một mình tôi lay hoay lụi bại với sách đèn, chẳng biết hỏi ai, nên mới ra như vậy. Ví dụ như học cửu chương là một điển hình. Thời mới học, học sinh phải học thuộc lòng từ cửu chương thứ 2 đến cửu chương thứ 9 là: hai lần một là hai, hai lần hai là bốn, hai lần ba là sáu v.v... học xong cửu chương chín và nhắm đi nhắm lại thuộc lòng tất nhiên làm toán sẽ rất lợi hại và có nhiều điểm trên 10 hay 20.

Trong khi đó thể hệ của cha tôi, học cửu chương theo chữ Hán; nghĩa là đọc từ cửu chương 9 trở về cửu chương 8 rồi 7, 6, 5, 4, 3, 2. Ví dụ như : Cửu cửu bát nhứt (*chín chín tám một = 81*); bát cửu thất nhị (*tám chín bảy hai = 72*); thất cửu lục tam; lục cửu ngũ tứ; ngũ cửu tứ ngũ; tứ cửu tam lục; tam cửu nhị thất; nhị cửu thập bát; nhứt cửu nhi cửu. Như thế là hô xong cửu chương chín. Tiếp đến là cửu chương 8, cửu chương 7, cửu chương 6, cửu chương 5, cửu chương 4, cửu chương 3, cửu chương 2. Sau này nếu ai đó học tiếng Pháp thì phải hô theo tiếng Pháp từ cửu chương 2 đến cửu chương 9 cũng giống như tiếng Việt vậy.

Khi đi xuất gia vào chùa Viên Giác ở Hội An từ năm 1964, Thầy tôi bảo tôi đi học. Tôi trả lời rằng: Bạch Thầy đi tu rồi còn đi học làm gì nữa? Thế là bị la cho một mạch và tôi nhận sách vở từ Thầy tôi để đi học Đệ thất trường Diên Hồng ở Hội An, đến năm Đệ lục về học trường Trung Học Bồ Đề. Cuối năm Đệ tứ đứng nhất toàn trường, toàn lớp và hạnh kiểm toàn trường. Tôi đã nhận lãnh được 3 phần thưởng như vậy dưới thời cố Hòa Thượng Thích Như Huệ làm Giám Đốc tại đó. Với 3 phần thưởng như thế, tôi phải cho xe Cyclo chở dùm về chùa và nhờ vậy mà tôi đã được sang trường công lập Trần Quý Cáp để học Đệ tam với Thầy Như Phẩm, Dương Hứa Nguyên hiện là Bác sĩ, Huỳnh Thị Xuân

Hương hiện là Dược sĩ ở Sài Gòn và Phùng Rân và hình như người này đã mất. Sau Tết Mậu Thân (1968) thì tôi vào Sài Gòn học Đệ nhị tại trường Cộng Hòa của Giáo sư Phạm Văn Vận rồi sang học Đệ nhất trường Văn Học của Giáo sư Trần Bích Lan và Cô Nga ở Sài Gòn. Tôi đỗ hai Tú Tài I và II dễ dàng trong khi cư trú tại Chùa Hưng Long của Hòa Thượng Thích Pháp Ý. Cuối năm 1971 thọ giới Tỳ Kheo tại Tu Viện Quảng Đức ở Thủ Đức của Hòa Thượng Thích Quảng Liên và tự làm giấy tờ đi xuất ngoại với sự trợ giúp phương tiện giấy tờ của ông Lý Tường Châu (*Dân biểu đổi lập Hạ Nghị Viện và là anh ruột của Thầy Bốn Sư*) và ông Tô Văn Tám cũng như Cô Yến. Phải nói cho ngay rằng nếu chính quyền ông Thiệu và ông Hoàng Đức Nhã thuở ấy không cho sinh viên chúng tôi một phần hai vé máy bay để về thăm quê hương Việt Nam, nơi nào có Air Vietnam bay đến, thì chắc rằng Hòa Thượng Bảo Lạc, Thầy An Thiên, Thầy Minh Tuấn và cả sau này chư Tăng Ni sang Đức làm việc hay du học cũng không chắc là có được kết quả đáng ghi nhớ như ngày hôm nay.

Từ cuối năm 2003 đến đầu năm 2012 Thầy trò chúng tôi trong 10 năm liên tục, mỗi năm 2 đến 3 tháng như vậy đã đến tá túc cũng như ăn nhờ ở đậu nơi Tu Viện Đa Bảo và Tự Viện Pháp Bảo của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, nên tôi đã nảy ra ý định là tại sao hai anh em không viết chung một tác phẩm để ghi lại dấu chân xưa, mà một thời như thế chúng tôi đều xuất phát từ chốn ruộng đồng ra đi tìm đạo và nhờ tìm được đúng Thầy đúng bạn, nên mới có được những ngày tháng như ngày hôm nay và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cũng đã chấp bút để viết chung với tôi tác phẩm thứ 57 này mang tựa đề là “Hương Lúa Chùa Quê” để nhớ về một quê hương Việt Nam trong muôn thuở và xa hơn là nơi

chôn nhau cắt rún của chính mình mà đã gần nửa thế kỷ rồi chưa có lần tái ngộ.

58. Pháp Hoa Văn Cú

*Dịch từ Hán ngữ sang Việt ngữ, xuất bản năm 2013
tại Hannover, Đức Quốc.*

Sau khi dịch xong quyển thứ 32 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (ngoại trừ phần Đại Trí Độ Luận và Đại Thừa Khởi Tín Luận tôi không dịch, vì đã có Hòa Thượng Thích Trung Quán, Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Thượng Tọa Thích Thiện Thông đã dịch rồi) với tiêu đề là “Luận Tập Bộ Toàn” lúc bấy giờ trong những mùa An cư Kiết hạ; ngoài việc lạy kinh mỗi chữ mỗi lạy ra, tôi bắt đầu dịch tác phẩm thứ 58 này của Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư với tiêu đề như sau:

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 34, thuộc về “Chú giải kinh bộ thứ 2” Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú. Bắt đầu dịch quyển này vào ngày 21 tháng 8 năm 2009 nhằm ngày mồng 2 tháng 7 năm Kỷ Sửu, Phật lịch 2553 trong mùa An cư Kiết hạ và lạy Kinh Đại Bát Niết Bàn tập 2 mỗi chữ mỗi lạy đến trang 186.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Thứ tự Kinh văn số 1718 (262, 1719) từ trang số 1 đến trang 149. Dịch xong 943 trang đánh máy khổ A4 này vào ngày 14 tháng 10 năm 2010 tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg, Đức Quốc, sau khi tổ

chức Về Nguồn và Hiệp Kỳ lịch đại chư liệt vị Tổ Sư lần thứ 4 tổ chức tại Tu Viện Viên Đức từ ngày 16 đến 19 tháng 9 năm 2010, tôi ở lại đây dịch cho xong phần sau cùng này. Gần 150 trang chữ Hán trong tập thứ 34, đã dịch đến 943 trang tiếng Việt trong thời gian từ năm 2009 đến 2010. Trong vòng một năm ấy dĩ nhiên cũng có nhiều ngày nghỉ cuối tuần; nhưng đây đối với tôi là một đại tác phẩm của Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư người Trung Quốc đã chú giải Kinh Pháp Hoa từng câu, từng chữ rất tỉ mỉ. Đến năm 2013 chúng tôi cho ấn tống lần đầu, nhưng nhận thấy còn thiếu nhiều chỗ điển tích quá xúc tích, nên tôi đã nhờ Đạo Hữu Nguyễn Minh Nguyễn Minh Tiến dịch và chú thích thêm những từ ngữ phải cần làm sáng tỏ kể từ năm 2021 đến nay. Chưa biết là bao giờ mới hoàn thành. Hy vọng sẽ được hoàn hảo như dịch phẩm Tây Vức Ký vừa rồi, mà anh đã cộng tác.

Bây giờ chúng ta nên tham cứu thêm về Tiểu sử của Ngài như sau:

Ngài sinh năm 538 và tịch năm 597. Ngài là một cao Tăng người Trung Quốc, sống vào đời nhà Tùy, người ở Hoa Dung, Kinh Châu, thuộc phía Tây Nam huyện Tiền Giang, tỉnh Hồ Nam. Ngài họ Trần, tự là Đức An, người đương thời gọi là Trí Giả Đại Sư, Thiên Thai Đại Sư, Tổ khai sáng Tông Thiên Thai (có thuyết cho rằng Ngài là Tam Tổ; tức lấy Ngài Tuệ Viễn làm Sơ Tổ, Ngài Tuệ Tư làm Nhị Tổ).

Năm 7 tuổi Ngài đã thích đến chùa, chư Tăng truyền miệng cho Ngài phẩm Phổ Môn chỉ một lần, Sư liền trì tụng.

Năm 18 tuổi, Ngài theo Ngài Pháp Tự ở chùa Quả Nguyện xuất gia (555). Sau đó không lâu, Ngài đến Ngài Tuệ Khoáng cầu

học tụng luật và các kinh Phương Đẳng, sau Ngài vào núi Thái Hiền tụng các Kinh Pháp Hoa, Vô Lượng nghĩa, Phổ Hiền quán, chỉ trong 2 tuần đã thông suốt ý nghĩa.

Niên hiệu Thiên Gia năm đầu (560) đời nhà Trần, Ngài đến núi Đại Tô ở Quang Châu tham yết Ngài Tuệ Tú, Ngài chỉ dạy cho Ngài Phổ Hiền Đạo Tràng, giảng nói bốn hạnh an lạc, Ngài bèn trụ lại tại đó. Một hôm Ngài tụng phẩm Dược Vương trong Kinh Pháp Hoa thì hoát nhiên khai ngộ, sau đó Ngài thay Ngài Tuệ Khai giảng và nhận sự phó chúc của Ngài, vào Kim Lăng hoằng truyền Phật pháp. Ở chùa Ngõa Qua, Ngài khai diễn đề Kinh Pháp Hoa, lập ra tông nghĩa mới, phán thích kinh giáo, đặt vững nền tảng cho giáo quán Tông Thiên Thai.

Năm Thái Kiến thứ 7 (575) đời nhà Trần, Ngài lên núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang, xây chùa ở phía Bắc Phật Lũng.

Năm Chí Đức thứ 2 (584) Trần Hậu Chủ đưa Hậu Phi đến lễ Ngài và xin thọ giới Bồ Tát.

Năm Chí Đức thứ 3 (585) Ngài vâng Sắc vua xuống núi đến ngự ở Chùa Linh Diệu tại Kim Lăng, không bao lâu, Ngài tuyên giảng luận Đại Trí Độ và Kinh Nhân Vương Bát Nhã ở điện Thái Cực, rồi giảng Kinh Pháp Hoa ở Chùa Quang Trạch. Đến khi quân Nhà Tùy đánh phá Kim Lăng, Ngài dời đến Kinh Châu ở phía Tây.

Đến năm Khai Hoàng thứ 11 (591) đời Tùy, Tấn Vương Dương Quảng mấy phen thỉnh Ngài về lại phía Đông. Vì lòng thành của Tấn Vương, nên Ngài đã đến Dương Châu truyền giới

Bồ Tát cho Vương và được Vương ban hiệu là “Trí Giả”. Về sau trở lại phía Tây, đến núi Ngọc Tuyền ở Dương Dương xây chùa.

Năm Khai Hoàng thứ 13 (593) Ngài giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa ở chùa này. Vua Văn Đế bèn ban tên chùa là “Ngọc Tuyền tự”. Năm sau Ngài lại giảng thuyết Ma Ha Chỉ Quán.

Năm Khai Hoàng thứ 15 (595) Ngài lại theo lời thỉnh cầu của Tấn Vương trở về Kim Lăng.

Năm Khai Hoàng thứ 17 (597) Ngài ngồi thị tịch trước tượng đá lớn trên núi, hưởng thọ 60 tuổi, 40 tuổi đạo. Sinh tiền, Ngài xây dựng được 36 ngôi chùa lớn (có nơi nói 35 ngôi), độ rất nhiều đệ tử, trong đó nổi tiếng hơn cả là các vị: Quán Đỉnh, Trí Việt, Trí Tảo v.v... Sau khi Ngài thị tịch, Dương Quảng sai người y theo bức họa đồ Ngài để lại, xây chùa dưới chân núi Thiên Thai.

Niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu (605) sau khi lên ngôi, Dương Quảng (Tùy Dạng Đế) ban hiệu chùa là Quốc Thanh tự.

Đến đời Hậu Chu, Vua Thế Tông ban cho Ngài thụ hiệu là “Pháp Không Bảo Giác Tôn Giả”.

Năm Khánh Nguyên thứ 3 (1197) đời Nam Tống, Vua Ninh Tông lại ban thêm thụ hiệu là: “Linh Tuệ Đại Sư”.

Tư tưởng của Ngài được hình thành từ việc hệ thống hóa tinh thần Kinh Pháp Hoa và giáo học của Ngài Long Thọ theo hình thức đặc thù của Trung Quốc. Ngài lại chia kinh điển của Phật giáo làm 5 loại gồm những thời kỳ như sau:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật

A Hàm thập nhị, Phương Đẳng bát

Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm

Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên

Nghĩa:

Hoa Nghiêm (*Kinh Hoa Nghiêm, chỉ cho giáo lý tối thượng thừa*) đầu tiên hai mốt ngày.

A Hàm (*gồm 5 bộ kinh. Đó là Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Tạp A Hàm và Bản Sanh*) mười hai.

Phương Đăng (*Những kinh điển có nội dung dân cao lên Đại Thừa*) tám.

Hai hai năm nói kinh Bát Nhã (*Nói về tánh không*).

Pháp Hoa, Niết Bàn (*Những bộ kinh sau cùng, trước khi Phật nhập diệt*) cộng tám năm.

Ngài chia phương pháp giáo hóa và nội dung tư tưởng của Đức Phật thành 4 loại. Đó là Tạng (Ước), Thông, Biệt và Viên. Sự tổ chức của hệ thống Phật giáo có tính cách tổng hợp này được xem là sự phán giáo có tính cách đại biểu đầy đủ. Pháp môn chỉ quán tu theo Thiền quán là pháp môn có tính cách sáng tạo độc đáo nhất của Ngài.

Bình sanh, Ngài soạn thuật rất phong phú. Phần nhỏ do chính Ngài soạn thuật và viết chép. Còn phần lớn thì do đệ tử Quán Đỉnh lắng nghe Ngài giảng nói và ghi chép thành sách. Sự soạn thuật của Ngài đã tạo nên khuôn phép về hành giải cho Tông Thiên Thai.

Các tác phẩm của Ngài gồm có: Pháp Hoa sớ, Tịnh Danh sớ, Ma Ha Chỉ Quán, Duy Ma Kinh sớ, Tứ Giáo Nghĩa, Kim Cang Bát Nhã Kinh sớ, Thiền Môn yếu lược, Quán Tâm Luận Pháp Hoa Kinh huyền nghĩa, Quan Âm nghĩa sớ, Kim Quang Minh Kinh huyền nghĩa, Kim Cang Minh Kinh Văn Cú, Quán Vô Lượng Phật Kinh sớ.

(Xem thêm Tục Cao Tăng truyện; Đại Đường nội điển Lục quyển 10, Chỉ Quán phụ hành truyền hoằng quyết quyển 1, Thiên Thai Cửu Tổ truyện, Phật Tổ thống ký quyển 6, 25, 37, 39,49; Trí Giả Đại Sư biệt truyện chú).

Trích: Dựa theo Phật Quang Đại Từ Điển quyển 6, từ trang 6345 đến trang 6347 do Hòa Thượng Quảng Độ dịch và chú giải.

59. Hiện tượng của Tử Sinh

Viết ngữ, xuất bản năm 2014 tại Hannover, Đức Quốc.

Tôi học tiếng Phổ Thông Trung Quốc từ khi đi Trung Quốc lần thứ nhất về lại Đức. Lý do là ở những vùng quê tại Trung Quốc người ta không hiểu ngoại ngữ như ở Bắc Kinh hay Thượng Hải. Do vậy tôi đăng bảng tại Đại Học Hannover tìm Sinh viên Đài Loan đang du học tại Đức, muốn có thu nhập thêm thì vào Chùa Viên Giác dạy kèm. Đầu tiên có cô giáo người Đài Loan đến chùa dạy mỗi tuần 2 lần, mỗi lần 2 tiếng đồng hồ trong vòng 2 năm như vậy. Thầy trò chúng tôi học lúc đó gồm nhiều người như: Sư Cô Hạnh Ngọc, Thầy Hạnh Định, tôi cùng vài ba vị nữa, nhưng cuối cùng chỉ còn tôi và Sư Cô Hạnh Ngọc

học cho đến khi nói được tầm tạt bởi những câu giao dịch hằng ngày thì nghỉ.

Tôi hay nói bằng tiếng Hoa rằng: “Bây giờ cái gì tôi cũng đã có, nhưng không có thời gian nhiều, vì thời gian đối với tôi rất quý”. Câu này chủ từ chính là thời gian chứ không phải cái gì cũng có; cái gì cũng có là túc từ. Thế mà nhiều người chỉ giải thích từ “cái gì cũng có” rồi nói rộng ra rằng: tại sao người tu mà cái gì cũng có v.v...

Do vậy năm 2013 tôi suy nghĩ rằng: Nếu viết nhiều quyển sách dày quá, không biết người khác có thì giờ để đọc không? Do vậy năm ấy tôi viết chừng 180 trang viết tay thì nghỉ, cho nên quyển “Hiện tượng của tử sinh” này cũng thuộc vào dạng này. Nội dung của quyển này tôi viết và kể về những chuyện cận tử nghiệp của quý Thầy, Cô và của các Phật tử mà tôi đã chứng kiến khi họ hấp hối. Viết về trung ấm thân và kể những chuyện vãng sanh v.v...

Đôi khi tôi cũng gặp một vài người và họ bảo rằng: Những sách của Thầy viết, con đã đọc hết rồi. Dĩ nhiên là tôi rất vui, vì sách mình viết ra, có người đọc đến, còn hơn là mỗi lần nhận sách về, họ chỉ chất chồng thành khối, chỉ cốt làm cho bụi bám vào và hầu như chưa bao giờ đá động đến một trang nào cả. Có lẽ họ không có thời gian hay họ lười đọc sách? Nay có người đọc sách của mình viết, nên tôi vội hỏi ngay. Thế cậu đã đọc sách nào rồi của Thầy đã viết? Thế là em Phật tử này kể ra vanh vách từ 5 đến 7 tác phẩm mà em đã đọc. Người viết sách cũng như người nấu thức ăn vậy. Nếu thức ăn mình nấu ra, bày biện lên bàn, mà khách chẳng đoái hoài đến hay chê dở, thì người nấu phải đặt ra câu hỏi cho mình là tại làm sao thế? có thể do nêm nếm không vừa miệng

chăng? Hay thức ăn không hợp thời? Không hợp khẩu vị? Người viết sách cũng như thế, không phải chỉ muốn được khen, mà cũng muốn thăm dò ý kiến độc giả như thế nào để từ đó viết những quyển sách về sau lấy kinh nghiệm mà viết. Viết cho độc giả hiểu, chứ không phải viết về cái hiểu biết của mình.

Năm nay (2022) tôi có cơ duyên đến chùa Pháp Bảo và Thiền Lâm Pháp Bảo ở lại trong vòng hơn một tháng, kể từ ngày 19.10 đến ngày 27 tháng 11 năm 2022 cũng đã tham gia bao nhiêu khóa tu, khóa giảng, lễ xuất gia, thọ giới của nhiều Phật tử và đệ tử của Thầy Phổ Huân, Cô Giác Anh, họ xin thọ giới pháp để tu thân. Tôi nhìn họ mà ngưỡng mộ. Ngoài ra cứ mỗi thứ Bảy cuối tuần có cả 10 đến 20 thanh niên như vậy lên Thiền Lâm Pháp Bảo để làm công quả như cắt cỏ, tưới cây, dọn phòng, nấu ăn, đóng bàn ghế v.v... nhìn ai cũng với nét mặt hân hoan. Vì họ đã hiểu đạo và đang giúp cho đạo phát triển. Hòa Thượng Bảo Lạc thì đang ngồi đọc Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán, mỗi ngày đọc độ 20 trang. Thịnh thoảng đi bách bộ lên Phật đài, điện Phật hay nhổ cỏ, tưới cây. Phần tôi cặm cụi lo viết cho xong tác phẩm thứ 71 của mình.

Thịnh thoảng có người đến hỏi tôi về sách của Thầy Tuệ Sỹ mà tôi đã viết lời giới thiệu, hay ngược lại sách của tôi dịch mà Thầy Tuệ Sỹ viết lời giới thiệu. Những lúc như vậy cũng rất vui. Bởi lẽ tôi có cơ hội để hướng dẫn người hỏi là bây giờ nên đặt những sách ấy ở đâu? Thời gian bao lâu thì nhận được sách v.v...

Ngày xưa sau khi viết xong, văn phòng của Chùa Viên Giác sẽ có người đánh máy, đa phần Cô Nga và Chú Sanh đảm trách việc này. Sau đó phải dò lỗi chính tả trước khi nhờ Thầy Hạnh Bốn hay Anh Như Thân Layout; kêu gọi ấn tống và gửi qua Đài Loan để in

mỗi lần tùy theo loại sách từ 1.000 đến 5.000 quyển; nhưng sau này Internet đã phát triển nhiều và chúng tôi quyết định là sau khi đánh máy, Layout xong chỉ cần đưa lên trang nhà hay cho vào loại phát hành ở Amazon, thì người ở bất cứ nơi đâu cũng có thể đặt sách trên mạng để về đọc được.

Vấn đề ở đây là người đọc có muốn đọc hay không? Chứ còn vấn đề quyển sách dày hay mỏng không phải là vấn đề chính. Vậy mọi người nên siêng năng đọc sách để người viết có động lực hơn.

60. Nhật Bản trong lòng tôi

Việt ngữ, xuất bản năm 2015 tại Hannover, Đức Quốc.

*Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2022
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Quan niệm về ngày xưa và nay có nhiều vấn đề có những tư duy khác nhau; nhưng việc người trong nước luôn muốn đi ra nước ngoài thì ngày xưa và nay thấy ít có khác nhau bao nhiêu. Điều này có nghĩa là trước năm 1975 ai đi ra nước ngoài để du học là một hạnh phúc lớn lắm, mà phải đi Mỹ, đi Úc, đi Canada, đi Âu Châu mới là số một; còn các nước khác tại Á Châu như Nhật Bản, Ấn Độ ưu tiên hai. Còn Đại Hàn, Hồng Kông, Mã Lai, Thái Lan v.v... ngày ấy chẳng ai nghĩ đến việc đi du học tại những nước này.

Đến sau năm 1975 và mãi cho đến bây giờ của năm 2022 này có cả hằng 3, 4 triệu người ra đi khỏi nước vì nhiều lý do khác nhau như: ra đi tỵ nạn vì lý do chính trị, tôn giáo, nhân đạo, đoàn

tự gia đình, đi làm việc lao động, học nghề, học chữ v.v... chẳng biết đến bao giờ sự ra đi này mới ngừng ở vào thời điểm của thế kỷ thứ 20 và 21 này; nhưng so ra với thế giới, người Việt Nam mình chuộng ngoại nhiều hơn, nên mới xảy ra tình trạng khó diễn tả hết lý do là tại sao như vậy ?

Riêng bản thân của tôi là một Tăng sĩ thuộc Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, sau khi học xong Trung Học Đệ Nhị cấp cũng đã muốn đi ra khỏi nước mẹ Việt Nam. Lúc ấy không chọn Ấn Độ mà tôi lại chọn Nhật Bản, lý do đơn giản duy nhất chỉ vì Nhật Bản văn minh hơn Ấn Độ và có nhiều Đại học Phật giáo hơn Ấn Độ cũng như Việt Nam vào thuở ấy được ra đi khỏi nước là một vinh dự vô cùng. Tôi cũng được lọt vào sự tư duy đương thời rất thịnh hành như thế.

Ngày 22 tháng 2 năm 1972 nhằm ngày mồng 8 tháng giêng năm Nhâm Tý. Nghĩa là mới ăn Tết ta vừa xong. Khi được ngồi vào lòng máy bay rồi, tôi nghe tiếng hát của Duy Khánh phát ra từ buồng lái của Air Vietnam bài hát “Xuân này con không về” sao mà nó buồn khó tả, lúc ấy ước gì ở lại Việt Nam vẫn hơn. Đúng là con người có rất nhiều sự nghịch lý khác nhau trong cuộc sống, khi chưa đạt được một cái gì đó, thì muốn cho cái ấy, việc ấy vào nhanh nơi tay mình để nắm giữ và cố thủ; nhưng khi đã đạt được điều mình mong muốn rồi thì mình lại muốn buông xả hay cảm thấy không cần thiết nữa. Có phải đây là quan niệm chung của mọi người trong chúng ta chăng? Điều này tôi không quyết đoán lắm, nhưng tình trạng của tôi là một sự điển hình.

Khi ở Việt Nam lúc nào tôi cũng muốn sang Nhật cho được, càng sớm càng tốt nhưng khi đến được Nhật Bản, nhất là sau khi

đã vào sống trong chùa Nhật rồi, thấy đời sống của những vị Tăng sĩ ở đây đâu có khác gì ở một ngôi nhà thế tục, cũng cưới hỏi, ma chay, cũng con cái đầy chùa v.v... từ đó tôi nghĩ rằng: Chắc Việt Nam mình tốt hơn đây chẳng? Nhưng nhiều khi nghĩ lại những lúc đêm thanh cảnh vắng tại chùa, khi đã học bài xong thì lại tự hỏi với chính mình rằng: Điều mà người Tăng sĩ Nhật Bản lấy vợ, sinh con từ thế kỷ thứ 13 đến nay là tốt, hay chính thức như Cổ Sơn Môn ở Việt Nam thì dễ dàng cho sự truyền tử lưu tôn hơn? Hay úp úp mở mở, nửa nẩy nửa kia? Có nghĩa là mâm chay cũng có mặt, mà mâm mặn cũng chẳng chùa? Đến ngày một vị Thượng Tọa, một vị Hòa Thượng ra đi, đàng sau chiếc áo quan lại có thêm những người xa lạ ngoài tang quyến ra, đến để tang. Vậy những người này là ai vậy? Từ đó nếu Phật giáo Việt Nam mình chính thức cho chư Tăng lập gia đình hẳn hoi như Tăng sĩ người Nhật và chỉ còn thọ Bồ Tát giới thôi, không cần thọ giới Tỳ Kheo vẫn ổn? Hay đây là một đại nạn của Phật giáo?

Nhớ lại những ngày xưa, sau khi Hòa Thượng Thích Mãn Giác du học và tốt nghiệp Tiến Sĩ ở Nhật Bản về lại Việt Nam, có lúc làm đến Phân khoa trưởng Phân khoa Phật học, đã có lần đề nghị với quý Hòa Thượng lớn trong Giáo Hội rằng: Chúng ta nên sửa đổi, cho chư Tăng lập gia đình như Phật giáo Nhật Bản để có người truyền thừa; chứ một mai đây các chùa không có người xuất gia nữa thì biết làm sao đây?

Hòa Thượng Thích Trí Thủ từ tốn trả lời rằng: “Tôi già rồi, không có ý kiến về việc này. Nếu có thì xin quý Thầy trẻ tự lo liệu”.

Nghe câu trả lời của cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ như vậy, nên Hòa Thượng Thích Mãn Giác và quý Thầy trẻ lúc bấy giờ cũng im lặng mãi cho đến ngày nay.

Tình hình sinh hoạt của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại ngày nay cũng đang gặp những khó khăn không khác ngày xưa là mấy. Đó là chùa nhiều mà chư Tăng, Ni lại ít. Cho nên nhân một buổi hội thảo trong ngày Hiệp Kỳ lịch đại liệt vị chư Tổ Sư và ngày Về Nguồn lần thứ 12 tổ chức từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 năm 2022 cũng là ngày kỷ niệm 32 năm thành lập Tu Viện Quảng Đức tại Melbourne, Úc Châu, Hòa Thượng Thích Như Định, Trụ Trì chùa Thiên Ấn tại Sydney với tư cách Chủ tọa một phiên họp cũng đã đưa ra những đề nghị giống như cố Hòa Thượng Mãn Giác đã đề nghị với cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ thuở xưa và đã được Hòa Thượng Bảo Lạc cùng tôi phân bác lại rằng:

“Thưa cử tọa! Việc đề nghị của Hòa Thượng Thích Như Định chưa đúng hẳn, với lý do là chư Tăng Việt Nam ở hải ngoại ngày nay nên lập gia đình để sinh con nối truyền, nếu không, sẽ không có người giữ chùa thì ý kiến cũng như lập luận này chưa vững lắm. Lý do thứ nhất như quý vị thấy các vị Mục Sư của Tin Lành được lập gia đình sinh con, đẻ cái, nhưng nhiều nhà thờ Tin Lành ở Âu, Úc, Mỹ ngày nay vẫn thiếu người trông coi. Lý do thứ 2 như chúng ta biết ở Nhật Bản chư Tăng đã được phép lập gia đình từ thế kỷ thứ 13 và đặc biệt là sau thời Minh Trị Duy Tân vào năm 1868, nhưng cho đến nay chùa chiền tại Nhật nhiều chùa vẫn bỏ trống như thường, không có người trông coi. Do vậy Việt Nam chúng ta không cần phải noi theo gương ấy”.

Cả hội trường đều vỗ tay và ý kiến của Hòa Thượng Như Định được kết thúc tại đó.

Nhưng dấu sao đi nữa, Nhật Bản đối với tôi là một ân nghĩa nghìn trùng. Vì nếu không có điểm khởi đầu này để tôi bước chân ra khỏi quê hương, đất mẹ Việt Nam, thì tôi đã chẳng có được ngày hôm nay. Do vậy tôi viết tác phẩm thứ 60 này nhan đề là: “Nhật Bản trong lòng tôi” cũng không vì sự cảm ơn, cảm phục, cảm mến về một dân tộc sau Đệ nhị thế chiến năm 1945 quê hương họ bị xé nát tan tành bởi hai quả bom nguyên tử của Hoa Kỳ thả xuống Hiroshima và Nagasaki vào tháng 8 và tháng 9 năm 1945 mà ngày hôm nay Nhật Bản đã phát triển vượt bậc như thế, khiến cho thế giới phải ngả mũ chào, là một hình ảnh mà Việt Nam chúng ta cần phải học hỏi.

61. Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát (dịch)

Chủ trì dịch và chứng nghĩa Việt văn từ bản Hán văn của quý thầy

Hạnh Định, Hạnh Tâm và Hạnh Bốn.

Xuất bản năm 2015 ở Hannover Đức Quốc

62. Nước Úc trong tâm tôi

Việt ngữ, xuất bản năm 2016 tại Hannover, Đức Quốc.

Viên Giác Tùng Tư tái bản trên mạng toàn cầu Amazon 2023.

Năm 1978 sau khi định cư tại Đức được một năm rưỡi, lúc đó giấy tờ tỵ nạn vì lý do tôn giáo đã xong, tôi có ý đi ngoại quốc và chuyến đầu tiên hướng đến là nước Úc. Lý do để đến Úc, vì đây là một lục địa lớn ở gần Á Châu, nhưng có khí hậu, địa lý v.v... khác với tất cả các nơi trên thế giới. Ví dụ như trong khi ở Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ mùa Hè, thì ở nước Úc là mùa Đông. Trong khi các châu kia mùa Đông thì nước Úc mùa Hè và các châu lục kia mùa Thu, thì tại Úc mùa Xuân và khi các nước kia mùa Xuân thì ở Úc là mùa Thu. Đó là chưa kể những điều khác lạ nữa. Do vậy tôi muốn đến xứ sở này để thăm một lần cho biết, nhưng muốn đến đây phải có giấy tờ người thân đứng ra bảo lãnh. Lúc ấy nhờ Anh Cát và Chị Giang đang sinh sống tại Hannover giới thiệu với gia đình Anh Lê Đức Phụng, con Cụ Lê Đức Khiêm và Bà Nguyễn Thị Tần, Pháp danh Diệu Hằng, vốn là những Phật tử thuần thành của chùa Viên Giác tại Hannover đứng ra bảo lãnh. Đây là cơ duyên để tôi có mặt tại Úc sớm nhất, hơn nhiều Thầy, Cô đến định cư ở Úc về sau này.

Đến Brisbane thuở đó phải qua phi trường quốc tế Melbourne, nhân viên y tế leo lên máy bay xịt thuốc khử trùng hết cả các khoang máy bay, hành khách mới được bước xuống làm giấy tờ nhập cảnh và đổi máy bay đi Brisbane thuộc Tiểu bang Queensland. Tôi được đón về nhà Anh Chị Phụng và ở đó trong vòng một tháng. Những lúc rảnh rỗi Anh chở tôi đi thăm những người đồng hương đã đến đây lập nghiệp và tỵ nạn từ năm 1975. Họ trồng nào rau muống, rau lang, đậu bắp; nhất là những cây mít đã bắt đầu ra trái đang trồng trong những vườn nhà đây đó, khiến cho tôi thích xứ sở này như quê hương nơi mình sinh ra vậy. Mùa hè năm 1978 của tháng 12 năm ấy tại Úc đẹp vô ngần. Nhìn lên

bầu trời chẳng có một đám mây, toàn là một màu xanh thăm thăm và hoa phượng nở. Ô! hoa của tuổi học trò, xoài, ổi, khế, chùm ruột v.v... đó đây trong các vườn nhà ai đó đã làm cho tôi có cảm tình ngay từ lúc ban đầu. Anh Phụng liên lạc với ông Nguyễn Viết Trưng để tôi đến thăm cùng với một số gia đình khác. Lúc ấy chưa có chùa, nên đi đâu cũng ở lại nhà Phật tử và cơm nước cũng tại những nơi ấy.

Ông Trưng vốn là người ở lâu tại Brisbane, quen biết nhiều Anh em Sinh viên cũ đã đi du học tại Úc trước năm 1975 như Anh Lê Thăng Tiến, Anh Hoàng Khôi; hay những người tỵ nạn đến sớm như Anh Phước, Chị Diệu Yên, Anh Chị Nhưường v.v... Đây là cái nhân tố lúc ban đầu để sau này tôi ghé Sydney trước, sau đó mới bay đi thăm Brisbane và Adelaide. Melbourne thuở ấy tôi chưa có nhân duyên, nên đã chưa một lần chủ lễ cầu an hay cầu siêu tại đó. Chỉ sau này các chùa được thành lập như Tu Viện Quảng Đức, Chùa Quang Minh v.v... tôi mới có cơ hội đặt chân đến vùng đất ngày đêm 4 mùa thay đổi này. Do vậy mà người Việt lúc ấy ở định cư tại Melbourne ít hơn là Sydney và vì lý do này nên Hòa Thượng Thích Tắc Phước sau khi đến tỵ nạn tại Melbourne Ngài lại tìm cách về Sydney lập chùa Phước Huệ cho đến ngày nay.

Thuở đó tôi thường hay đi máy bay loại Standby, có nghĩa là muốn đi đâu, cứ lên phi trường chờ đợi. Cuối cùng còn vé trống, mình mua vé lên máy bay, vé rẻ vô cùng. Từ Sydney đi Adelaide hay Brisbane độ chừng 30 đến 40 Úc kim là nhiều; và những ngôi nhà ngày ấy nếu ai đó mua độ chừng ba bốn chục ngàn Úc kim thì bây giờ sau 45 năm bán lại giá lên gấp 10 lần. Bởi lẽ giá Úc kim thuở ấy lớn hơn đô-la Mỹ và nhỏ hơn Anh kim một chút thôi. Nên đồng đô-la Úc thuở xưa có giá trị lắm. Ngày nay thì ngược lại, nếu

ai đó đi loại Last Minute, nhân viên máy bay nghĩ là mình cần, nên phải trả tiền vé đắt gấp 3 hay gấp 4 lần như thế. Khi thời gian trôi qua đi, mọi vật đều thay đổi là vậy. Cho nên Đức Phật đã nói trong Kinh Đại Bát Niết Bàn quyển thứ 2 rằng: “Tất cả các pháp đều bất định, nên nhứt xiển đề cũng bất định”. Nhứt xiển đề có nghĩa là loại chúng sanh không tin bất cứ một loại tội phước nào cả; nhưng đến một ngày nào đó chắc chắn chúng sanh ấy cũng sẽ thay đổi. Nhờ đó mà họ có thể vãng sanh về nước Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà ở phần Hạ Phẩm Hạ Sanh; nếu chúng sanh ấy có được những thiện hữu tri thức giúp đỡ hộ niệm lúc lâm chung và người ấy phải có tâm tầm quý, biết sám hối những tội lỗi của mình đã gây ra trong đời trước.

Vùng Adelaide thuở ấy cũng chưa có chùa, chưa có Phật tử. Tôi đến đây một vài ngày rồi quay trở lại Brisbane và Sydney để cố vấn cho những người Phật tử tại đây lập nên Hội Phật giáo tại New South Wales và Hội này chính thức thành lập từ năm 1980. Ngoài ra tôi cũng đã cố vấn cho Hội đóng góp tiền bạc tự nguyện và cho mượn Hội Thiện mỗi gia đình 300 Úc kim để làm vốn thuê chỗ làm Niệm Phật Đường và ngôi Niệm Phật Đường không tên số một, Hội đã thành lập và chờ Hòa Thượng Bảo Lạc từ Nhật Bản sang đặt tên và những năm sau đó tôi tiếp tục giúp Hội Phật giáo Đông Dương gồm Việt, Miên, Lào ở Adelaide tách rời ra, mượn nơi chốn làm chùa Pháp Hoa để đón Hòa Thượng Thích Như Huệ từ Nhật Bản qua (*Hòa Thượng Thích Như Huệ được tàu Na-Uy vớt trên biển rồi chờ sang cho tạm cư tại Nhật. Sau đó Hội Phật giáo Nam Úc làm giấy tờ bảo lãnh Ngài qua Adelaide, qua sự giới thiệu của tôi*) và sau này Ngài thành lập Chùa Pháp Hoa trong hiện tại.

Bởi do tôi là người đã có mặt ngay từ lúc ban đầu tại Úc, đặc biệt là Sydney; nên Hội Phật giáo New South Wales khắc một bảng đồng để ghi lại những tháng năm thành lập Hội và các Ban Trị Sự qua từng giai đoạn thì Pháp Danh của tôi, Thích Như Điển được Hội cho khắc vào trên cùng là vậy. Lãnh đạo tinh thần: Đại Đức Thích Như Điển. Tôi xin niệm ân tất cả mọi người cho mọi sự thành tựu ở đây từ đó cho đến về sau này.

Do vậy tôi viết tác phẩm này với tâm ý là điều này đã đến và đi đối với tâm tình hằng gắn sâu vào tiềm thức, nên mới nêu lên tiêu đề như vậy. Quý vị Phật tử xa gần, nếu muốn biết rõ ràng qua những cánh chim Di của người Việt tại Úc và Phật giáo tại đây lúc ban đầu như thế nào, thì không thể bỏ qua tác phẩm này được.

Bây giờ chùa Pháp Bảo nay mai sẽ trở thành Tổ Đình và Thiên Lâm Pháp Bảo sẽ do Thượng Tọa Thích Phổ Huân và Sư Cô Thích Nữ Giác Anh điều hành để tiếp nối con đường mà Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, người đã trải qua suốt hơn 40 năm dài gây dựng lên được như ngày hôm nay.

63. Nước Mỹ bao lần đi bao lần đến

Việt ngữ, xuất bản năm 2017. Viên Giác Tùng Thư tái bản năm 2022 trên mạng toàn cầu Amazon.

Nếu tôi nhớ không lầm, lần đầu tiên tôi đi Canada là vào mùa thu năm 1979 và sau đó tôi tiếp tục bay sang Mỹ. Những ngôi chùa thờ ấy mới có mặt tại đất lành này là Chùa Việt Nam tại Los Angeles, nơi cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân sáng

lập từ năm 1974, cùng với Đại học Đông Phương và International Zen Buddhist Center. Ngài tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản vào năm 1964, sau đó Ngài về nước dạy ở Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn và năm 1966 Ngài được nhiều Đại Học ở Hoa Kỳ mời sang giảng dạy với tư cách là Visistor Professor. Sau đó ở lại định cư tại Mỹ luôn cho đến khi Ngài viên tịch vào năm 1980, hình như lúc ấy Ngài chưa đến 60 tuổi, là một tuổi còn nhiều năng nổ cho công tác Phật sự, cũng như giáo dục tại Hoa Kỳ. Nhưng tiếc thay một hoa sen đã mãn khai, Ngài đã về với Phật, để lại cho hậu thế không biết bao nhiêu là niềm luyến tiếc.

Tôi đến thăm Ngài và Ngài cũng biết trước đó tôi đã du học tại Nhật, đang xin tỵ nạn ở Đức, nên Ngài tiếp đón rất ân cần niềm nở. Một năm sau, trước khi Ngài mất, Ngài đã đi thăm một địa phương nào đó và có viết cho tôi một Post Card gửi về địa chỉ Kestnerstr. 37, 3000 Hannover – Germany, tôi cảm động vô cùng, nhưng sau đó không lâu thì được tin Ngài đã viên tịch. Thuở ấy Ngài dẫn tôi đi xem Đại Hồng Chung được đúc từ Huế, trang bị cho Thiền Viện và các Thiền sinh tập lắng lòng nghe khi tiếng chuông được gióng lên; rồi nào là Tiêu Diêu House (*Hòa Thượng Tiêu Diêu tự thiêu năm 1963 phản đối chế độ Ngô Đình Diệm là thân phụ của Ngài*), rồi Viện Đại Học Đông Phương từ bậc Cao Học lên đến Tiến Sĩ. Nhưng sau khi Ngài viên tịch ngay cả Chùa Di Đà cũng không còn nữa, chứ đừng nói gì đến chiếc Đại Hồng Chung kia. Giờ đây ai đến đó sẽ chỉ còn thấy Chùa Việt Nam tại Los Angeles mà thôi, còn những cơ sở vật chất kia đều đã trôi theo dòng đời dâu bể và chảy về đâu, chẳng ai hề hay biết gì cả.

Tôi chỉ biết được một điều là năm 1979 khi Hòa Thượng Mãn Giác qua Pháp tỵ nạn, nhưng chắc không thích hợp với khí hậu tại

đó, nên Ngài đã nhờ Hòa Thượng Thích Thiên Ân bảo lãnh qua Los Angeles để định cư, trước khi Hòa Thượng Thích Thiên Ân viên tịch. Sau đó Hòa Thượng Thích Mãn Giác kế thế Trụ trì chùa này và lập nên Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và Hội này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Sau khi Hòa Thượng Thích Mãn Giác viên tịch thì Hòa Thượng Thích Như Minh kế thế Trụ trì. Trong năm 2022 này Hòa Thượng Thích Như Minh cũng đã ra đi và tình hình ngôi chùa Việt Nam tại Los Angeles do cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân lập ra từ năm 1974 lại gặp phải quá nhiều thay đổi. Cho hay vật đổi sao dời là vậy.

Địa điểm thứ hai là San Jose, nơi đó tôi đã ghé thăm Sư Bà Đàm Lựu, người trước đó vào năm 1968 đã du học tại Đức, sau khi tốt nghiệp ngành Xã Hội Học tại Đại Học Freiburg, Sư Bà về lại Việt Nam chăm lo cho Cô Nhi Viện Lâm Tỳ Ni mãi cho đến năm 1975 và sau đó Sư Bà đã sang Mỹ xin tỵ nạn, lập nên Chùa Đức Viên như ngày hôm nay chúng ta đang chiêm ngưỡng. Một điều đặc biệt là vào chuyến đi thăm Hoa Kỳ sau này, khi đến San Francisco thăm Hòa Thượng Tịnh Từ và Thầy Hạnh Tuấn thì chính tôi cùng Thầy Hạnh Tuấn, Thầy Giác Như và một số quý Thầy nữa đến chùa Đức Viên để hộ niệm cho Sư Bà, đúng vào lúc Sư Bà trút thở hơi thở cuối cùng. Thuở ấy chùa Đức Viên mới xây được Chánh Điện còn những dãy nhà chung quanh thì chưa xây dựng hình thành được như bây giờ.

Ngôi chùa thứ ba mà tôi đến thăm. Đó là Chùa Từ Quang tại San Francisco, nơi Hòa Thượng Thích Tịnh Từ làm Trụ trì. Hòa Thượng Tịnh Từ đi du học đến Mỹ năm 1974 và sau khi chùa Từ Quang tại San Francisco được thành lập thì cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã cử Thầy Tịnh Từ về đây chăm sóc đời sống tinh thần

cho các Phật tử xa quê chưa có nơi nương tựa tinh thần. Thuở đó đã có Thầy Từ Lực và Sư Cô Thanh Tịnh mới xuất gia và sau này thì Hòa Thượng Thích Tịnh Từ đã mua đất nơi vùng núi đồi gần San Jose để thành lập Tu Viện Kim Sơn cho đến ngày nay.

Ở Hoa Kỳ những ngôi chùa ở khắp các tiểu bang mà mang tên là chùa Việt Nam, hầu như tất cả đều do cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân đặt tên; hoặc sau này quý Thầy, Cô thuộc Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ cũng luôn đặt như vậy. Ví dụ như Chùa Việt Nam tại Seattle sau này đổi tên lại thành Chùa Cổ Lâm; Chùa Việt Nam tại Santa Ana đổi tên thành Chùa Quan Âm; Chùa Việt Nam tại Arizona; Chùa Việt Nam tại Houston v.v... tất cả đều có sự tạo dựng hay đóng góp của cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân hay Hòa Thượng Thích Mãn Giác. Và ngôi Chùa Việt Nam tại Los Angeles ngay bây giờ đã trở thành ngôi Tổ Đình của Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Bay ngược lại Washington DC tôi đã ghé thăm chùa Giác Hoàng, nơi đó do Ngài Giác Đức thành lập và thuở ấy Ngài chưa chủ trương phái Phật giáo Đại Chúng được phép thành lập gia đình. Về sau Ngài Pháp Sư Thích Giác Đức dời về Boston mới ra mắt tổ chức này chính thức, nhưng thật ra cả Hoa Kỳ đến ngày hôm nay có cả trên dưới 1.000 chùa được thành lập và có cả hàng ngàn Tăng Ni Việt Nam đang trú ngụ tại đó, nhưng hầu như chưa thấy chùa nào hay Thầy nào gia nhập phái Phật giáo Đại Chúng này của Ngài Pháp Sư Thích Giác Đức cả. Đây là một câu hỏi và tự nó đã trả lời cho người sáng lập ra cũng đã hơn 40 năm rồi, mà quần chúng cũng như chư Tăng ít có người được kết nạp vào.

Tôi đã đến và đi xứ Mỹ này ít nhất cũng trên 50 lần và lần nhiều nhất ở chừng 2 tháng và ít nhất độ năm ba ngày và có nhiều người hỏi tôi rằng: Tại sao Thầy đến Mỹ nhiều lần như vậy mà sao không ở lại Mỹ định cư? Tôi trả lời rằng: Thật ra ở Mỹ là một xứ cơ hội cho những người làm ăn, buôn bán, tạo dựng sự nghiệp trên chốn thương trường và riêng tôi thì không nằm trong khuynh hướng này, nên tôi đã không chọn Mỹ để ở lại làm Phật sự và tôi cũng thường hay nói rằng: “Nếu ở Mỹ làm Phật sự chỉ có hai vị Đại Sư thật giỏi mới có thể chinh phục được người Mỹ. Đó là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và Thiên Sư Thích Nhất Hạnh mà thôi”.

Tại sao tôi lại chọn Âu Châu mà cũng chẳng chọn Úc Châu làm nơi lưu trú lâu dài cho sự nghiệp hoằng pháp thì xin quý vị đọc quyển sách viết về Âu Châu kế tiếp sau đây sẽ được rõ. Tuy nhiên đối với tôi những ân nghĩa nghìn trùng như thế đều xin niệm ân hết tất cả chư Tăng Ni cũng như Phật tử khắp nơi, khi tôi đã có lần đặt chân đến đó.

64. Thiên quán về sống và chết

CẨM NANG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH,

*dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ, dịch chung với Thượng Tọa
Thích Nguyên Tạng và được xuất bản tại Hannover - Đức Quốc
vào năm 2017.*

Năm 2015 tôi có dịp thăm lại nước Úc và lần này có ghé thăm Tu Viện Quảng Đức tại Melbourne; nơi Hòa Thượng Thích Tâm Phương làm Viện Chủ và Thượng Tọa Nguyên Tạng Trụ trì. Mấy năm trước đây tôi và Thượng Tọa Nguyên Tạng

có dịch chung một quyển sách tiếng Anh nhan đề là “Chết an lạc Tái sinh hoan hỷ” và năm nay tôi cũng muốn dịch chung với Thầy Nguyên Tạng một tác phẩm khác. Sau đó Thầy với tay lên kệ sách lấy một quyển sách tiếng Anh nhan đề là: “The Zen of Living and Dying; A Practical and Spiritual Guide”. Do Lão Sư người Hoa Kỳ tên là Philip Kapleau viết và tôi sẽ cùng Thầy Nguyên Tạng dịch ra Việt văn, lấy tiêu đề là “Thiền quán về Sống và Chết”.

Sách dày 374 trang; phần đầu từ trang số 1 đến trang 200 do Thượng Tọa Nguyên Tạng dịch và phần 2 từ trang 201 đến trang 364 do tôi dịch. Phần tôi đã bắt đầu dịch sách này vào ngày 27 tháng 10 năm 2015 nhằm ngày rằm tháng 9 năm Ất Mùi, Phật lịch 2559 tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg và dịch xong vào ngày 22 tháng 2 năm 2016 cũng tại Tu Viện này trong kỳ tịnh tu mùa Đông tại đó.

Khi dịch sách tiếng Anh này, tôi có đối chiếu với sách có người đã dịch ra tiếng Đức và sách tiếng Anh ở trang 139. Sách tiếng Đức trang 199 về: Tìm hiểu về nghiệp báo cho đến cuối sách.

Lão Sư Philip Kapleau đã nhiều năm là quân nhân đồn trú tại Nhật Bản và sau đó Ngài đến học Thiền với các Thiền Sư Nhật Bản theo phái Tào Động Tông. Sau này Ngài xuất gia và tu học tại Nhật Bản một thời gian; đoạn quay về lại Hoa Kỳ hướng dẫn Thiền cho những Thiền sinh người Mỹ và ngoại quốc đang sống tại Mỹ. Ngài thấy nhiều người đến tham vấn Ngài những chuyện liên quan về sống và chết có sự liên hệ đến Thiền học, nên Ngài đã khảo sát rất tận tường về những người sắp mất, được vào nơi chuẩn bị ra đi vĩnh viễn gọi là Hostpitz và đặc biệt là những người chết đi sống lại theo khảo sát của những nhà khoa học thực nghiệm của

Hoa Kỳ. Nếu quý vị nào đã đọc quyển “Chết an lạc Tái sinh hoan hỷ” của Đại Sư Tulku Thronlop rồi thì có thể đọc quyển sách này để so sánh về cận tử nghiệp theo như người Tây Tạng đã kinh qua, đặc biệt là phái Nijma (Cổ Mật) vốn tin tưởng về cảnh giới giải thoát của Đức Phật A Di Đà và hãy so sách với quyển sách này, do cái nhìn của người Tây Phương qua sự sống và cái chết, đối với Thiên học.

Tôi tập đọc và tập dịch nhiều ngôn ngữ như vậy để luyện cho mình một khả năng thu thập và tôi luyện khả năng ngoại ngữ của mình; nhất là cách nhớ làm sao để dịch cho thoáng và câu văn ngắn gọn để đọc giả đọc cho dễ hiểu. Đây là mục đích của tôi. Thật ra khi ở Nhật, tôi học chuyên khoa về giáo dục Anh ngữ, nhưng khi đến Âu Mỹ rồi, mới thấy rằng việc tôi luyện Anh ngữ càng cần thiết hơn bao giờ hết, vì mỗi lần đi thuyết trình bên ngoài nước Đức đều phải dùng đến tiếng Anh.

Thượng Tọa Nguyên Tạng thì tốt nghiệp Cử Nhân Anh Văn tại Việt Nam và đang định cư tại Úc; nên có nhiều cơ hội để nói và dịch tiếng Anh nhiều hơn tôi. Do vậy cộng tác với Thầy Nguyên Tạng cũng là một niềm an vui vậy.

65. Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa

Việt ngữ, xuất bản tại Đức năm 2018.

Đây có thể nói là một cuốn tiểu thuyết và cũng có thể gọi là sự gợi nhớ lịch sử về những triều đại cuối thời nhà Lý

và đầu đời nhà Trần và đặc biệt là làm rõ sự kiện lịch sử của Huyền Trân Công Chúa, con gái của vua Trần Nhân Tông.

Ngày xưa khi còn học lịch sử Việt Nam tại các trường Trung Học, chúng tôi cũng chỉ được dạy cho biết những triều đại căn bản của Việt Nam từ thời Hồng Bàng đến cuối Triều Nguyễn ở thế kỷ thứ 20 mà thôi. Chứ giáo sư dạy sử cũng có rất ít thời gian để dạy cho học sinh, vì mỗi tuần chỉ học được 2 giờ Sử Địa. Do vậy ai muốn tìm hiểu, phải đọc thêm sách, mới rõ được ngọn ngành. Đó là chưa kể đến những người viết sử, nếu họ theo một tôn giáo khác thì họ cũng chẳng muốn đề cập những nhân vật trong lịch sử đó liên hệ với Phật giáo như thế nào, mà họ chỉ viết chung chung, ai đọc và hiểu sao thì hiểu.

Ví dụ như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn mấy lần đánh quân Nguyên Mông đều chiến thắng từ năm 1257, 1285 và 1287. Rồi Hội Nghị Bình Than, Hội Nghị Diên Hồng v.v... ở đâu cũng thấy hình ảnh của tướng tài Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, nhưng khi hỏi đến Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung là ai vậy? Thì hầu như rất nhiều người bị lúng túng. Do vậy tôi cố gắng viết lại những chuyện liên quan đến lịch sử và đặc biệt là Phật giáo để người đời sau khi có cơ hội đọc lại lịch sử của nước nhà, thì biết rằng Phật giáo đã đóng góp gì cho dân tộc Việt Nam một thời hưng thịnh của đất nước như vậy.

Tìm về lịch sử, chúng ta thấy Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung là con của Trần Liễu và cháu nội của Trần Thừa. Ông là anh ruột của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Như tất cả chúng ta đều biết ngày xưa và ngày nay cũng vậy người anh lớn trong gia đình đóng một vai trò rất quan trọng, đầu cho người em

có tài giỏi bao nhiêu đi chăng nữa, cũng sẽ không vượt khỏi quyền hạn của mình trong gia tộc cũng như ngoài chiến trận. Cho nên theo tôi nghĩ rằng tất cả những chiến công hiển hách của Trần Hưng Đạo đều có sự chỉ đạo hay ý kiến mà Trần Hưng Đạo phải tham vấn anh mình là Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tung. Ví dụ như những chiến thắng ở Chi Lăng, Hàm Tử đều có sự góp mặt của Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Trần Cảnh tức Trần Thái Tông cũng con của Trần Thừa và là em ruột của Trần Liễu. Trần Nhân Tông là con của Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông lấy con gái của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (tức lấy người chị con của Bác ruột) sinh ra Huyền Trân Công Chúa; nhưng khi hỏi Huyền Trân Công Chúa gọi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là gì? Cũng ít người quan tâm. Đúng ra là Ông Ngoại và cũng là ông Bác của mình. Bởi lẽ đời nhà Trần có hôn nhân cận huyết, nên sau này các sử gia cũng đã phê phán không ít về việc này.

Sau khi Vua Trần Nhân Tông đi xuất gia vào năm 1296 thì sang Chiêm Thành một thời gian để thăm viếng và nhà vua đã gặp Vua Chiêm Thành là Chế Mân tại đất Chiêm. Sau những ngày tháng ở tại Chiêm quốc Vua Trần Nhân Tông rất quý mến Vua Chế Mân nên mới hứa gả Huyền Trân Công Chúa, trong khi đó Huyền Trân còn nhỏ dại và chưa biết gì về việc hứa hôn này, mãi cho đến khi vua cha về lại Thăng Long báo tin này thì Mạc Đĩnh Chi, Trần Khắc Chân (Chung) mới biết. Đến năm 1306 Huyền Trân được gả về Chiêm Quốc do Trần Anh Tông đứng làm chủ hôn cho em gái mình, vì lúc ấy Vua Trần Nhân Tông đã đi xuất gia và ở tu tại núi Yên Tử.

Vấn đề tôi muốn giải mã rõ theo như sách vở đã để lại và cũng có ý minh oan cho Huyền Trân Công Chúa về việc thị phi qua những vở tuồng cải lương lâu nay, về sự liên hệ giữa Huyền Trân Công Chúa và Thượng Tướng Trần Khắc Chung từ cửa Thị Nại ở Bình Định lên thuyền về lại Thăng Long. Chỉ một đoạn đường ngắn có mấy trăm cây số mà phải đi chín tháng mới đến, nên người ta thêu dệt đủ điều và tôi đã minh thị theo quan điểm của mình như trong sách đã viết rằng:

Thứ nhất là tuổi của Thượng Tướng Trần Khắc Chân (Chung) đáng tuổi với ông ngoại của mình là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Do vậy một ông tướng già mà đi tư tình với một cô gái đáng vai cháu mình ở tuổi 17, 18 là điều rất vô lý.

Thứ hai là Trần Khắc Chân (Chung) là một Phật tử thuần thành, ông đã được vua giao cho viết lời bạt cho những bản kinh quan trọng trước khi xuất bản (*xin xem quyển “Mối tơ vương của Huyền Trân Công Chúa” của Thích Như Điển để tìm hiểu thêm*). Nếu là một người không đứng đắn thì Vua Trần Nhân Tông đã không tin cậy bao giờ.

Thứ ba là không có một bậc mẫu nghi thiên hạ nào ở thời quân chủ, khi chồng mình (Chế Mân) mới chết vừa hỏa thiêu, mà lại đem tình riêng của mình để trao cho một người khác, mà người đó đáng vai ông ngoại của mình.

Sau khi Huyền Trân Công Chúa về lại Đại Việt, bà đã lên Yên Tử ngay và gặp Vua Trần Nhân Tông vào năm 1308 và bà đã quy y với cha mình, được ban cho Pháp danh là Hương Tràng. Năm nầy cũng là năm Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông băng hà và bà chính thức đi xuất gia cho đến năm 1340; nghĩa là 32 năm

còn lại của cuộc đời, Hương Tràng Ni Sư đã làm tròn chức năng của một Ni Cô, chứ chưa hề vướng bận mối tình thứ 2 sau Chế Mân cả. Thế mà, lịch sử đã thêm mắm dặm muối vào để làm gì? Có thể để cho một mối tình ấy thêm lãng mạn chăng? Hay để hạ thấp vai trò chỉ đạo của Phật giáo trong thời gian ấy cũng không chừng? Tất cả đều nên để trống và khoan vội vã đi vào kết luận, vì lịch sử vẫn còn đó.

Lẽ ra quyển sách lịch sử tiểu thuyết này cũng đã được dựng thành tuồng cải lương Phật giáo do Soạn giả Giác Đạo Dương Kinh Thành đảm trách, nhưng khi Anh soạn gần xong thì máy Computer phần mềm, cả phần cứng đều bị hoại tử. Do vậy những gì Anh đã viết rồi, bây giờ không thể nào tìm đâu ra được. Hy vọng nay mai có soạn giả nào, sau khi đọc quyển sách này của tôi viết sẽ đọc cho kỹ lưỡng và viết thành một tuồng cải lương Phật giáo đặc biệt, giao cho những nghệ sĩ cải lương gạo cội trình diễn thì ít ra cũng sẽ nói lên tiếng nói trung thực phần nào, để minh oan cho một nàng Công Chúa ở triều Trần, nhờ sự hy sinh của mình mà Việt Nam đã có thêm 2 Châu Ô và Châu Lý. Đồng thời ai đó có thời gian nên đến thăm đền thờ của Huyền Trân Công Chúa tại Huế đang thờ bà tại đó là hình thức của người xuất gia, chứ không phải là một mệnh phụ của triều đình.

66. Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu

*Việt ngữ, Viên Giác Tùng Thư xuất bản năm 2019
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Năm 2019 là năm rất đặc biệt đối với cá nhân tôi cũng như của môn phong pháp phái Viên Giác ở trong cũng như ngoài nước Đức. Vì năm này tôi và Đại Chúng Viên Giác làm lễ chúc thọ tôi đúng 70 tuổi đời và 55 năm xuất gia hành đạo. Đây là một niềm vui và cũng là một kỷ niệm đáng nhớ.

Nhân sự kiện này tôi có mấy dự tính như sau:

Thứ nhất là mở một Giới Đàn mang tên Quán Thông, thỉnh mời chư Tôn Trưởng Lão đạo cao đức trọng khắp 5 châu 4 bể về Chùa Viên Giác tại Hannover, Đức Quốc, để dự lễ cũng như chứng minh cho Giới Đàn này.

Thứ hai là lễ chúc thọ cho các bậc trưởng thượng và tôi vào ngày 28 tháng 6 năm 2019. Cùng hòa vào niềm vui ấy có nhiều buổi thuyết giảng cho các Phật tử tại gia do chư Tăng Ni trong phái đoàn Hoàng Pháp thực hiện.

Thứ ba là tất cả những chi phí tổ chức do chùa Viên Giác, các tử đệ xuất gia, tại gia và tôi xin đài thọ cúng dường, không lấy lệ phí ẩm thực của các Phật tử về tham dự trong 4 ngày trọng đại ấy.

Thứ tư là kể từ năm 2019 khi tôi viết thành một tác phẩm, Layout xong sẽ không in thành sách ở Đài Loan mỗi lần 1.000 quyển nữa, mà đưa hẳn lên Amazon, chỉ đặt chừng 50 quyển tượng trưng để gửi đi biểu các nơi cần thiết và những người đã ấn tống muốn nhận lại sách mà thôi.

Buổi lễ long trọng diễn ra từ ngày 25 đến 28 tháng 6 năm 2019 có tất cả 300 Tăng Ni khắp nơi trên thế giới về dự lễ và khoảng 6.000 Phật tử của 4 châu lục cũng đã về Chùa Viên Giác tham dự đại lễ này. Thành phần các giới tử tham dự thọ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Sa Di, Sa Di Ni, Bồ Tát giới tại gia v.v... không phải chỉ có những giới tử người Việt, mà còn có cả người Âu Châu nữa. Kết quả có 50 Tăng Ni thọ các giới của người xuất gia và 150 giới tử xin thọ Bồ Tát giới tại gia.

Buổi lễ chúc thọ 70 tuổi của tôi đầy đạo vị, đạo tình và có cả hơn 1 tiếng đồng hồ để chúc tụng cùng nhận quà lưu niệm, cũng may là tôi sinh năm 1949 và đến năm 2019 kỷ niệm đúng 70 tuổi; nếu tôi sinh năm 1950 hay 1951 thì lúc tuổi 70 sẽ khó thực hiện nghi lễ này. Vì năm 2020 và 2021 bị dịch Covid 19 hoành hành khắp nơi trên thế giới, ai mà dám đến dự lễ. Đúng là phép Phật nhiệm mầu là vậy.

Về Âu Châu, tôi đã viết rất nhiều qua các chuyến đi hay những sự kiện quan trọng qua từng thời gian khác nhau, kể từ năm 1977 khi tôi có mặt tại châu lục này và tôi đã ở lại đây vì nhiều lý do khác nhau, nhưng hai lý do chính để tôi chọn lục địa này là:

Hệ thống Y Tế tại Đức rất hoàn hảo, không cần phải lo lắng gì nhiều sau khi đã xuất viện và người đứng bảo hiểm tùy theo mức lương cũng như lương khai tối thiểu hằng tháng. Phần sai biệt sẽ do hãng bảo hiểm trả.

Phương diện Giáo Dục ở Đức phải nói là tuyệt vời. Trẻ con từ kindergarten đến đại học và hậu Đại học không cần phải đóng bất cứ một lệ phí nào cả. Tất cả đều được chính phủ Đức tài trợ.

Sau này một số đại học có yêu cầu Sinh viên đóng mỗi Semester 500€, trong đó bao gồm tiền vé xe và lệ phí văn phòng, nhưng so với các nước Á Châu và Mỹ Châu thì đây không đáng là bao khi phải lo trong nhiều năm học như vậy.

67. Vua là Phật, Phật là Vua

*Việt ngữ, Viên Giác Tùng Thư xuất bản năm 2020
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Tác phẩm này tôi viết để đề cao sự thoát trần của những bậc quân vương ngay khi còn ở trên ngai vàng, hay những người sắp kế vị, và đặc biệt là các vua Nhà Lý như Lý Huệ Tông các vua Nhà Trần như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông v.v... Nghĩa là vị vua nào cũng đã một thời xuất gia nơi cửa Phật hoặc cũng đã thọ Bồ Tát giới tại gia như Vua Trần Anh Tông.

Đặc biệt trong quyển sách này tôi đã dịch 35 bài thơ của Vua Trần Nhân Tông ra thể thơ lục bát hay ngũ ngôn hoặc thất ngôn bát cú và có nhiều bài trong này đã được nhạc sĩ Giác An phổ nhạc và ca sĩ Gia Huy hát trong CD “Dâng Thầy một đóa hoa tâm” rất hay. Sau này Sư Cô Tuệ Mỹ ngày nào, đã phổ nhạc và nhờ các ca sĩ hát, thâu vào CD rất hay và thâm trầm đạo vị. Sư Cô cũng là đệ tử y chỉ của tôi tại Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ.

35 bài này hoàn toàn bằng chữ Hán và Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đã dịch ra Hán Việt, trong quyển Trần Nhân Tông

toàn tập và tôi dựa theo bản dịch này để viết ra những vần thơ ở nhiều thể loại của 35 bài thơ trên.

Thật ra tôi không có khiếu làm thơ, chỉ biết học thuộc lòng thơ của người khác thì không từ chối. Ví dụ như thơ Đạo của Huyền Không, thơ đời của Trần Trung Đạo hay những nhà thơ như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu v.v... lúc tôi học Trung Học Đệ nhất và Đệ nhị cấp tại Việt Nam, mãi đến nay đã hơn nửa thế kỷ, mà tôi vẫn còn nhớ nằm lòng.

Nguyên Đạo và Nguyên Minh là hai Phật tử thuần thành đã giúp tôi rất nhiều cho việc đọc cũng như xem lại bài vở thật kỹ trước khi cho Layout sau khi cô Thanh Phi đã xem lại lỗi chính tả, đã đề nghị với tôi rằng: Sách này nên xin xuất bản tại Việt Nam. Tôi đồng ý, nhưng cả mấy tháng sau vẫn chưa có kết quả và sau đó đổi nhà xuất bản thì đã có giấy phép được xuất bản quyền này tại Việt Nam trong năm 2020 vừa qua. Bây giờ quý vị nào về Việt Nam, đi vào những nhà sách lớn đều có sách của tôi được bày bán trên những kệ sách ở các tiệm và hy vọng sau 2 năm Covid chắc đã có nhiều người đến đọc để biết thêm những vị vua Việt Nam đã một thời như vậy.

Ngoài ra tôi cũng đã có một số sách như: “Nghiên Cứu Giáo Đoàn Phật giáo Thời Nguyên Thủy”. Anh Thanh Nguyên chính thức xin phép dịch giả được in ấn tại Việt Nam; nhưng cũng có một số sách chẳng ai liên hệ với tác giả và họ đã in lậu để bày bán trên các kệ sách ở Việt Nam cũng không phải là ít.

Có một nhà thơ đời nhà Thanh tên là Trương Triều bèn Trung Quốc viết trong u mộng ảnh rằng: “Tuổi nhỏ đọc sách giống như nhìn ánh trăng qua kẽ lá. Lúc trung niên đọc sách giống như mình

đứng ngắm trăng từ mặt đất. Khi tuổi về già đọc sách giống như mình đứng giữa trời đất bao la thường ngoạn ánh trăng kia”. Vậy tôi cũng mong rằng ai đó đọc được những sách như vậy cũng là một điều quý hóa thôi.

68. Tư tưởng Phật giáo trong thi ca Nguyễn Du

*Việt ngữ. Viện Giác Tung Thư xuất bản năm 2021
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Cụ Tiên Điền Nguyễn Du thì ai mà chẳng biết. Đặc biệt là tác phẩm Truyện Kiều bằng chữ Nôm qua 3254 câu mà Cụ đã diễn tả chuyển dịch từ lối văn kể truyện vào thời nhà Minh bên Trung Quốc qua tác phẩm Thanh Tâm Tài Tử Truyện mà Cụ đã nhận hay mua được tại chùa Hồ Pháo ở Hàng Châu, Trung Quốc vào năm 1789 (*năm này chính thức Cụ Nguyễn Du sang Trung Quốc ty nạn Tây Sơn*). Đây chính là đầu mối để nhà Sư Chí Hiên chiêm nghiệm về thân phận của mình và của nàng Kiều qua cuộc đời dâu bể của Cụ.

Trong 3 năm ấy (1789-1792) Cụ Nguyễn Du đã lang thang đây đó khắp Trung Quốc và bên mình có lẽ chỉ có Kinh Kim Cang là quyển kinh mà Cụ hay tụng hằng ngày. Vì Cụ muốn đập cho nát cái vỏ cứng này để thấy cho được cái tánh không mà Cụ thường muốn chứng ngộ. Do vậy khi đến Phân Kinh Thạch Đài của Lương Chiêu Minh Thái Tử (*con vua Lương Võ Đế*), Cụ đã viết một bài thơ thật dài mà phần cuối có những câu sau đây thật là ý vị.

Ngã độc Kim Cang thiên biến linh

*Kỳ trung áo chỉ đa bất minh
Cập đáo phân kinh thạch đài hạ
Chung tri vô tự thị chân kinh.*

Nghĩa:

*Ta đọc Kim Cang trên ngàn biển
Đa phần nghĩa sâu chẳng rõ biết
Nay đến phân kinh thạch đài rồi
Mới hay vô tự là chân kinh.*

Cụ Nguyễn Du đã ngộ tâm Kim Cang này, nên sau khi về lại Việt Nam năm 1792, Cụ đã bắt đầu viết truyện Kiều theo thể văn chữ Nôm là:

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen...*

Lâu nay nhiều người cứ nghĩ là tác phẩm Truyện Kiều được Cụ Nguyễn Du viết sau khi đi Sứ lần thứ nhất sang Trung Hoa vào năm 1813, nhưng theo tôi y cứ theo tài liệu lịch sử thì không phải như vậy. Đây có thể cũng là một phát hiện khác mà trong quyển “Tư tưởng Phật giáo trong thi ca Nguyễn Du” tôi đã đề cập đến. Dĩ nhiên trong này có nhiều ý kiến chủ quan của mình. Nay xin

cống hiến cho nhiều người đọc và có những đóng góp thực tế để tác phẩm này có giá trị hơn.

Phần cuối sách tôi đã cho viết lại “Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh” của Cụ Nguyễn Du viết và những bản văn, thơ cúng cô hồn tháng Bảy của Hòa Thượng Bích Liên đã viết thành thơ lục bát để cho hậu thế tìm về lối xưa có thể biết chốn cũ mà về.

Bây giờ ngẫm lại chuyện xưa tôi cũng vui lây sau khi viết về tác phẩm này. Đó là câu: “Bất tri tam bách dư niên hậu. Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như” và trong thời điểm năm 2022 này mới chỉ có 202 năm sau khi Cụ Nguyễn Du mất. Do vậy chúng ta cần 98 năm nữa để xem là ai sẽ là người khóc cho thân phận của Cụ, sau gần một thế kỷ nữa?

69. Tôi đọc Đại Tạng Kinh

*Việt ngữ, Viên Giác Tùng Thư xuất bản năm 2022
trên mạng toàn cầu Amazon.*

Xuất phát từ lúc nào tôi cũng không nhớ rõ; nhưng phần Đại Tạng Kinh chữ Việt (*Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*) thì tôi đã đọc hết các bộ A Hàm phần đầu như: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm và Bộ Bản Sanh. Kế đó là Kinh tạng thuộc Bồ Tát thừa như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn, Đại Bảo Tích và Bát Nhã cho đến tập thứ 56; mỗi tập dày độ 800 đến 1.000 trang dịch từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (*Taiko Shinshu Daizokyo*).

Đúng là một nhân duyên, mà cũng là một nghiệp lực của chúng sanh trong năm 2020, 2021 và 2022 về việc thế giới bị con vi trùng Covid 19 hoành hành đây đó; khiến cho cả mấy triệu người chết và cả mấy tỷ người bị lây nhiễm từ Delta cho đến Omicron và những biến chứng của Omicron về sau này nữa. Riêng nước Đức có 85 triệu người thì 55 triệu người đã bị nhiễm bệnh rồi. Phần tôi đợt đầu không bị lây; nhưng vào tháng 2 năm 2022 khi đi Phật sự tại Đan Mạch về thì bị lây bởi những người bị ủ bệnh tại Ejsberg, nên cũng phải bị nằm la liệt hết 10 ngày như thế, mặc dầu trước đó tôi đã tiêm chủng ngừa đến mũi thứ 3 rồi. Những ngày như vậy nhờ Thầy Hạnh Lý săn sóc kỹ cũng như cơm nước đàng hoàng, cho nên bệnh thuyên giảm dần. Sau 10 ngày thì tôi thuộc vào dạng đã bị bệnh và được miễn trừ. Đến tháng 8 năm 2022 chích mũi thứ 4 trước khi sang Úc, từ ngày 11.10 đến ngày 1.12.2022 và cũng chẳng biết sẽ như thế nào đây nữa, vì dịch bệnh này vẫn chưa hết hẳn.

Đầu năm 2020 ai ai cũng chẳng dám đi đâu cả và tôi cũng thuộc dạng này, tất cả những chương trình của năm 2020 và 2021 đều hủy bỏ; ở lại chùa để đọc kinh, lễ bái, nguyện cầu v.v... Trong khi đó Phật tử Minh Đăng Trần Tế Thế ở Paris, Pháp quốc, đang xem lại dùm những quyển sau cùng của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh từ tập 188 đến tập 202, nhưng có nhiều chữ, nhiều đoạn không rõ nghĩa, hoặc sai lỗi chính tả, nên đã nhờ tôi đọc lại và sửa lỗi dùm từ những tập này của Sử Truyện Bộ và Bộ Sự Vựng. Phần Sử Truyện Bộ thì tương đối dễ hiểu, nhưng đến phần giải thích danh từ thì tôi cũng bị khó khăn chẳng biết tính sao đây, vì đa phần các Ngài giải thích từ tiếng Phạn sang Hán ngữ và từ chữ Hán dịch sang Việt ngữ. Phần tôi trong 2 năm ấy đã xem xong 15

tập sau cùng này của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, kể cả phần hiệu đính, nhưng cũng không đầy đủ thời gian để đối chiếu nguyên bản chữ Hán; chỉ xem lỗi chính tả và sửa lại cho đúng với câu văn mà thôi.

Sư Cô Thích Nữ Thanh Nghiêm và một số đệ tử xuất gia cùng tại gia của Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, người Việt cũng như người Đài Loan cũng muốn báo đáp công ơn của Thầy Tổ mình, nên trong thời gian qua cũng đã cố gắng đi vận động đây đó để tiếp tục in 500 bộ của 15 tập sau cùng này và đồng thời Phật tử Minh Đăng cũng vẫn tiếp tục sửa thêm những lỗi chính tả khi đọc lại lần nữa và nếu có phát hiện ra, sẽ tiếp tục sửa. Đồng thời chỗ nào không rõ nghĩa Minh Đăng cũng nhờ tôi giúp đỡ làm cho sáng nghĩa thêm. Đó là cái duyên của tôi đã đến với Đại Tạng Kinh này.

Vào tháng 6 năm 2021 từ Nhật Bản, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã gọi phone qua Đức cho tôi và Ngài nói rằng: “Tôi muốn nhờ Thầy triệu tập một phiên họp của quý Thầy trong Liên Châu để tôi trình bày một số công việc của Giáo Hội”. Về sau này tôi mới biết tại sao Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã chọn tôi và đây là lý do Ngài bảo rằng: “Tôi ở ngoại quốc lâu và có nhiều sự liên hệ khắp nơi trên thế giới. Đồng thời tôi có nhiều đệ tử xuất gia và tại gia có thể hỗ trợ cho việc đại sự này. Thật ra cho đến hôm nay tôi vẫn chưa gặp trực tiếp Ngài, vì năm 1972 khi tôi đi du học Nhật Bản thì Ngài đã là Giáo sư Đại Học Vạn Hạnh rồi. Thuở ấy ở Việt Nam tôi chỉ là một chú Tiểu vừa thọ giới Tỳ Kheo và vừa học xong bậc Trung Học Đệ nhị cấp thì đâu có cơ hội để gặp những bậc Thầy đặc biệt như Thầy Tuệ Sỹ.

Đến tháng 11 năm 2021 thì Hội Đồng Hoảng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời đã được hình thành và tôi cũng đã được Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đề nghị giữ vai trò là Chánh Thư Ký của cả hai Hội Đồng này. Không phải vì tôi có tài, bởi lẽ có nhiều vị Thầy cả trong lẫn ngoài nước đều có nhiều người giỏi hơn tôi về nhiều phương diện nữa. Nhưng như Sư Cô Giác Anh, đệ tử của Hòa Thượng Bảo Lạc nói rằng: “Sư Thúc là người có thể xâu tất cả những viên kim cương, những hạt minh châu của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại thành những tràng hoa quý để dâng lên Tam Bảo”. Nếu nhận định như thế cũng không phải là hoàn toàn không đúng. Bởi vì rất nhiều người Việt Nam chúng ta là những viên ngọc quý như vậy.

Đến cuối tháng 9 năm 2022 thì 29 quyển thuộc Thanh Văn Tạng đã kết thành; mỗi quyển dày từ 500 đến 1.000 trang, là do công lao của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Quý Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Hòa Thượng Thích Thái Hòa, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Thiện Quang, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hòa Thượng Thích Bốn Đạt và đặc biệt là những vị giúp Edit lại toàn bộ 29 quyển này có Hòa Thượng Thích Hạnh Viên, Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Thượng Tọa Thích Như Tú, Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ, Đại Đức Thích Thanh An cùng những Cư sĩ Tâm Quang, Tâm Huy, Nguyên Đạo, Nhuận Pháp, Quảng Pháp, Tâm Thường Định v.v... Ngoài ra những Cư sĩ giỏi tiếng Phạn đã đóng góp bài vở như Cư sĩ Đạo Sinh, Cư sĩ Trí Việt v.v... rất nhiều người hữu danh cũng như ẩn danh để bộ Thanh Văn Tạng này sẽ ra đời và gởi đến cúng dường các chùa trên thế giới tổng cộng 1.300 bộ như thế

qua sự đóng góp tịnh tài của nhiều chùa và nhiều Cư sĩ khắp nơi trên thế giới.

Dự định vào ngày 19 tháng 3 năm 2023 cả hai Hội Đồng Hoàng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời sẽ giới thiệu Thanh Văn Tạng này tại Nam California, Hoa Kỳ. Lúc đó chắc chắn nhân thế và chư Thiên sẽ mừng vui cho một công trình tối ưu quan trọng cho Dân tộc và Đạo pháp Việt Nam đã được ra đời như vậy.

Tôi vẫn luôn nói với mọi người rằng: Bản chất của tôi là một nông dân của xứ Quảng, nên nói sao viết vậy và nghĩ sao làm vậy. Miễn sao không đi ra khỏi phạm vi giáo lý cho phép là được. Tất cả sự thành tựu này, tôi đều hồi hướng lên ba ngôi Tam Bảo để chứng tri cho lòng thành của người con xa xứ như tôi ngày hôm nay đang ở tại xứ lạnh quê người.

70. Sống với “Thán Di Sao” của Ngài Thân Loan

*Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ, Viên Giác Tùng Thư
xuất bản năm 2023 trên mạng toàn cầu Amazon.*

Ở Việt Nam có một tổ chức gọi là “Thế Giới Từ Thiện”. Tổ chức này đã in ấn rất nhiều sách về Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Nam Truyền để ấn tống. Qua sự giới thiệu của Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, nên tổ chức này đã gửi sách đến nhiều nơi để biếu tặng và không có điều kiện nào cả. Ngay cả tiền gửi và tiền đóng thuế nhập cảng, Tổ chức này cũng đảm nhận luôn. Đây là một việc làm có giá trị văn hóa cao trong sinh hoạt tâm linh của

người Phật tử Việt Nam không phải chỉ trong nước, mà còn lan tỏa ra khắp nơi ở ngoại quốc nữa.

Mùa hè năm 2022 tôi nhận được một E-mail từ người đại diện của Thế Giới Từ Thiện nầy viết gởi đi từ Việt Nam như sau: “Thưa Thầy, ở Việt Nam chư Tăng Ni và Phật tử đa phần tu theo pháp môn Tịnh Độ, nhưng nguồn gốc, tín lý, phương pháp v.v... hình như chưa nhất quán lắm. Được biết Hòa Thượng đã dịch nhiều tác phẩm từ Nhật ngữ sang Việt ngữ; nên xin đề nghị Hòa Thượng nếu có cơ hội; nên cố gắng dịch cho những tác phẩm thuộc về Tịnh Độ của Nhật Bản để quý Phật tử Việt Nam mình có cơ hội nghiên cứu, tìm hiểu thêm về pháp môn nầy để hành trì. Nhiều người tin rằng Hòa Thượng có thể trợ duyên về việc nầy, vì trong hiện tại không ai có khả năng Nhật ngữ để dịch ra Việt ngữ như Hòa Thượng. Kính mong Hòa Thượng hoan hỷ giúp cho”.

Đây là nguyên nhân, là động lực để tôi bắt đầu đọc và dịch tác phẩm thứ 70 nầy trong mùa An cư Kiết hạ năm 2022; nhưng đến năm 2023 mới ấn hành. Điều đặc biệt là tôi vừa xem sách và vừa tự đánh máy vào Laptop do cháu Thiện Đức Văn Nhật Tân chỉ cho phương pháp làm sao để những con chữ đánh ra không bị sai sót nhiều.

Sau khi đánh vào máy xong, tôi đã nhờ chú Sanh sửa lại, đồng thời nhờ cô Thanh Phi ở Úc sửa lại phần lỗi chính tả của tác phẩm nầy. Riêng Thầy Trung Thành thì lấy làm tiếc bảo rằng: “Tại sao Sư Ông không viết tay như mọi khi, vì đây là một tác phẩm duy nhất, không có bản sao để lại cho đời”. Tôi suy nghĩ cũng có lý, nên tác phẩm kế tiếp và những tác phẩm về sau nữa, tôi sẽ cố gắng viết tay, cho đến khi nào không còn viết được nữa thì thôi.

Lần này dịch hơi khó khăn hơn những lần trước nhiều. Vì đây là tác phẩm đặc biệt của Ngài Thân Loan viết để lại và Đệ Tử Duy Viên đã bình chú để trở thành một tác phẩm vô cùng giá trị đối với những người tu theo Tịnh Độ Tông của Nhật Bản. Xa Nhật từ năm 1977 sau hơn 5 năm tu học và tốt nghiệp tại đó, đến năm 2022 này là đúng 45 năm tôi mới dịch lại tác phẩm bằng tiếng Nhật này, nên cũng tốn thêm một tí thời gian để tra cứu những chữ khó và cách dùng từ và cuối cùng thì dịch phẩm này cũng đã xong trước mùa An cư Kiết hạ năm 2022 chấm dứt.

Tôi xin niệm ân tất cả những ân nhân bằng hữu, những Thiện Hữu tri thức của mình và đặc biệt là cha, mẹ, Thầy Tổ, đệ huynh đã trợ duyên cho tôi không ít để thành tựu được bốn nguyện này. Ngoài ra những người học trò, đệ tử cũng không kém phần quan trọng. Vì chính họ đã giúp cho tôi xây đắp được tòa nhà Văn Hóa Phật giáo nay đã cao được 70 tầng qua 70 tác phẩm này vậy.

71. Bàn về mối liên hệ giữa Văn Hóa, Giáo Dục và Tôn giáo

*Sách viết bằng tiếng Việt, xuất bản năm 2023
trên hệ thống toàn cầu Amazon*

Sở dĩ có tác phẩm này vì tôi biết rằng có nhiều điều cần phải ghi lại nhân việc tôi nhận được giải thưởng cao quý hạng nhất (*Bundesverdienskrenz 1.Klasse*) của Tổng Thống Cộng Hòa Liên Bang Đức Steinmeier trao tặng cho tôi về các đóng góp trong lãnh vực Văn Hóa, Giáo Dục và Tôn giáo. Văn bản hành

chánh về việc trao tặng huân chương này được ký vào ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Berlin; nhưng vì đại dịch Corona vẫn còn hoành hành đầy đó trên thế giới; nên vào lúc 13 giờ ngày 8 tháng 12 năm 2021, Thị trưởng thành phố Hannover, ông Belit Onay Đại diện cho Tổng Thống Đức đã tổ chức Lễ Trao Tặng cho tôi tại Sân đường Mosaik thành phố Hannover để vinh danh một người Tăng Sĩ Việt Nam đã có công đóng góp vào xã hội Đức về những lãnh vực trên.

Trong khi nhận giải, qua bài phát biểu của mình tại Tòa Thị Sảnh thành phố Hannover, tôi đã nhấn mạnh rằng: “Thật ra đây là một vinh dự lớn cho cá nhân chúng tôi, đã được Tổng Thống Cộng Hòa Liên Bang Đức trao cho giải này, nhưng nếu không có người Việt Nam đến xin tỵ nạn tại nước Đức từ bốn thập niên trước và nếu không có Chính phủ cũng như nhân dân Đức trợ giúp về nhiều phương diện ngay từ lúc ban đầu thì cá nhân tôi cũng không thể có được phần thưởng danh dự này. Vậy nơi đây tôi xin chân thành cảm ơn tất cả và tôi xin trao lại danh dự này cho tất cả người Việt Nam tại Đức dầu là Phật tử hay không Phật tử”.

Trên đây là tâm nguyện của tôi và đặc biệt xin cảm ơn Giáo sư Olaf Bechtling cũng như Phật tử Nguyên Đạo Văn Công Tuấn là những người đầu tiên đứng ra đề nghị lên chính phủ giải thưởng cao quý này. Sau đó thì phải nhờ nhiều cá nhân có uy tín trong Cộng đồng người Đức và Việt Nam đề bạt nữa. Ví dụ như Dr. Dienemann, Đại đức Thích Hạnh Bốn (kỹ sư - lúc ấy là Chi bộ trưởng GHPGVNTN tại Đức), Dr. Hồ Lộc tức Thượng Tọa Thích Hạnh Giới, Dr. Văn Công Trâm... sau gần 2 năm mới có kết quả như trên. Tôi cũng cảm ơn các vị đã từng giúp tôi trong những lần

làm việc chung với các cơ quan công quyền người Đức như Kỹ sư Ngô Ngọc Diệp, Kỹ sư Phạm Công Hoàng... trước đây.

Tiến sĩ Olaf Beuchtling hiện là Giáo sư chuyên ngành Giáo dục dạy tại các Đại Học ở Đức như Hamburg, Magdeburg hay ở Thụy Sĩ và cách đây độ 10 năm, qua sự giới thiệu của Phật tử Nguyên Đạo đã quy y với tôi tại chùa Bảo Quang Hamburg, tôi cho Pháp danh là Thiện Trí. Ngoài ra những người đứng tên để đề bạt đầu tiên là đưa lên Bộ Văn Hóa của Tiểu Bang Niedersachsen, nơi tôi đang ở đã kiểm tra toàn diện ở mọi chi tiết trong hồ sơ đề nghị, Bộ Văn Hóa địa phương mới gửi lên Phủ Tổng Thống và sau khi đã được Phủ Tổng Thống phê chuẩn rồi thì họ mới thông báo về Tiểu Bang Niedersachsen và từ Tiểu Bang họ mới thông báo đến tôi kết quả như trên. Từ đó Bộ lễ tân của thành phố Hannover mới gửi thư đến cho tôi thông báo chương trình chi tiết về ngày giờ trao giải thưởng v.v... Đây là những thủ tục cần thiết phải trải qua nhiều giai đoạn như vậy, đặc biệt là trong giai đoạn phòng ngừa dịch bệnh Covid đang lan tràn.

PHỤ LỤC 2

Một số tư liệu và hình ảnh tiêu biểu cho sự kiện *Tổng Thống Cộng Hòa Liên Bang Đức Dr. Steinmeier trao tặng Huân Chương Danh Dự Quốc Gia Hạng Nhất cho Hòa Thượng Thích Như Điển* về những hoạt động trong các lãnh vực Tôn giáo, Văn hóa và Giáo dục Xã hội trong 45 năm qua (từ năm 1977).

1. HUÂN CHƯƠNG QUỐC GIA DANH DỰ HẠNG NHẤT CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Ngày 20.08.2021, Tổng thống Cộng Hòa Liên Bang Đức, Dr. Steinmeier đã ký quyết định trao tặng Huân Chương Danh Dự Quốc Gia hạng Nhất đến Hòa thượng Thích Như Điển.



(...) Kế bên đồng đạo các nhà Thần học, tu sĩ Cơ đốc giáo thì Hòa thượng Như Điển là một chút sắc của Phật giáo đầu tiên được Tổng thống Liên bang trao tặng giải thưởng danh giá này. Đây là một biểu tượng, không phải chỉ xác định rằng Phật Giáo Việt Nam đang hiện diện ở xứ Đức này mà sự hiện diện ấy còn được đánh giá rất cao quý.

Giáo sư Tiến sĩ Olaf Beuchling (Hamburg, Đức quốc)



Hình: Ông Belit Onay, Thị trưởng thành phố Hannover thay mặt Tổng Thống Steinmeier trao Huân Chương Danh Dự Quốc Gia hạng nhất đến Hòa Thượng Thích Như Điển

Trích “Lời chào mừng” của Thị Trưởng thành phố Hannover, Ông Belit Onay tại sảnh đường Mosaik của Tòa Thị Chính thành phố Hannover ngày 8.12.2021

Hôm nay, tại sảnh đường Mosaik của Tòa Thị Chính thành phố chúng tôi xin kính chào mừng quý vị.

Huân Chương khen tặng của Cộng Hòa Liên Bang Đức là Huân Chương duy nhất ở Đức Quốc, công nhận về công trạng cao nhất mà Cộng Hòa Liên Bang Đức thể hiện đối với những cống hiến cho lợi ích chung.

Tổng Thống Liên Bang trao tặng Huân Chương cho những công dân nam nữ, những người có những thành tích đặc biệt tự nguyện trong lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, tinh thần hay xã hội, cũng như đối với tất cả những cống hiến đặc biệt cho nước Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Vì bạn nhiều công vụ, Tổng Thống Liên Bang đã ủy nhiệm cho Thị Trưởng [thành phố Hannover] trao

Huân Chương cao quý này. Thật là một vinh dự lớn cho chúng tôi khi được phép trao Huân Chương cao quý như vậy.

Tôi đánh giá rất cao về những đóng góp cho xã hội, vì đó là nền tảng của cộng đồng chúng ta. Một khi chúng ta muốn khắc phục điều gì, thì sự dẫn thân trong mọi lãnh vực là một nguồn năng lượng xã hội, mà không phải ai cũng làm được.

Sự việc tuyên dương những công dân nam nữ xứng đáng, không phải là một mục đích tự nhiên. Nó biểu hiệu một ý nghĩa sâu xa, một biểu hiệu của sự biết ơn mà chúng tôi xin chân thành trao tặng cho Ngài hôm nay. Và sự nhiệt tình đóng góp [của Ngài] đã được thấy rõ ràng qua sự kiện trao tặng Huân Chương giá trị này.

Tôi đã tham khảo kỹ những công trạng của Hòa thượng Thích Như Điển. Điều đó khiến cho tôi càng thấy vinh dự hơn khi thay mặt cho Tổng Thống Liên Bang, trao Huân Chương Quốc Gia hạng Nhất đến Ngài ngày hôm nay.

(...)



*Hình: Hòa Thượng Thích Như Điển
đọc đáp từ trong buổi Lễ Tiếp Nhận Huân Chương*

**Trích Đáp từ của Hòa Thượng Thích Như Điển
trong buổi Lễ Tiếp Nhận Huân Chương Hạng
Nhất tại sảnh đường Mosaik tòa thị chính thành
phố Hannover thủ đô tiểu bang Niedersachsen
vào ngày 8.12.2021**

(...) Chúng tôi nghĩ rằng trong vườn hoa tôn giáo của xứ Đức này nói riêng hay Âu Châu nói chung đều xuất phát từ Thiên Chúa Giáo, Chánh Thống Giáo và Tin Lành Giáo. Rồi qua nhiều năm tháng được tô thêm thêm với các tôn giáo khác như Do Thái Giáo, Hồi Giáo v.v... Những Tôn Giáo này đã đóng góp vào nền văn minh của nhân loại như những bông hoa cẩm chướng, hoa cúc, hoa hồng, đã trở bông thơm ngát trong vườn hoa tâm linh tại những xứ sở này... Nay chúng tôi là những người Phật Tử tha hương, không phải chỉ lo toan về vấn đề kinh tế hay giáo dục, mà hai chữ Tự Do rất quan trọng; nên chúng tôi phải rời bỏ quê hương Việt Nam của mình và đến đây. Quý Vị cùng nhân dân Đức đã niềm nở đón tiếp, giúp đỡ chúng tôi ở nhiều phương

diện khác nhau. Do vậy chúng tôi xin đáp đền ân nghĩa đó bằng cách mang thêm một loài hoa mới từ Á Châu đến đây. Đó là hương thơm của loài hoa sen để góp thêm vào vườn hoa tâm linh của Quý Vị đang hiện có, thì tôi mong rằng vườn hoa tâm linh này trong tương lai tại xứ Đức sẽ nở ra thêm được nhiều bông hoa tươi đẹp, nhằm tô điểm cho vườn hoa tâm linh vốn có lâu đời tại đây càng thêm nhiều hương sắc hơn.

Đạo Phật vốn luôn chủ trương từ bi, trí tuệ, bao dung và bình đẳng. Điều này cũng giống như sức mạnh của hai cánh con chim Đại Bàng. Nhờ đó chúng ta sẽ mang thế giới này đến một đời sống có nhiều ý nghĩa hơn trong sự hòa bình, hạnh phúc và an lạc cho mọi người.

2. LỄ NIỆM TƯ TRỌNG ÂN NHÂN SỰ KIỆN TIẾP NHẬN HUÂN CHƯƠNG QUỐC GIA HẠNG NHẤT TẠI CHÁNH ĐIỆN CHÙA VIÊN GIÁC HANNOVER NGÀY 12.12:2021



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
Chi Bộ Đức Quốc e.V. (gemeinnütziger Verein)
(Thành lập năm 1979 tại Hannover)
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức e. V.
(gemeinnütziger Verein) (Thành lập năm 1978 tại Hannover)
Pagode Viên Giác- Karlsruher Str. 6 - 30519 Hannover, Germany
Tel.: +49-511-879630 - Fax: +49-511-87941200 - homepage: www.viengiac.info - Email: info@viengiac.de

Phật Lịch 2565, Hannover ngày 1 tháng 11 năm 2021

THƯ MỜI và THÔNG BÁO

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi chư Tôn Đức Tăng Ni
và Quý Đồng Hương Phật Tử xa gần,

Trong thời gian vừa qua nhiều vị cũng được biết là cá nhân chúng tôi đã được Tổng Thống Steinmeier của Cộng Hòa Liên Bang Đức đã ký tặng Huân Chương đệ nhất vào ngày 20 tháng 8 năm 2021 và ngày 14 tháng 9 năm 2021 Văn Phòng của Phủ Thủ Hiến Niedersachsen đã chuyển thư báo tin cho chúng tôi và phải chờ Ban Lễ Tân của thành phố Hannover sắp xếp ngày giờ để trao Huân Chương này.

Nay chính quyền Hannover đã báo tin là ngày 8 tháng 12 năm 2021 chúng tôi được mời đến Tòa Thị Sảnh Hannover để trao Huân Chương; nhưng vì dịch bệnh Covid 19 vẫn còn hoành hành đầy đó cũng như phòng ốc có giới hạn; nên chính quyền không thể đón tiếp nhiều chư Tôn Đức và Quý Vị vào Tòa Thị Chính một lần để dự buổi lễ này được, mà chỉ có một số Đại Diện các Đoàn Thể cũng như cá nhân đặc biệt mới có thể vào tham dự. Từ lý do này chúng tôi dự định sẽ tổ chức một lễ "Niệm Tư Trọng Ân" vào lúc 10:00 giờ sáng ngày 12 tháng 12 năm 2021 (chủ nhật) tại chùa Viên Giác Hannover để nhiều người có thể tham gia được và chương trình dự định như sau:

Chủ Nhật, ngày 12.12.2021

10:00 giờ: Bài thuyết trình của Dr. Thiện Tâm Olaf Beuchling và Phật Tử Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn

10:30 giờ: Buổi nói chuyện của Sư Cô Tiên Sĩ Carola Roloff, Giáo Sư Đại Học Hamburg và Ông N. Clausen, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Đức (DBU)

11:00 giờ: Chúc mừng (Đoàn Thể) và cá nhân

12:00 giờ: Dùng Buffet (dự định số người tham dự chừng 500 người). Vạy xin Quý Phật Tử nếu vị nào phát tâm, xin làm thức ăn cũng như bánh trái, chè, xôi v.v... mang về chùa để khoản đãi cho mọi người tham dự lễ, là một phước báu vô cùng. Xin cảm ơn Quý Vị trước.

Từ 12:00 giờ đến 14:00 giờ: Văn nghệ giúp vui của nhiều ca sĩ chuyên nghiệp và ca sĩ địa phương Đức Quốc

15:00 giờ: Hoàn mãn.

Nguyện cầu chư Phật và chư Bồ Tát, chư Tổ Sư thủy từ gia hộ cho Quý Vị và bữa yến luôn được vạn sự an lành dưới ánh từ quang của chư Phật.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát



Thích Như Điển
Phương Trưởng Tổ Đình Viên Giác và Tu Viện Viên Đức

THUYẾT TRÌNH 1: NIỆM ÂN

*Bài thuyết trình 1, nhân Lễ Niệm Tứ Trọng Ân 12/12/21
tại Tổ đình Viên Giác Đức quốc của cư sĩ Nguyễn Đạo*

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Hòa Thượng Phương Trưởng Chùa Viên Giác
Hannover,

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni và kính thưa chư Pháp hữu.

Trước tiên xin thay mặt Giáo sư Olaf Beuchling chúng con xin Hòa Thượng Phương Trưởng thứ lỗi cho, là hai chúng con đã không hoàn thành được một bài thuyết trình chung, như từng làm trong dịp Lễ Kỷ niệm 40 năm Chùa Viên Giác, 40 năm Báo Viên Giác và Hội Phật Tử, cũng như dịp khánh tuế 70 của Hòa Thượng như hai năm trước đây.

Rồi hôm nay, vì một lý do ngoài ý muốn tiến sĩ Olaf Beuchling cũng không thể đến tham dự buổi lễ được. Anh ta đã gửi bài thuyết trình và Ban Tổ Chức đã đề nghị một người bạn của anh là bác sĩ Thị Minh Văn Công Trâm đọc, tiếp ngay sau phần thuyết trình này của chúng con - cả hai vị này đều là đệ tử tại gia của Hòa thượng Phương Trưởng.

Còn một vấn đề nữa cũng xin kính thưa trước với quý Ngài và toàn thể hội chúng, cũng là để trả lời các câu hỏi của rất nhiều

người vừa rồi đã hỏi về các tiến trình đề nghị trao Huân chương này. Trong dịp Lễ hội Viên Giác năm 2019, ở phần cuối bài thuyết trình chúng con/chúng tôi đã đề cập việc đề bạt huân chương. Đề nghị này được chư Tôn đức khuyến khích, trong đó có cả các vị khách tăng từ xa đến như Sư Seelawansa và Sư Olande Ananda, nên chúng con/ chúng tôi đã bàn bạc kỹ lưỡng về nội dung và ủy nhiệm anh Olaf Beuchling liên lạc chính quyền để đề nghị chính phủ Đức lưu tâm việc trao tặng huân chương cao quý này đến Hòa Thượng.

Theo thủ tục, trong thư đề bạt chỉ cần đứng tên một người là tiến sĩ Beuchling là đủ, nhưng chúng tôi cũng liên lạc xin phép bốn người và ghi thêm vào, gọi là để tham khảo (tiếng Đức là Referenz) để tăng tính thuyết phục. Đó là bác sĩ Dienemann ở Hannover, tiến sĩ Hồ Lộc - tức Đại Đức Hạnh Giới ở Varel, bác sĩ Văn Công Trâm ở Hamburg, và cá nhân chúng tôi đang làm việc tại đại học Kiel.

Tất nhiên đề bạt chỉ là thủ tục hành chánh, chính yếu vẫn là con người và hành trạng của Hòa Thượng. Ông Thủ hiến tiểu bang Niedersachsen đã đồng thuận và chuyển hồ sơ về phủ Tổng thống. Nhưng sau đó dịch Corona đổ ập đến, kéo dài dai dẳng và chết người nên mọi việc hành chánh đều tạm gác sang bên. Do vậy mãi đến hôm nay chúng ta mới có được vinh dự này. Bài thuyết trình của tiến sĩ Beuchling do anh Thị Minh đọc sẽ nói rõ hơn và thêm một ít chi tiết cụ thể khác.

Bây giờ con/tôi xin phép đi vào phần chính bài thuyết trình.

Thưa liệt quý vị, trước tiên chúng tôi xin giới thiệu một vật nhỏ mà ai cũng biết này, như một trợ lý cho bài thuyết trình. Đó

là: một củ khoai tây. Dù ai cũng biết vậy mà khi hỏi về lai lịch của nó thì ai cũng mù mờ, kể cả người Đức ăn khoai tây mỗi ngày. Vậy xin hỏi lại: quý vị có ai biết lai lịch xuất xứ củ khoai này không? Đừng nói là nó xuất xứ từ siêu thị tên ABC gì đó hay nhà bếp Chùa Viên Giác!

Và xin quý vị cũng đừng thắc mắc rằng, chuyện củ khoai đơn giản này có liên quan gì đến cái Huân chương Tổng thống? Dạ có, có liên quan! Vì vậy nên chúng tôi xin phép ngắn gọn đôi dòng nói về cái món lương thực cơ bản, được coi là không thể thiếu của người dân xứ Đức này. Họ định nghĩa nó là Grundnahrung (thực phẩm căn bản). Củ khoai tây thuộc nhóm thực phẩm lâu đời bậc nhất trên thế giới. Hơn 5000 năm trước công nguyên đã có mặt nó và củ khoai tây từng mang tên là “vàng của Inka”. Nó đã có mặt tại Nam Mỹ, vùng cao nguyên Anden, bây giờ là địa phận của Peru và Bolivien. Vào thế kỷ thứ 16 những người Tây Ban Nha đến đây tìm vàng đã gặp loại khoai này và họ mang về Âu Châu như một món quà để dâng lên đức Vua. Rồi từ Tây Ban Nha nó lần mò đi sang Đức, nhưng dân Đức lúc đó rất thờ ơ với nó.

Mãi đến thời vua Friedrich dem Zweiten von Preußen (1712 – 1786) trước nạn đói vô phương cứu chữa vua đã khuyến khích dân ăn loại củ này vì nhận thấy nó có nhiều chất dinh dưỡng lại no lâu. Sau đó vua hạ lệnh quân đội và nhân dân trồng loại khoai này khắp nơi. Vậy củ khoai đã di dân từ vùng cao nguyên cao bốn, năm ngàn mét tại Nam Mỹ đến các đồng bằng của nước Đức. Tất nhiên là dân chúng thuở ấy chỉ có thể ăn thuần khoai tây để mong được no bụng (giống như ở nước ta có thời chỉ ăn cơm độn với nước muối, hay khá hơn thì chan thêm chút nước mắm hoặc nước

tương, kèm trái ớt hiểm) chứ không phải như bây giờ ăn kèm cá thịt hay thức ăn.

Chắc ai cũng biết bức tranh nổi tiếng của họa sĩ Van Gogh vẽ vào năm 1885 mang tên “Những người ăn khoai”. Van Gogh vẽ cảnh 5 người trong gia đình ngồi quây quần nhưng trên bàn ăn chỉ thấy độc nhất một đĩa khoai.

Bây giờ, vào thế kỷ 21 này ở các nước Tây phương, như nước Đức này, nạn đói thực phẩm không còn nữa. Nhưng không, thưa quý vị, chúng ta vẫn đang đói! Chúng ta đói về niềm tin, chúng ta đói về lương tâm, chúng ta đang đói về sự đồng cảm. Chúng ta đang đói mặt với “một nền văn hóa dửng dưng”. Rất nhiều người trong chúng ta đã dửng dưng quay mặt khi nhìn thấy đồng loại gặp hoạn nạn. Dửng dưng trước nỗi buồn, niềm vui hay lo lắng của những người chung quanh. Rất nhiều người trong chúng ta cứ phớt lờ xả rác ny lông hay phí phạm tài nguyên thiên nhiên trong khi địa cầu của chúng ta đang bị hâm nóng, băng giá đang tan dần, thiên tai tràn khắp; phớt lờ nhìn địa cầu run rẩy, biển cả thét gào.

Xã hội văn minh Tây phương đang cần một loại thực phẩm tinh thần khác để cứu đói. Cần một cách bức thiết! Củ khoai tây lưu lạc đi từ Nam Mỹ về đến Đức, phải trải qua hơn 200 năm dài thì dân chúng mới nhận ra công dụng của nó; kể từ khi vua Friedrich đệ nhị lên ngôi năm 1740 nhìn thấy sự hữu ích của nó nên đem ứng dụng để cứu những cái bao tử trống rỗng đang chờ chết của dân chúng Đức thời đó. Chúng tôi không biết rõ là củ khoai tây phải cần tiếp thêm bao nhiêu năm nữa mới chiếm lĩnh được vị trí độc tôn trong nhà bếp Đức như hiện nay.

Nhưng thưa quý vị, có một điều chúng tôi biết rất rõ. Chúng tôi biết rõ là Phật Giáo Việt Nam chúng ta, với tinh hoa của một món ăn tinh thần bắt nguồn từ giáo lý Phật Đà vi diệu, chỉ sau một thời gian ngắn đã bắt đầu đâm chồi nảy lộc, hội nhập vào đời sống văn hóa tại đây. Phật pháp đã nhẹ nhàng chạm khê vào trái tim và cái đầu của người dân xứ sở Đức quốc này.

Còn nhớ trong một bài viết rất tình cảm trên báo Viên Giác có tên “Những Chiếc Bao Ny-lông Trôi Theo Dòng Đời” của đạo hữu Thị Minh có kể lại kỷ niệm với Hòa Thượng Như Điển ngày mới chân ướt chân ráo đến xứ Đức này. Thầy đã cùng mấy anh em sinh viên du học lúc ấy thành lập Hội Sinh Viên & Kiều Bào Phật Tử VN tại CHLB Đức vào mùa hè năm 1978. Sau phiên họp thành lập Hội Phật Tử xong, mấy thầy trò hào hứng kéo nhau đi dạo vườn hoa Herrenhausen ở thành phố Hannover này. Họ bắt gặp và nói chuyện với bà công chúa con gái hoàng đế Wilhelm đệ nhị của nước Đức là bà Prinzessin Viktoria Luise von Preußen. Bà công chúa nhìn thấy Hòa Thượng mặc y phục lạ nên thắc mắc, khi biết Thầy là một tu sĩ Phật Giáo bèn hỏi: „Wo ist denn Ihr Gotteshaus in Hannover? – Vậy Giáo đường của Thầy ở đâu tại thành phố Hannover này”. Mấy anh em sinh viên Việt Nam lúc ấy đều hãnh diện về căn hộ mới thuê được, hợp với túi tiền, nên trả lời là: số nhà 37 đường Kestnerstr. Bà ta quá đỗi ngạc nhiên, không biết ở đó có một Giáo đường khi nào, và ở đâu? Xin thưa, cái gọi là “Giáo đường” của PGVN chúng ta lúc đó là một căn hộ nhỏ xíu, dưới 50 mét vuông vừa mới thuê được. Căn hộ rất cũ này có hai phòng, cũng là chỗ Thầy ở, được Thầy diễn tả trong một bài viết rằng: mùa đông ngồi ở trong nhà cảm thấy còn lạnh hơn ở ngoài trời.

Như vậy đó! Phật Giáo Việt Nam đã bắt đầu xây những viên gạch đầu tiên ở xứ này như vậy đó. Và miệt mài ròng rã khổ cực như vậy suốt 43 năm qua. Bây giờ chúng ta đang ngồi đây ngay giữa mùa đông giá lạnh, tháng 12/2021 trong ngôi chánh điện sáng sủa ấm áp như thế này đây, có ai nghĩ tới căn hộ lạnh lẽo và ẩm mốc ngày xưa? Ai không biết chứ tôi biết ít nhất có một người nghĩ tới. Có ai đoán biết được người đó là ai không? Đó là Ông Steinmeier, Tổng thống của CHLB Đức.

Nói vậy để chúng ta cùng nhắc nhau hiểu rõ hơn về sự kiện đặc biệt của ngày 8/12 năm nay. Tổng thống Cộng Hòa Liên Bang Đức đã cứu xét và quyết định trao tặng Huân chương Danh dự Quốc gia Hạng nhất cho Hòa Thượng Thích Như Điển. Huân chương này cũng đã từng trao cho một số người khác. Họ là các trí thức, các nhà hoạt động xã hội, các văn nghệ sĩ, các vận động viên thể thao... có công đóng góp vào những giá trị văn hóa, kinh tế, xã hội... cho đất nước này. Gần đây vào tháng 3 năm 21 Tổng thống Đức cũng trao huân chương cho ông bà bác sĩ Sahin và Türeci, là hai người thành lập hãng BioNTech và phát minh, điều chế thuốc chích ngừa Covid, đã cứu không biết bao nhiêu sinh mạng trên thế giới.

Cũng xin phép được nhắc thêm một chi tiết khác rất quan trọng để cùng nhớ. Khi triết gia Arthur Schopenhauer (1788-1860) mang giáo lý Phật Đà vào truyền bá tại nước Đức vào những năm cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, ông chỉ có thể giảng dạy Phật pháp giới hạn giới trí thức trong các học viện, ở các môi trường đại học. Để ý kỹ ta cũng sẽ thấy, cả về mặt ngôn ngữ cũng có khác. Thời ấy người ta không gọi ông là “Phật tử - Buddhisten” như chúng ta hôm nay (hoặc chưa có chữ đó), mà gọi ông là “Buddhaisten

- Người đi theo Phật”. Ở trước chúng tôi có nói đến hai từ “trái tim và cái đầu” khi nhắc đến sự hội nhập của Phật giáo Việt Nam trên nước Đức. Hai trăm năm trước triết gia Schopenhauer đã giảng dạy Phật pháp ở xứ này, nhưng quần chúng bình dân vẫn xem Phật giáo như là một sưu tập lạ lẫm đặt trong khung kiếng trưng bày. Nghĩa là chỉ dừng lại ở cái đầu mà chưa đến với trái tim. Từ đầu thập niên 70, đồng thời với làn sóng tỵ nạn Việt Nam của chúng ta, Phật giáo Việt Nam đã xuất hiện trong xã hội Đức như một người láng giềng thân thiện, không còn nét xa lạ nữa. Đã có rất nhiều người Đức đủ mọi tầng lớp bắt đầu tiếp xúc với Phật giáo và tu học Phật pháp như chúng ta.

Kính thưa quý vị!

Do vậy, điều đặc biệt đáng để chúng ta nói hôm nay; và chúng ta sẽ nói, sẽ nhắc hoài với nhau để nhớ; cũng là điều để nói với cộng đồng Phật giáo cùng khắp năm châu là: Đây là lần đầu tiên Huân chương Danh dự Quốc gia Hạng nhất của nước Đức này được trao cho một người Phật tử, và vị ấy lại là một vị Sư người Việt Nam. Quý vị có biết vị ấy là ai không? Vậy, xin hỏi quý vị Phật tử VN chúng ta hôm nay ở đây: Như vậy có đáng hãnh diện cho chúng ta không?

Khi chính quyền Liên bang Đức quyết định trao Huân chương Danh dự Quốc gia Hạng nhất cho một Tăng sĩ Phật giáo là Hòa thượng Thích Như Điển, thì ngay thời điểm đó mặc nhiên họ đã công bố một thông điệp mới, trong bối cảnh một nền văn hóa Đức vốn đức tin Cơ Đốc Giáo là nền tảng chính thống nhiều đời ở xứ này. Thông điệp gì? *Rằng, từ đây nước Đức đã chính thức xếp các món lạ như: Pháp hỷ thực, Thiền duyệt thực... cho đến Giải thoát*

thực của Phật giáo chúng ta vào thực đơn tri thức trí tuệ, kể bên các món ăn văn hóa, tinh thần truyền thống của dân tộc Đức hôm nay. Sự hiện hữu của Phật giáo Việt Nam ở xứ này từ đây được xem là đương nhiên, hiện diện để góp phần nuôi dưỡng nguồn mạch tâm linh, tư tưởng cho cả nước Đức trong bước ngoặt nhân tâm khủng hoảng, niềm tin lung lạc như hiện nay.

Thưa liệt quý vị,

Hòa Thượng Thích Như Điển trong buổi lễ tiếp nhận Huân Chương từ tay Thị Trưởng Thành Phố Hannover, ông Belit Onay tại sảnh đường Mosaik của Tòa thị chính thành phố hôm 8/12 đã phát biểu trong diễn văn đáp từ trước ông thị trưởng, các quan khách và báo chí như sau:

Chúng tôi nghĩ rằng trong vườn hoa tôn giáo của xứ Đức này nói riêng hay Âu Châu nói chung đều xuất phát từ Thiên Chúa Giáo, Chánh Thống Giáo và Tin Lành Giáo. Rồi qua nhiều năm tháng được tô thắm thêm với các tôn giáo khác như Do Thái Giáo, Hồi Giáo v.v... Những Tôn Giáo này đã đóng góp vào nền văn minh của nhân loại như những bông hoa cẩm chướng, hoa cúc, hoa hồng, đã trở bông thơm ngát trong vườn hoa tâm linh tại những xứ sở này. Nay chúng tôi là những người Phật Tử tha hương, không phải chỉ lo về vấn đề kinh tế hay giáo dục, mà hai chữ Tự Do rất quan trọng; nên chúng tôi phải rời bỏ quê hương Việt Nam của mình và đến đây. Nhân dân Đức đã đón tiếp giúp đỡ chúng tôi ở nhiều phương diện khác nhau. Do vậy xin đáp đền ân nghĩa đó bằng cách mang thêm một loài hoa mới từ Á Châu đến đây. Đó là hương thơm của loài hoa sen để góp thêm vào vườn hoa tâm linh của Quý Vị đang hiện có... (Diễn văn mà văn vẻ đẹp như thơ, phải không?)

Thưa quý vị! Đúng vậy! Những đóa sen ấy đã nở rộ và tỏa hương ở xứ này. Sắc hương tinh khiết của loài hoa mới này góp phần tô điểm thêm cho vườn hoa truyền thống văn hóa lâu đời, từng được mệnh danh là xứ sở của những triết gia, của những đại văn hào và những nhạc sư thượng thừa, những bậc thầy của nhân loại.

Kính thưa Hòa Thượng Phương Trượng,

Kính bạch Thầy,

Hàng Phật tử chúng con từ lâu nay đã học được những bài giáo lý thâm diệu mà Thầy đã dạy qua các khóa tu, các thời pháp, qua sách vở Thầy đều đặn siêng năng viết để lại cho đời. Nhưng trên tất cả, chúng con học được bài học thân giáo từ Thầy. Bài học tinh tấn tu tập bất kể tiết trời mưa nắng, bất kể bệnh tật chướng duyên. Bài học từ bi hỷ xả. Bài học bi trí dũng. Rồi hôm nay, khi nhận được Huân chương cao quý từ Tổng thống Đức, Thầy cũng không hề kể đến thành tích cá nhân của mình mà nói đơn giản là “Niệm Tứ Trọng Ân”. Ân Cha Mẹ, Ân Thầy Bạn, Ân Quốc Gia, Ân Chúng Sanh. Bài học “tri ân” này chúng con xin nguyện ghi nhớ.

Bởi vậy hôm nay con xin phép sẽ không chúc mừng riêng Thầy khi tiếp nhận Huân chương. Vậy chúc mừng ai? Thưa: Chúc mừng tất cả chúng ta, tất cả chúng con! Và cả hội chúng chúng con hôm nay cũng xin chúc mừng cho Phật giáo Việt Nam nói riêng và Phật giáo Âu châu nói chung. Hôm nay trong hội chúng này còn có mặt Ni Sư Jampa Tsedroen (tức giáo sư tiến sĩ Carola Roloff của đại học Hamburg) và Ông Nils Clausen là Hội trưởng Liên Hội Phật Giáo Đức DBU. Họ vượt qua nỗi lo virus Covid biến chứng, lặn lội từ xa đến đây trong mối thâm tình đạo vị của

những người con Phật dù khác chủng tộc màu da để góp chung niềm vui ấy với Phật giáo Việt Nam chúng ta. Chúng con cũng xin chúc mừng họ luôn! Wir gratulieren Euch auch!

Chúng con rất hạnh diện và tri ân người đi gieo những hạt giống này. Người ấy là Thầy, Hòa Thượng thượng Như hạ Điển.

Cuối cùng, con xin được phép đại chúng thưa thêm một câu riêng với Thầy: *Con đoán chắc rằng triết gia Schopenhauer cũng đang có mặt ở đây hôm nay. Ông cụ rất vui và nói: Ich bin ganz stolz auf Sie. Tôi cũng biết ơn Thầy Như Điển lắm!*

Xin cung kính cảm ơn chư Tôn Đức và quý Pháp hữu đã lắng nghe.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nguyễn Đạo

Viên Giác Hannover - 12/12/2021

THUYẾT TRÌNH 2:
QUÊ HƯƠNG GIỮA
HÔM QUA VÀ NGÀY MAI

*Bài thuyết trình 2 trong Lễ Niệm Tứ Trọng Ân
của Tiến sĩ Thiện Trí Olaf Beuchling.*

*Bác sĩ Thị Minh Văn Công Trâm dịch và đọc
tại Chùa Viên Giác ngày 12/12/2021.*

Kính bạch Thầy,

Kính thưa chư Tôn đức Tăng Ni,

Kính thưa chư quan khách và quý Phật tử.

Đã hơn hai năm rưỡi trôi qua, kể từ khi chúng ta gặp nhau ở đây để kỷ niệm sinh nhật lần thứ 70 của Hòa thượng Phương trượng ngôi đạo tràng trang nghiêm này. Vào buổi chiều và tối trước ngày Lễ chính thức, đã có một cuộc hội thảo về Tình hình Phật giáo ở phương Tây ở hội trường chùa, có sự tham dự của hàng trăm Tăng Ni và tín đồ Phật tử khắp thế giới.

Hai chúng tôi (Văn Công Tuấn và Olaf Beuchling) đã có vinh dự là hai Phật tử tại gia duy nhất thuyết trình về đề tài „Phật Giáo Toàn Cầu Hóa”.

Nội dung bài thuyết trình chúng tôi đã đề cập đến vấn đề toàn cầu hóa của Phật giáo Việt Nam và vai trò của Hòa thượng Thích Như Điển trong công trình đưa Phật giáo Việt Nam đến quê hương thứ hai tại Đức.

Cuối bài thuyết trình, chúng tôi đã nhận định như sau về Hòa Thượng: (Trích Đặc San Văn Hóa Phật Giáo năm 2019, trang 535)

Trong nhãn quan ấy, hướng về một con người đã dành trọn đời mình cho việc thành lập Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức quốc, người đã thiết kế một cuộc hội nhập rất thành công của không biết bao nhiêu Phật Tử Việt Nam trên trú xứ này, thiết tưởng đã từ lâu chính quyền liên bang Đức nên trao tặng cho Hòa thượng giải thưởng danh dự của nước Đức: der Bundesverdienstkreuz. Ở nước Đức, đây là giải thưởng cao quý duy nhất của chính phủ. Giải thưởng này có nhiều hạng, được trao cho những vị có thành tích xuất sắc trong các lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa hay tinh thần hoặc người có nhiều hoạt động thiện nguyện. Đến nay Hòa thượng Như Điển chưa nhận giải thưởng này bởi lẽ chưa có ai đề nghị với chính quyền. Nhưng những đóng góp của Hòa thượng đối với Phật Giáo, và những đóng góp cho tiến trình hội nhập của người Việt tỵ nạn, cộng thêm những đóng góp tích cực cho việc thiết kế một hình dạng chung sống hòa bình đa văn hóa ở nước Đức - Thiết tưởng chỉ chừng ấy cũng đã quá xứng đáng.

Nhận định này được chúng tôi phát biểu ra vì ngạc nhiên và cũng là một lời phê bình nhắc nhở. Nhưng tôi nghĩ, thay vì phê bình nhắc nhở thì mình tự bắt tay làm, vẫn hơn. Vì vậy tôi (Olaf Beuchling) nhân một cuộc du khảo đến thủ đô Berlin đã trao đổi với một nhân viên hữu trách của Văn phòng Phủ Tổng thống Liên bang về thủ tục đề xuất nhận Huân chương. Khi quay về nhà ở Hamburg tôi bắt tay vào việc gom góp các dữ kiện cuộc đời và hành trạng của Hòa Thượng, tổng cộng được 11 trang giấy.

Trong phần tóm tắt lý do đề xuất chúng tôi có viết:

Nhân vật chúng tôi đề xuất là Hòa thượng Thích Như Điển (thế danh Lê Cường) là một tu sĩ Phật giáo, gốc từ Việt Nam, đã sinh sống và làm việc tại Đức trên 40 năm nay.

Trong suốt quá trình này, Hòa thượng đã có những đóng góp to lớn vào việc hội nhập của cộng đồng người Việt nhập cư tại CHLB Đức bắt đầu từ cuối những năm 1970. Ngài đã làm phong phú thêm vào đời sống văn hóa của đất nước này bằng cách xây dựng một cộng đồng Phật giáo lớn nhất; Các việc làm của Ngài đã tác động và góp phần quan trọng vào những cuộc đối thoại và tạo nguồn cảm thông giữa các nền văn hóa. Là một tu sĩ được đào tạo toàn diện, Ngài là một bậc Tăng tài Phật giáo nổi tiếng vào hàng quốc tế tại xứ Đức.

Ngài là một bậc Thầy trong đạo, sống đời mẫu mực từ trong lời nói cho đến hành động, là một biểu hiện của sự thẩm định các giá trị căn bản của dân chủ và tự do. Do vậy chúng tôi nhận thấy rằng, chúng ta cần phải vinh danh những thành tựu đáng kể của một nhân cách xuất sắc này trong lãnh vực tôn giáo và giao lưu văn hóa trong suốt 40 năm qua. Ngài xứng đáng nhận Huân chương cao quý của CHLB Đức. (Trích Lời đề bạt ký ngày 22.,9.2019)

Chúng tôi cũng gửi kèm theo những hình ảnh lúc Hòa thượng tiếp đón Ngài Đạt Lai Lạt Ma, hình ảnh cuộc tiếp xúc với tiến sĩ Ernst Albrecht, hình ảnh lúc chùa Viên Giác đã xây xong.

Thời gian ngắn sau đó, đại dịch Corona bùng phát làm xáo trộn mọi sinh hoạt thường nhật của cả nhân loại trên toàn thế giới. Chắc chắn là cuộc khủng hoảng lịch sử này đã làm trì hoãn quyết định tặng thưởng Huân chương này.

Hơn một năm sau, chúng tôi thăm dò thì cuối cùng văn phòng Thủ hiến tiểu bang Niedersachsen báo tin qua văn thư ngày 23.09.2021 rằng:

Ngài Tổng thống Liên Bang Đức Quốc đã dựa theo đề nghị của Thủ hiến tiểu bang Niedersaschsen quyết định trao tặng Huân chương Hạng nhất của Cộng Hòa Liên Bang Đức đến Hòa thượng Thích Như Điển (...). Với lời đề xuất tiến cử của ông, ông đã có những hỗ trợ đáng kể để giúp đỡ chúng tôi vinh danh một công dân xứng đáng của tiểu bang Niedersachsen. Tôi trân trọng cảm ơn ông về điều này. (Thư của Chánh văn phòng phủ Thủ hiến ngày 23.09.2021).

Nếu chúng ta chịu khó lục tìm danh sách những người đã nhận Huân chương Hạng nhất này, quý vị sẽ thấy trong số họ là những khoa học gia, chính trị gia, nghệ sĩ hay doanh nhân từng tạo ra những ảnh hưởng, và những công trạng kể từ khi thành lập Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Hòa thượng Thích Như Điển là người Việt Nam đầu tiên tiếp nhận Huân chương hạng nhất. Kế bên đông đảo các nhà Thần học, tu sĩ Cơ đốc giáo thì Hòa thượng Như Điển là một chức sắc của Phật giáo đầu tiên được Tổng thống Liên bang trao tặng giải thưởng danh giá này. Đây là một biểu tượng, không phải chỉ xác định rằng Phật Giáo Việt Nam đang hiện diện ở xứ Đức này mà sự hiện diện ấy còn được đánh giá rất cao quý.

Phật Giáo Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển và sẽ có một vị trí xứng đáng trong những năm tới, điều kiện tiên quyết là phải làm sao cho nó phải nổi bật. Đã có rất nhiều Tăng và Ni của Phật Giáo Việt Nam có trình độ học vấn cao, tinh thông nhiều ngôn ngữ, họ

đã hỗ trợ nhau trên bình diện cả thế giới. Đó chính là một tấm gương điển hình cho việc hội nhập thành công.

Mọi việc được bắt đầu như một câu chuyện thần thoại:

Có một nhà sư trẻ từ Nhật Bản lạc bước đến Đức, bởi vì thấy không thể quay về quê hương Việt Nam của mình được. Tại quê hương mới này thầy đã sắp xếp con đường tương lai cho chính mình và cả cho một cộng đồng người Việt, lúc ấy còn rất bé nhỏ. Với sự hỗ trợ của những người Phật tử Việt Nam và những người bạn Đức có tinh thần, họ đã tạo dựng nên một cộng đồng Phật giáo Việt Nam vững mạnh ngày hôm nay.

Huân chương Hạng nhất của Chính phủ Liên Bang được trao tặng hôm nay quả thật rất xứng đáng với những thành tích đó.

Kính bạch Thầy,

Kính thưa Đại chúng,

Là một trong những đệ tử tại gia của Thầy (pháp danh Thiện Trí), con vô cùng vui mừng, sau 20 năm biết Thầy, con đã có thể đóng góp chút công mọn trong việc đề bạt chính phủ công nhận các Phật sự to tát của Thầy.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

* Dr.Olaf Beuchling, pháp danh Thiện Trí,

Giáo sư ngành Giáo dục Xã hội tại IBA Hamburg

* Dr.med. Văn Công Trâm, pháp danh Thị Minh,

chuyển dịch và thay mặt đọc trong buổi lễ (Đức & Việt).

LỜI CHÚC MỪNG



Đại Lão Hòa Thượng thượng Như hạ Thọ, Trưởng môn phái Lâm Tế Chúc Thánh, tuy đã cao niên lập trường (94 tuổi), từ chốn Tổ đình Đà Nẵng Việt Nam đã ghi lời chúc mừng đến Hòa thượng Thích Như Điển.

Tuệ đăng chiếu diệu

Nhục thể khương hòa

Hiển danh Chúc Thánh đạo hoa

Xán lạn Long Tuyền mạch hảo

慧 燈 照 妙

肉 體 康 和

顯 名 祝 聖 道 華

燦 爛 龍 泉 脈 好

Ghi chú:

Chi tiết về các buổi lễ và toàn bộ các Lời Chúc Mừng xin xem thêm ở: <https://quangduc.com/> hoặc <https://viengiac.info/>

TỔ ĐÌNH SẮC TỬ VU LAN

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Tại quê nhà, tôi được biết Hòa thượng viện chủ chùa Viên Giác (Hannover, Đức Quốc) được Tổng Thống Chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức, Frank – Walter Steinmeier ký quyết định trao tặng:

HUÂN CHƯƠNG QUỐC GIA HẠNG NHẤT

Nghe tin, tôi rất mừng cho Tông phong Chúc Thánh, cho Sơn môn Viên Giác – Hội An đã có một bậc tăng tài ưu tú, nỗ lực tinh tấn phát triển ngôi nhà Phật giáo Việt Nam thông qua việc truyền tải tinh thần Đạo pháp không chỉ đối với cộng đồng người Việt mà còn biết bao người dân Đức Quốc, xứng đáng với bốn chữ “*Thượng Cầu Phật Đạo - Hạ Hóa Quần Sinh*”.

Tuổi tôi cũng sắp về hầu Phật, khó mà có thể gặp trực tiếp để tán thán đến Hòa thượng, nay tôi chỉ viết vài dòng ngắn ngủi để bày tỏ tấm lòng hoan hỷ đến niềm vinh hạnh này.

Kính chúc Hòa thượng:

*Tuệ đặng chiếu diệu,
Nhục thể khương hòa.
Hiển danh Chúc Thánh đạo hoa,
Xán lạn Long Tuyền mạch hảo.*

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát!

Đà Nẵng, ngày 02, tháng 10, năm 2021.

Phụ tá Tổ Đình Sắc Tử Vu Lan



Lão nạp Thích Như Thọ

Tổ đình Viên Giác

Karlsruher Str. 6

30519 Hannover – GERMANY

Tel. 0511 / 879630 – Fax 0511 / 87 941 200

Homepage: ***<http://www.viengiac.de>***

E-mail: todinh@viengiac.info

BÀN VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA
TÔN GIÁO, GIÁO DỤC
VÀ VĂN HÓA



ISBN 978-1-0881-6992-6



9 781088 169926